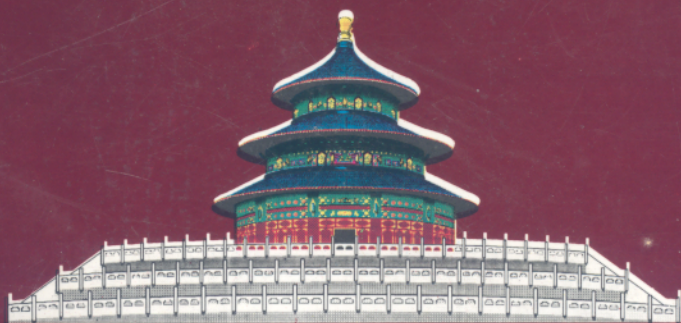


LÂM HÁN ĐẠT
TÀO DƯ CHƯƠNG

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LÂM HÂN ĐẠT, TÀO DU CHUONG

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC
NĂM NGÀN NĂM

TẬP II

NGƯỜI DỊCH · TRẦN NGỌC THUẬN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

93- CHU DU ĐÁNH HOẢ CÔNG Ở XÍCH BÍCH

Sau khi dẹp yên miền Bắc, năm 208 Tào Tháo đem đại quân xuống miền Nam đánh Lưu Biểu. Binh mã Tào Tháo chưa tới Kinh Châu, Lưu Biểu đã ốm chết. Con Lưu Biểu là Lưu Tông nghe nói thanh thế quân Tào lớn mạnh thì sợ hãi rụng rời, vội cử người đến xin hàng.

Lúc đó, Lưu Bị đang giữ Phàn Thành (nay là thành phố Tương Phàn, Hồ Bắc), nghe tin quân Tào tiến đánh, liền lui về Giang Lăng (nay là Giang Lăng, Hồ Bắc). Dân chúng Kinh Châu thấy Lưu Bị đối đãi tốt với dân, liền tình nguyện cùng đi theo quân Lưu Bị.

Tào Tháo đến Tương Dương, nghe tin Lưu Bị rút về Giang Lăng lại dò biết ở đó có kho lương lớn của Lưu Biểu, sợ Lưu Bị chiếm mất nên dẫn năm ngàn khinh kỵ đuổi gấp. Quân mã của Lưu Bị phải đem theo vũ khí trang bị nặng nề, lại phải hộ tống hơn mười vạn dân đi theo, nên mỗi ngày chỉ đi được hơn mười dặm. Kỵ binh của Tào Tháo mỗi ngày đêm đi được ba trăm dặm, nên rất nhanh chóng đuổi kịp Lưu Bị ở dốc Dương Dương

Trường Bản (nay ở Đông bắc huyện Dương Dương, Hồ Bắc).

Quân Lưu Bị bị kỵ binh Tào Tháo chia cắt, đánh tan tã, may nhờ có Trương Phi chặn được ở dốc Trường Bản, nên Lưu Bị và Gia Cát Lượng mới đem được một số ít quân thoát khỏi quân truy kích. Nhưng đường về Giang Lăng đã bị quân Tào án ngữ, Lưu Bị đành lui về Hạ Khẩu (nay là thành phố Vũ Hán, Hồ Bắc).

Tào Tháo chiếm được Giang Lăng, liền tiến quân men theo Trường Giang về phía Đông, gần tới Hạ Khẩu. Gia Cát Lượng nói với Lưu Bị: "Tình hình rất nguy cấp, chỉ còn một cách cầu cứu Tôn Quyền".

Vừa may lúc đó Tôn Quyền cũng sợ Tào Tháo chiếm mất Kinh Châu, nên phái Lỗ Túc đến tìm Lưu Bị bàn việc liên hiệp chống Tào. Gia Cát Lượng liền cùng Lỗ Túc đến Sài Tang (nay ở Tây nam Cửu Giang, Giang Tây) gặp Tôn Quyền.

Khi yết kiến Tôn Quyền, Gia Cát Lượng nói: "Nay Tào Tháo đã chiếm được Kinh Châu, đang chuẩn bị đánh Đông Ngô. Nếu tướng quân quyết tâm chống lại thì nên sớm đoạn tuyệt quan hệ với Tào Tháo, và liên hợp với chúng tôi; nếu không thì thà hàng quách Tào Tháo. Lúc này mà còn do dự thì tai họa đến nơi, không còn kịp đối phó nữa".

Tôn Quyền hỏi lại: "Thế tại sao Lưu Bị không đầu hàng Tào Tháo đi?"

Gia Cát Lượng nghiêm chỉnh nói: "Lưu tướng quân là dòng dõi nhà Hán, có tài đức trù đời, sao có thể cúi đầu hàng phục Tào Tháo được?"

Tôn Quyền nghe Gia Cát Lượng nói thế, bị kích động, cũng nói: "Ta cũng không thể đem đất đai Giang Đông và mười vạn quân mã biếu không cho kẻ khác. Nhưng Lưu tướng quân vừa thua trận, làm sao chống lại được Tào?"

Gia Cát Lượng nói: "Xin tướng quân yên tâm. Tuy Lưu hoàng thúc mới thua trận, vẫn còn hai vạn thủy quân. Quân Tào tuy đông nhưng từ xa đến đã rất mệt mỏi. Vả lại, quân miền Bắc không quen thủy chiến, dân Kinh Châu không tuân phục chúng. Nếu chúng ta đồng tâm hiệp lực thì nhất định đánh thắng được chúng."

Nghe Gia Cát Lượng phân tích, Tôn Quyền thấy vững tâm, phấn khởi, liền lập tức triệu tập tướng lĩnh, bàn cách đánh quân Tào.

Đúng lúc đó, Tào Tháo gửi chiếu thư tới. Thư viết: "Ta phụng mệnh hoàng đế, đem quân Nam chinh. Nay trong tay ta có tám mươi vạn binh hùng tướng mạnh, sẵn sàng độ sức với tướng quân".

Tôn Quyền đưa thư cho các quan xem. Đại đa số đều hoảng sợ, không biết nói sao.

Trương Chiêu là đại thần kỳ cựu nhất của Đông Ngô, nói: "Tào Tháo dùng danh nghĩa thiên tử đem quân thảo phạt. Nếu chúng ta chống lại, là thua về lý. Vả lại, xưa nay chúng ta vẫn dựa vào sự hiểm trở của Trường Giang, nay ưu thế đó không còn nữa. Tào Tháo đã chiếm được Kinh Châu, có hàng ngàn chiến thuyền. Chúng tiến đánh theo cả hai đường thủy bộ thì ta chống đỡ sao nổi. Vì vậy, theo thiên ý, ta chỉ còn có cách đầu hàng thôi."



Trương Chiêu nói xong, có rất nhiều người phụ hoạ theo. Chỉ có Lỗ Túc im lặng, lạnh lùng nghe, không nói một lời.

Tôn Quyền thấy thế rất bức dọc, bỏ cuộc họp đi ra ngoài. Lỗ Túc liền ra theo. Tôn Quyền kéo tay Lỗ Túc hỏi: "Tiên sinh thử nói xem, nên thế nào bây giờ?"

Lỗ Túc nói: "Ý kiến bọn Trương Chiêu vừa rồi không thể nghe theo được. Nếu nói chuyện đầu hàng thì Lỗ Túc này đầu hàng còn được chứ tướng quân sao có thể làm như thế. Bởi vì nếu đầu hàng thì Túc này có thể bỏ về quê, giao du với các danh sĩ, gặp cơ hội còn có thể làm quan cấp châu, quận. Còn nếu tướng quân đầu hàng, thì sáu quận Giang Đông này đều rơi vào tay Tào Tháo, tướng quân còn biết đi đâu?"

Tôn Quyền thở dài nói: "Lời của mọi người vừa rồi, thật khiến Quyền này vô cùng thất vọng. Chỉ có lời tiên sinh mới hợp ý ta".

Tan họp, Lỗ Túc khuyên Tôn Quyền triệu ngay Chu Du đang ở Phiên Dương về để bàn bạc.

Chu Du về đến Sài Tang, Tôn Quyền lại triệu tập các quan văn võ lại họp bàn. Trong cuộc họp, Chu Du khẳng khái nói: "Tào Tháo về danh nghĩa là Thừa tướng triều Hán, nhưng thực tế là gian tặc triều Hán. Lần này hắn đến đây là tự tìm lấy cái chết. Sao có thể đầu hàng hắn được". Tiếp đó, Chu Du phân tích cho mọi người rất nhiều điều bất lợi của Tào Tháo: Quân miền Bắc không quen thủy chiến, lại từ xa xôi tới một chiến trường lạ lẫm, thủy thổ không hợp, nhất định sẽ phát sinh tật bệnh. Binh mã tuy nhiều, nhưng không thể phát huy được tác dụng.

Nghe Chu Du phân tích, Tôn Quyền hết do dự, cả quyết đứng lên, rút phẳng bảo kiếm, chém sạt một góc bàn, rồi nghiêm nghị tuyên bố: "Ý ta đã quyết, ai còn nói đến chuyện đầu hàng thì sẽ như chiếc bàn này!"

Tối hôm đó, Chu Du lại một mình đến gặp Tôn Quyền nói: "Tôi đã cho quân do thám tìm hiểu rõ ràng, Tào Tháo hư trương thanh thế, nói là có tám mươi vạn quân, kỳ thực chỉ có hơn hai mươi vạn, trong đó lại có nhiều quân mới thu phục ở Kinh Châu, không thật lòng theo Tào. Chỉ xin tướng quân trao cho tôi năm vạn tinh binh, tôi bảo đảm đánh bại được hắn".

Hôm sau, Tôn Quyền phong Chu Du làm đô đốc, giao cho chỉ huy ba vạn thủy quân, hiệp lực với Lưu Bị cùng chống lại Tào Tháo.

Chu Du lĩnh binh tiến quân, gặp tiền quân của Tào Tháo ở Xích Bích (nay ở núi Xích Cơ, ở phía Tây huyện Vũ Xương, Hồ Bắc). Quả nhiên, đúng như dự liệu của Chu Du, quân Tào nhiều người không quen thủy thổ, đã phát sinh dịch bệnh. Hai bên trảm chán, tiền quân của Tào Tháo thua trận, buộc phải rút về bờ bắc Trường Giang. Chu Du dẫn quân đóng ở bờ Nam, hai bên đối diện ghìm giữ nhau.

Đúng như nhận định của Chu Du, binh sĩ quân Tào là người miền Bắc, không quen thủy chiến, mỗi khi gặp sóng gió, binh sĩ trên thuyền say sóng, không còn sức chiến đấu. Tào Tháo phải cho xích chặt các thuyền lại với nhau để thuyền đỡ chòng chành.

Hoàng Cái, bộ tướng của Chu Du thấy tình hình đó, liền hiến kế: "Quân Tào nhiều, quân ta ít, nếu tách riêng thuyền ra thì ta bất lợi, nay chúng đã liên kết cả

lại bằng xích sắt thì theo thiên ý của tiểu tướng, ta có thể dùng hoả công để đánh bại chúng".

Chu Du thấy đó là một ý kiến hay liền bàn với Hoàng Cái, sai Hoàng Cái viết một bức thư gửi sang cho Tào Tháo, xin tình nguyện rời bỏ Đông Ngô, đem chiến thuyền dưới quyền sang hàng Tào. Tào Tháo cho rằng trước lực mạnh của mình, các tướng lĩnh Đông Ngô dao động muốn hàng là điều tự nhiên, nên không để phòng gì.

Hoàng Cái sai binh sĩ chuẩn bị mười thuyền lớn, trên chất đầy củi nỏ và cỏ khô tẩm dầu, bên ngoài phủ vải che kín, cắm đầy cờ quạt. Lại chuẩn bị một số thuyền nhẹ, buộc sau thuyền lớn để khi phóng hoả thì chuyển người sang, xông pha chiến đấu.

Tháng mười một, đang mùa rét đậm, tiết trời bỗng chuyển sang ấm, gió nam nổi lên. Đêm đó, Hoàng Cái đem quân giương buồm trên mười thuyền lớn dẫn theo các thuyền nhỏ, đi như tên bắn ngược dòng Trường Giang tiến về phía thủy trại Tào.

Tướng sĩ quân Tào nghe tin đại tướng Đông Ngô dẫn chiến thuyền đến hàng, đều chen nhau đứng trên mũi thuyền trông ngóng. Không ngờ, chiến thuyền Đông Ngô cách thủy trại quân Tào khoảng hai dặm thì mười thuyền lớn dùng đèn đuốc bốc lửa. Lửa nhờ sức gió nhanh chóng bốc cao và như những con rồng lửa lao vào thủy trại Tào. Chiến thuyền quân Tào đã xích chặt vào nhau, trong lúc bối rối, không gỡ ra kịp nên lập tức bén lửa, bốc cháy. Chỉ trong chốc lát, mặt sông Trường Giang biến thành một biển lửa. Lửa từ thủy trại lan cả sang doanh trại trên bờ, khiến quân Tào vừa chết cháy, vừa

chết đuối, quang cảnh kinh hoàng tán loạn, không còn chỉ huy được nữa.

Thấy doanh trại Tào trên bờ bắc bốc cháy, Chu Du lập tức dẫn quân vượt sông tiến đánh mãnh liệt. Lửa cháy sáng rực, trống trận vang lừng, tiếng hô giết vang dội khiến quân Tào không biết đối phương có bao nhiêu quân, không còn dám chống đỡ, chỉ cuống quýt tìm đường tháo chạy.

Tào Tháo dẫn tàn binh bại tướng chạy về theo đường nhỏ Hoa Dung (nay ở Tây nam huyện Tiên Giang, Hồ Bắc). Con đường này rất chật hẹp lấy lợi, kỵ binh đi lại khó khăn. Tháo vội sai quân chặt cành cây và cắt cỏ lát đường rồi thúc kỵ binh liều mạng vượt qua. Vì vội vã, số binh lính làm việc lát đường bị ngựa dẫm chết, nằm la liệt trên đường.

Lưu Bị hiệp lực với Chu Du đem cả quân thủy và bộ đuổi riết tới tận Nam Quận (nay là Giang Lăng, Hồ Bắc). Mấy chục vạn đại quân Tào vừa chết bệnh, vừa chết trận mất quá nửa, số còn lại tan tác khắp nơi. Tào Tháo đành cử Tào Nhân, Từ Hoảng, Nhạc Tiến chia nhau giữ Giang Lăng và Tương Dương, còn mình dẫn tàn binh về Hứa Đô.

Qua đại chiến Xích Bích, cục diện phân chia ba nước đã cơ bản hình thành.

94- HOA ĐÀ TRỊ BỆNH

Tào Tháo đại bại ở Xích Bích, chạy về Hứa Đô, trong lòng buồn bã. Đúng vào lúc đó, đứa con nhỏ mà Tào Tháo yêu mến nhất là Thương Thư lại mắc bệnh nặng, tìm nhiều thầy thuốc chạy vẫn không có hiệu quả. Nhìn thấy đứa con sắp chết, Tào Tháo thương cảm than: "Nếu có Hoa Đà, thì con ta không phải chết sớm thế này".

Hoa Đà là một thầy thuốc nổi tiếng trong lịch sử y học Trung Quốc, là người đồng hương với Tào Tháo. Từ lúc trẻ tuổi, Hoa Đà đã thông lấu kinh truyện, đặc biệt là tinh thông y học. Dù gặp loại bệnh kỳ dị, khó khăn thế nào, nếu được Hoa Đà cứu chữa, thì tuyệt đại đa số trường hợp đều khỏi. Các quan lại địa phương cho tới thái úy trong triều, nghe danh tiếng của Hoa Đà, nhiều lần mời ra làm quan, nhưng ông đều từ chối.

Hoa Đà đoán bệnh vô cùng chuẩn xác. Có lần, hai viên quan bị nhức đầu phát sốt, lần lượt tìm tới xin Hoa Đà chữa trị. Hoa Đà xem bệnh cho hai người, cho một người đơn thuốc đi ngoài, một người đơn thuốc phát tán mồ hôi. Có người đứng cạnh thấy Hoa Đà cho hai đơn

thuốc khác nhau thì lấy làm lạ, liền hỏi tại sao bệnh tình giống nhau mà lại cho đơn thuốc khác nhau. Hoa Đà nói: "Triệu chứng bệnh tuy giống nhau nhưng thực chất căn nguyên bệnh lại khác nhau. Người trước do nguyên nhân bên trong, nên phải cho thuốc để tống chất độc ra theo đường tiêu hoá; còn người sau chỉ là do ngoại cảm, nên cho thuốc phát tán mồ hôi là khỏi"; Quả nhiên, hai viên quan uống thuốc, đều mau chóng khỏi bệnh.

Có một viên tướng họ Lý, mời Hoa Đà tới xem bệnh cho vợ. Hoa Đà tới, xem mạch nói: "Đây là do lúc mang thai bị tổn hại thân thể, cái thai còn lại trong bụng". Viên tướng nói: "Vợ tôi đã bị sảy thai, thai đã ra rồi mà!" Hoa Đà nói: "Theo chẩn đoán của tôi, thai còn ở trong bụng".

Viên tướng không tin. Sau khi Hoa Đà đi khỏi, hơn một trăm ngày sau, bệnh người vợ càng nặng thêm, lại phải mời Hoa Đà tới xem.

Hoa Đà nói: "Đúng là có một cái thai chết lưu. Nguyên là phu nhân có mang sinh đôi, một thai đã bị sảy, một thai vẫn còn trong bụng".

Hoa Đà liền cho thuốc kết hợp với châm cứu, quả nhiên làm thoát ra được một cái thai đã chết. Bệnh nhân nhanh chóng được bình phục.

Hoa Đà không những giỏi về nội khoa mà còn thành thạo cả giải phẫu ngoại khoa. Ông chế ra một loại thuốc tê gọi là "Ma phát tán".

Một bệnh nhân bị đau bụng dữ dội, mới qua mười ngày, râu tóc và lông mày rụng hết. Hoa Đà chẩn đoán nói: "Đó là do trong tuỷ tạng có viêm nhọt, phải mau



chữa trị". Hoa Đà cho bệnh nhân uống ma phát tán, rồi mổ khoang bụng, cắt bỏ phần bị hoại tử, rồi khâu bụng lại, dán thuốc cao. Bốn năm ngày sau, vết mổ liền lại, một tháng sau bệnh nhân bình phục.

Lịch sử còn ghi chép rất nhiều truyền thuyết về tài chữa bệnh của Hoa Đà. Như trường hợp có một viên thái thú bị bệnh, rất nhiều thầy thuốc chữa không khỏi. Hoa Đà xem bệnh thấy bệnh này chỉ có thể khỏi khi bệnh nhân lên cơn nóng giận dữ dội. Ông cố ý đòi thật nhiều tiền đặt trước, rồi cứ rề rà không cho đơn thuốc. Mấy ngày sau, ông đột nhiên bỏ đi, để lại một bức thư mắng mỏ viên thái thú là mắc bệnh như thế là đáng đời, mình làm mình chịu.

Thái thú quả nhiên nổi giận, cử người tìm bắt Hoa Đà. Người con của thái thú biết Hoa Đà có dụng ý, ngầm dẫn dò người nhà chó có bắt Hoa Đà. Thái thú nghe nói không bắt được Hoa Đà thì nộ khí xung thiên, uất quá thổ ra toàn máu đen. Ngờ đâu, sau khi thổ ra máu, bệnh tự nhiên khỏi.

Tào Tháo xưa nay có bệnh nhức đầu. Mỗi khi công việc bận rộn, đầu lại đau không chịu nổi. Nghe nói Hoa Đà chữa bệnh giỏi có tiếng, liền cho mời đến. Hoa Đà châm cứu mấy lần, bệnh nhức đầu ngừng hẳn. Tào Tháo không cho ông đi, mà lưu lại làm thầy thuốc trong nhà để chữa bệnh cho mình.

Hoa Đà thích chữa bệnh cứu người, không muốn bị giữ lại để chỉ khu khu ôm hòm thuốc phục vụ một mình Tào Tháo. Có lần, ông mượn cớ về thăm gia đình, luôn tiện lên núi tìm thuốc. Tào Tháo không nghi ngờ gì, để ông đi.

Hoa Đà về đến nhà, bảo người nhà viết một bức thư cho Tào Tháo, nói vợ ông mắc bệnh rất nặng, phải ở lại chăm sóc, không về ngay Hứa Đô được. Tào Tháo nhiều lần viết thư thúc giục, nhưng Hoa Đà vẫn lần lữa không đến. Tào Tháo lại ra lệnh cho các quan ở quận huyện đến tìm, Hoa Đà đều từ chối không đi.

Tào Tháo nổi nóng, liền phái sứ giả đến huyện Tiểu điều tra, và dặn sứ giả: "Nếu vợ Hoa Đà ốm thật thì tặng ông ta bốn mươi hộc (hộc - đơn vị đo dung lượng thời cổ, bằng mười đấu) lương và định thời hạn để Hoa Đà trở lại. Nếu Hoa Đà nói dối thì lập tức bắt đem về."

Kết quả Hoa Đà bị bắt giải về Hứa Đô. Tào Tháo cho rằng Hoa Đà dối trá, phạm vào tội đại nghịch vô đạo, liền ghép ông vào tội chết.

Mưu sĩ Tuân Húc cảm thấy hình phạt đó quá nặng, liền khuyên Tào Tháo: "Hoa Đà có y thuật rất cao minh, nếu giết ông ta thì thiệt thòi cho nhiều người, xin Thừa tướng xử phạt khoan dung".

Tào Tháo vốn cũng là người yêu chuộng nhân tài, nhưng từ sau khi đánh bại Viên Thiệu, bắt đầu có tính kiêu ngạo, lại đang cơn nóng giận, không chịu nghe lời Tuân Húc, hăm hăm tuyên bố: "Chẳng lẽ trong thiên hạ không còn có ai chữa bệnh giỏi như hấn ta hay sao?" Nói xong, liền sai giết ngay Hoa Đà.

Trong lúc Hoa Đà bị giam trong ngục, bên mình luôn có bộ sách y học quý do ông dựa vào bao năm kinh nghiệm để viết nên. Ông không ngờ mình lại bị ghép vào tử tội không có cách nào cứu vãn được. Nhưng lại tiếc bộ sách đã chứa đựng kiến thức và tâm huyết nhiều năm, nếu để mất đi thì thiệt thòi lớn cho đời. Trước ngày thụ hình, ông mời viên quan coi ngục đến nói: "Xin

ông hãy giữ gìn bộ sách này. Sau này có thể chữa bệnh giúp đời".

Nhưng viên quan coi ngục nhất gan, sợ tiếp nhận bộ sách đó, sau này Tào Tháo truy cứu thì sẽ bị liên lụy, nên nhất định không chịu nhận. Hoa Đà thất vọng, ngẩng lên nhìn trời than thở rồi xin ngục lại cho một mớ lửa, đốt cháy bộ sách quý đó trong ngục.

Sau khi Hoa Đà chết, Tào Tháo lại mắc bệnh nhưc đầu, nhưng không thấy thuốc nào chữa khỏi được. Song Tào Tháo vẫn không chịu nhận sai lầm, còn nói: "Tên Hoa Đà này cố ý không chịu chữa khỏi bệnh cho ta. Dù ta không giết hắn, cũng không mong gì hắn hết lòng vì ta". Mãi tới khi đứa con nhỏ là Thương Thu chết, Tào Tháo mới hết sức hối hận, nhưng đã muộn.

Hoa Đà chết, con cái và học trò ông vẫn tiếp tục chữa bệnh cứu người. Nhưng đáng tiếc là bộ sách vô giá của ông đã vĩnh viễn thất truyền.

95- LƯU BỊ VÀO ÍCH CHÂU

Sau trận Xích Bích, Chu Du lại mất hơn một năm nữa mới đánh đuổi được quân Tào ra khỏi Kinh Châu. Sau đó, giữa Lưu Bị và Tôn Quyền xảy ra chuyện tranh chấp Kinh Châu. Lưu Bị cho rằng Kinh Châu vốn là của Lưu Biểu, là người anh em đồng tộc với mình. Lưu Biểu chết đi thì Lưu Bị phải là người kế thừa. Nhưng Tôn Quyền cho rằng Kinh Châu là do mình chiếm lại được từ tay Tào Tháo, nên Kinh Châu phải thuộc về Đông Ngô. Vì Chu Du đã giao cho Lưu Bị cai quản một số đất đai ở Nam ngạn Trường Giang, nhưng Lưu Bị thấy vùng đất đó còn nhỏ hẹp quá, rất không vừa ý. Không lâu sau, Chu Du chết, Lỗ Túc liền khuyên Tôn Quyền cho Lưu Bị mượn tạm đất Kinh Châu.

Đất đai đi mượn của người khác không phải là biện pháp lâu dài, vì vậy Lưu Bị phải tìm cách mở rộng địa bàn. Theo kế hoạch mà Gia Cát Lượng đã vạch ra ở Long Trung, thì Lưu Bị cần phát triển vào Ích Châu. Vừa may lúc đó, Lưu Chương là thứ sử Ích Châu phái người tới mời Lưu Bị.

Lưu Chương vốn có hai mưu sĩ, một người là Pháp Chính, một người là Trương Tùng. Hai người đều có tài, lại là bạn thân của nhau. Họ thấy Lưu Chương nhu nhược bất tài, làm tay chân của ông ta không thể có tiền đồ rạng rỡ.

Khi Tào Tháo đánh chiếm Kinh Châu, Lưu Chương đã phái Trương Tùng đến liên lạc với Tào Tháo. Lúc đó, Tào Tháo vừa thắng trận, thái độ rất kiêu ngạo, lại thấy sứ giả Trương Tùng vóc người thấp bé, tướng mạo bình thường, nên Tào Tháo không coi Trương Tùng ra gì. Trương Tùng tức giận ra về.

Về tới Thành Đô (trị sở của Ích Châu), Trương Tùng nói với Lưu Chương: "Tào Tháo có dã tâm rất lớn, e rằng hắn sẽ thôn tính Ích Châu của chúng ta".

Lưu Chương tỏ ra lo sợ. Trương Tùng liền nói: "Lưu Bị là người đồng tộc với chúa công lại là địch thủ của Tào Tháo. Nên kết giao với ông ta để đối phó với Tào". Lưu Chương vốn là người không có chủ kiến gì, nghe Trương Tùng nói như vậy thì đồng ý ngay và cử luôn Pháp Chính đi Kinh Châu để liên lạc với Lưu Bị.

Đến Kinh Châu, Pháp Chính được Lưu Bị tiếp đãi hết sức ân cần. Hai người cùng đàm luận về đại thế trong thiên hạ, ý kiến vô cùng hoà hợp.

Trở về Thành Đô, Pháp Chính và Trương Tùng bí mật bàn bạc với nhau, tìm cách đón Lưu Bị vào làm chủ Ích Châu.

Ít lâu sau, Tào Tháo dự định tiến quân chiếm Hán Trung (nay ở phía Đông thành phố Hán Trung, Thiểm Tây). Ích Châu bị uy hiếp. Trương Tùng nhân cơ hội



này khuyên Lưu Chương mời Lưu Bị vào giữ hộ Hán Trung. Lưu Chương lại cử Pháp Chính đem bốn ngàn binh mã ra Kinh Châu đón Lưu Bị.

Pháp Chính đến Kinh Châu, nói thẳng với Lưu Bị: "Ích Châu là nơi rất giàu có. Được người sáng suốt như tướng quân, lại có Trương Tùng làm nội ứng thì việc chiếm Ích Châu không có gì dễ dàng hơn".

Lưu Bị vẫn còn do dự chưa quyết. Lúc đó, Bàng Thống đã làm quân sư của Lưu Bị, kiên quyết chủ trương cần chiếm lấy Ích Châu. Ông nói: "Ở Kinh Châu này, địa thế trống trải, phía Đông có Tôn Quyền, phía Bắc có Tào Tháo, không dễ công thủ. Muốn làm được sự nghiệp lớn, cần chiếm lấy Ích Châu làm căn cứ địa".

Lưu Bị nghe theo ý kiến của Pháp Chính và Bàng Thống, liền để Gia Cát Lượng và Quan Vũ ở lại giữ Kinh Châu, tự mình và Trương Phi cùng một số tướng sĩ, do Bàng Thống làm quân sư, vào Ích Châu.

Sau đó, việc Trương Tùng làm nội ứng bị phát giác. Lưu Chương liền giết Trương Tùng rồi phái binh mã chống lại Lưu Bị.

Lưu Bị tiến đến Lạc Thành (nay ở Bắc Quảng Hán, Tứ Xuyên), bị tướng giữ Lạc Thành kiên quyết chặn đánh, suốt một năm trời không hạ được. Bàng Thống lại bị trúng tên, hy sinh trong chiến đấu. Sau, Lưu Bị chiếm được Lạc Thành, tiến đánh Thành Đô. Gia Cát Lượng nghe tin Bàng Thống chết, liền để Quan Vũ lại giữ Kinh Châu, tự mình dẫn quân vào hội với Lưu Bị. Lưu Chương không giữ nổi, đành phải đầu hàng.

Năm 214, Lưu Bị vào Thành Đô, tự xưng là Ích Châu mục (quan cai trị đứng đầu Ích Châu, như thứ sử ở các châu khác). Ông xét công ban thưởng, cho rằng lần chiếm Ích Châu này, Pháp Chính có công lớn nhất, liền phong Pháp Chính làm thái thú quận Thục (quận là đơn vị hành chính dưới cấp châu, thái thú là chức quan đứng đầu quận), trực tiếp quản lý Thành Đô, đồng thời còn là một trong các mưu sĩ cho Lưu Bị.

Pháp Chính là người tâm địa hẹp hòi. Vừa nắm quyền, ông ta lập tức nghĩ đến chuyện thanh toán ân oán riêng. Ai đã mời ông ta ăn một bữa cơm, cũng được báo đáp; ai từng có xích mích nhỏ, cũng bị trả thù. Mấy người đã bị chết vì việc làm này của Pháp Chính.

Gia Cát Lượng thì khác hẳn. Ông giúp đỡ Lưu Bị cai quản Ích Châu, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, không kể đến tình cảm và quan hệ cá nhân. Một số hào môn đại tộc địa phương vì không lung lạc được Gia Cát Lượng nên oán trách ông.

Pháp Chính khuyên Gia Cát Lượng: "Khi xưa Hán Cao Tổ vào Hàm Dương, chỉ ban bố có ba điều qui định (ước pháp tam chương) mà trăm họ đều đi theo Người. Nay ngài vừa tới, tướng cũng nên khoan dung một chút mới được lòng người".

Gia Cát Lượng nói: "Thái thú chỉ biết một mà không biết hai. Triều Tần vì hình pháp nghiêm khắc tàn bạo nên trăm họ oán giận. Cao Tổ phế bỏ pháp luật của Tần, định ra ba điều ước pháp chính là hợp với lòng dân. Tình hình hiện nay khác hẳn. Lưu Chương nhu nhược tâm thường, pháp luật lơ lửng, quan lại trong Thục hoành hành phi pháp, công việc rối tung. Nếu

hiện nay tôi không xiết chặt pháp luật, thì làm sao ổn định được tình hình”?

Pháp Chính nghe Gia Cát Lượng nói, trong lòng hết sức khâm phục. Từ đó cũng không dám tùy tiện trả thù bất cứ ai nữa.

96- THÁI VĂN CƠ VỀ HÁN

Từ sau khi thua trận Xích Bích, Tào Tháo để ra mấy năm chinh đồn nội chính, khôi phục quân đội và tự phong làm Ngụy Công. Năm 216, lại nâng tước vị của mình làm Ngụy Vương (đô thành ở Nghiệp Thành). Uy danh của Tào Tháo ở miền Bắc rất lớn, ngay đến thiên tử của Nam Hung Nô cũng đến Nghiệp Thành bái yết. Tào Tháo giữ thiên tử Nam Hung Nô lại Nghiệp Thành, đối đãi như khách quý, để Hữu Hiến vương Hung Nô về cai quản dân Hung Nô. Quan hệ của Nam Hung Nô và triều Hán từ đó giữ được hoà hảo. Tào Tháo nhớ tới người bạn cũ của mình là Thái Ung, có một cô con gái ở Nam Hung Nô, tên là Thái Văn Cơ. Tào Tháo muốn đón Thái Văn Cơ về Hán.

Thái Ung là một danh sĩ cuối đời Đông Hán, vì xúc phạm bọn hoạn quan nên bị đày tới Sóc Phương (nay ở phía Bắc Hàng Cẩm Kỳ thuộc Nội Mông Cổ). Khi Đồng Trác nắm quyền, Thái Ung trở về Lạc Dương. Đồng Trác muốn mua chuộc lòng người, nghe tiếng tằm Thái Ung, liền mời ông ra làm quan, trong ba ngày, thăng

lên ba cấp. Thái Ung vì vậy cảm thấy Đồng Trác còn tốt hơn Hán Linh Đế nhiều.

Sau khi Đồng Trác bị giết, Thái Ung thấy Đồng Trác lúc trước đối đãi tốt với mình nên buông lời thương tiếc. Tư đồ Vương Doãn nổi giận, cho Thái Ung thuộc bề đảng Đồng Trác liền bắt giam lại. Mặc dù nhiều đại thần ra sức kêu xin cho Thái Ung, nhưng Vương Doãn vẫn không tha. Kết quả, Thái Ung chết trong ngục.

Thái Văn Cơ, con gái của Thái Ung, còn có tên là Thái Viên, cũng là người học rộng, đa tài như cha. Sau khi cha chết, miễn Quan Trung lại xảy ra hỗn chiến giữa Lý Thôi và Quách Dĩ, dân chúng điêu đứng lầm than, lưu ly thất tán. Thái Văn Cơ cũng đi tránh loạn, gặp phải quân Hung Nô vào cướp phá. Lính Hung Nô thấy Thái Văn Cơ có nhan sắc liền cướp, lấp đem dâng cho Tả Hiền Vương.

Từ đó, Thái Văn Cơ trở thành phu nhân của Tả Hiền Vương, được Tả Hiền Vương rất sủng ái. Sống ở Hung Nô suốt mười hai năm, tuy sung sướng và cũng quen dần tập quán Hung Nô, nhưng không lúc nào Thái Văn Cơ nguôi lòng nhớ cố quốc.

Lúc này, Tào Tháo nhớ tới con gái người bạn cũ, liền phái sứ giả đem lễ vật tới Nam Hung Nô, đón Thái Văn Cơ về.

Tả Hiền Vương không muốn rời Thái Văn Cơ, nhưng không dám chống lại ý Tào Tháo, đành để Thái Văn Cơ về Hán. Được về nước, Thái Văn Cơ cũng rất muốn, nhưng phải rời bỏ con cái đã sinh ra ở Hung Nô, thì không khỏi thương tâm, liền sáng tác ra bài thơ nổi tiếng phổ vào "Mười tám phách sáo Hồ".



Về tới Nghiệp Thành. Tào Thao thấy nàng một mình một bóng, liền cho nàng tái giá với Đồng Trụ là quan đô úy đồn điền.

Ngờ đâu, một thời gian sau, Đồng Trụ phạm pháp, bị quan trên bắt, ghép vào tử tội, chuẩn bị hành hình. Thái Văn Cơ hoảng hốt, chạy tới Ngụy Vương phủ xin gặp Tào Tháo để cầu xin. Lúc đó, Tào Tháo đang mở tiệc, mời các công khanh đại thần, danh nho học sĩ. Tất cả đang tụ tập trong vương phủ. Thị tòng vào báo với Tào Tháo việc Thái Văn Cơ xin gặp. Tào Tháo biết trong số danh sĩ có mặt không ít người từng biết Thái Ung, liền nói: "Con gái của Thái Ung bị lưu lạc sang nước ngoài nhiều năm, vừa được về nước. Hôm nay cho phép nàng được vào yết kiến các vị, nên chăng?"

Mọi người vui vẻ đồng ý. Tào Tháo liền bảo thị tòng dẫn Thái Văn Cơ vào. Thái Văn Cơ buông xoã đầu tóc, đi chân đất, tiến vào quỳ trước Tào Tháo, xin tha tội cho chồng. Giọng nàng vỡ ra trong nước mắt, lời lẽ hết sức thương tâm, cử tọa có rất nhiều người từng quen biết với Thái Ung, thấy tình cảnh đó, hết sức ngậm ngùi thương cảm.

Tào Tháo nghe xong, liền nói: "Tình cảnh của phu nhân thật đáng chiều cố, nhưng văn bản xử tội đã phát ra, biết làm thế nào?"

Thái Văn Cơ năn nỉ: "Trong chuồng ngựa của đại vương có hàng vạn con ngựa tốt, võ sĩ dưới trướng nhiều như cây rừng, chỉ xin đại vương cử một võ sĩ, cưới con ngựa tốt, đi thu hồi lại văn bản thì chồng tiện thiếp sẽ lưu lại được chút mạng thừa."

Tào Tháo liền viết ngay lệnh xá tội, phái võ sĩ phi ngựa tót tót đem đi, tuyên bố tha tội chết cho Đồng Tụ.

Lúc đó, đang ngày đông tháng giá, Tào Tháo thấy Thái Văn Cơ ăn mặc phong phanh, liền gọi người hầu mang khăn áo cho nàng.

Tào Tháo hỏi: "Nghe nói, sinh thời, tôn phụ có tàng trữ nhiều thư tịch quý, nay trong nhà có còn giữ được không?"

Thái Văn Cơ cảm động nói: "Trước kia, cha tiện thiếp cho tiện thiếp hơn bốn ngàn cuốn sách quý, nhưng qua loạn lạc, đã thất tán hết, có điều, tiện thiếp còn nhớ thuộc lòng được hơn bốn trăm thiên."

Tào Tháo thấy Thái Văn Cơ còn nhớ được nhiều như thế, liền nói: "Ta sẽ cử mười người tới nhà phu nhân, để họ chép lại những đoạn phu nhân còn nhớ. Có tiện không?"

Thái Văn Cơ nói: "Không cần phải như vậy. Cứ xin đại vương cấp cho giấy mực, tiện thiếp sẽ tự xin chép lại."

Sau đó, Thái Văn Cơ quả nhiên dựa vào trí nhớ, chép lại mấy trăm thiên sách quý, dâng lên Tào Tháo. Tào Tháo vô cùng mãn ý.

Việc Tào Tháo đón Thái Văn Cơ trở về, đã góp phần bảo tồn một phần di sản văn hoá cổ. Chuyện "Văn Cơ qui Hán" được lưu truyền như một giai thoại trong lịch sử Trung Quốc.

97- QUAN VŨ DÌM BẢY ĐẠO QUÂN

Sau khi Lưu Bị chiếm được Ích Châu, Tôn Quyền cử người sang đòi lại Kinh Châu, Lưu Bị không đồng ý trả. Vì tranh chấp Kinh Châu, hai bên suýt phá vỡ liên minh. Sau vì Tào Tháo chuẩn bị đánh Hán Trung, trực tiếp uy hiếp Ích Châu, Lưu Bị và Tôn Quyền đều thấy Tào Tháo mới là đối thủ đáng gờm nhất, nên dùng biện pháp dung hoà, chia Kinh Châu làm hai phần, lấy sông Tương làm giới hạn, phía Tây thuộc Lưu Bị, phía Đông thuộc Tôn Quyền.

Lưu Bị giải quyết xong vụ tranh chấp Kinh Châu, liền chuyển tâm đối phó với Tào Tháo, cử Gia Cát Lượng ở lại giữ Thành Đô, còn tự mình cùng Pháp Chính đem quân tiến vào Hán Trung, Pháp Chính làm mưu sĩ trong quân.

Tào Tháo nghe tin, lập tức ra quân để tranh chấp với Lưu Bị. Tào Tháo đích thân đến đóng ở Trường An để chỉ huy chiến sự ở Hán Trung. Hai bên cầm cự suốt một năm. Đến năm thứ hai, trong trận đánh lớn ở Dương Bình quan, quân Thục thắng lớn, chủ tướng Ngụy là Hạ

Hầu Uyên bị giết. Tào Tháo buộc phải rút khỏi Hán Trung, lui quân về Trường An.

Qua trận này, Ích Châu được củng cố. Năm 219, các tướng tá văn võ Ích Châu tôn Lưu Bị lên làm Hán Trung Vương.

Theo chiến lược của Gia Cát Lượng, dự định tiến công Tào Tháo từ hai cánh. Lần này, cánh phía Tây đã thắng ở Hán Trung, thì nhân cơ hội, sẽ từ Kinh Châu ở phía Đông, trực tiếp tiến đánh Trung Nguyên.

Trấn thủ Kinh Châu là đại tướng Quan Vũ, một người gồm đủ dũng và mưu, nhưng kiêu căng tự phụ. Khi Lưu Bị lên làm Hán Trung Vương, liền phái người mang ấn phong Quan Vũ làm Tiên tướng quân, Quan Vũ vẫn chưa bằng lòng. Sau được nghe giải thích về tình nghĩa của Hán Trung Vương, ông mới chịu nhận phong vui vẻ.

Lần đó, sau khi nhận được lệnh tiến quân, Quan Vũ giao cho bộ tướng ở lại giữ Giang Lăng và Công An, còn tự mình dẫn đại quân tiến đánh Phàn Thành.

Tướng giữ Phàn Thành là Tào Nhân vội cầu cứu Tào Tháo. Tháo liền phái hai đại tướng là Vu Cấm và Bàng Đức dẫn bảy đạo quân đi cứu viện. Tào Nhân vội cho họ đóng quân trên vùng đất bằng phía Bắc Phàn Thành, liên hệ chặt với trong thành khiến Quan Vũ không có cách nào đánh vào thành.

Trong khi hai bên đang cầm cự chưa phân thắng bại thì vùng Phàn Thành có mưa lớn, nước sông Hán Thủy dâng cao, ngập vùng đất bằng sâu tới hơn một trượng (≈ 3.3 m). Trại quân Vu Cấm bị ngập lụt, bảy đạo quân



ngôi ngóp trong nước. Vu Cấm phải dẫn quân tìm lên các gò cao xung quanh.

Ngay từ đầu, Quan Vũ đã phát hiện thấy nhược điểm trong bố trí của đạo quân Vu Cấm là đã chọn vùng đất thấp, trong khi thời tiết đang là mùa mưa. Vì vậy, ông đã cho chuẩn bị trước thuyền bè, và lúc đó dẫn thủy quân tiến công. Trước hết, ông cho vây chặt cánh quân của Vu Cấm, gọi hàng. Vu Cấm bị vây trên một chiếc gò nhỏ bên sông Hán Thủy, không còn đường thoát, đành cúi đầu chịu hàng.

Bàng Đức dẫn một cánh quân khác đóng trên một con đê. Quan Vũ đưa thuyền đến áp sát, bắn tên lên như mưa. Một bộ tướng của Bàng Đức sợ hãi, khuyên Bàng Đức nên đầu hàng. Bàng Đức nổi giận quát mắng rồi rút kiếm chém chết ngay viên tướng đó. Binh sĩ thấy Bàng Đức kiên quyết như vậy nên đều liều chết chống lại. Bàng Đức đứng trên đê, cũng dùng cung tên bắn lại thủy quân của Quan Vũ. Nhiều binh sĩ quân Thục bị chết vì tài bắn tên của Bàng Đức. Hai bên chiến đấu suốt từ sáng sớm đến quá trưa. Quân Bàng Đức bắn hết tên, liền theo lệnh Bàng Đức, rút đoản đao ra đánh giáp lá cà với số quân Thục từ thuyền đổ bộ lên đê. Bàng Đức vừa chiến đấu, vừa động viên tướng sĩ: "Người tướng giỏi không thể vì sợ chết mà trốn chạy, kẻ anh hùng không thể vì mạng sống mà để mất khí tiết. Hôm nay là ngày ta lấy cái chết để báo đáp lại Thừa tướng (chỉ Tào Tháo) đây!"

Lúc đó, nước mỗi lúc một dâng cao thêm, phần đê không bị ngập mỗi lúc càng hẹp lại. Thủy quân của Quan Vũ đem thêm thuyền lớn tiến công mãnh liệt, quân Tào lũ lượt đầu hàng. Bàng Đức nhân lúc nhốn

nháo, liền cùng ba tướng sĩ khác nhảy lên chiếm một thuyền nhỏ, toan chạy về Phàn Thành. Không ngờ một con sóng làm thuyền bị lật, Bàng Đức rơi xuống nước, bị thuỷ quân Quan Vũ bắt sống.

Quan sĩ dẫn Bàng Đức về đại doanh của Quan Vũ. Quan Vũ dùng lời lẽ ngon ngọt khuyên Bàng Đức đầu hàng. Bàng Đức quát mắng lại: "Trong tay Ngụy Vương có hàng trăm vạn quân mã, uy danh vang lừng thiên hạ; Lưu Bị nhà các người là một kẻ tầm thường, làm sao đối địch nổi với Ngụy Vương. Ta thà làm quỉ của triều đình, còn hơn làm tướng của các người!"

Quan Vũ nổi giận, vẫy tay, sai đao phủ đem Bàng Đức ra chém.

Sau khi tiêu diệt bảy đạo quân của Vu Cấm, Bàng Đức, Quan Vũ thừa thắng tiến công Phàn Thành. Phàn Thành trong ngoài đều có nước, tường thành đã bị nước ngấm lở một số đoạn. Các tướng sĩ dưới quyền Tào Nhân đều lo sợ. Có người khuyên Tào Nhân: "Trong tình hình này, chúng ta khó lòng giữ được. Nên nhân lúc thuỷ quân của Quan Vũ chưa kịp hợp vây, ta nên dùng thuyền nhỏ tháo chạy."

Tào Nhân cũng thấy khó lòng giữ được, liền bàn với Mãn Sùng. Mãn Sùng nói: "Nước lũ không thể kéo dài, chỉ mấy ngày nữa là sẽ phải rút. Nghe nói Quan Vũ đang tìm một con đường khác để tiến quân lên phía Bắc. Nhưng ông ta vẫn chưa dám thực hiện, chỉ vì sợ chúng ta ở đây chặn mất đường về. Nếu chúng ta bỏ Phàn Thành thì một dải đất từ Hoàng hà về phía nam sẽ mất hết. Mong tướng quân cố gắng giữ gìn vững ít ngày nữa."

Tào Nhân thấy lời phân tích có lý, liền cổ vũ tướng sĩ kiên trì giữ thành. Lúc đó ở Lạc Hồn (nay ở Đông bắc huyện Tung, Hà Nam), Tôn Lang phát động dân chúng khởi nghĩa, giết quan lại để hưởng ứng Quan Vũ. Dân Chúng từ Hứa Đô về Nam có nhiều người đi theo quân khởi nghĩa. Uy danh của Quan Vũ rung động cả Trung Nguyên.

Ngụy Vương Tào Tháo đến Lạc Dương, nhận được tin tức các nơi báo về, có phần sợ hãi, liền họp các quan lại bàn, có ý kiến tạm thời bỏ Hứa đô để tránh mũi tiến công của Quan Vũ.

Mưu sĩ Tư Mã Ý nói: "Đại Vương bất tất phải lo lắng. Hạ thần thấy giữa Lưu Bị và Tôn Quyền tuy bề ngoài hoà hảo, những bên trong vẫn ngờ vực lẫn nhau. Lần này Quan Vũ thắng trận, Tôn Quyền nhất định không vui. Chúng ta nên cử người đến dụ thuyết với Tôn Quyền, phong cho ông ta chính thức cai trị miền Giang Đông và hẹn với ông ta cùng đánh Quan Vũ. Như vậy, Phàn Thành sẽ được giải vây."

Tào Tháo nghe theo, liền phái ngay sứ giả xuống Giang Đông thương lượng với Tôn Quyền.

98- LÃ MÔNG ÁO TRẮNG QUA SÔNG

Lời Tư Mã Ý rất phù hợp với tình hình thực tế. Lưu Bị và Tôn Quyền tuy liên minh với nhau, nhưng vẫn chứa chất nhiều mâu thuẫn. Khi Lỗ Túc còn sống, luôn chủ trương hoà hảo để cùng nhau đối phó với Tào Tháo. Nhưng khi Lỗ Túc chết đi, người thay thế ông là Lã Mông lại chủ trương khác.

Lã Mông là danh tướng Đông Ngô, thừng trê võ nghệ cao cường, lập nhiều chiến công, được Tôn Quyền quý trọng.

Một lần, Tôn Quyền bảo Lã Mông: "Trách nhiệm của khanh hiện nay rất nặng, cần dành thời gian đọc sách để mở mang kiến thức. "

Lã Mông nói: "Trong quân doanh có rất nhiều việc, bản tướng làm gì có thời gian đọc sách.

Tôn Quyền cười nói: "Ta đâu có yêu cầu khanh tinh thông kinh sách như các quan bác sĩ (tên một chức quan văn), chỉ muốn khanh đọc thêm binh thư và hiểu thêm về lịch sử. Khanh nói mình bận nhiều việc, nhưng nhiều

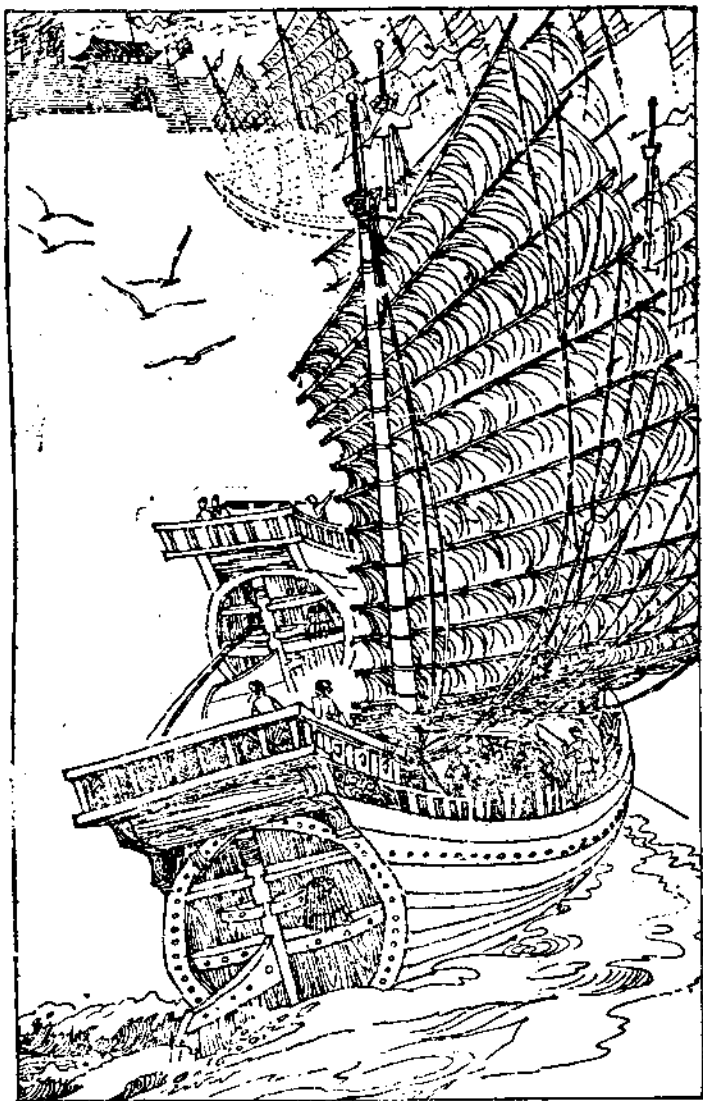
sao được bằng ta! Ta có kinh nghiệm, là đọc một ít sách binh pháp và lịch sử, thấy rất có ích. Khanh cứ thử xem".

Lã Mông nghe theo lời khuyên của Tôn Quyền, từ đó, hẳn có thời gian là tranh thủ đọc sách.

Khi Lỗ Túc mới thay Chu Du làm đại tướng quân, có đến thăm Lã Mông. Vốn cho rằng Lã Mông chẳng qua chỉ là một vũ tướng, không có hùng tài đại lược gì, nhưng sau một hồi đàm luận, Lỗ Túc thấy Lã Mông nghị luận hùng hồn, kiến giải sâu sắc, thì rất khâm phục, liền nói: "Tài năng và kiến thức của tướng quân hiện nay, so với chàng Lã Mông hồi còn ở Ngô Trung thật khác xa".

Lã Mông tự hào nói: "Với một người ba ngày không gặp lại, đã phải nhìn bằng con mắt khác, đồ đốc không nên đánh giá người theo cách nhìn cũ nữa". Sau khi thay Lỗ Túc, Lã Mông đem quân đóng ở Lục Khẩu (nay ở Tây nam Gia Ngư Hồ Bắc). Ông thấy Quan Vũ có dã tâm kiêm tính Đông Ngô, liền dâng thư lên Tôn Quyền, xin đem quân đối phó. Thư viết: "Chúa tôi Lưu Bị và Quan Vũ, đều là những kẻ phản phúc không tin cậy được, xin chúa công đừng đối đãi như bè bạn liên minh chân chính. "

Tôn Quyền cũng thấy Quan Vũ quá ngông cuồng tự đại. Năm trước, để thắt chặt tình thân, Tôn Quyền đã cử người sang hỏi xin con gái Quan Vũ về làm vợ con trai mình, Quan Vũ không những không nhận, còn nói với sứ giả một cách hỗn xược: "Ông về bảo với Tôn Quyền: con gái một hổ tướng sao gả cho loài chó hèn hạ được!" Vì việc đó, Tôn Quyền vô cùng uất giận. Lần này



nghe lời Lã Mông. Tôn Quyền quyết tâm diệt trừ Quan Vũ cho kỳ được.

Đúng vào lúc đó thì sứ giả của Tào Tháo tới, đề nghị cùng đánh ép Quan Vũ. Tôn Quyền lập tức trả lời, đồng ý đem quân đánh vào hậu phương của Quan Vũ.

Quan Vũ cũng biết Lã Mông là viên tướng lợi hại của Đông Ngô, nên tuy đem đại quân đi đánh Phàn Thành, vẫn bố trí phòng vệ nghiêm mật vùng giáp giới Thục - Ngô.

Lã Mông vốn hay ốm đau. Lần này, ông ta giả vờ tái phát bệnh cũ và tình hình nặng hơn trước. Tôn Quyền cũng chính thức hạ lệnh điều Lã Mông về phía sau chữa bệnh, cử một tướng trẻ là Lục Tốn lên thay.

Tin tức đó được báo tới Phàn Thành, Quan Vũ nghe tin Lã Mông ốm nặng, lại được thay thế bằng anh thư sinh Lục Tốn thì tỏ ra mừng thầm.

Mấy hôm sau, Lục Tốn từ Lục Khẩu cử người tới bái yết Quan Vũ, mang theo thư và lễ vật. Thư viết: "Nghe tin tướng quân dim chết bảy đạo quân Tào ở Phàn Thành, bắt sống Vu Cấm, khắp gần xa không ai không ca ngợi thần uy của tướng quân. Lần này quân Tào thất bại, Đông Ngô chúng tôi cũng rất vui mừng. Kề thư sinh này mới được cử lên nhận chức, muôn phần lo lắng vì gánh nặng trên vai. Xin được tướng quân chiếu cố giúp đỡ cho".

Quan Vũ xem thư, thấy anh chàng thư sinh này khiêm tốn, thật thà, cảm thấy rất yên tâm, liền điều bớt binh mã phòng bị phía Đông Ngô lên tăng cường cho quân đánh Phàn Thành.

Lục Tồn lập tức báo cáo tình hình điều quân của Quan Vũ lên cho Lã Mông và Tôn Quyền.

Lúc đó, ở Phần Thành Quan Vũ tiếp nhận thêm mấy vạn hàng binh của Vu Cấm, nên tình hình lương thực có khó khăn, liền sai người đến cướp kho lương dự trữ của Đông Ngô để ở Tương Quan.

Tôn Quyền được tin, càng nổi giận, lập tức cử Lã Mông làm đại đô đốc, đem quân nhanh chóng tập kích vào hậu phương của Quan Vũ.

Lã Mông đến Tầm Dương (nay ở Tây nam Hoàng Mai, Hồ Bắc), ngay trang toàn bộ thuyền chiến thành thuyền buôn, chọn các binh sĩ tinh nhuệ nhất giấu trong khoang thuyền. Lính chèo thuyền đến mặc quần áo trắng, giả làm thương nhân, lũ lượt đưa thuyền tiến sang bờ bắc.

Tối bờ bắc, quân canh giữ của Thục đều tưởng là thuyền buôn, nên cho phép họ ghé thuyền vào bờ. Không ngờ đến đêm, quân ẩn náu trong khoang thuyền bí mật tiến lên chiếm hết các lầu canh, bắt giữ toàn bộ quân của Quan Vũ.

Quân đội Lã Mông như quỷ binh thần tướng bất ngờ xuất hiện, chiếm hết bờ bắc rồi tiến đánh Công An. Quân Thục giữ Công An và Giang Lăng vốn không ưa Quan Vũ, thấy quân Lã Mông bất ngờ xuất hiện, bao vây gọi hàng, liền nhất loạt đầu hàng.

Lã Mông vào thành, sai người phủ dụ gia đình các tướng sĩ quân Thục, nhắc nhở quân Ngô giữ nghiêm kỷ luật, không xâm phạm tính mệnh tài sản dân chúng trong thành. Có một tên lính Đông Ngô là người đồng hương của Lã Mông, vì trời mưa nên lấy tạm chiếc nón

của nhà dân để che cho khỏi ướt khô giáp. Lã Mông phát hiện thấy, cho rằng tên lính đó vi phạm quân lệnh, tuy là đồng hương, nhưng không thể không tôn trọng quân pháp, liền sai đem chém. Do đó, toàn quân đều chấn động, không ai còn dám phạm vào lệnh quân nữa.

Lúc đó, Tào Tháo đã phái Từ Hoảng mang viện binh đến tiền tuyến Phàn Thành. Từ Hoảng cho sao chép thư của Tôn Quyền gửi Tào Tháo, hẹn cùng đánh kẹp vào quân Quan Vũ thành nhiều bản rồi buộc vào tên, cho bắn vào trại quân Quan Vũ. Quan Vũ được tin Lã Mông đã tập kích chiếm hậu phương của mình, đang bối rối, thì Từ Hoảng đem quân đánh mạnh, buộc Quan Vũ phải bỏ vây Phàn Thành.

Quan Vũ phái sứ giả về Giang Lăng tìm hiểu tình hình. Sứ giả được Lã Mông tiếp đãi ân cần và dẫn đi thăm các gia đình tướng sĩ. Người nhà tướng sĩ đều nói là được quân Ngô đối đãi rất tử tế. Sứ giả trở về, đem tình hình đó nói với tướng sĩ. Họ đều thấy Đông Ngô là tốt, không muốn đánh nhau với Đông Ngô nữa. Một số binh sĩ thậm chí còn lên trốn về Giang Lăng.

Tới lúc đó, Quan Vũ mới thấy việc phòng bị với Đông Ngô là sơ xuất. Nhưng đã muộn mất rồi. Tiến thoái lưỡng nan, Quan Vũ cuối cùng phải dẫn quân chạy về Mạch Thành (nay ở Đông nam Dương Dương, Hồ Bắc).

Tôn Quyền tiến quân tới Mạch Thành, sai người kêu gọi Quan Vũ đầu hàng. Quan Vũ không thể chịu nhục như vậy liền đem theo hơn mười kỵ binh chạy về phía Tây.

Tôn Quyền đã cử quân mai phục sẵn trên đường nhỏ, chặn đường chạy và bắt sống được Quan Vũ. Biết Quan

Vũ không chịu đầu hàng, Tôn Quyền hạ lệnh đưa Quan Vũ ra chém.

Tào Tháo cho rằng Tôn Quyền có công lớn liền phong làm Nam Xương hầu. Tối khi Tào Phi kế vị và xưng đế, lại phong Tôn Quyền làm Ngô Vương.

99- TÀO THỰC BẢY BƯỚC THÀNH THO

Tôn Quyền chiếm được Kinh Châu, giết Quan Vũ, sợ Lưu Bị báo thù, liền phái sứ giả đem thư gửi Tào Tháo, tỏ ý sẵn lòng qui thuận và khuyên Tào Tháo nên thuận theo mệnh trời, lên ngôi xưng đế.

Tào Tháo nhận thư, tiện tay đưa cho các thủ hạ xem, rồi cười nói: "Thằng nhãi Tôn Quyền muốn nướng ta trên lò lửa đây".

Từ khi Hán Hiến Đế về Hứa đô, việc triều chính và quyền chỉ huy quân đội hoàn toàn nằm trong tay Tào Tháo. Việc phế bỏ Hán Hiến Đế và tự mình xưng đế, đối với Tháo là rất dễ dàng. Nhưng ông ta nghĩ rằng, nhà Hán tuy đã vô cùng suy yếu, vẫn còn có danh nghĩa chính thống, nếu mình lên làm hoàng đế, mọi người chưa dễ phục tùng. Vì vậy, Tào Tháo cho rằng, việc Tôn Quyền xui mình phế bỏ Hiến đế, tự xưng hoàng đế, là cố ý đẩy mình vào thế bị thiên hạ phản đối.

Trầm ngâm một lát, Tào Tháo nói: "Nếu quả thật là mệnh trời, ta sẽ chỉ làm Chu Văn Vương thôi" (ý nói để tới đời con sẽ chiếm ngôi hoàng đế).

Sau đó ít lâu, bệnh cũ của Tào Tháo tái phát, thuốc thang điều trị đều không có hiệu quả. Cuối cùng, mất tại Lạc Dương. Năm đó, Tào Tháo 66 tuổi. Tào Tháo mất, thế tử Tào Phi kế vị làm Ngụy Vương và thừa tướng, tiếp quản mọi quyền hành của Tào Tháo. Sau khi Tào Phi nối ngôi Ngụy Vương, có người cáo giác là Tào Thực, em Tào Phi, làm Lâm Trung hầu, thường xuyên uống rượu mắng người, lại giam cả sứ giả do Tào Phi cử tới. Tào Phi lập tức cử người tới Lâm Trung, bắt Tào Thực đem về Nghiệp Thành hỏi tội.

Tào Phi và Tào Thực vốn là hai anh em do vương hậu Biện thị sinh ra. Tào Tháo không những là nhà chính trị, nhà quân sự mà còn là nhà văn học nổi tiếng. Hai anh em Tào Phi, Tào Thực cũng giỏi thơ văn. Ba cha con đều là những người đứng đầu trường phái thơ, gọi là trường phái Kiến An (Kiến An là một trong những niên hiệu của Hán Hiến Đế - ND). Lịch sử văn học gọi gộp ba cha con Tào Tháo là "tam Tào". Tào Thực từ nhỏ đã rất thông minh, mới hơn mười tuổi đã nổi tiếng đọc rộng và có tài văn chương mãn tiếp. Có lần, Tào Tháo xem văn của Tào Thực, tỏ ý nghi ngờ, liền hỏi: "Có phải con ta nhờ người khác làm hộ không?"

Tào Thực quì xuống nói: "Con xuất khẩu thành văn, hạ bút thành thơ, sao lại phải nhờ người khác làm hộ. Nếu phụ vương không tin, xin cứ cho thử tại chỗ."

Tào Tháo thử mấy lần, quả thấy Tào Thực tài hoa xuất chúng, nên đặc biệt yêu quý. Nhiều lần, Tào Tháo muốn phong Tào Thực làm thế tử nối nghiệp, nhưng vì có nhiều đại thần khuyên can không nên bỏ trưởng lập thứ, nên mới không thực hiện việc đó.



Tào Phi sợ địa vị thế tử của mình không vững nên tìm mọi cách làm vừa lòng Tào Tháo. Có lần, Tào Tháo chuẩn bị ra trận, Tào Phi, Tào Thực đều tiễn đưa. Trước lúc chia tay, Tào Thực ứng khẩu đọc một đoạn văn ca ngợi công đức Tào Tháo, mọi người nghe đều thán phục nức nở.

Có người ghé tai mách nước cho Tào Phi: "Đại Vương sắp xông pha chiến trận, thế tử không nên dùng lời lẽ hào nhoáng mà cần tỏ tình cảm quyến luyến, buồn lo, như thế sẽ có hiệu quả hơn". Tào Phi nghe theo, nắm vạt áo Tào Tháo, sụt sùi cáo biệt, nhắc nhở phụ vương muôn ngàn lần nên bảo trọng thân thể. Tào Tháo cũng cảm động rơi nước mắt.

Sự việc đó khiến Tào Tháo nghĩ rằng Tào Phi tuy tài năng không bằng Tào Thực, nhưng tâm địa trung hậu, thật thà hơn, nên không nghĩ tới chuyện thay đổi địa vị thế tử nữa. Lại thêm Tào Phi nhờ rất nhiều người nói tốt cho mình và gièm pha Tào Thực khiến tình cảm mến yêu của Tào Tháo với Tào Thực dần sút giảm đi.

Còn Tào Thực là người tính tình phóng khoáng, ít chú ý đến tiểu tiết. Có lần sai đánh xe ngựa, tự mở cửa vương cung đi ra ngoài. Việc đó vi phạm vào qui định của vương cung. Tào Tháo nghe biết, nổi giận, liền xử viên quan giữ cửa vương cung vào tội chết.

Lại có lần, Tào Tháo cử Tào Thực đem quân xuất chinh. Tào Phi nghe tin, sai chuẩn bị sẵn tiệc rượu tiễn, mời Tào Thực uống say túy lúy. Một lát sau, Tào Tháo sai người đến giục Tào Thực lên đường, nhưng giục già mấy lần, Tào Thực vẫn chưa tỉnh rượu. Tào Tháo đành bãi bỏ việc sai Tào Thực cầm quân.

Tất cả những sự việc đó khiến địa vị thế tử của Tào Phi càng thêm vững chắc.

Sau khi Tào Phi lên làm Ngụy Vương, thấy Tào Thực giao du rộng, trong lòng vẫn gờm sợ. Một lần, nhân một cơ nhỏ, Tào Phi liền sai bắt Tào Thực toan xử vào tội chết.

Vương thái hậu Biện thị nghe tin, cuống quýt sợ hãi, vội chạy đến xin hộ Tào Thực, mong Tào Phi nghĩ tình anh em cùng mẹ mà khoan thứ.

Tào Phi không thể không nghe lời mẹ. Vả lại, chỉ vì một chuyện nhỏ mà giết em ruột, cũng sợ mọi người chê cười, liền gọi Thực tới mắng: "Ta với ngươi tuy tình là anh em, nhưng nghĩa là vua tôi, nếu không kính nể Thái hậu, thì ta quyết không tha mạng cho ngươi. Xưa nay ngươi vẫn cậy tài, vậy hôm nay, để chuộc lỗi, ngươi hãy đứng trước ta bảy bước tiến về phía ta. Hết bảy bước chân, nếu không làm xong bài thơ thì ta sẽ chém. Trong lời thơ, ngươi không được nói gì tới hai chữ anh em và nhắc gì tới chuyện hôm nay. Ngươi có làm được không?" Tào Thực sụp lạy, nói: "Xin vâng mệnh". Sau đó, lùi xa bảy bước và ung dung tiến lên. Biện thị và các thị thân xung quanh chăm chú nhìn Tào Thực, phập phồng lo sợ.

Tào Thực đi lên. Một bước, hai bước, ba bước..., vẫn chưa đọc được gì. Mọi người, đặc biệt là Biện thị, càng lo thất ruột. Bỗng nhiên, Thực ngẩng cao đầu, sang sảng đọc:

*"Chữ đậu nhiên đậu cơ
Đậu tại phủ trung khắp*

*Bản thị đồng căn sinh
Tương tiên hà thái cấp".*

Dịch: "Cành đậu đùn hạt đậu,
Hạt đậu trong nỗi khóc.
Cùng một gốc sinh ra
Đốt nhau sao quá gấp!"

Từ bước thứ tư tới bước thứ bảy, mỗi bước đọc xong một câu thơ, và hoàn thành đúng như qui định khắt khe của Tào Phi.

Ý thơ khiến Tào Phi cũng phải trào lệ, ân hận. Ba mẹ con ôm nhau khóc. Mọi người vừa xúc động, vừa vui mừng cảm phục tài năng mẫn tiệp của Tào Thục.

Dù vậy, Tào Phi vẫn triệt bỏ tước Lâm Truy hầu của Thục và giáng xuống một tước thấp hơn, bắt đi nhận chức xa kinh thành.

Câu chuyện "thất bộ thi" (bài thơ làm trong bảy bước) của Tào Thục trở thành một giai thoại trong lịch sử văn học Trung Quốc và được truyền tụng mãi.

Lên làm Ngụy Vương, Tào Phi không e ngại dư luận như Tào Tháo. Mùa thu năm đó, Tào Phi sai thân tín liên danh dâng thư lên Hán Hiến đế, khuyên (thực chất là buộc) Hán Hiến Đế nhường ngôi cho Ngụy Vương, Hán Hiến Đế đã ngồi trên ngai vàng, làm hoàng đế bù nhìn suốt hơn ba mươi năm. Nay nhận được biểu của các đại thần, đành tuyên bố nhường vị, đổi xưng là Sơn Dương công. Các đại thần còn bày đặt ra một nghi thức nhường ngôi long trọng, để Hán Hiến Đế bưng ngọc tì dâng cho Ngụy Vương Tào Phi, tỏ rằng hoàn toàn tự nguyện.

Năm 220, Tào Phi xưng đế, dựng nên triều Ngụy. Đó là Ngụy Văn Đế. Tào Phi truy xưng cha mình là Tào Tháo làm Ngụy Võ Đế.

Vương triều Đông Hán do Lưu Tú dựng nên, tới lúc đó mới chính thức kết thúc.

100- LỤC TỐN THIÊU CHÁY TRẠI QUÂN LƯU BỊ

Tin Tào Phi xưng đế truyền tới Thục Hán, kèm theo rất nhiều lời đồn rằng Hán Hiến Đế đã bị Tào Phi giết chết. Hán Trung Vương Lưu Bị tin vào lời đồn đó, đã cho tổ chức tang lễ Hán Hiến Đế ở Thành Đô. Các đại thần cho rằng, Hán Hiến Đế đã chết, Tào Phi đã xưng đế, thì Lưu Bị là dòng dõi nhà Hán, rất nên tiếp ngôi hoàng đế. Năm 221, Lưu Bị lên ngôi hoàng đế ở Thành Đô, đó là Hán Chiêu Liệt Đế. Vì vùng thống trị là đất Thục (nay là đại bộ phận Tứ Xuyên, Vân Nam, toàn bộ Quý Châu, một bộ phận của Thiểm Tây, Cam Túc) nên lịch sử gọi triều đại này là Thục Hán, gọi gọn lại là Thục.

Lưu Bị rất căm giận và đau lòng trước việc Đông Ngô chiếm mất Kinh Châu và giết Quan Vũ, nên sau khi lên ngôi, liền coi việc quan trọng trước hết là tiến đánh Đông Ngô để báo thù trả hận.

Đại tướng Triệu Vân can rằng: Kẻ cướp ngôi vua là Tào Phi, chứ không phải Tôn Quyền. Nếu diệt được Tào

Ngụy thì Đông Ngô tự nhiên phải khuất phục. Không nên bỏ qua Tào Ngụy mà đánh Đông Ngô.

Các đại thần khác cũng đều khuyên can, nhưng Lưu Bị nhất định không nghe. Ông ta giao cho Gia Cát Lượng ở lại Thành Đô phò tá Thái tử Lưu Thiện, còn tự mình dẫn quân đi đánh Đông Ngô.

Lưu Bị một mặt chuẩn bị xuất quân, một mặt gọi Trương Phi đem quân đến Giang Châu (nay là Trùng Khánh, Tứ Xuyên) hội hợp. Nhưng Lưu Bị chưa kịp xuất quân, thì bộ tướng của Trương Phi đã làm phản, giết Trương Phi và sang hàng Đông Ngô. Lưu Bị mất liền hai viên đại tướng, lực lượng yếu đi nhiều. Nhưng do tâm lý nôn nóng báo thù, không còn cân nhắc tình tảo được nữa.

Tin cấp báo về tới Đông Ngô, Tôn Quyền thấy Lưu Bị ra quân lần này thanh thế lừng lẫy, có phần lo sợ, liền cử người sang gặp Lưu Bị xin hoà. Nhưng trong tâm trạng kiên quyết báo thù, Lưu Bị thẳng thừng cự tuyệt.

Chỉ mấy ngày sau, quân Thục Hán đã đánh chiếm huyện Vu (nay là phía Bắc huyện Vu Sơn, Tứ Xuyên) và tiến tới Tỉ Qui (nay ở phía Tây tỉnh Hồ Bắc). Tôn Quyền biết không còn hi vọng giảng hoà, liền cử Lục Tốn làm đại đô đốc, đem năm vạn quân chống lại.

Chỉ sau mấy tháng ra quân, Lưu Bị đã chiếm được năm, sáu trăm dặm đất đai Đông Ngô. Rồi từ Tỉ Qui tiếp tục đánh gấp về hướng đông. Hoàng Quyền, làm chức tùy quân mưu sĩ, vội can Lưu Bị: "Quân Đông Ngô xưa nay chiến đấu rất dũng mãnh. Xin hoàng thượng chớ coi thường chúng. Quân ta thuận dòng sông đi xuống, tiến lên thì dễ, nhưng lui quân rất khó. Vậy xin



để tiểu tướng đi trước mở đường, bộ hạ ở phía sau tiếp ứng. Như vậy tiến quân sẽ thuận lợi và đảm bảo hơn."

Nhưng Lưu Bị lòng như lửa đốt, nhất định không chịu nghe theo Hoàng Quyền. Liền sai Hoàng Quyền đóng lại giữ Giang Bắc, để phòng quân Ngụy, còn mình dẫn quân xuôi theo bờ nam, vượt núi trèo non tiến tới Hào Đình (nay ở Tây bắc Nghi Đô, Hồ Bắc).

Các tướng sĩ Đông Ngô thấy quân Thục cứ tiến sâu mãi, đều tức tối, hăng hái muốn đem quân quyết chiến, nhưng đại đô đốc Lục Tốn kiên quyết không cho.

Lục Tốn phân tích: "Lần này Lưu Bị mang đại quân đông chinh, sĩ khí đang hăng, có sức chiến đấu mạnh. Vả lại, chúng chiếm thượng du, có địa hình hiểm yếu, không dễ đánh phá. Nếu liều lĩnh quyết chiến, vạn nhất gặp thất bại thì ảnh hưởng đến sự còn mất của cả Đông Ngô. Chúng ta hãy giữ gìn lực lượng, suy xét chiến lược kéo dài thời gian đợi đến khi quân địch mỏi mệt, sẽ tìm cơ hội phản công."

Tướng lĩnh dưới quyền Lục Tốn, có người là lão tướng có công lao từ thời Tôn Sách, có người là quý tộc họ Tôn, vốn đã không phục khi Tôn Quyền cử một thư sinh làm đại đô đốc. Nay lại thấy Lục Tốn không chịu cho xuất kích, thì đều cho Lục Tốn là kẻ nhát gan, sợ địch, nên bực bội, nói xấu sau lưng.

Từ huyện Vu đến Di Lăng (nay ở phía Đông huyện Nghi Xương, Hồ Bắc), dọc đường tiến quân, quân Thục dựng mấy chục trại quân lớn, dựng cây làm hàng rào, nối liền các trại quân, trước sau dài tới bảy trăm dặm. Lưu Bị cho rằng như thế khác gì thiên la địa võng, chỉ chờ quân Ngô đến đánh là xuất quân tiêu diệt.

Nhưng Lục Tồn vẫn án binh bất động, suốt từ tháng giêng tới tháng sáu năm đó (năm 222), hai bên kìm giữ nhau trong một nửa năm.

Lưu Bị quá nóng lòng, liền sai Ngô Ban dẫn mấy ngàn quân từ trên núi kéo xuống đất bằng hạ trại để khiêu khích quân Ngô. Tướng sĩ Ngô nhin không nổi, xin ra đánh.

Lục Tồn cười nói: "Ta quan sát địa hình rồi, số quân Thục trước mắt tuy ít, nhưng ở các hẻm núi xung quanh nhất định có phục binh. Chúng hò hét, nhử chúng ta ra để tiêu diệt. Đừng để bị mắc lừa chúng."

Các tướng vẫn không tin. Nhưng mấy ngày sau, Lưu Bị thấy Đông Ngô không chịu giao chiến, biết Lục Tồn đã hiểu rõ kế của mình, liền điều tám ngàn quân mai phục từ trong núi rút ra. Tướng sĩ Đông Ngô lúc đó mới tin sự phán đoán của Lục Tồn là chính xác.

Một hôm, Lục Tồn bất ngờ triệu tập các tướng đến, tuyên bố chuẩn bị xuất kích. Nhiều người nói: "Muốn đánh Lưu Bị, thì đánh ngay từ đầu. Bây giờ để chúng tiến vào năm sáu trăm dặm, chiếm hết các đường hiểm yếu, mới nói chuyện đánh, thì đánh làm sao?"

Lục Tồn giải thích: "Khi Lưu Bị mới đến sĩ khí đang hăng, chúng ta không dễ thắng được. Nay chúng đã đóng quân suốt nửa năm, không tiến lên được nữa, binh sĩ đã mỏi mệt. Đây chính là thời cơ ta đánh thắng chúng."

Sau đó, Lục Tồn phái một toán quân nhỏ tiến đánh một trại quân Thục. Vừa tiếp cận hàng rào thì quân Thục đã từ hai bên đổ ra chém giết. Quân lính ở mấy trại gần đó cũng ủa ra tăng viện. Quân Đông Ngô chống

cự không nổi, vội vã rút lui thì đã thiệt hại mất nhiều binh mã.

Các tướng đều oán Lục Tốn. Lục Tốn nói: "Đó là ta chỉ thăm dò hư thực của chúng thôi. Nay ta đã có kế đánh tan quân Thục rồi."

Đêm đó, Lục Tốn lệnh cho tướng sĩ, mỗi người mang một bó lau tẩm dầu và dụng cụ đánh lửa, mai phục sẵn trong rừng phía bờ nam. Đợi tới canh ba, thì nhất loạt áp sát các trại quân Thục và phóng hoả đốt trại.

Canh ba, bốn đại tướng Đông Ngô dẫn mấy vạn quân, xông tới trại quân Thục, nhất tề phóng lửa. Vì trại Thục liên sát nhau, trại này bốc lửa, liền lan sang trại khác, lại vì đêm đó gió nổi rất to, nên trong chốc lát, hơn bốn mươi đại doanh của Lưu Bị đã trở thành biển lửa.

Tới khi Lưu Bị phát hiện thì không còn cách gì cứu vãn, chỉ vội nhảy lên ngựa, do các tướng sĩ hộ tống, xông ra khỏi đám lửa, chạy lên núi Mã Yên.

Lục Tốn ra lệnh các cánh quân Đông Ngô vây chặt núi Mã Yên và xông lên tiến công mãnh liệt. Hơn một vạn quân Thục trên núi Mã Yên tan vỡ, chết và bị thương nhiều không kể xiết. Chiến đấu suốt một ngày, tới chập tối, Lưu Bị dẫn tàn binh bại tướng phá vây chạy về phía tây. Quân Đông Ngô đuổi riết phía sau. May nhờ các kho trạm dọc đường của quân Thục, đem hết xe cộ khô giáp ra lấp các đường hẻm, cản đường truy kích của Đông Ngô, nên Lưu Bị mới chạy thoát về thành Bạch Đế (nay là núi Bạch Đế, huyện Phụng Tiết, Tứ Xuyên).

Trận đại chiến này, quân Thục hầu như bị tiêu diệt hết toàn quân. Toàn bộ thuyền bè, vũ khí, vật tư quân dụng đều bị quân Ngô chiếm hết. Lịch sử gọi trận đánh này là "Hào Đình chi chiến"*.

Lưu Bị thua trận, vừa buồn vừa uất, nói: "Ta bị Lục Tốn đánh thua, chẳng phải là ý trời sao?"

Một năm sau, Lưu Bị ốm chết ở Vĩnh An (nay là Phụng Tiết, Tứ Xuyên).

* Túc Trần Hào Đình, còn gọi là Trần Di Lăng, lấy tên một địa danh gần Hào Đình.

101- BẢY LẦN BẮT MẠNH HOẠCH

Tiên chủ Lưu Bị của Thục Hán khi lâm bệnh nặng, liền triệu Gia Cát Lượng từ Thành Đô tới, dặn dò công việc về sau. Lưu Bị nói: "Tài năng của Thừa tướng gấp mười lần Tào Phi, nhất định sẽ cai quản tốt đất nước. Con ta là A Dấu (tên lúc nhỏ của Lưu Thiện) tài hèn, nếu Thừa tướng thấy giúp được thì giúp, nếu không thì Thừa tướng cứ tự mình giành lấy ngôi vị làm chủ đất nước này".

Gia Cát Lượng giật mình kinh sợ, chảy nước mắt, dập đầu nói: "Thần chịu ơn tri ngộ của bệ hạ, đâu dám không hết lòng hết sức phò tá hậu chủ để báo đáp lại bệ hạ, đến chết mới thôi".

Lưu Bị gọi con nhỏ là Lưu Vĩnh tới bên mình, căn dặn: "Ta chết đi, anh em con phải tôn kính Thừa tướng như cha mới được. Mọi việc, phải nhất nhất nghe theo lời thừa tướng".

Sau khi Lưu Bị mất, Gia Cát Lượng trở về Thành Đô, phò tá Lưu Thiện lên kế vị. Lịch sử gọi Lưu Thiện là Thục Hán hậu chủ.

Lưu Thiên lên ngôi, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều giao cho Gia Cát Lượng quyết định. Gia Cát Lượng tận tụy làm việc, mong hồi phục lại sức mạnh của Thục Hán. Không ngờ, tại vùng Nam Trung (nay là vùng từ sông Đại Độ trở về phía nam thuộc tỉnh Tứ Xuyên và vùng Vân Nam, Quý Châu) lại xảy ra cuộc nổi loạn ở mấy quận.

Một cường hào ở Ích Châu là Ung Khải nghe tin Lưu Bị chết, liền giết thái thú Ích Châu và nổi loạn. Hắn một mặt cử người sang đưa thư đầu hàng Đông Ngô, một mặt lôi kéo thủ lĩnh dân tộc thiểu số ở vùng Nam Trung là Mạnh Hoạch, xúi giục Mạnh Hoạch lôi kéo thêm một số bộ tộc khác cùng chống lại Thục Hán.

Bất chước Ung Khải, thái thú Tường Kha (nay là vùng Thuận Nghĩa, Quý Châu) là Chu Bảo và một tù trưởng bộ tộc thiểu số là Cao Định cũng hưởng ứng cuộc nổi loạn. Tình hình đó, có nguy cơ khiến Thục Hán mất gần nửa đất đai, khiến Gia Cát Lượng vô cùng lo lắng.

Nhưng lúc đó Thục Hán vừa thua trận Hào Đình và Lưu Bị mới mất, nên không thể xuất binh. Gia Cát Lượng phải cử người sang giảng hoà với Đông Ngô để giữ yên phía Đông. Một mặt, ra sức phát triển sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi, tích trữ lương thảo, huấn luyện binh mã.

Qua hai năm, tình hình mọi mặt đều khởi sắc, Gia Cát Lượng quyết định dẫn quân Nam chinh.

Năm 225, tháng ba, Gia Cát Lượng dẫn đại quân xuất phát. Mã Tắc, là em ruột Mã Lương, vốn là một bạn tốt của Gia Cát Lượng, tiến theo mấy chục dặm trưởng.

Trước lúc chia tay, Gia Cát Lượng nắm tay Mã Tắc, nói: "Ta với tôn huynh và tướng quân quen biết và cộng tác với nhau đã lâu, nay ta đem quân Nam Chinh, tướng quân có ý kiến gì hay góp với Lượng này không?".

Mã Tắc nói: "Người vùng Nam Trung dựa vào địa hình hiểm yếu, lại xa kinh thành, từ lâu đã có ý không tuân theo triều đình. dù ta có dùng đại quân đánh bại được họ, thì sau đó, họ vẫn cứ nổi dậy. Tôi nghe nói phép dùng binh chủ yếu là đánh vào lòng người, còn đánh thành là thứ yếu. Lần này Thừa tướng nam chinh, nhất định phải làm sao khiến họ tâm phục thì mới mong chỉ vất vả một lần mà yên tâm mãi mãi".

Lời Mã Tắc hoàn toàn trùng hợp với ý Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng gật đầu, nói: "Cám ơn tướng quân đã khuyên bảo. Ta nhất định sẽ làm như thế".

Gia Cát Lượng đem quân Thục xuống miền Nam, liên tục đánh thắng. Quân mới đi tới nửa đường, thì giữa Cao Định và Ung Khải đã xảy ra xung đột, bộ hạ của Cao Định đã giết chết Ung Khải. Quân Thục tiến tới, cũng giết luôn được Cao Định.

Gia Cát Lượng cử hai đại tướng Lý Khôi và Mã Trung chia đường tiến công. Không đầy nửa tháng, Mã Trung đã đánh phá Tường Kha, tiêu diệt được phiên quân ở đó. Tình hình phản loạn trong bốn quận nhanh chóng được dẹp yên.

Nhưng sự việc chưa kết thúc. Từ trưởng bộ tộc ở Nam Trung là Mạnh Hoạch tiếp nhận tàn binh của Ung Khải tiếp tục chống lại quân Thục. Gia Cát Lượng điều tra biết được rằng Mạnh Hoạch không chỉ giỏi chiến đấu mà còn có uy tín rất cao trong các bộ tộc vùng Nam

Trung. Vì vậy, nhớ tới lời Mã Tốc, Gia Cát Lượng quyết tâm tìm cách chinh phục Mạnh Hoạch. Ông ra lệnh cho ba quân, chỉ được bắt sống chứ không được làm tổn thương tới Mạnh Hoạch.

Do Gia Cát Lượng giỏi dùng mưu kế, mỗi khi giao chiến, khi quân Thục chạm trán với quân Mạnh Hoạch, đều cố ý rút lui. Mạnh Hoạch ý vào người đông, thông thạo địa hình nên cứ thúc quân đuổi tràn. Lúc đó, phục binh Thục mới xông ra, đánh tan quân Nam Trung và bắt sống Mạnh Hoạch.

Mạnh Hoạch bị trói dẫn về trại Thục, tự nghĩ lần này chắc khó lòng sống được. Nào ngờ, vừa vào khỏi cửa dinh, Gia Cát Lượng đã lập tức quát lính sai cởi trói, mời ngồi, rồi ân cần khuyên nhủ Mạnh Hoạch qui hàng triều đình. Nhưng Mạnh Hoạch không chịu phục, nói: "Chỉ vì ta thiếu thận trọng, nên mới trúng kế của người, vì vậy, làm sao khiến ta phục được?".

Gia Cát Lượng không nài ép, cho Mạnh Hoạch cùng mình cưỡi ngựa đi xem khắp doanh trại Thục để thấy binh mã và sự bố trí, rồi hỏi: "Tù trưởng, người thấy binh mã triều đình ra sao?".

Mạnh Hoạch ngạo mạn trả lời: "Trước kia, ta không nắm được rõ hư thực của quân Thục, nên mới thua trận. Lần này đã tận mắt thấy rõ, đối với loại quân đội như thế này, ta có thể đánh thắng không khó khăn gì".

Gia Cát Lượng cười lớn, nói: "Nếu quả như vậy, tù trưởng hãy về chuẩn bị cho cẩn thận, rồi chúng ta lại cùng thử sức một lần nữa!".

Mạnh Hoạch được tha, trở về bộ lạc của mình, chấn chỉnh lại lực lượng rồi lại đem quân ra đánh. Nhưng vốn



là một kẻ hữu dũng vô mưu, Mạnh Hoạch đâu phải là đối thủ của Gia Cát Lượng, nên quân Thục dễ dàng bắt sống hắn.

Gia Cát Lượng lại khuyên hàng. Mạnh Hoạch vẫn chưa chịu phục, nhưng vẫn được thả về.

Cứ như vậy, bắt rồi lại thả, trước sau tất cả bảy lần.

Sau khi bắt được lần thứ bảy, vừa thấy dẫn Mạnh Hoạch vào, Gia Cát Lượng lại muốn thả ra lần nữa. Nhưng Mạnh Hoạch chảy nước mắt nói: "Đội ơn Thừa tướng bảy lần bắt bảy lần tha, thật là chí nhân chí nghĩa. Mạnh Hoạch này cảm thấy hổ thẹn và kính phục Thừa tướng vô cùng. Từ nay trở đi, quyết không dám làm phản nữa".

Mạnh Hoạch trở về, khuyên tất cả các bộ lạc khác đầu hàng. Vùng Nam Trung lại chịu sự khống chế của Thục Hán.

Bình định Nam Trung xong, Gia Cát Lượng ra lệnh cho Mạnh Hoạch và các thủ lĩnh bộ lạc khác cứ cai quản vùng đất của mình như cũ. Có người khuyên Gia Cát Lượng: "Chúng ta trải bao khó khăn mới bình định được Nam Trung. Tại sao Thừa tướng không cử quan lại đến cai trị, mà lại cứ để cho các đầu lĩnh của họ cai quản như cũ?".

Gia Cát Lượng nói: "Cử quan lại tới, không phải là cách hay, chỉ thêm nhiều bất tiện. Vì đã cử quan lại, thì phải đóng quân. Quân lính đóng ở nơi xa, phải tiếp tế lương thực khó khăn. Thêm nữa, hai bên vừa đọ can qua, nhiều dân địa phương tử trận. Nếu chúng ta cử quan lại tới cai trị, không khỏi khơi lại thù hận, nhất

định sẽ sinh ra hậu hoạn. Nay ta vừa không phái quan lại tới, lại không đóng quân, để họ tự trị, giữa người Hán và các bộ lạc khác không có va chạm gì, chẳng tốt hơn sao?".

Mọi người nghe nói, đều khâm phục tầm nhìn của Thừa tướng.

Gia Cát Lượng dẫn quân, ca khúc khải hoàn trở lại Thành Đô. Hậu chủ và các đại thần đều ra ngoài thành đón tiếp. Mọi người rất vui mừng vì đã bình định được Nam Trung.

Từ đó, Gia Cát Lượng ra sức chinh đồn nội trị, khuyến khích sản xuất, tích lũy lương thực, thao luyện quân sĩ, một lòng một dạ chuẩn bị cho việc đánh Tào Ngụy ở phía Bắc.

102- MÃ TỐC ĐỂ MẮT NHAİ ĐÌNH

Sau khi bình định Nam Trung, qua hai năm chuẩn bị, mùa đông năm 227, Gia Cát Lượng dẫn đại quân lên giữ Hán Trung. Vì Hán Trung ở gần nơi giáp giới giữa Thục và Ngụy nên ở đây để chọn thời cơ tiến đánh Tào Ngụy.

Trước khi rời Thành Đô, Gia Cát Lượng dâng biểu lên Hậu chủ, khuyên Hậu chủ không nên thoả mãn với hiện trạng, thiếu chí tiến thủ; cần gần gũi hiền thần, xa lánh bọn tiểu nhân. Đồng thời tỏ ý mình quyết không phụ sự uỷ thác của tiên đế, kiên quyết gánh vác trách nhiệm khôi phục triều Hán.

Bài biểu này là một tác phẩm nổi tiếng của Gia Cát Lượng, được lịch sử văn học gọi là "Tiên xuất sư biểu" (Sau này, Gia Cát Lượng, trong lần xuất quân sau, còn một bài biểu nữa, được gọi là "Hậu xuất sư biểu" - ND).

Tối đầu năm sau, Gia Cát Lượng dùng biện pháp dương đông kích tây, tung tin là sẽ đánh My Thành (nay là huyện My, tỉnh Thiểm Tây) và phái đại tướng

Triệu Vân đem một toán quan tới đánh ở Cơ Cốc (nay ở phía Bắc Bao Thành, Thiểm Tây) làm ra vẻ sắp đánh My Thành. Nhân lúc quân Ngụy bị thu hút về hướng đó, Gia Cát Lượng tự dẫn đại quân bất ngờ đánh vào Kỳ Sơn (nay ở phía Đông huyện Lễ, Cam Túc).

Quân Thục trải qua mấy năm được Gia Cát Lượng huấn luyện, có đội ngũ chỉnh tề, kỷ luật nghiêm minh, sĩ khí hết sức hăng hái. Từ sau khi Lưu Bị chết, Thục Hán không có hành động gì ở phía Bắc, nên quân Ngụy thiếu phòng bị. Lần này bất ngờ bị tiến đánh, quân Ngụy ở Kỳ Sơn không chống đỡ nổi, nên liên tục thua trận, buộc phải rút về phía sau. Quân Thục thừa thắng tiến lên. Tướng giữ ba quận Thiên Thủy, Nam An, An Định đều phản lại Ngụy và phái người tới xin hàng Gia Cát Lượng.

Lúc đó, Ngụy Văn Đế Tào Phi mới ốm chết, bá quan văn võ trong triều đình Ngụy nghe tin quân Thục tiến công, đều hoảng hốt kinh sợ. Ngụy Minh Đế Tào Nhuệ mới lên ngôi, còn tương đối trấn tĩnh, lập tức phái đại tướng Trương Cáp đem năm vạn quân tới gấp Kỳ Sơn đối địch. Còn bản thân Minh Đế cũng tới Trường An để đốc chiến.

Gia Cát Lượng tới Kỳ Sơn, quyết định phái một đội quân tới chiếm Nhai Đình (nay ở Đông nam Trang Lăng, Cam Túc) để làm cứ điểm hỗ trợ cho việc tiến thoái. Gia Cát Lượng cân nhắc, thấy đây là một nhiệm vụ quan trọng cần cử người có tài năng mưu trí. Bên cạnh Gia Cát Lượng lúc đó có mấy lão tướng dày dặn kinh nghiệm chiến trận, nhưng ông không chọn, lại cử tham quân Mã Tốc nhận nhiệm vụ này.



Mã Tốc là người đã từng đọc không ít binh thư, ngày thường rất thích đàm luận quân sự. Gia Cát Lượng tìm ông tới để nói chuyện về việc dụng binh, Mã Tốc liền say sưa nói không dứt, trong đó từng có những đề xuất đúng đắn, được Gia Cát Lượng tán thưởng, ví như kế sách về việc bình định Nam Trung. Vì vậy, Gia Cát Lượng rất tin dùng. Nhưng Lưu Bị khi còn sống, đã phát hiện thấy nhược điểm của Mã Tốc là thiếu thực tế, nên đã có lần nói với Gia Cát Lượng: "Mã Tốc là con người hay nói quá mức, không nên để giao đảm đương việc lớn" Nhưng Gia Cát Lượng không lưu tâm đúng mức tới lời dặn của Lưu Bị. Lần này, ông cử Mã Tốc làm tiền phong, Vương Bình làm phó tướng.

Mã Tốc và Vương Bình dẫn quân tới Nhai Đình thì Trương Cáp cũng đang dẫn viện binh của quân Ngụy tiến tới. Mã Tốc quan sát địa hình, rồi nói với Vương Bình: "Chỗ này địa hình hiểm yếu, bên cạnh Nhai Đình lại có một ngọn núi, nên đóng quân trên đó để mai phục."

Vương Bình nhắc Mã Tốc: "Trước lúc xuất quân, Thừa tướng có nhắc là phải giữ vững thành lũy, lập dinh trại cho tốt. Nếu đóng quân trên núi thì mạo hiểm quá."

Mã Tốc thiếu kinh nghiệm chiến trận, tự cho mình đọc nhiều binh thư, nên không nghe theo lời nhắc nhở của Vương Bình, cứ nhất định đóng quân trên núi. Vương Bình can ngăn mãi không được, liền xin Mã Tốc cấp cho mình hơn một ngàn quân, dẫn tới đóng ở chân núi gần đó.

Trương Cáp dẫn đại binh tới Nhai Đình, thấy Mã Tốc bỏ không dùng thành trì sẵn có dưới núi mà lại mang quân lên đóng trên núi thì mừng thầm, lập tức điều quân chiếm thành lũy dưới núi, rồi vây chặt trái núi có quân Mã Tốc đóng trên đó.

Mã Tốc nhiều lần ra lệnh cho quân xông xuống núi, nhưng do Trương Cáp giữ vững thành lũy, quân Thục không sao phá được, lại bị quân Ngụy bắn chết khá nhiều.

Quân Ngụy xiết chặt vòng vây và cắt đứt nguồn nước, khiến quân Thục không có nước nấu cơm, dần dần sinh ra rối loạn. Trương Cáp thấy cơ hội đã đến, liền ra lệnh tổng công kích. Quân Thục tan vỡ, đua nhau lui trốn, không sao ngăn cản được. Cuối cùng Mã Tốc đành liều chết phá vây chạy về hướng tây.

Vương Bình có một ngàn binh mã, giữ vững dinh trại. Thấy quân Mã Tốc bị đánh bại, liền hạ lệnh thúc trống, làm ra vẻ chuẩn bị tiến công. Trương Cáp ngỡ là quân Thục có mai phục nên không dám tới gần. Vương Bình chinh đồn đội ngũ, rồi từ từ rút về, không những không tổn thất một tên lính nào, mà còn thu nhận được một số quân tán lạc của Mã Tốc nữa.

Nhai Đình thất thủ, quân Thục bị mất một cứ điểm quan trọng, lại tổn thất nhiều người ngựa. Để tránh bị tổn thất lớn hơn nữa, Gia Cát Lượng đành rút lui toàn bộ về Hán Trung.

Về tới Hán Trung, qua thăm vấn, được biết việc mất Nhai Đình do hoàn toàn do lỗi của Mã Tốc đã không tuân theo mệnh lệnh về việc bố trí quân đội. Mã Tốc cũng không thể không thừa nhận lỗi của mình.

Theo quân pháp, Gia Cát Lượng hạ lệnh đưa Mã Tắc vào nhà giam và định vào tử tội.

Mã Tắc tự biết mình không tránh khỏi chết, liền từ trong ngục, viết một lá thư cho Gia Cát Lượng. Thư viết: "Thường ngày, Thừa tướng đối đãi với mặt tướng thân thiết như đối với con đẻ của mình, mặt tướng cũng kính trọng Thừa tướng như cha. Lần này, mặt tướng phạm vào tử tội, không dám kêu oan, chỉ cúi xin Thừa tướng đoái thương con cái của mặt tướng, như vua Thuần ngày xưa đã giết Cỗ mà dùng Vũ. Được như vậy, mặt tướng dù có chết cũng được yên lòng."

Gia Cát Lượng theo quân pháp phải giết Mã Tắc, nhưng nghĩ tới tình cảm xưa kia giữa mình với Mã Lương, Mã Tắc, nên cũng trào lệ cảm thương. Ông phái người chăm nom chu đáo cho gia đình Mã Tắc.

Lại thấy Vương Bình ở Nhai Đình đã từng can gián Mã Tắc, lại biết dùng mẹo khi lui quân, bảo toàn được binh mã, lập được công, cần được khen thưởng để khích lệ tướng sĩ, liền thăng Vương Bình làm tham quân, giao cho chỉ huy năm đạo binh mã.

Gia Cát Lượng nói với các tướng sĩ: "Lần này ra quân thất bại, cố nhiên là do Mã Tắc làm trái mệnh lệnh, nhưng cũng do lỗi của ta dùng người không minh." Liền dâng tấu chương lên Hậu chủ Lưu Thiện, xin giáng chức mình xuống ba cấp.

Lưu Thiện nhận được tấu chương, không biết nên xử trí thế nào, Có đại thần nói: "Thừa tướng đã có ý kiến như vậy, bệ hạ nên làm theo ý Thừa tướng." Lưu Thiện liền hạ chiếu, giáng Gia Cát Lượng xuống làm Hữu

tướng quân, nhưng vẫn đảm trách công việc của thừa tướng.

Do Gia Cát Lượng thưởng phạt nghiêm minh, tự mình gương mẫu, nên tướng sĩ Thục đều rất cảm phục. Toàn quân rút bài học thất bại, sĩ khí vẫn được giữ vững. Mùa đông năm đó, Gia Cát Lượng lại đem quân đánh ra Tản Quan (nay ở Tây nam Bảo Khê, Thiểm Tây), bao vây Trần Thương (nay ở Đông Bảo Khê), giết được một tướng Ngụy. Mùa xuân năm sau, lại đem quân thu phục hai quận là Vũ Đô (nay là huyện thành, Cam Túc) và Âm Bình (nay ở Tây bắc huyện Văn Cam Túc). Hậu chủ Lưu Thiện cho rằng Gia Cát Lượng đã lập được công, lại hạ chiếu thư, khôi phục lại chức Thừa tướng cho ông như cũ.

103- KHỔNG MINH MẮT Ở GÒ NGŨ TRƯỢNG

Năm 229, tháng tư, Ngô vương Tôn Quyền chính thức xưng đế. Đại đa số các đại thần Thục Hán cho rằng Tôn Quyền xưng đế là tiếm hiệu, cần phải cắt đứt liên minh với Đông Ngô. Nhưng Gia Cát Lượng cho rằng, trước mắt, Tào Ngụy mới là đối thủ chủ yếu của Thục Hán. Vì vậy, ông vẫn liên minh với Đông Ngô, và chuẩn bị bắc phạt.

Năm 231, Gia Cát Lượng đem quân thực hiện cuộc bắc phạt lần thứ tư, tiến quân đến Kỳ Sơn. Ngụy đế cử đại tướng Tư Mã Ý và Trương Cáp cùng dẫn quân đến Kỳ Sơn đối địch. Gia Cát Lượng để một bộ phận lưu tại Kỳ Sơn, còn tự mình dẫn quân chủ lực đánh chặn Tư Mã Ý.

Tư Mã Ý tìm hiểu chiến lược của Gia Cát Lượng, thấy quân Gia Cát Lượng tiến xa hậu phương, quân lương tiếp tế khó khăn. Vì vậy, quyết định xây dựng thành lũy ở nơi hiểm yếu, ra lệnh cho tướng sĩ giữ vững chứ không ra đánh.

Tướng lĩnh Ngụy cho rằng Tư Mã Ý sợ quân Thục, nên nhiều lần xin ra đánh và nói: "Tướng quân sợ quân Gia Cát Lượng như sợ hổ, không sợ người trong thiên hạ cười cho hay sao?"

Tư Mã Ý liền dẫn quân tiến lên giao chiến, bị quân Thục đánh cho một trận tơi bời. Nhưng phía quân Thục, do lỗi lầm của quan vận lương nên lương thảo tiếp tế không đủ, đành chủ động rút quân. Đại tướng Ngụy là Trương Cáp dẫn quân đuổi riết, tới một hẻm núi trong rừng cây rậm rạp, bị phục binh do Gia Cát Lượng bố trí sẵn, dùng cung tên bắn chết.

Gia Cát Lượng mấy lần xuất quân đều không thành công. Một trong những nguyên nhân quan trọng là lương thực tiếp tế không kịp. Do đường núi nhỏ bé, gập ghềnh, xe tải lương đi lại khó khăn, chậm chạp. Vì vậy, Gia Cát Lượng liền thiết kế ra trâu gỗ, ngựa gỗ, gọi là "mộc ngư", "lưu mã" (thực chất là một loại xe vận chuyển cải tiến, có thể đi trên đường nhỏ, gập ghềnh), chở lương thực đến dự trữ sẵn ở hang Tà Cốc (nay ở Tây nam huyện My, Thiểm Tây).

Năm 234, sau khi chuẩn bị đầy đủ, Gia Cát Lượng dẫn mười vạn đại quân, lại tiến hành bắc phạt lần cuối cùng. Ông cử sứ giả sang Đông Ngô, hẹn với Tôn Quyền đồng thời cử quân để phối hợp đánh Ngụy cả từ hai phía.

Đại quân Gia Cát Lượng qua hang Tà Cốc, đến gò Ngũ Trượng ở bờ nam sông Vị. Để tính kế lâu dài, Gia Cát Lượng cho tướng sĩ đồn đốc binh lính xây dựng dinh lũy chuẩn bị tác chiến, đồng thời cử một bộ phận binh sĩ khai khẩn đất đai, cày cấy cùng với nhân dân địa

- phương để sản xuất lương thực tại chỗ. Nhờ có kỷ luật nghiêm minh, nên giữa quân Thục và dân địa phương có quan hệ rất tốt.

Ngụy Minh Đế phái Tư Mã Ý dẫn quân Ngụy vượt qua sông Vị, cũng xây thành đắp lũy phòng thủ để cầm cự với quân Thục.

Tôn Quyền nhận được thư của Gia Cát Lượng, lập tức cử ba cánh quân lên bắc đánh Ngụy. Ngụy Minh Đế cũng là người có bản lĩnh, một mặt dẫn đại quân xuống phía nam chống lại, một mặt báo cho Tư Mã Ý biết, cứ giữ vững ở Ngũ Trượng Nguyên, không ra quân chống lại.

Gia Cát Lượng chờ đợi tin tức ở mặt Đông Ngô, nhưng kết quả khiến ông thất vọng: Cuộc tiến công của Tôn Quyền đã bị thất bại. Ông muốn quyết chiến cùng quân Ngụy, nhưng Tư Mã Ý trước sau nhất định giữ vững thành lũy, không chịu đem quân ra đánh. Gia Cát Lượng dùng mọi biện pháp để khiêu chiến, nhưng đều không có hiệu quả. Hai bên kìm giữ nhau ở đây hơn một trăm ngày.

Muốn buộc quân Ngụy ra đánh, Gia Cát Lượng nghĩ ra một cách chọc tức Tư Mã Ý. Lợi dụng tâm lý và phong tục coi khinh phụ nữ thời đó, ông phái sứ giả mang tặng Tư Mã Ý một bộ áo phụ nữ, tỏ ý coi thường Tư Mã Ý hèn nhát như đàn bà, không đáng mặt làm tướng cầm quân ra chiến trường.

Tướng sĩ quân Ngụy thấy chủ tướng bị lăng nhục như vậy, thấy đều căm giận, muốn đem quân quyết một trận sống mái với quân Thục. Tư Mã Ý biết đây là thủ



đoạn khích tướng của Gia Cát Lượng nên không hề nổi giận. Ý an ủi tướng sĩ: "Được, nếu các người đã muốn đánh, thì để ta dâng tấu chương lên triều đình, xin hoàng đế chuẩn y cho chúng ta quyết chiến cùng quân Thục".

Mấy ngày sau, Ngụy Minh Đế phái một đại thần tới trại quân, truyền đạt chỉ dụ của hoàng đế: không cho ra đánh.

Tướng sĩ Thục nghe tin, đều lấy làm thất vọng. Chỉ có Gia Cát Lượng hiểu được dụng ý của Tư Mã Ý, liền nói: "Việc Tư Mã Ý dâng biểu xin đánh, chỉ là trò làm yên lòng tướng sĩ thôi. Chứ bao giờ có chuyện đại tướng quân dẫn quân ở ngoài xa ngàn dặm lại phải dâng biểu về triều đình xin đánh".

Tư Mã Ý và Gia Cát Lượng là những đối thủ rất hiểu rõ tâm lý của nhau, và luôn tìm cách để thăm dò tình hình đối phương. Có lần, Gia Cát Lượng phái sứ giả đến khiêu chiến, Tư Mã Ý tiếp đãi rất ân cần, rồi hỏi thăm và nói chuyện văn. Tư Mã Ý hỏi: "Thừa tướng bên quý quốc chắc là bận rộn lắm. Gần đây sức khoẻ Thừa tướng thế nào? Ăn uống có được ngon miệng không?"

Sứ giả nghĩ rằng đó là lời thăm hỏi theo phép xã giao, không có gì quan trọng nên thực thà trả lời: "Thừa tướng của chúng tôi đúng là rất bận rộn, phải tự mình giải quyết mọi việc lớn nhỏ trong quân doanh. Ngài thường thức khuya dậy sớm. Có điều gần đây ăn uống không được ngon miệng, mỗi bữa chỉ dùng rất ít".

Sau khi sứ giả ra về, Tư Mã Ý liền nói với tướng sĩ: "Các người xem, Gia Cát Lượng làm việc thì nhiều mà ăn uống lại ít, làm sao mà kéo dài được!"

Đúng như Tư Mã Ý dự đoán, Gia Cát Lượng do làm việc quá mệt nhọc nên ít lâu sinh bệnh ngay tại quân doanh.

Hậu Chủ nghe tin Gia Cát Lượng ốm liền cử đại thần Lý Phúc tới Ngũ Trượng Nguyên thăm hỏi. Sau khi nói chuyện quan trọng trong triều với Gia Cát Lượng, Lý Phúc cáo từ ra về.

Mấy hôm sau, Lý Phúc lại tới, thấy Gia Cát Lượng võ vàng hắt đi, liền bật khóc. Gia Cát Lượng mở to mắt nhìn Lý Phúc rồi nói: "Ta đã hiểu ý hoàng thượng sai ông tới đây là để hỏi gì rồi. Hoàng thượng muốn biết sau khi ta mất đi thì ai là người thay thế. Ta xin tiến cử Tưởng Uyển thay ta làm thừa tướng".

Lý Phúc nói: "Thừa tướng đoán rất đúng. Hoàng thượng phái hạ chúc tới đây chính là hỏi, vạn nhất Thừa tướng mệnh chung thì ai là người đảm đương nổi trọng trách quốc gia. Vậy sau Tưởng Uyển thì ai là người kế nhiệm được?"

Gia Cát Lượng nói: "Có thể giao cho Phí Vi".

Lý Phúc còn muốn hỏi tiếp thì Gia Cát Lượng đã nhắm mắt không trả lời nữa. mấy hôm sau, con người đầy tài năng và tâm huyết, mới năm mươi tư tuổi đã trút hơi thở cuối cùng, ôm theo mối hận vì hoài bão lớn không thực hiện được.

Theo lời dặn dò trước của Gia Cát Lượng, quân Thục giữ bí mật tin tức về cái chết của Gia Cát Lượng. Họ để thi thể Gia Cát Lượng trong xe rồi bố trí lui quân có trật tự.

Khi thám tử quân Ngụy dò biết được tin tức, cấp báo lên Tư Mã Ý, Ý lập tức cho quân đuổi theo. Vừa qua Ngũ Trượng Nguyên, bỗng nhiên đội ngũ quân Thục quay lại, thúc trống vang lừng rồi xông tới chém giết.

Tư Mã Ý giật mình, tưởng bị trúng kế, vội quay đầu ngựa, hạ lệnh rút quân.

Chờ cho quân Ngụy rút xa, quân Thục lại từ từ rút khỏi Ngũ Trượng Nguyên.

Dân chúng biết việc đó, liền đặt ra một câu về chế diễu Tư Mã Ý:

*"Gia Cát Lượng đã về trời,
Còn làm Trọng Đạt rụng rời chân tay"*

(Nguyên văn: "Gia Cát chết còn đoạ được Trọng Đạt sống". Trọng Đạt là tên tự của Tư Mã Ý).

Tư Mã Ý nghe được câu vè, cũng không tỏ ý bực, chỉ nói: "Ta chỉ dự đoán được mưu mẹo của Gia Cát Lượng lúc sống, chứ sao có thể biết được sự bố trí của ông ta sau khi chết". Sau đó, Tư Mã Ý tự đến nơi bố trí doanh trại của quân Thục, xem xét kỹ rồi than: "Gia Cát Khổng Minh thực là bậc kỳ tài trong thiên hạ!"

Hoài bão thống nhất Trung Nguyên của Gia Cát Lượng không thực hiện được, nhưng trí tuệ và phẩm cách của ông được người đời sau mãi mãi truyền tụng.

Trong truyền thuyết dân gian, hình tượng Gia Cát Lượng trở thành hoá thân của trí tuệ. Trong bài "Hậu xuất sư biểu" của ông có câu: "*Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ*" (Hết lòng tận tụy, đến chết mới thôi) được người đời cho rằng đó là sự đánh giá xác đáng nhất đối với toàn bộ cuộc đời ông.

104- TƯ MÃ Ý GIẢ ỐM

Mấy năm sau khi Gia Cát Lượng mất, Thục Hán chỉ giữ thế thủ với Ngụy. Nước Ngụy ngày càng lớn mạnh, nhưng nội bộ lại xảy ra động loạn.

Đại tướng Tư Mã Ý của Ngụy vốn là dòng dõi đại sĩ tộc địa chủ. Khi Tào Tháo mới lên cầm quyền có mời Tư Mã Ý ra làm quan. Lúc đó, Tư Mã Ý thấy Tào Tháo xuất thân từ tầng lớp thấp kém hơn mình, nên không nhận ra làm quan dưới quyền Tào Tháo. Nhưng vì không dám để mất lòng Tào Tháo, Tư Mã Ý phải lấy cớ có bệnh phong thấp. Tào Tháo ngờ là Tư Mã Ý cố tình thoái thác, liền cho tay sai giỏi võ nghệ ban đêm lẻn vào nhà Tư Mã Ý quan sát, quả nhiên thấy Tư Mã Ý nằm trên giường, có người hầu hạ xung quanh.

Thích khách vẫn chưa tin Tư Mã Ý có bệnh liền xông vào, rút kiếm chĩa vào cổ Tư Mã Ý. Anh ta cho rằng nếu Tư Mã Ý không mắc bệnh thì nhất định phải vùng lên. Nhưng Tư Mã Ý vốn nhiều mưu trí, đoán ngay ra phép thử của Tào Tháo, vẫn nằm yên như không cất nhắc

được chân tay, chỉ mở mắt ra, lơ lơ hỏi: "Nhà người có thù gì với ta?". Thích khách tin là Tư Mã Ý ốm thật, liền quay phắt trở ra, nhảy qua tường, về báo với Tào Tháo.

Tư Mã Ý biết rằng nếu cứ bất hợp tác mãi thì Tào Tháo không để yên. Vì vậy, một thời gian sau, cho loan tin là đã khỏi bệnh phong thấp. Tào Tháo lại triệu ra làm quan, Tư Mã Ý liền nhận lời.

Lần lượt trong hai đời Tào Tháo và Tào Phi, Tư Mã Ý đều giữ chức vị cao, có nhiều ý kiến đóng góp được trọng nể. Đến khi Ngụy Minh Đế Tào Duệ lên ngôi, Tư Mã Ý đã là một nguyên lão đại thần của nước Ngụy. Do suốt trong thời gian dài, Tư Mã Ý đã đảm nhiệm việc thống lĩnh quân Ngụy đánh nhau với Thục ở vùng Quan Trung, nên phần lớn binh quyền ở nước Ngụy đã nằm trong tay ông. Sau đó, thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên cầu kết với quý tộc người Tiên Ti nổi dậy chống lại Ngụy. Ngụy Minh Đế lại cử Tư Mã Ý đem binh mã đi dẹp loạn.

Dẹp xong Liêu Đông, Tư Mã Ý chuẩn bị dẫn quân về triều thì nhận được chiếu thư khẩn cấp, triệu về Lạc Dương.

Về tới Lạc Dương, Ngụy Minh Đế đã lâm bệnh nặng. Minh đế gọi Tư Mã Ý và đại thần trong hoàng tộc là Tào Sảng đến bên giường bệnh, dặn dò họ cùng nhau hiệp lực phò tá Thái tử Tào Phương.

Sau khi Ngụy Minh Đế mất, Thái tử Tào Phương lên nối ngôi; tức là Ngụy Thiếu Đế. Tào Sảng làm đại tướng



quân, Tư Mã Ý làm thái úy. Mỗi người lĩnh ba ngàn quân thay nhau trực trong hoàng cung. Tào Sảng được nhận trọng trách, chủ yếu là do thuộc hoàng tộc, còn về tài năng và tư cách thì kém xa Tư Mã Ý. Khi mới nhận chức, ông ta không thể không tôn trọng Tư Mã Ý, có việc gì đều đến hỏi ý kiến Tư Mã Ý.

Sau đó, một số tay chân tâm phúc nhắc nhở Tào Sảng: "Đại tướng quân là người trong hoàng tộc, không nên chia xẻ đại quyền cho người ngoài". Họ xui Tào Sảng lấy danh nghĩa Thiếu Đế, thăng Tư Mã Ý lên cấp thái phó, thực chất là tước binh quyền của Tư Mã Ý, vì thái phó tuy có tước vị cao hơn thái úy, nhưng lại thuộc ngạch văn quan, không nắm binh quyền. Sau đó, Tào Sảng lại bố trí cho anh em và tay chân trong họ Tào giữ những chức vụ trọng yếu. Tư Mã Ý thấy rõ ý đồ đó, nhưng cứ giả câm giả điếc, không hề nói một lời nào.

Tào Sảng nắm được đại quyền, liền bắt đầu lao vào cuộc sống xa xỉ hoan lạc. Sau, nghe lời bộ hạ, Tào Sảng lại muốn chiêu võ giương oai, đem đại quân đi đánh Thục Hán, toan lấy võ công để tăng thêm uy tín. Không ngờ, đại quân Tào Ngụy dưới sự chỉ huy ngu dốt của Tào Sảng, bị quân Thục đánh cho đại bại, suýt nữa thì bị tiêu diệt hết toàn quân.

Tư Mã Ý không để lộ thái độ, nhưng đã có dự tính ngầm. Vì tuổi đã cao, ông ta liền dâng sớ nói tuổi già nhiều bệnh, không tham dự triều chính nữa. Tào Sảng thấy Tư Mã Ý sinh bệnh thì rất mừng rỡ. Nhưng vẫn chưa thật yên tâm, tìm cách thử xem Tư Mã Ý ốm thật hay ốm giả.

Vừa gặp dịp người thân tín của Tào Sảng là Lý Thắng được cử đi làm thứ sử Kinh Châu. Trước lúc lên đường nhậm chức, Sảng sai Lý Thắng mượn cớ đến chào từ biệt Tư Mã Ý để xem hư thực ra sao.

Lý Thắng tới tận giường nằm của Tư Mã Ý để thăm hỏi và nói lời cáo biệt. Ông ta thấy Tư Mã Ý nằm trên giường bệnh, có hai a hoàn đang hầu hạ bón cháo. Ý không cầm nổi bát cháo, chỉ ngậm miệng vào miệng bát uống một cách khó khăn. Vừa được vài ngụm, nước cháo đã trào ra bên mép, rớt xuống ướt hết cả ngực áo. Lý Thắng đứng bên cạnh, cảm thấy Tư Mã Ý thực sự đã ốm đau tới mức đáng thương hại.

Lý Thắng nói: "Kính bẩm thái phó, hạ quan nhờ ân điển của Hoàng thượng, được về nhận chức thứ sử ở bản châu (Lý Thắng là người Kinh Châu, vì vậy gọi là bản châu, tức châu của quê nhà-ND) nên xin tới cáo từ Thái phó".

Tư Mã Ý vừa ghen vừa nói: "Ồi, thật là tội nghiệp cho ngài, phải đi nhậm chức xa quê. Tịnh Châu ở miền Bắc, giáp với người Hồ, ngài cần phòng bị chu đáo. Lão phu bệnh nặng thế này, sợ không còn dịp gặp ngài nữa".

Lý Thắng nói: "Bẩm, Thái phó nghe nhầm, hạ quan được về quê Kinh Châu, chứ không phải lên Tịnh Châu".

Tư Mã Ý nghiến tai nghe, vờ nghe chưa rõ, lại hỏi: "À, thế ra là Thanh Châu à?"

Lý Thắng lại phải nói rành rọt lại một lần nữa. Tư Mã Ý mới nghe ra, rồi thở dốc lên nói: "Ta già quá rồi,

mắt mờ tai điếc, nghe không rõ lời ngài. Ngài được về Kinh Châu thì tốt quá rồi".

Lý Thắng cáo từ ra về, nói tường tận cho Tào Sảng nghe, rồi nói thêm: "Thái phó chỉ còn chút hơi tàn, đại tướng quân chẳng phải lo gì nữa".

Tào Sảng nghe nói, rất vui mừng và hoàn toàn yên tâm.

Năm 249, nhân ngày đầu năm, Ngụy Thiệu Đế Tào Phương dẫn bá quan ra ngoài thành để tế lễ tại khu lăng mộ các tiên đế. Tào Sảng và toàn bộ tay chân thân tín đều đi theo. Vì cho rằng Tư Mã Ý bệnh nặng, nên không có ai tới mời ông ta cùng đi.

Ngờ đâu, khi biết Tào Sảng và thân tín đã ra hết khỏi hoàng thành, Tư Mã Ý liền hết mọi bệnh tật, mặc khôi giáp, lên ngựa, dẫn hai con là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu đem binh mã chiếm cửa thành và kho vũ khí, đồng thời giả truyền chiếu lệnh của Hoàng Thái hậu, cách tuột chức đại tướng quân của Tào Sảng.

Được tin, Tào Sảng và thân tín cuống cuống rối loạn, không biết đối phó ra sao.

Có người xui ông ta mang Thiệu Đế rút về Hứa Đô, lệnh cho các nơi đem binh mã về đánh lại Tư Mã Ý. Nếu làm như vậy thì nhất định sẽ đẩy Tư Mã Ý vào thế khó khăn. Nhưng Tào Sảng và đám họ hàng thân tín đều là một lũ bất tài, chỉ quen ăn chơi hưởng lạc, làm gì có dũng khí để thực hiện kế sách đó. Đúng lúc đó, Tư Mã Ý lại phái người đến khuyên Tào Sảng đầu hàng, nói là chỉ yêu cầu giao lại binh quyền chứ không có ý gì làm hại. Tào Sảng liền ngoan ngoãn xin hàng.

Mấy hôm sau, dựa vào một lời cáo giác là phe cánh Tào Sảng chuẩn bị làm phản, Tư Mã Ý liền cho bắt toàn bộ và đem xử tử.

Sau sự việc đó, chính quyền trong nước Ngụy trên danh nghĩa vẫn là của họ Tào, nhưng trên thực tế đã hoàn toàn chuyển sang tay họ Tư Mã.

105- DÃ TÂM CỦA TƯ MÃ CHIÊU

Sau khi giết Tào Sảng được hai năm, Tư Mã Ý cũng chết. Người thay thế chức vị của Tư Mã Ý là Tư Mã Sư, con cả ông. Đại quyền trong nước Ngụy rơi vào tay hai anh em Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu. Trong số đại thần, ai dám có ý kiến chống lại, đều bị Tư Mã Sư giết. Ngụy Thiếu Đế Tào Phương rất căm tức Tư Mã Sư. Có người khuyên Tào Phương nên tước bỏ binh quyền của hai anh em họ Tư Mã. Nhưng Tào Phương chưa kịp thực hiện ý định, đã bị Tư Mã Sư ra tay trước, bằng cách buộc Thái hậu ra chiếu lệnh phế Tào Phương và lập Tào Mao, một cháu nội của Tào Phi lên kế vị.

Một số tướng lĩnh Ngụy cai trị ở các địa phương vốn không phục sự chuyên quyền của họ Tư Mã, nên sau khi Tào Phương bị phế, thứ sử Dương Châu là Văn Khâm và Trấn Đông tướng quân là Quán Khâu Kiêm liền đem quân chống lại Tư Mã Sư. Tư Mã Sư thân đem quân đi đánh, dẹp được hai đạo quân trên, nhưng trên đường dẫn quân về Hứa Đô, Tư Mã Sư bị bệnh mất.

Tư Mã Chiêu liền thay anh làm đại tướng quân. Ba cha con, anh em họ Tư Mã, người sau càng ghê gớm hơn người trước, càng ngang ngược chuyên quyền hơn người trước.

Ngụy đế Tào Mao không sao chịu nổi. Một hôm, ông ta cho gọi bọn thượng thư là Vương Kinh và hai đại thần khác vào cung, thổ lộ lòng căm giận nói: "Dã tâm của Tư Mã Chiêu, khắp mọi người đều biết. Trẫm không thể ngồi chờ tới lúc hắn giết mình. Hôm nay, trẫm muốn cùng chư khanh đi trừ khử hắn".

Các đại thần đều thấy nếu đối đầu với Tư Mã Chiêu, không khác gì lấy trứng chọi đá, đều khuyên hoàng đế nên nín nhịn, kéo chuốc lấy tai họa.

Nhưng Tào Mao đã rút từ trong tay áo ra một đạo chiếu thư đã viết sẵn, quăng xuống đất, nói: "Trẫm đã quyết tâm, dù có chết cũng không sợ, mà cũng không hèn là có thể thất bại mà chết. Các khanh nếu còn lòng trung thành với cơ nghiệp do Võ Đế xây dựng, thì hãy một lòng vì trẫm". Nói xong, đi thẳng vào nội cung để nắm với Thái hậu.

Nào ngờ, trong số ba vị đại thần trên, đã có hai vị vội lên ra ngoài, báo ngay cho Tư Mã Chiêu biết.

Vị hoàng đế mới hai mươi tuổi là Tào Mao, mang lòng phần uất của tuổi trẻ, nhưng không biết chống lại Tư Mã Chiêu bằng cách nào. Ông ta tập hợp số quân cấm vệ ít ỏi trong nội cung, cùng với các thái giám hầu hạ quanh mình, rầm rộ kéo từ trong cung ra toan giết Tư Mã Chiêu. Bản thân Tào Mao rút bảo kiếm, đứng trên xe chỉ huy chiến đấu.



Tướng tâm phúc của Tư Mã Chiêu là Giả Sung dẫn một đội quân tới, chặn đứng quân cấm vệ lại. Hai bên xô xát. Tào Mao tiến lên, vung kiếm xông vào đánh. Thủ hạ của Giả Sung thấy hoàng đế tự ra tay, cũng có chút hoảng sợ, có kẻ đã toan tháo chạy.

Thủ hạ có kẻ tên là Thành Tế, hỏi Giả Sung: "Tướng quân, chẳng lẽ chúng ta đánh nhau với hoàng thượng sao?"

Giả Sung lớn tiếng quát: "Tư Mã Công bình thường nuôi các người làm gì, mà còn phải hỏi!"

Nghe Giả Sung quát như vậy, Thành Tế liền hăng tiết vung trường mâu tới đâm thẳng vào Tào Mao. Tào Mao không kịp躲, bị Thành Tế đâm xuyên qua ngực, gục xuống xe chết ngay.

Tư Mã Chiêu nghe tin quân mình đã giết mất hoàng đế, cũng có phần lo ngại, vội đến triều đình, họp các đại thần lại bàn. Trước các triều thần, Tư Mã Chiêu giả bộ bất ngờ, thương khóc thảm thiết rồi hỏi lão thần Trần Thái: "Lão quan, bây giờ ta nên giải quyết thế nào?"

Trần Thái nói: "Sự việc đã đến bước này, chỉ có chém đầu Giả Sung thì mới tạ tội được với thiên hạ".

Tư Mã Chiêu thấy khó xử, liền nói: "Lão quan xem, còn có thể có biện pháp nào khác nữa không?"

Trần Thái nói: "Theo lão phu, chỉ có thể xử nặng hơn nữa, chứ không thể có biện pháp nào nhẹ hơn được!" (ý Trần Thái là cần phải truy cứu lên tới cấp trên của Giả Sung nữa).

Tư Mã Chiêu chột dạ, lặng im không nói gì. Sau đó, Tư Mã Chiêu dùng danh nghĩa Thái hậu, ban một đạo

chiếu thư, chụp cho Tào Mao rất nhiều tội trạng, phế làm bình dân và cố tình dìm vụ án giết vua này đi.

Nhưng mọi người vẫn xôn xao bàn luận, chê trách Tư Mã Chiêu bao che cho hung thủ. Tư Mã Chiêu bất đắc dĩ, liền dồn toàn bộ tội trạng cho một mình Thành Tế, qui vào tội đại nghịch vô đạo, đem chém cả nhà.

Giết Tào Mao xong, Tư Mã Chiêu chọn trong hoàng tộc họ Tào một người ít tuổi là Tào Hoan lên nối ngôi hoàng đế. Đó là Ngụy Nguyên Đế, hoàng đế cuối cùng của Tào Ngụy.

106- ĐẶNG NGẢI NGÂM VƯỢT KIỂM CÁC

Tư Mã Chiêu đã trừ được Tào Mao, cho rằng nội bộ đã ổn định, liền quyết tâm cử đại quân đi đánh Thục Hán.

Lúc đó, những người thay thế Gia Cát Lượng làm Thừa tướng là Tưởng Uyển, Phí Vi đều đã mất. Người làm đại tướng quân của Thục Hán là Khương Duy. Khương Duy nuôi hoài bão kế thừa sự nghiệp bắc phạt của Gia Cát Lượng nên hầu như năm nào cũng ra quân đánh Ngụy. Nhưng lực lượng Thục Hán mỗi ngày một yếu, Khương Duy không thể giành được thắng lợi, mà còn bị hao mòn nhiều binh lực.

Năm 263, Tư Mã Chiêu phái Đặng Ngải và Gia Cát Tu, mỗi người đem ba vạn quân, Chung Hội mang mười mấy vạn quân, chia đường tiến đánh Thục Hán.

Khương Duy thấy thế quân Ngụy quá mạnh, khó có thể chống chọi lại, liền tập trung quân Thục giữ chặt nơi hiểm yếu là Kiểm Các (nay là huyện Kiểm Các, Tứ Xuyên) không ra giao chiến. Chung Hội dẫn đại quân tới, không đánh vào được.

Đặng Ngải thấy chủ lực quân Thục tập trung cả ở Kiếm Các, liền dẫn tinh binh ngấm đi vòng theo sườn núi rậm rạp phía Tây Kiếm Các rồi tiến xuống phía Nam. Đó là vùng rừng núi xưa nay không có dấu chân người. Đội tinh binh của Đặng Ngải vừa mở lối, bắc cầu. Đi suốt bảy trăm dặm mà vẫn không bị quân Thục phát hiện.

Cuối cùng, đội quân Đặng Ngải tới một đỉnh núi dựng đứng, dưới là thung lũng sâu, không thể đi tiếp được. Lương khô mang theo đã gần cạn, không thể vòng tìm lối khác, tướng sĩ đều hoang mang lo lắng. Đặng Ngải quyết đoán, dùng chân quấn chặt thân mình, lần từ vách đá cao xuống. Quân sĩ thấy chủ tướng dũng cảm, cũng làm theo, từng người một xuống tới thung lũng. Đặng Ngải cho điểm lại quân số, chỉnh đốn đội ngũ, tiến nhanh tới Giang Du (nay là huyện Giang Du, Tứ Xuyên).

Quân Thục ở Giang Du không ngờ quân Ngụy xuất hiện từ phía sau lưng, ồ ạt bất ngờ đánh vào toà thành nhỏ, không được bố phòng vững chắc, không kịp chống trả, phải nhanh chóng đầu hàng.

Đặng Ngải tiếp tục tiến đánh Miên Trúc (nay ở Tây nam Miên Dương, Tứ Xuyên). Tướng giữ Miên Trúc là Gia Cát Chiêm, con của Gia Cát Lượng. Đặng Ngải đưa thư dụ hàng, nói nếu đầu hàng, sẽ phong làm Lang Nha Vương.

Gia Cát Chiêm uất giận trước lời lẽ ngạo mạn trong thư, liền sai chém luôn sứ giả, rồi bày trận quyết một phen sống chết. Nhưng quân Thục dưới sự chỉ huy của Gia Cát Chiêm không thể địch nổi đội tinh binh của

Đặng Ngải. Gia Cát Chiêm và con là Gia Cát Thượng đều chết trận.

Hạ xong Miên Trúc, không còn chướng ngại nào nữa, quân Đặng Ngải xốc thẳng tới kinh thành Thục là Thành Đô. Dân chúng Thành Đô không thể nào ngờ quân Ngụy bỗng nhiên đã xuất hiện dưới thành, tất cả nháo nhác sợ hãi, tan tác chạy vào rừng rậm núi cao để lẩn tránh. Triều đình Thục Hán lại càng rối loạn. Hậu chủ cuống quýt triệu tập đại thần tới bàn. Các vị mũ cao áo dài quen sống sung sướng tại kinh thành nằm sâu trong hậu phương, trước tình hình quân địch như trên trời rơi xuống như vậy, cũng cuống quýt không kém. Người thì nêu ý kiến nên mở cửa nam thành chạy trốn, người nêu ý kiến nên chạy sang với Đông Ngô, kẻ khác lại thấy đại quân Ngụy quá hùng dũng, chỉ có đầu hàng là hơn.

Hậu Chủ là kẻ nhát gan, lại không bao giờ có ý kiến độc lập, không dám nghĩ tới việc chống lại. Mặt khác, vì toàn bộ quân chủ lực đều tập trung ở Kiếm Các, kinh thành hầu như trống rỗng. Cuối cùng, Hậu Chủ chỉ còn cách tự trói mình, dẫn bá quan văn võ mở cửa thành đầu hàng Đặng Ngải.

Đặng Ngải vào được Thành Đô, thấy mình lập được công to nhất, lên mặt coi thường Chung Hội là kẻ mang số quân đông hơn nhưng vẫn bị chặn lại trước Kiếm Các. Ngải sai người dâng thư lên Tư Mã Chiêu, xin nhân đà thắng lợi, kéo quân sang diệt luôn Đông Ngô. Không ngờ Tư Mã Chiêu lập tức trả lời: "Không cho phép tự tiện hành động!"

Tướng Thục Khương Duy đang cầm cự với Chung Hội ở Kiếm Các, được tin Đặng Ngải tập kích Thành Đô,



vừa định mang quân về cứu thì nhận được lệnh của Hậu chủ, yêu cầu phải đầu hàng ngay quân Ngụy.

Nhận được lệnh, tướng sĩ Thục vừa phẫn uất vừa đau đớn, nhiều người tức giận rút dao kiếm chém bừa vào đá núi.

Trước tình thế đó, Khương Duy trầm tĩnh tính toán. Ông bàn mật kế với các tướng thân cận, rồi quyết định đầu hàng Chung Hội. Chung Hội xưa nay vẫn kính trọng tài năng và phẩm cách của Khương Duy nên không coi Khương Duy như một hàng tướng bình thường, mà đối đãi trân trọng. Chung Hội cùng Khương Duy khi ra vào đều ngồi chung xe, mời Khương Duy tham gia bàn bạc mọi việc, coi như bạn bè thân thiết.

Biết giữa Chung Hội và Đặng Ngải có mối bất hoà, Khương Duy khuyên Chung Hội bí mật viết thư cáo giác với Tư Mã Chiêu là Đặng Ngải mưu phản.

Tư Mã Chiêu xưa nay vốn có tính đa nghi, nhận được báo cáo của Chung Hội, liền dùng danh nghĩa của Ngụy Nguyên Đế Tào Hoán, cử người tới Thành Đô bắt Đặng Ngải, nhốt vào xe tù chở về Lạc Dương. Sợ Đặng Ngải chống lại, Tư Mã Chiêu lại hạ lệnh cho Chung Hội mang đại quân tới gấp Thành Đô.

Chung Hội tới Thành Đô, đọc chiếu lệnh bắt Đặng Ngải nhốt vào xe tù giải đi rồi sai người giết chết giữa đường. Trừ được Đặng Ngải, toàn bộ binh quyền Ngụy ở Thục đều rơi vào tay Chung Hội. Thấy đất Thục rộng rãi, hiểm yếu, Chung Hội liền nảy ra ý mưu phản, muốn lập một giang sơn riêng.

Chung Hội đem ý đó ra bàn với Khương Duy, được Khương Duy nhiệt liệt tán đồng. Bản thân Khương Duy vốn có ý định lợi dụng Chung Hội để giết các tướng lĩnh Ngụy rồi cuối cùng giết luôn Chung Hội, khôi phục lại Thục Hán. Vì vậy, Khương Duy cử người mang mật thư cho Lưu Thiện: "Xin bệ hạ nhẫn nại mấy ngày nữa, thần nhất định sẽ có cách khôi phục lại quốc gia".

Chung Hội vẫn tưởng rằng Khương Duy thực lòng hợp tác với mình để chống lại Tư Mã Chiêu, liền giả truyền mệnh lệnh của Thái hậu sai mình đem quân thảo phạt Tư Mã Chiêu. Sợ các tướng Ngụy không phục, Chung Hội liền giam lỏng họ trong cung điện Thục.

Các tướng sĩ Ngụy đem lòng nghi ngờ Chung Hội, sau có người phao tin là Chung Hội và Khương Duy sẽ giết hết các tướng sĩ Ngụy. Họ nhao nhao tìm cách chống lại, có người phóng hoả đốt cung điện. Tình hình hỗn loạn, Chung Hội và Khương Duy không khống chế nổi, đều bị loạn binh giết chết.

107- A ĐẤU ĐÓN HÈN

Sau khi Đặng Ngải diệt Thục, Hậu chủ Lưu Thiện còn lưu lại Thành Đô. Tối khi Chung Hội, Khương Duy làm binh biến thất bại, Tư Mã Chiêu thấy dễ Hậu chủ ở Thành Đô sẽ dễ sinh nhiều bất trắc, liền phái Giả Sung vào Thành Đô dẫn Lưu Thiện về Lạc Dương.

Lưu Thiện vốn là kẻ u mê bất tài. Khi Gia Cát Lượng còn sống, mọi công việc quốc gia đại sự đều giao cho Gia Cát Lượng giải quyết. Lưu Thiện không bao giờ đưa ra được chủ trương gì. Sau khi Gia Cát Lượng mất, tuy vẫn có các đại thần Tưởng Uyển, Phí Vi, Khương Duy phò tá, nhưng Lưu Thiện không còn kính trọng họ như đối với Gia Cát Lượng nữa. Sau khi Tưởng Uyển, Phí Vi mất, hoạn quan Hoàng Hạo đắc thế lộng hành, triều chính Thục Hán càng ngày càng thối nát.

Tối khi Thục Hán diệt vong, Khương Duy bị giết, các đại thần người thì chết, người thì bỏ đi. Đi theo Hậu chủ về Lạc Dương chỉ có hai viên quan cấp thấp là Khích Chính và Lưu Thông. Lưu Thiện hết sức ngốc nghếch, mỗi khi tiếp xúc, xưng hô đều phải nhờ Khích Chính chỉ

dẫn. Lúc thường Lưu Thiên không coi Khích Chính ra gì, đến nay, mới thấy Khích Chính là người tận tụy trung thành.

Lưu Thiên đến Lạc Dương, Tư Mã Chiêu lấy danh nghĩa Ngụy Nguyên Đế, phong Lưu Thiên làm An Lạc công. Ngoài ra, còn phong con cháu Lưu Thiên và những đại thần cũ của Thục Hán, tất cả gồm hơn năm mươi người làm tước hầu. Làm như vậy, Tư Mã Chiêu chỉ nhằm lung lạc nhân tâm, để ổn định tình hình trong vùng đất mới chiếm được. Nhưng Lưu Thiên lại coi đó là ân huệ to lớn.

Một hôm, Tư Mã Chiêu mở tiệc lớn, mời Lưu Thiên và các đại thần của Thục Hán cũ tham dự. Trong yến tiệc, Tư Mã Chiêu cố ý cho đoàn ca nữ biểu diễn các điệu ca múa của Thục.

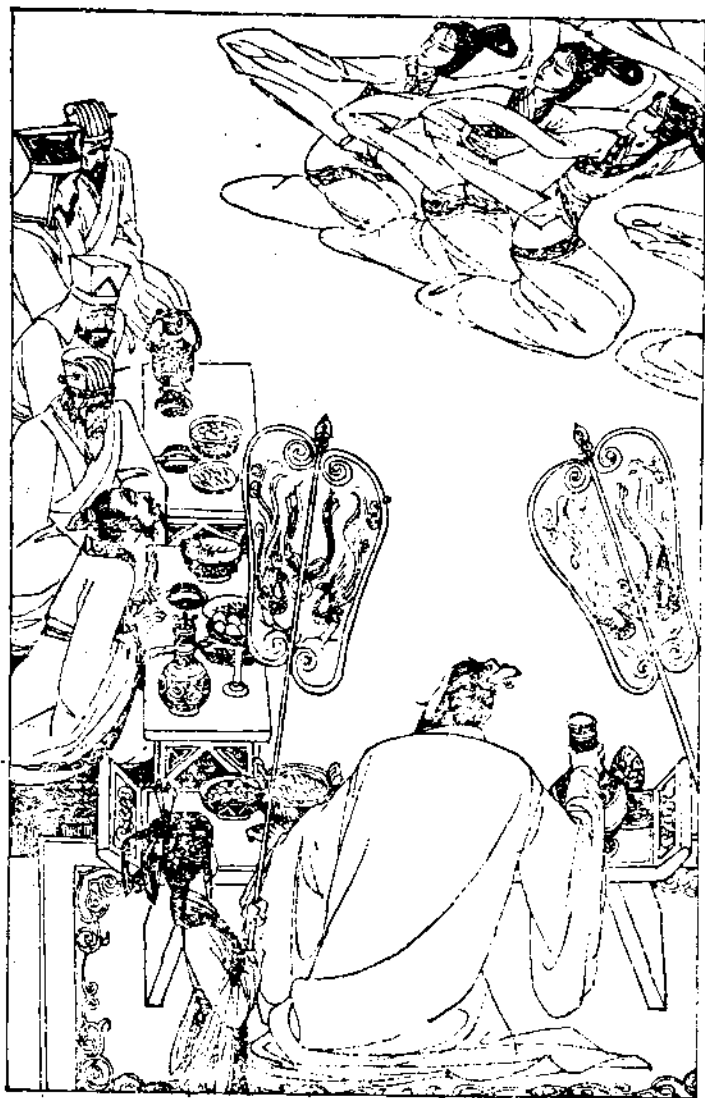
Các đại thần Thục ngồi xem, nghĩ tới nhục mất nước, ai cũng xúc động rơi nước mắt. Chỉ có Lưu Thiên là há miệng nghe chăm chú say sưa như khi còn ngồi trong cung điện cũ của mình vậy.

Tư Mã Chiêu quan sát thái độ của Lưu Thiên, sau bữa tiệc, liền nói với Giả Sung: "Lưu Thiên hèn đớn tới mức này, thì dù Gia Cát Lượng còn sống, e cũng không thể giữ nổi Thục Hán, nói gì đến Khương Duy!"

Mấy ngày sau, Tư Mã Thiên lại gặp Lưu Thiên, hỏi: "An Lạc Công có nhớ mong đất Thục không?"

Lưu Thiên hồn nhiên trả lời: "Ồ đây rất vui, Thiên này chẳng nhớ gì đất Thục cả."

Khích Chính đứng bên, nghe Lưu Thiên nói năng không ra sao, khi về tới phủ, liền nói: "Chúa công không nên trả lời Tấn Vương (tức Tư Mã Chiêu) như thế."



Lưu Thiên ngây ngô hỏi: "Thế theo ý người thì phải trả lời thế nào?"

Khích Chính nói: "Lần sau, nếu Tấn Vương có hỏi như thế nữa, chúa công cần phải sùt sùi rơi lệ mà nói: Phần mộ tổ tiên của Thiên này đều ở đất Thục, trong lòng luôn luôn tưởng nhớ khôn nguôi. Nói như vậy, may ra Tấn Vương có thể tha chúng ta về đất Thục."

Lưu Thiên gật đầu nói: "Người nói rất đúng. Ta sẽ ghi nhớ để lần sau nói như vậy."

Lần sau, quả nhiên Tư Mã Chiêu lại hỏi: "Triều đình đối đãi tốt như thế, ông còn nhớ đất Thục không?"

Lưu Thiên nhớ tới lời Khích Chính dặn, liền cố gắng lặp lại đúng từng câu từng chữ, một mặt cố làm ra dáng bi thương, nhưng không sao rặn ra được nước mắt, đành nhắm tịt mắt lại.

Tư Mã Chiêu thấy bộ dạng đó, đã đoán biết được, liền cười lớn hỏi: "Câu nói này sao có vẻ giống lời lẽ Khích Chính thế?"

Lưu Thiên giật mình mở mắt, ngây người nhìn Tư Mã Chiêu: "Dạ đúng, đúng là Khích Chính dạy Thiên này nói như thế."

Tư Mã Chiêu cười vang, tuy tòng tả hữu cũng không ai nhìn được cười.

Từ đó, Tư Mã Chiêu thấy rõ Lưu Thiên là kẻ đón hèn vô dụng, chẳng có thể làm hại gì mình được, liền bỏ qua, không giết.

Sự đón hèn, ngu ngốc của Lưu Thiên trở thành nổi tiếng trong lịch sử. Cho tới nay người ta vẫn dùng câu "đón hèn như A Đẩu" để nói về những kẻ ngu ngốc, vô dụng.

108- VƯƠNG TUẤN DÙNG LÂU THUYỀN ĐÁNH NGÔ

Sau khi diệt được Thục Hán, Tư Mã Chiêu chưa kịp đánh Đông Ngô thì đã bị bệnh mất. Con Tư Mã Chiêu là Tư Mã Viêm phế luôn hoàng đế bù nhìn là Ngụy Nguyên Đế Tào Hoán, tự mình lên làm hoàng đế, lập ra triều Tấn. Đó là Tấn Vũ Đế. Từ năm 265 tới năm 316, triều Tấn đóng đô ở Lạc Dương, lịch sử gọi triều đại đó là Tây Tấn.

Khi triều Tây Tấn được kiến lập, thì Đông Ngô, nước duy nhất còn lại của thời Tam Quốc đã rất suy yếu. Tôn Hạo, hoàng đế cuối cùng của Đông Ngô là một bạo quân nổi tiếng. Ngoài việc xây dựng cung thất, hưởng lạc xa xỉ, ông ta còn dùng những hình phạt tàn khốc vô nhân đạo như lột da móc mắt để trừng phạt dân nên trên từ quan lại, dưới tới dân đen đều căm ghét.

Năm 279, một số đại thần triều Tấn cho rằng thời cơ đã chín muồi, đều khuyên Tấn Vũ Đế diệt Đông Ngô. Tấn Vũ Đế liền huy động hơn hai mươi vạn quân, chia làm mấy đường tiến công Kiến Nghiệp (nay là thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô) Trấn Nam đại tướng quân Đỗ Dự chỉ huy cánh quân đi giữa, tiến xuống

Giang Lăng; An Đông tướng quân Vương Hồn chỉ huy cánh quân phía Đông, tiến xuống Hoành Giang (nay thuộc tỉnh An Huy); ngoài ra còn một cánh thủy quân do thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn, theo Trường Giang, từ phía Tây tiến xuống.

Wang Tuấn là một viên tướng có tài, ông đã sớm chuẩn bị việc đánh Ngô, cho chế tạo nhiều chiến thuyền ở Ích Châu. Loại chiến thuyền này rất lớn, có thể chở được hai ngàn người, trên có lầu cao, từ đó có thể quan sát được khá xa. Vì vậy ông gọi đó là lầu thuyền.

Việc chế tạo lầu thuyền được tiến hành bí mật. Nhưng trong khi đóng thuyền, có một số mảnh gỗ vương vãi rơi xuống nước, thuận dòng trôi nổi tới tận Đông Ngô, Ngô Ngạn một thái thú của Đông Ngô phát hiện thấy hiện tượng đó liền tâu lên hoàng đế Tôn Hạo: "Thần thấy những mảnh gỗ đó nhất định là do quân Tấn đang đóng thuyền để vương vãi xuống. Quân Tấn đóng thuyền, rõ ràng là nhằm tiến công Đông Ngô ta. Hạ thần khẩn thiết xin bệ hạ sớm cho phòng bị."

Nhưng Tôn Hạo thần nhiên trả lời: "Sợ cái gì! Ta không đánh chúng thì thôi, chúng làm sao dám xâm phạm đến ta!"

Ngô Ngạn vẫn không yên tâm, liền cho đóng nhiều cọc gỗ xuống lòng sông ở những nơi hiểm yếu, dùng xích sắt chằng ngang sông; lại cho đóng những cọc sắt dài hơn một trượng chìm dưới mặt nước như đá ngầm để ngăn cản thủy quân Tấn.

Qua một năm, cánh trung quân của Đỗ Dự và cánh phía Đông của Vương Hồn liên tiếp thắng trận, chỉ có

thủy quân của Vương Tuấn bị xích sắt và cọc sắt ngăn lại ở Tỉ Qui, không tiến lên được.

Vương Tuấn liền nghĩ ra biện pháp đối phó: ông cho quân Tấn đóng nhiều bè gỗ lớn, trên có dựng nhiều bù nhìn rơm mặc giáp, đội mũ, mang binh khí, cho một số thủy binh linh lợi điều khiển bè xuôi dòng. Những cọc sắt chôn ngầm bị vướng vào đáy bè gỗ, đều bị cuốn đổ.

Để đối phó với xích sắt, Vương Tuấn cho đặt nhiều bè lò rèn lớn trên bè, nung đỏ và chặt đứt hết xích ngang sông.

Sau khi khắc phục được hết cọc sắt và xích sắt, thủy quân của Vương Tuấn xuôi dòng thuận lợi và nhanh chóng hội hợp được với cánh trung quân của Đỗ Dự.

Dại quân Đỗ Dự đi theo đường bộ hạ được Giang Lăng, giành thắng lợi lớn. Có người đề nghị hãy tạm dừng lại nghỉ để chỉnh đốn quân đội rồi sẽ tiếp tục đánh. Nhưng Đỗ Dự nói: "Hiện nay, quân uy của ta đang vang dội, thế như chẻ tre, cần phát huy thanh thế tiến đánh đến cùng. Bây giờ không phải là lúc nghỉ ngơi." Ông hết sức cổ vũ Vương Tuấn dẫn thủy quân đánh thẳng tới Kiến Nghiệp.

Lúc đó, cánh quân phía Đông của Vương Hồn cũng đã gần tới Kiến Nghiệp. Tôn Hạo phái Thừa tướng Trương Đế dẫn ba vạn quân Ngô vượt sông nghênh chiến, bị quân Tấn tiêu diệt toàn bộ.

Vừa lúc, đoàn thủy quân hùng mạnh của Vương Tuấn đã tiến gần, Tôn Hạo hoảng hốt cử Trương Tượng đem một vạn thủy quân chống lại Quân của Trương Tượng vừa kéo ra, đã thấy thuyền đội của Vương Tuấn đứng kín mặt sông, những lá cờ lớn phấp phới bay rợp

trời. Thủy quân Đông Ngô từ lâu đã không tập luyện, thấy thanh thế quân Tấn như thế thì sợ mất vía, chủ giao chiến đa vội đầu hàng.

Một tướng Đông Ngô là Đào Tuấn đến tìm Tôn Hạo. Tuấn là kẻ hồ đồ nhưng lại muốn lập công, liền tâu với Tôn Hạo: "Hạ thần thấy thủy quân Ích Châu đều là thuyền nhỏ, xin bệ hạ cấp cho thần hai vạn thủy binh, dùng chiến thuyền lớn thần nhất định sẽ đánh bại quân Tấn!"

Tôn Hạo lập tức phong Tuấn làm đại tướng, trao cho cờ tiết để chỉ huy toàn bộ thủy quân chống Tống. Đào Tuấn liền hạ lệnh cho tướng sĩ: hôm sau sẽ ra quân đánh Tấn. Nhưng tướng sĩ dưới quyền thấy rõ tình thế, không muốn theo Tuấn vào chỗ chết, nên ngay đêm đó đã bỏ trốn sạch.

Thủy quân của Vương Tuấn hầu như không gặp sự kháng cự nào, xuôi dòng tới thẳng Kiến Nghiệp. Suốt gần một trăm dặm trên mặt sông, dày đặc chiến thuyền của Tấn. Vương Tuấn dẫn tám vạn quân đổ bộ, tiến vào thành Kiến Nghiệp trong tiếng hò reo như sấm dậy.

Tôn Hạo đã đến bước sơn cùng thủy tận, đành cởi áo, gọi người trói quặt tay lại, dẫn các đại thần Đông Ngô đến quân doanh của Vương Tuấn xin hàng.

Như vậy, thời kỳ ba nước phân lập tính từ khi Tào Phi xưng đế (năm 220) cho tới lúc đó là kết thúc. Triều Tấn đã thống nhất toàn Trung Quốc.

Thời Tam Quốc có rất nhiều chuyện sinh động, trong dân gian cũng lưu truyền không ít truyền thuyết. Đến đầu triều Minh, nhà văn La Quán Trung đã căn cứ vào những tư liệu lịch sử và các thoại bản dân gian, viết



thành bộ tiểu thuyết lịch sử trường thiên "Tam Quốc diễn nghĩa" đã dùng hình tượng nghệ thuật tái hiện các nhân vật lịch sử như Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Quan Vũ... Đó là một tác phẩm văn học lớn mang tính sử thi hùng tráng trong văn học Trung Quốc.

109- THẠCH SÙNG, VƯƠNG KHẢI THI GIÀU CÓ

Sau khi Tấn Vũ Đế thống nhất toàn quốc, cảm thấy thoả mãn ý nguyện, liền chìm đắm trong cuộc sống xa hoa dâm dật. Chưa bằng lòng với số cung nữ đông đảo vốn có, ông ta cho thu nạp số cung nữ của Thục Hậu chủ Lưu Thiên và của Đông Ngô Qui Mệnh Hầu Tôn Hạo (riêng số cung nữ của Tôn Hạo đã là gần 5000), đưa tổng số cung nữ lên gần một vạn người. Theo gương ông ta, các đại thần trong triều đều coi việc khoa trương sự giàu có và thói ăn chơi làm phong thái thời thượng.

Tại kinh đô Lạc Dương lúc đó có ba đại phú hào nổi tiếng: Một là Trung bộ quân Dương Tú, giữ chức chưởng quân quân Cẩm Vệ; người thứ hai là Hậu tướng quân Vương Khải, cậu của Tấn Vũ Đế; người thứ ba là Tản kỵ thường thị Thạch Sùng.

Dương Tú và Vương Khải đều là ngoại thích nên có quyền thế hơn Thạch Sùng, nhưng Thạch Sùng lại đứng đầu về sự giàu có. Không ai biết rõ Thạch Sùng có bao nhiêu tiền, chỉ biết rằng rất nhiều. Nguồn tiền bạc ấy do đâu mà có? Nguyên là Thạch Sùng từng làm thứ sử

Kinh Châu trong mấy năm. Trong thời gian đó, ngoài việc bóc lột, hút máu mủ nhân dân, hắn còn nhúng tay vào các hành động cướp bóc bản thổ, phi pháp. Các sứ thần và thương nhân ngoại quốc đi qua Kinh Châu đều bị bộ hạ của Thạch Sùng vùi vỉnh tiền đút lót và nhiều khi còn đóng vai giặc cướp, giết người, chiếm đoạt hết hàng hoá. Vì vậy hắn tích lũy được rất nhiều tiền bạc và đồ châu ngọc quý giá, trở thành người giàu có nhất nước lúc bấy giờ.

Thạch Sùng về Lạc Dương, nghe nói Vương Khải giàu có nổi tiếng nên có ý so đo hơn thua. Nghe nói nhà Vương Khải thường cợ nổi bằng đường mạch nha, Thạch Sùng liền hạ lệnh cho gia nhân dùng nến để đun nấu thay củi. Chuyện đó được lan truyền, nhiều người nói rằng như vậy là Thạch Sùng sai sang hơn Vương Khải.

Vương Khải liền cho dựng bình phong bằng lụa tía suốt hai bên đường trước nhà mình, dài tới 40 dặm. Ai muốn tới nhà Vương Khải, đều phải đi giữa hai hàng bình phong lụa tía dài dằng dặc ấy. Kiểu trang trí xa xỉ này làm rung động toàn kinh thành Lạc Dương.

Thạch Sùng chơi trội hơn, cho dùng đoạn màu, là thứ đắt tiền hơn lụa tía nhiều lần, cũng làm hai dãy bình phong dài suốt 50 dặm, hơn hẳn Vương Khải cả về chiều dài và sự lộng lẫy.

Vương Khải bị thua lần thứ hai, rất cay cú, nhưng chưa cam chịu. Khải liền nhờ Tấn Vũ Đế - là cháu gọi bằng cậu - giúp đỡ một tay. Tấn Vũ Đế cho là cuộc thi đó rất thú vị, liền tặng cho Vương Khải một cây san hô cao hơn hai thước vẫn được bày trong hoàng cung để ông cậu có thể gỡ thế diện trước mọi người.



Được hoàng đế giúp đỡ, Vương Khải tin chắc lần này mình sẽ thắng, liền mở tiệc, mời Thạch Sùng và nhiều quan chức tới dự.

Trong bữa tiệc, Vương Khải đặc ý tuyên bố: "Nhà tôi có một cây san hô hiếm có. Chư vị có vui lòng thưởng ngoạn không?"

Tất nhiên mọi người đều muốn xem. Vương Khải liền sai một số thị nữ khiêng cây san hô ra. Đó là một cây san hô cao hơn hai thước, hình dáng đầy đặn, cân xứng, có màu phấn hồng rất tươi đẹp. Mọi người khen nức nở, đều cho đó là một bảo vật hiếm có trên đời.

Chỉ có Thạch Sùng là đứng bên cạnh cười nhạt. Hắn nhìn thấy trên bàn có một chiếc gậy như ý (một đồ trang trí thời xưa) bằng sắt, liền thuận tay cầm lấy, không nói năng gì, đập thẳng vào cây san hô. Một tiếng "choang" khô đục, cây san hô gãy vụn, rơi lả tả.

Mọi người kinh hoàng thất sắc. Chủ nhân Vương Khải giận run người, tím mặt, nói không thành tiếng: "Sao... sao... ngươi dám làm thế!"

Thạch Sùng vẫn ung dung tươi tỉnh: "Tướng quân khoan nổi giận. Thạch Sùng này không để tướng quân chịu thiệt, sẽ xin đền ngài một cây san hô khác". Vương Khải vừa xót của, vừa uất giận, nói lấp lắp: "Được, được, ngươi đền ngay cho ta!"

Thạch Sùng lập tức cho gia nhân về nhà khuôn toàn bộ san hô trong nhà tới để Vương Khải chọn.

Lát sau, lũ gia nhân đông đảo mang tới mấy chục cây san hô, trong số đó có sáu bảy cây cao ba bốn thước, có cây cao vừa gấp đôi cây của Vương Khải, cây nào cũng

có hình dáng, màu sắc đẹp đẽ. Còn số cây giống như cây san hô của Vương Khải, thì càng nhiều hơn.

Các quan khách đứng ngây người. Vương Khải lúc đó mới biết Thạch Sùng giàu có hơn mình nhiều lần, đành chịu thua, không còn gì để đua tranh nữa.

Cuộc thi giàu kết thúc. Sự hào phú của Thạch Sùng lừng danh khắp Lạc Dương và truyền lan ra khắp nước. Lúc đó, một đại thần là Phó Hàm liền dâng số tấu lên Tấn Vũ Đế, nói tình hình xa xỉ, lãng phí nghiêm trọng đó còn tai hại hơn cả thiên tai. Việc thi sang trọng, thi xa xỉ đó không những không bị trách phạt, mà còn được coi là vẻ vang hơn người. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì sẽ dẫn tới hậu quả khôn lường".

Tấn Vũ Đế xem số tấu, bỏ qua luôn. Bản thân ông cũng giống như Thạch Sùng. Vương Khải, đều ra sức vơ vét bóc lột, sống cuộc đời xa hoa cùng cực. Triều Tây Tấn vừa bắt đầu mà đã thối nát như vậy, tất nhiên không tránh khỏi phát sinh đại loạn.

110- CHU XỬ TRƯ "TAM HAI"

Thời Tây Tấn, ngoài những kẻ có quyền thế và giàu có, xa xỉ cùng cực như Vương Khải, Thạch Sùng ra, còn rất nhiều kẻ trong giới quan liêu sĩ tộc no cơm ấm áo, chẳng làm việc gì có ích, chỉ tùm năm tùm ba, đàn đúm noi chuyện bầy bạ ngông cuồng, bịa đặt ra nhiều chuyện hoang đường quái đản. Họ gọi loại hoạt động đó là "thanh đàm". Nhưng những người đó lại có tiếng tăm lớn, địa vị cao trong giới thượng lưu. Điều đó chứng tỏ phong khí không lành mạnh của xã hội thời đó.

Tuy nhiên, trong số quan chức vẫn có những người tương đối chính trực có những việc làm đáng khen. Chu Xử đầu thời Tây Tấn là một trong số đó. Khi ông làm thái thú Quảng Hán (nay ở Bắc Quảng Hán, Tứ Xuyên) vì quan lại địa phương trước đó rất thối nát, các đơn từ kiện cáo để dồn đống suốt ba mươi năm không hề xét xử. Chu Xử vừa đến nhận chức, liền bắt tay vào xét xử hết những vụ án tồn đọng đó. Sau, ông được điều về triều làm Ngự sử trung thừa, không kể là hoàng thân quốc thích, hề phạm pháp, ông đều thẳng thắn yêu cầu trừng phạt.

Chu Xứ vốn là người ở Nghĩa Hưng (nay là huyện Nghi Hưng, Giang Tô) thuộc Đông Ngô cũ. Khi còn trẻ ông có vóc dáng cao lớn và sức khoẻ hơn người. Cha mất sớm từ nhỏ, ông suốt ngày chơi bời lêu lổng, không chịu học hành, tính nết lại hung hãn, hơi có chuyện gì là vùng nắm đấm đánh người, thậm chí dùng tới cả đao kiếm. Dân chúng ở vùng Nghĩa Hưng đều sợ ông

Trên Nam Sơn gần Nghĩa Hưng có một con mãnh hổ trán trắng, thường làm hại người và gia súc mà phương sản địa phương chưa làm gì được.

Trong dòng sông, bên dưới Trường Kiều có một con cá sấu, hay bất ngờ xuất hiện, khiến không ai dám bơi lội gần. Dân chúng vùng Nghĩa Hưng gọi gộp cả Chu Xứ, con hổ trán trắng trên Nam Sơn và con cá sấu dưới Trường Kiều là "Nghĩa Hưng tam hại". Trong số "tam hại" này, Chu Xứ lại là cái "hại" làm dân chúng địa phương đau đầu nhất.

Có lần, Chu Xứ đang đi đường, thấy mọi người đều có vẻ buồn bã, liền hỏi một ông già: "Cụ ơi, năm nay mùa màng thu hoạch khá, tại sao ai cũng buồn bã, ừ e như vậy?"

Cụ già xằng giọng đáp: "Tam hại còn chưa trừ được, thì vui sướng nổi gì!"

Chu Xứ lần đầu tiên nghe thấy từ "tam hại", liền hỏi: "Cụ nói cho cháu biết "tam hại" là cái gì?"

Cụ già nói: "Con hổ trán trắng trên Nam Sơn, con cá sấu dưới Trường Kiều, cộng thêm bản thân anh nữa, chẳng là tam hại là gì?"



Chu Xứ giật mình, thì ra lâu nay bà con địa phương vẫn coi mình là đồ gây hại giống như hổ và cá sấu. Ông trầm ngâm một lát, rồi nói: "Thôi thì thế này, xưa nay bà con vẫn buồn khổ vì "tam hại", cháu sẽ trừ diệt hết chúng." Hôm sau, Chu Xứ quả nhiên vai mang cung tên, lưng đeo kiếm sắc, vào trong núi tìm hổ. Đi mãi, đi mãi, sâu vào vùng cây cối rậm rạp, bỗng nghe một tiếng gầm ghê rợn, con hổ trán trắng từ bụi rậm lao ra. Vốn can đảm và nhanh nhẹn, Chu Xứ nhảy phắt sang một bên, nấp sau một thân cây lớn, giương cung, lắp tên. Đúng lúc con hổ đang gầm ghè lấy đà toan chồm tới, thì "phụt", mũi tên của Chu Xứ đã xuyên vào giữa trán, kết thúc tính mạng con mãnh thú từng gieo rắc tai họa một thời.

Chu Xứ trở về thôn báo cho mọi người biết. Dân thôn còn bán tín bán nghi, nhưng cũng cử một đoàn thợ săn theo Chu Xứ vào rừng. Con hổ to lớn được khiêng về trong tiếng reo mừng rộn rã của trẻ già trai gái khắp vùng. Nhiều người đến chúc mừng Chu Xứ, nhưng ông gạt đi, nói: "Khoan đã, để tôi đi tìm nốt con cá sấu!"

Hôm sau, Chu Xứ thay quần áo chèn, lại mang cung tên dao kiếm nhảy xuống sông dưới Trường Kiều. Con cá sấu thường ngày ẩn nấp dưới sâu, thấy có người, liền nổi lên, xông tới toan đớp. Đã chuẩn bị sẵn, Chu Xứ lao tới đâm mạnh một nhát kiếm, ngập gần lút tới cán. Con cá sấu bị trọng thương, đau đớn quay đầu bơi xuôi theo dòng sông.

Thấy nó chưa chết, Chu Xứ quyết không buông tha, tìm cách giữ chặt chuôi kiếm. Người và cá sấu vật lộn, lúc chìm xuống đáy nước, lúc cùng nổi lên, trôi nổi xuôi dòng suốt mấy chục dặm.

Ba ngày ba đêm trôi qua, vẫn chưa thấy Chu Xứ trở về. Mọi người xôn xao bàn tán, những người chứng kiến từ đầu cho rằng cá sấu đã bị kiếm đâm trúng như thế khó lòng còn sống được, nhưng trước khi chết, chắc nó cũng gắp và quật chết Chu Xứ rồi. Và như vậy, cả hai chắc đã chìm sâu dưới đáy nước và rồi sẽ trôi ra biển. Lúc đầu, dân chúng cho rằng, nếu Chu Xứ trừ được hổ và cá sấu, là đã tốt lắm rồi, nay không ngờ cả "tam hại" đều đã chết, thật là vượt cả mong muốn, từ nay dân trong vùng được sống bình yên. Thế là khắp phố phường thôn xóm, đều tung bừng phấn khởi, không khí vui mừng như ngày hội.

Nhờ dân, tới ngày thứ tư, Chu Xứ vẫn lành lặn trở về. Mọi người đều kinh lạ. Thì ra, con cá sấu bị trọng thương, lại bị Chu Xứ băm riết, cuối cùng, máu ra nhiều quá, không còn động cựa được nữa, bị Chu Xứ bồi thêm nhiều nhát kiếm, kết thúc tính mạng.

Về tới nhà, Chu Xứ ngạc nhiên được biết mọi người đoán rằng mình đã chết, lại tỏ ra vui mừng phấn khởi. Lúc đó, ông mới tỉnh ngộ, nhận thức rõ rằng sự căm ghét của dân trong vùng đối với hành vi trước kia của mình là sâu sắc tới mức độ nào.

Quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, Chu Xứ liền rời quê hương, tới Ngõ quận tìm thầy học tập. Lúc đó, ở Ngõ quận có hai danh sĩ nổi tiếng là Lục Cơ và Lục Vân. Chu Xứ tìm đến, thì Lục Cơ đi vắng, chỉ có Lục Vân ở nhà.

Chu Xứ trình bày với Lục Vân về quyết tâm sửa lỗi của mình. Ông nói: "Con vô cùng hối hận vì đã hiểu ra quá muộn, để trôi qua uống phí bao nhiêu tháng năm

quí giá. Bây giờ muốn làm được việc gì hữu dụng, chỉ sợ rằng không kịp nữa".

Lục Vân khuyến khích ông: "Chớ nản lòng. Anh đã có quyết tâm như thế, lo gì không có tiền đồ tươi sáng. Một con người, miễn là có ý chí vững vàng, thì nhất định sẽ làm nên sự nghiệp hữu dụng cho đời".

Từ đó, Chu Xứ miệt mài học tập dưới sự dạy bảo ân cần của Lục Cơ, Lục Vân, vừa trau dồi tri thức, vừa rèn giũa phẩm hạnh. Tinh thần nghiêm túc, cần mẫn của ông được nhiều người biết tiếng và ca ngợi.

Ít lâu sau, quan chức ở châu, quận gọi ông ra làm quan. Sau khi Đông Ngô bị Tấn tiêu diệt, ông trở thành một đại thần của triều Tấn.

111. MỘT HOÀNG ĐẾ NGÂY NGÔ

Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm cũng giống như ông nội (Tư Mã Ý), bác (Tư Mã Su) và cha (Tư Mã Chiêu), đều là những người giỏi giang nhiều thủ đoạn. Nhưng đến đời con kế vị Viêm là Thái tử Tư Mã Trung thì lại là một kẻ ngu ngốc, ngây ngô, không có được đầu óc của một người bình thường. Vì vậy, từ triều đình tới các địa phương, ai cũng lo lắng sau khi Tấn Vũ Đế chết đi, đến lượt vị Thái tử ngây ngô đó làm Hoàng đế, thì đất nước khó tránh khỏi rối loạn.

Một số đại thần muốn khuyên Tấn Vũ Đế lập người con khác làm Thái tử, vì trong số con cái đông đúc (gần hai mươi người) của ông có khá nhiều người giỏi giang, tài trí hơn Thái tử Tư Mã Trung, nhưng họ sợ, không dám nói rõ ý ấy ra. Một hôm, khi Tấn Vũ Đế mở tiệc, đại thần Vệ Quán giả vờ say rượu, ngã quay ra trước ngự toạ, sờ soạng vào ngai vàng của Tấn Vũ Đế, miệng lè nhè: "Đáng tiếc, chỗ ngồi này đáng tiếc quá".

Vốn là người thông minh, Tấn Vũ Đế hiểu ngay ý Vệ Quán muốn nói gì, nhưng giả làm như hiểu ra nghĩa

khác, nổi giận quát: "Người nói bậy bạ gì thế! Say quá rồi phải không?" Rồi gọi thị vệ vực Vệ Quân dậy, lôi ra ngoài.

Từ đó, không còn ai dám đề cập đến việc xin thay Thái tử nữa.

Tuy vậy, bản thân Tấn Vũ Đế cũng có chút do dự, ông ta muốn thử xem con mình có thật là quá kém cỏi không, liền viết một đầu đề, nội dung có mấy vấn đề quốc sự, giao cho Thái tử xem rồi nêu ý kiến giải quyết.

Vợ của Thái tử là Giả Phi, vốn là một người đàn bà lạnh lợi, thấy tập đề đó, hiểu ngay rằng đây là một việc có tầm quan trọng ảnh hưởng tới ngôi Hoàng Đế của chồng và ngôi Hoàng Hậu của mình trong tương lai. Bà ta lại càng biết rằng chồng mình không thể làm được, liền mời thầy dạy Thái tử tới, yêu cầu ông viết cho một đáp án. Thầy dạy Thái tử là một người có học vấn cao, lập tức vung bút viết một bài văn, dẫn dụng mọi kinh điển nho gia và sử sách cổ kim, lập luận danh thép, lời văn bay bướm, giải quyết xác đáng những vấn đề mà Tấn Vũ Đế nêu ra, nộp cho Thái tử.

Giả Phi xem thấy, rất vui mừng, nhưng một nội thị trong phủ biết chút chữ nghĩa, thường hầu hạ Giả Phi, vội nhắc nhở: "Kính thưa nương nương, quyển văn này hay thì hay thật, nhưng hoàng thượng rất sáng suốt. Người thừa biết rằng Thái tử vốn không giỏi lắm, bây giờ lại viết được thế này thì Người sẽ nghi ngờ. Lỡ hoàng thượng sai truy cứu biết rõ sự việc, thì ta tránh sao khỏi tội khi quân. Xin Nương nương cẩn trọng, minh xét".



Giả Phi cũng giạt mình nói: "Đúng, may mà có người nhắc ta. Quyển văn này hãy tạm cất đi, để Thái tử dùng về sau. Bây giờ, thôi thì người cũng là người biết chút chữ nghĩa, người hãy viết cho Thái tử một quyển văn khác. Cố viết cho khá một chút. Sau này, người sẽ cùng được chung hưởng phú quý".

Viên nội thị liền viết một quyển văn khác tất nhiên là vụng về và thô thiển, rồi đưa cho Thái tử chép lại đúng từng chữ, sau đó nộp lên Tấn Vũ Đế.

Tấn Vũ Đế xem, thấy bài làm tuy chẳng lấy gì làm hay ho, nhưng cũng trả lời đúng vào được những câu hỏi nêu ra, chứng tỏ đầu óc Thái tử không đến nỗi đần độn lắm. Thối đời ai chẳng xót xa, nương nhẹ với con mình, hống gì đây lại là con kế vị của Hoàng đế. Vì vậy, Tấn Vũ Đế yên lòng cho qua.

Năm 290, Tấn Vũ Đế bị bệnh nặng. Thái tử Tư Mã Trung đã ngoài ba mươi. Thông thường, đã ba mươi tuổi thì hoàn toàn có thể giải quyết được chính sự. Nhưng Tấn Vũ Đế vẫn không yên tâm, liền lập di chiếu, yêu cầu quốc trượng (cha của Hoàng Hậu) Dương Tuấn và chú mình là Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng cùng phụ chính. Khi Tấn Vũ Đế hấp hối, chỉ có Dương Tuấn có mặt cạnh long sàng.

Để độc chiếm quyền binh, Dương Tuấn liền thông đồng với con gái là Dương Hoàng Hậu, lập một tờ di chiếu giả, trao quyền phụ chính cho một mình Dương Tuấn.

Tấn Vũ Đế mất, Thái tử Tư Mã Trung lên kế vị, đó là Tấn Huệ Đế. Giả Phi trở thành Hoàng Hậu.

Tấn Huệ Đế ngồi trên ngai vàng, nhưng chẳng biết giải quyết chính sự quốc gia thế nào, nên gây ra rất nhiều chuyện cười.

Có lần, vị Hoàng đế ngây ngô này đi cùng bọn thái giám dạo chơi trong vườn ngự uyển. Lúc đó là đầu mùa hè, trong các bụi cỏ ven hồ vang lên tiếng cóc kêu ì ộp. Tấn Huệ Đế ngơ ngác hỏi các thái giám: "Con vật nào thế? Nó kêu cho quan nghe hay cho dân nghe?"

Bọn thái giám nhìn nhau, không biết nên trả lời sao cho phải. Một tên thái giám lâu lĩnh liền trả lời: "Muôn tâu bệ hạ. Đó là những con cóc, cóc của nhà quan thì kêu cho quan nghe; còn cóc của nhà dân thì kêu cho dân nghe".

Tấn Huệ Đế gật gật đầu, như đã hiểu rõ.

Một năm, toàn quốc mất mùa, lâm vào nạn đói. Các địa phương tấp tểnh gửi sớ tâu lên triều đình, nói dân bị chết đói rất nhiều. Tấn Huệ Đế nghe tâu, liền hỏi các đại thần: "Những người đang khỏe mạnh, sao lại chết đói được".

Các đại thần tâu: Vì không có lương thực để ăn.

Tấn Huệ Đế bỗng nhanh nhẹn phán: "Tại sao chư khanh không bảo họ nấu cháo thịt mà ăn?"

Toàn bộ triều thần đều mím miệng nhin cười.

Triều Tây Tấn mới truyền được tới đời thứ hai, đã này nọ ra một hoàng đế ngây ngô như vậy, nên một loạt các vương hầu có dã tâm, đều nhắm nhe nổi lên giành chiếc ngai vàng. Và bà hoàng hậu gian xảo, nhiều tham vọng, đã đóng vai trò châm ngòi cho cuộc hỗn chiến sắp tới.

112- TÁM VƯƠNG HỒN CHIẾN

Tấn Vũ Đế cho rằng triều Ngụy diệt vong là vì đã không chia quyền lực cho các anh em trong hoàng tộc, khiến hoàng thất bị cô lập. Vì vậy, khi lên ngôi, ông ta đã phong vương cho hai mươi bảy người. Mỗi vương quốc đều có quân đội riêng; các quan văn võ trong vương quốc đều do vương chư hầu tự tuyển chọn. Tấn Vũ Đế tưởng rằng làm như vậy thì triều đình sẽ được nhiều anh em trong hoàng tộc giúp đỡ, và nền thống trị của họ Tư Mã sẽ vững vàng. Nào ngờ, cách làm đó lại gieo rắc mầm loạn. Năm 290, Tấn Huệ Đế lên ngôi, ngoại thích Dương Tuấn dùng âm mưu đoạt quyền, gạt Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng khỏi cương vị phụ chính, giành riêng cho mình. Một số vương chư hầu đương nhiên không cam chịu tình hình đó, nhưng nhất thời chưa có cơ hội ra tay chống lại.

Tấn Huệ Đế ngây ngô, nhưng hoàng hậu Giả Nam Phong (là con gái của Giả Sung, một người từ lâu đã là thân tín của Tấn Vũ Đế và trước đó đã thực hiện lệnh giết Tào Mao do Tư Mã Chiêu giao cho - xem chương

105) lại là người đàn bà gian xảo, quỷ quyệt. Bà không chịu để hai cha con Dương Thái hậu thao túng triều chính, liền bí mật sai người liên lạc với Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng và Sở vương Tư Mã Vĩ, yêu cầu họ đem quân về Lạc Dương thảo phạt Dương Tuấn.

Năm 291, Sở Vương Tư Mã Vĩ từ Kinh Châu đem quân về Lạc Dương. Dựa vào sự ủng hộ của Tư Mã Vĩ, Giả hoàng hậu lấy danh nghĩa Tấn Huệ Đế - hạ chiếu ghép Dương Tuấn vào tội mưu phản, sai Tư Mã Vĩ đem quân tới vây tư dinh của Dương Tuấn và giết chết cả ba họ. Số người có liên quan bị giết có tới mấy ngàn.

Sau khi Dương Tuấn bị giết, Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng về Lạc Dương làm đại thần phụ chính. Nhưng binh quyền lúc đó đã nằm trong tay Tư Mã Vĩ (Vĩ là con thứ năm của Tư Mã Viêm, tức là em Huệ Đế và là cháu gọi Tư Mã Lượng là ông ngành thứ). Giữa hai vương ông cháu nảy sinh mâu thuẫn về quyền lực. Hoàng hậu Giả Nam Phong thấy đây là cơ hội tốt để trừ luôn cả hai vương lúc này đã trở thành vật cản đối với tham vọng lung đoạn triều chính của mình. Bà dùng quỷ kế: trước hết, giả truyền mật lệnh của Huệ Đế, sai Tư Mã Vĩ đem quân vây tư dinh của Tư Mã Lượng và bắt đem về trị tội vì có âm mưu phản nghịch; luôn tiện cũng làm tương tự đối với đại thần Vệ Quán là người đã từng khuyên Tư Mã Viêm lập Thái tử khác. Cả hai người và toàn gia đình lập tức bị chém, không được thanh minh, biện bạch gì. Sự việc này gây bàng hoàng cho toàn thể triều đình vì Tư Mã Lượng là một nguyên lão trong hoàng tộc và quan Tư Không Vệ Quán là một lão thần chính trực, có uy tín cao. Bước tiếp theo, Giả hoàng hậu phủ tay, làm ra bộ không hay biết gì, xui Huệ Đế hạ chiếu bắt và giết Tư Mã Vĩ vì tội giả mạo chiếu chỉ, 'tự tiện giết hại

những trọng thần của triều đình. Sở vương Tư Mã Vi biết mình đã bị Giả hoàng hậu lừa, tưởng rằng đã lập được công vì chấp hành mau mắn "mật chỉ" của hoàng đế, nào ngờ lại nhận được kết cục thê thảm. Ông ta ra sức kêu oan, nhưng Huệ Đế, với sự giật dây của Giả hoàng hậu, không thèm nghe và sai hành hình tức khắc.

Từ đó, triều đình không còn đại thần phụ chính, Huệ Đế là hoàng đế trên danh nghĩa. Nhưng trên thực tế, hoàng hậu Giả Nam Phong nắm toàn bộ quyền lực.

Giả hoàng hậu nắm quyền liên tục bảy tám năm, gạt hoàng đế ngây ngô sang một bên, chuyên quyền độc đoán, làm đủ mọi chuyện bán thiu, dân trong kinh thành Lạc Dương ai cũng biết những vụ bê bối, dâm loạn của bà, nhưng không ai dám nói ra.

Giả hoàng hậu không có con trai, nhưng Huệ Đế lại có một con trai với một bà phi là Tạ phu nhân, đặt tên là Tư Mã Duật và được phong làm Thái tử. Giả hoàng hậu sợ Thái tử Duật trưởng thành thì ngôi hoàng hậu của mình khó mà giữ được, liền lập mưu diệt trừ Thái tử.

Bà sai một nội thị tâm phúc viết một bức thư nhân danh Thái tử Duật gửi cho Huệ Đế, nội dung đại ý nói với giọng xác xược, là Huệ Đế bất tài, nên sớm nhường ngôi lại cho Thái tử và tự kết liễu đời mình đi. "nếu bề hạ không dám tự kết liễu, thì thần tử này sẽ vào cung giúp kết liễu". Sau đó, Giả hoàng hậu cho gọi Thái tử tới, chuốc rượu cho say sưa tới mức mất hết lý trí rồi đưa bức thư đó ra và nói: "Hoàng đế có một văn bản quan trọng, bảo ta đưa cho Thái tử để Thái tử tự tay sao lại ngay một bản đưa lên ngự dụng". Đang trong

trang thái mê mụ, Thái tử Duật không còn đủ tỉnh táo để hiểu được ý nghĩa văn bản, chỉ biết cầm đầu chép từng chữ theo bản mẫu có sẵn một cách máy móc.

Hôm sau, Giả hoàng hậu bảo Tấn Huệ Đế triệu tập quần thần, đưa bức thư đó ra cho họ xem và tuyên bố là Thái tử mưu phản, là kẻ đại nghịch, bất trung, bất hiếu, có chứng cứ bằng giấy trắng mực đen. Nhiều đại thần tỏ ý ngờ rằng bức thư đó là giả. Giả hoàng hậu liền bảo họ so tự dạng. Kết quả, khi so với những văn bản do Thái tử viết trước kia thì thấy đúng là bút tích của một người. Thường ngày, Thái tử tỏ ra là người trung hậu, thành thực, được nhiều người yêu mến. Nhưng trước chứng cứ đó, không ai có cách gì bào chữa giúp được. Huệ Đế là người vừa ngây ngô, vừa rất sợ Giả hoàng hậu, mọi việc đều nghe theo vợ. Vì vậy, nghe Giả hoàng hậu nói, là tội Thái tử đáng chết, nhưng nghĩ tình ruột thịt, trước hết hãy phế bỏ và đem giam lỏng ở một nơi xa, Huệ Đế liền nghe theo ngay.

Tuyệt đa số đại thần từ lâu vốn đã rất bất bình trước sự lộng quyền và gian xảo, tàn bạo của Giả hoàng hậu. Lần này, trước việc phế bỏ Thái tử, họ không dám công khai chống lại, nhưng sau buổi chiều, nhiều người đã tụ tập, tỏ sự căm phẫn, bàn tán xôn xao.

Triệu Vương Tư Mã Luân (con thứ chín của Tư Mã Ý, vào hàng ông của Huệ Đế) là người chỉ huy quân cấm vệ, từ lâu đã có mộng tưởng vươn lên nắm đại quyền, thấy đây là cơ hội lớn để ra tay. Vốn cũng rất nham hiểm, ông ta không muốn làm theo ý kiến của đa số đại thần là tìm cách phế Giả hoàng hậu và phục hồi cho Thái tử, mà muốn trừ cả hai để dọn đường cho mình. Tư Mã Luân đi một nước cờ cao: Trước tiên phao tin cho



Giả hoàng hậu biết là các đại thần đang bí mật mưu toan phục hồi chức vị cho Thái tử. Giả hoàng hậu nghe tin, rất lo sợ, liền vội phái người đến đầu độc Thái tử. Bà ta đầu ngò, làm như vậy là đổ thêm dầu vào ngọn lửa công phần đang âm ỉ trong đại đa số triều thần. Ngay sự kiện đó, Triệu vương Tư Mã Luân phải hiệu úy cấm quân là Tề Vương Tư Mã Quýnh (em họ của Huệ Đế) đem quân vào cùng bắt Giả hoàng hậu.

Người đàn bà xưa nay vốn nhiều mưu mô xảo quyệt, lần này bị sa bẫy của Tư Mã Luân. Vừa thấy Tư Mã Quýnh dẫn quân xông vào, Giả hoàng hậu giật nảy mình, nhưng vẫn làm mặt cứng cỏi, quát: "Các người dám tự tiện vào đây làm gì?".

Tề Vương Quýnh đáp: "Ta phục chiếu của hoàng thượng, đến bắt nhà ngươi!". Giả hoàng hậu đáp: "Chiếu thư của hoàng thượng đều do ta phát ra. Làm gì còn có chiếu thư nào nữa". Nói rồi la hét ầm ĩ, sai cung nữ đi gọi Huệ Đế tới. Tư Mã Quýnh không nói không rằng, sai quân cấm vệ xông vào trói Giả hoàng hậu lại dẫn đi, đồng thời cho lùng bắt, giết hết tay chân thân tín của bà. Trong chốc lát, trong hoàng cung vang dậy tiếng hô giết của quân lính và tiếng kêu khóc của hoạn quan, nội thị, trong nhà, ngoài đường ngổn ngang xác chết, tràn ngập máu me (sự kiện này xảy ra vào năm 300 CN).

Diệt xong Giả hoàng hậu, Triệu vương Tư Mã Luân tự lên làm tướng quốc, nắm toàn bộ triều chính. Ông ta còn chuyên quyền hơn cả Giả hoàng hậu. Trong mọi việc, không thêm để ý đến hoàng đế bù nhìn Tấn Huệ nữa. Một năm sau đó, vẫn chưa thoả mãn tham vọng, Tư Mã Luân liền phế huân Huệ Đế, tự mình lên ngôi

hoàng đế (năm 301). Sau khi lên ngôi, để xây dựng vây cánh, Tư Mã Luân phong quan chức rất rộng rãi cho đồng đảng, kể từ tên lính trong đội quân cũ của ông ta cũng trở thành quan. Trên mũ của các quan từ lớn đến nhỏ đều cắm đuôi điều (một loại chồn phương Bắc) để trang trí. Vì quá nhiều quan, nên số đuôi điều có trong kho hoàng cung không đủ dùng, phải dùng thêm đuôi chó cho đủ số. Dân gian liền đặt ca dao để châm biếm: *"đuôi điều chẳng đủ để dùng, đành thay đuôi chó lộn sòng cho qua!"*

Các vương chư hầu khác thấy Triệu Vương Tư Mã Luân bỗng chốc nhảy tót lên ngôi hoàng đế, chiếm mất chiếc ngai vàng mà từ lâu họ từng nhòm ngó, thì đâu chịu ngồi yên. Tất cả đều lấy cớ thảo phạt tội thoán nghịch, rùng rùng đem binh mã về kinh đô Lạc Dương. Cuộc đại hỗn chiến bắt đầu. Diễn biến đại lược như sau:

Ngay trong năm đó (301) Tể vương Tư Mã Quýnh liên hợp với Thành Đô Vương Tư Mã Dĩnh (con thứ 16 của Tư Mã Viêm, em cùng cha của Huệ Đế) và Hà Gian vương Tư Mã Ngung (chú họ Huệ Đế) cùng đánh Tư Mã Luân. Sau hơn sáu mươi ngày kịch chiến, số lính chết trận của hai bên lên tới gần mười vạn. Cuối cùng, Tư Mã Luân thua trận, bị giết. Huệ Đế được trở lại làm hoàng đế bù nhìn, do Tư Mã Quýnh làm đại thần phụ chính, nắm toàn bộ thực quyền.

Năm 302, Tư Mã Ngung lại liên hợp với Trường Sa Vương Tư Mã Nghi (con thứ 6 của Tư Mã Viêm, em Huệ Đế) đánh vào thành Lạc Dương. Qua ba ngày kịch chiến, Tư Mã Quýnh đại bại, bị Tư Mã Nghi bêu đầu thị chúng. Quyền lực lại rơi vào tay Tư Mã Nghi.

Năm 303, Tư Mã Dĩnh lại cùng với Tư Mã Ngung đem hai mươi bảy vạn quân đánh vào Lạc Dương. Tư Mã Nghệ ít quân hơn, phải đem Huệ Đế chạy khỏi Lạc Dương. Quân Tư Mã Dĩnh vào kinh thành, thả sức chém giết cướp bóc, hàng vạn người dân vô tội bị giết. Sau đó, quân Tư Mã Dĩnh rút ra ngoài thành. Huệ Đế được đưa về cung, còn Tư Mã Nghệ bị bắt và bị thiêu chết.

Năm 304, Đông Hải Vương Tư Mã Việt (chú họ Huệ Đế) dẫn Huệ Đế đem quân thảo phạt Tư Mã Dĩnh. Hai bên kịch chiến, Tư Mã Việt bị Tư Mã Dĩnh đánh bại, bỏ chạy về đất phong của mình ở Sơn Đông. Huệ Đế trúng ba mũi tên, bị Tư Mã Dĩnh bắt đưa vào Nghiệp Thành. Trong lúc hai vương kia đánh nhau, thì Tư Mã Ngung thừa cơ chiếm Lạc Dương. Tư Mã Dĩnh ở Nghiệp Thành, bị một số lực lượng địa phương đánh đuổi, phải đem Huệ Đế chạy về Lạc Dương, phụ thuộc vào Tư Mã Ngung. Tư Mã Ngung thấy Lạc Dương đã tan hoang, liền buộc Huệ Đế và Tư Mã Dĩnh cùng vào Trường An, rồi phế Tư Mã Dĩnh, độc chiếm triều chính.

Năm 305, Tư Mã Việt lại từ Sơn Đông đem quân vào chiếm Trường An, ép Huệ Đế cùng Tư Mã Ngung, Tư Mã Dĩnh trở về Lạc Dương.

Năm 306, Tư Mã Việt lần lượt giết Tư Mã Dĩnh, Tư Mã Ngung và Huệ Đế, rồi lập Tư Mã Sí (em Huệ Đế) làm hoàng đế. Đó là Tấn Hoài Đế. Đại quyền nằm hoàn toàn trong tay Tư Mã Việt. Chiến loạn kết thúc.

Trong hơn 15 năm kể từ khi Giả hoàng hậu giết Dương Tuấn (năm 291) đến khi Hoài đế được lập (306) kinh đô Lạc Dương và cố đô Trường An bị tàn phá, cướp bóc tan hoang. Ở Lạc Dương, nam giới từ mười ba tuổi

trở lên đều bị bắt đi lính. Lương thực hiếm hoi, một thạch* lúa giá một vạn tiền**. Vì vậy, người chết đói đầy đường. Quân lính các phe phái thiếu lương ăn, đã giải quyết bằng cách giết người, lấy thịt bù vào số thịt bò ngựa không đủ ...

Tham gia vào cuộc hỗn chiến đó có Triệu Vương Tư Mã Luân, Tề Vương Tư Mã Quýnh, Thành Đô Vương Tư Mã Dĩnh, Hà Gian Vương Tư Mã Ngung, Trường Sa Vương Tư Mã Nghiê, Đông Hải Vương Tư Mã Việt. Cộng thêm Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng, Sở Vương Tư Mã Vĩ bị giết ngay từ đầu cuộc, tất cả là tám vương. Đến màn cuối, bảy vương bị giết, chỉ còn lại một vương là Tư Mã Việt.

Lịch sử gọi sự kiện này là "bát vương chi loạn" (loạn tám vương).

Triều Tây Tấn vừa lên được 26 năm (265 - 291) đã lâm vào cảnh hỗn chiến cốt nhục tương tàn này nên nhanh chóng suy yếu. Do đó, chỉ 11 năm sau đó, nó đã bị các dân tộc thiểu số phương bắc đánh bại, lực lượng tàn dư phải chạy xuống phương nam, lập ra triều Đông Tấn.***

* thạch: đơn vị dung lượng, bằng mười đấu.

** tiền: đơn vị tiền tệ bằng 1/10 lạng. Thời đó, tiền tệ được đúc bằng đồng.

*** Để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc, trong chương này người biên dịch đã điều chỉnh bố cục và bổ sung nhiều tư liệu rút từ Nhị Thập ngũ sử (phần Tấn thư) và Tư Trị Thông Giám.

113- LÝ ĐẶC LẬP TRẠI CHO DÂN LƯU TÁN

Nên thống trị thối nát và cục diện hỗn chiến dưới thời Tây Tấn, đã gieo tai họa vô cùng vô tận xuống đầu dân chúng. Cộng thêm vào đó là thiên tai liên tiếp khiến nông dân nhiều địa phương không đủ lương ăn, phải rời bỏ làng quê, lũ lượt tới các vùng khác kiếm sống. Số nông dân di lánh nạn đói đó được gọi là "lưu dân" (dân lưu tán).

Năm 298, vùng Quan Trung lâm vào nạn đói lớn, các quận Lược Dương Thiên Thuỷ (nay thuộc Cam Túc) và bốn quận lân cận có hơn mười vạn dân lưu tán vào đất Thục. Đi cùng với dân lưu tán có ba anh em thuộc một gia đình người tộc Đê* là Lý Đặc, Lý Tường, Lý Lưu. Trên đường đi, trong số dân lưu tán có ai đói khát, ốm đau, ba anh em Lý Đặc đều giúp đỡ và chăm sóc tận tình. Vì vậy họ được dân lưu tán cảm kích và tôn trọng.

* Đê - một trong năm dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Quốc thời đó, cùng với các dân tộc Hung Nô, Kiệt, Tiên Ty, Khương được sử Trung Quốc gọi là "Ngũ Hồ" - ND.

Đất Thục cách Trung Nguyên khá xa nên nhân dân được sống tương đối yên ổn. Tới Thục, số lưu dân liền phân tán đi làm thuê dài ngày cho các nhà giàu để kiếm ăn.

Nhưng Thứ sử Ích Châu là La Thượng không muốn để vùng đất dưới quyền cai trị của mình bị dân lưu tán làm cho nhiễu loạn, nên chủ trương đuổi họ trở về Quan Trung. Ông cho đặt trạm kiểm soát tại các ngã đường ra vào Thục để ngăn chặn dân lưu tán đi vào và tước đoạt tài sản mang theo của họ. Dân lưu tán nghe biết có lệnh đuổi của địa phương, lại nghĩ tới tình cảnh đói khát ở quê nhà, nếu phải trở về thì không có cách gì sống nổi, tất cả đều than trời kêu khổ.

Mọi người liền nhờ Lý Đặc giúp đỡ. Lý Đặc nhiều lần thay mặt dân lưu tán, viết tờ thỉnh cầu xin lùi hạn đuổi lại, để dân lưu tán có thời gian tìm ra cách kiếm sống mà không gây ra xáo động xã hội cho địa phương. Họ thấy Lý Đặc có uy tín để giao thiệp với quan chức địa phương nên đều rủ nhau đến nhờ ông che chở.

Lý Đặc liền lập một trại lớn ở vùng Miên Trúc để tập trung dân lưu tán lại. Chưa tới một tháng, đã có khoảng hai vạn người tới theo. Em ông là Lý Lưu cũng lập một trại riêng, tiếp nhận được mấy ngàn người.

Sau khi tập trung dân lưu tán vào một khu, để họ khai phá ruộng nương, tự túc được lương thực. Lý Đặc liền cử đại diện là Diêm Húc đến gặp La Thượng, xin hoãn dài hạn việc đuổi dân lưu tán.

Diêm Húc đến phủ Thứ sử, thấy ở đó đang diễn ra quang cảnh tấp nập sửa sang đồn lũy và tập trung người ngựa, rõ ràng là đang chuẩn bị cho một hành

động quân sự. Diêm Húc gặp La Thượng, để đạt lời thỉnh cầu của dân lưu tán. La Thượng làm ra vẻ dễ dãi, trả lời: "Ta đã chuẩn bị ban hành lệnh hoãn đuổi, ông cứ yên tâm, về báo cho họ biết, đừng lo lắng gì nữa!"

Thấy thái độ La Thượng không có ý chân thật Diêm Húc nói: "Xin La Công đừng nghe lời xúi giục của những người nuôi ý định xấu đối với dân lưu tán chúng tôi. Nhìn tình hình ở nơi đây, tôi thấy các ngài không có ý dung nạp chúng tôi. Nhưng tôi khuyên ngài, không nên coi thường đám dân đói khát. Nhìn bề ngoài, họ có vẻ yếu đuối. Nhưng nếu bị bức đến bước đường cùng họ sẽ buộc phải phản kháng. Đến lúc đó, e rằng sẽ không có điều gì hay cho ngài đâu".

La Thượng giả bộ nghiêm chỉnh nói: "Ta không đánh lừa đâu. Ông cứ về nói với họ ý kiến trên của ta!"

Diêm Húc trở về Miên Trúc, nói tường tận tình hình đã quan sát thấy và những lời lẽ của La Thượng cho Lý Đặc nghe, rồi bổ sung thêm: "Theo tôi, tuy La Thượng nói như thế, nhưng chúng ta không nên nhẹ dạ tin lời ông ta. Cần phải chuẩn bị đề phòng ông ta đem quân tới tập kích."

Lý Đặc cũng cùng chung nhận định, lập tức cho tổ chức dân lưu tán thành đội ngũ, chuẩn bị vũ khí, bố trí trận thế, sẵn sàng chống trả nếu bị quân Tấn* tiến công.

Quả nhiên, một đêm sau đó, La Thượng phái bộ tướng dẫn ba vạn bộ binh và kỵ binh đến đánh úp trại

* Ở đây nói quân địa phương của triều Tấn, dưới quyền chỉ huy của La Thượng, thứ sử Ích Châu - ND.



lớn Miên Trúc. Quân Tấn tiến tới doanh trại của Lý Đặc. Lý Đặc làm ra vẻ không hay biết gì, toàn trại vẫn im phắc không có động tĩnh. Quân Tấn tưởng Lý Đặc trúng kế của La Thượng, không đề phòng gì, liền nổi hiệu lệnh, quân lính reo hò, ào ạt xông vào trại.

Nào ngờ, khi ba vạn quân Tấn đã vào hết trong khu trại, thì bốn phương tám hướng vang dậy tiếng trống và thanh la. Toàn thể dân lưu tán đã mai phục sẵn cầm trường mâu, đại đao xông ra chém giết. Dân lưu tán đã chất chứa sẵn lòng uất ức, chiến đấu hết sức dũng mãnh, một địch nổi mười, mười địch nổi trăm. Quân Tấn bị bất ngờ, từ chỗ chủ quan, chuyển sang hoảng sợ, không kịp đổi phó, bị dân lưu tán đánh cho khô giáp tả tơi, ôm đầu tháo chạy. Mấy viên tướng Tấn chạy không kịp, bị giết chết.

Sau trận đó, dân lưu tán biết bọn thống trị Tấn nhất định không bỏ qua, nên đều xin Lý Đặc đứng ra chỉ huy họ, chống lại quân triều đình và địa phương.

Qua bàn bạc giữa thủ lĩnh của dân lưu tán sáu quận với Lý Đặc, mọi người tôn Lý Đặc làm Trấn Bắc đại tướng quân, Lý Lưu làm Trấn Đông tướng quân. Mấy thủ lĩnh khác của dân lưu tán cũng được cử làm tướng. Họ tổ chức, chỉnh đốn lại binh mã, thanh thế lừng lẫy một vùng. Mấy ngày sau, đội quân đó đánh chiếm Quảng Hán, đuổi viên Thái Thú đi.

Lý Đặc vào quận Quảng Hán, học theo cách làm của Hán Cao Tổ Lưu Bang, ban bố "ước pháp tam chương", (xem đề mục 52) mở kho thóc công, cứu tế cho dân nghèo địa phương. Quân đội của lưu dân, dưới sự lãnh đạo của Lý Đặc, đã giữ nghiêm kỷ luật, không quấy

hiều dân địa phương. Dân chúng trong đất Thục, xưa nay chịu mọi áp bức khắc nghiệt của quan quân triều Tấn, nay nhờ có quân lưu dân của Lý Đặc, đời sống được yên ổn và dễ thở hơn. Họ đều phấn khởi, và sáng tác ca dao ca ngợi đội quân của Lý Đặc:

"La Thượng tàn ác trăm bề,

Nay nhờ Lý Đặc vô về muôn dân".

Trước thanh thế của quân lưu dân, La Thượng ngoài mặt phải cử người đến cầu hoà, nhưng một mặt ngầm cấu kết với thế lực cường hào địa phương đánh Lý Đặc. Sau một số trận chống trả anh dũng, Lý Đặc thua trận, anh dũng hy sinh. Con của Lý Đặc là Lý Hùng tiếp tục lãnh đạo lưu dân chiến đấu. Năm 304, Lý Hùng tự lập làm Thành Đô Vương. Hai năm sau, lại tự xưng là hoàng đế, lấy quốc hiệu là Đại Thành. Sau, tới đời cháu Lý Hùng là Lý Thợ nối ngôi hoàng đế, liền đổi quốc hiệu là Hán. Do đó, sử còn gọi chính quyền này là Thành Hán.

114- NGƯỜI HUNG NÔ XUNG LÀM HÁN ĐẾ

Trong cùng năm khi Lý Hùng xưng làm Thành Đô Vương (304) thì ở miền Bắc, một nhân vật quý tộc Hung Nô là Lưu Uyên cũng tuyên bố độc lập với triều Tấn, tự xưng là Hán Vương.

Từ cuối đời Tây Hán, một bộ phận tộc Hung Nô từ phía Bắc dời vào cư trú ở các quận huyện miền biên giới. Họ chung sống lâu dài với nhân dân tộc Hán, dần dần tiếp thu nền văn hóa Hán*. Giới quý tộc Hung Nô cho rằng các đời trước, đã nhiều lần thông hôn với hoàng thất nên họ cũng là họ hàng thân thích với nhà Hán. Vì vậy, họ liền đổi sang họ Lưu, là họ của Hoàng Đế Hán. Cuối thời Đông Hán, đầu thời Tam Quốc, sau khi Tào Tháo thống nhất được miền Bắc Trung Quốc, liền phân ba vạn dân thuộc các bộ lạc Hung Nô thành năm "bộ", mỗi bộ có một bộ soái**. Quý tộc Hung Nô Lưu Bảo là một trong năm bộ soái đó.

* tức đồng hoá theo tộc Hán -ND.

** tức người đứng đầu bộ - ND.

Lưu Uyên là con Lưu Báo, từ nhỏ đã học chữ và tiếng Hán, có đọc khá nhiều thư tịch Hán, lại có sức khoẻ và võ nghệ cao cường, có thể kéo được loại dây cung có lực căng 300 cân*. Sau khi Lưu Báo chết, Lưu Uyên kế thừa chức Bộ Soái của cha, có thời gian làm tướng dưới quyền Thành Đô Vương Tư Mã Dĩnh (một trong tám vương, đã nói ở phần trên) đóng quân ở Nghiệp Thành chỉ huy toàn thể quân đội Hung Nô thuộc cả năm bộ.

Sau khi cuộc hỗn chiến tám vương nổ ra, một số quý tộc Hung Nô họp nhau lại bàn bạc ở Tả Quốc Thành (nay ở phía Bắc Ly Thạch, Sơn Tây). Một quý tộc già nói: "Từ đầu triều Hán, người Hung Nô chúng ta kết thân với người Hán. Trải qua hai triều Ngụy, Tấn, con cháu các thiên vu Hung Nô tuy vẫn có tước phong, nhưng không có một tấc đất của riêng mình, không khác gì dân thường. Nay triều Tấn có nội loạn, hoàng tộc đang tàn sát lẫn nhau, đây chính là thời cơ để người Hung Nô ta khôi phục lại địa vị"

Mọi người đều thấy ý kiến đề xuất đó là đúng. Nhưng chọn ai là người đứng đầu? Qua thảo luận, mọi người đều cho rằng Lưu Uyên có tài năng và uy tín cao, rất thích hợp với chức vị Thiên vu.

Hội nghị quý tộc liền cử đại diện đến Nghiệp Thành, báo cho Lưu Uyên biết ý kiến của hội nghị và mời ông trở về. Lưu Uyên mừng rỡ, liền lấy cơ về Hung Nô an táng cho cha, xin phép Tư Mã Dĩnh cho nghỉ. Nhưng Tư Mã Dĩnh nhất định không đồng ý. Lưu Uyên đành cho người đại diện về trước và hẹn cả năm bộ của Hung Nô

* ~ 150 Kg - ND.



tập trung lực lượng quân sự và di chuyển xuống phía Nam.

Sau đó, Thứ sử Tịnh Châu là Tư Mã Đằng cùng với tướng Vương Tuấn liên hợp với quý tộc Tiên Ty đánh Tư Mã Dĩnh. Tư Mã Dĩnh bị thua, chạy về Lạc Dương. Nhân cơ hội đó Lưu Uyên xin Tư Mã Dĩnh cho về Hung Nô để lấy quân đến trợ chiến, Tư Mã Dĩnh tin là thật cho đi.

Năm 304, Lưu Uyên về đến Tả Quốc Thành được cả năm bộ tôn là Đại Thiên Vu. Ông dẫn năm vạn quân tiến xuống phía Nam, giúp quân Tấn đánh lại quân Tiên Ty. Có người hỏi: Tại sao ông không nhân cơ hội này diệt phăng triều Tấn đi, mà lại giúp đỡ quân Tấn?

Lưu Uyên trả lời: "Diệt triều Tấn thì dễ như kéo đổ cây khô cùi mục, nhưng dân Tấn chưa hẳn đã chịu theo chúng ta. Triều Hán đã dựng nước lâu dài, có ảnh hưởng sâu trong lòng người. Các đời ông cha chúng ta đã từng thông hôn với triều Hán trở thành anh em thân thích với nhau. Nay triều Hán đã mất, ta nên lấy danh nghĩa kế thừa triều Hán, thì được sẽ lòng người hơn".

Mọi người đều phục. Lưu Uyên liền tự xưng là Hán Vương. Sau đó, Lưu Uyên liên tiếp đánh chiếm được các quận Thượng Đảng, Thái Nguyên, Hà Đông, Bình Nguyên, thế lực càng ngày càng mạnh. Một số lực lượng chống Tấn của các bộ tộc nhỏ đều đến quy phục Lưu Uyên.

Năm 308, Lưu Uyên xưng làm Hán Đế.

Năm sau, liền dời đô đến Bình Dương (nay ở Tây nam Lâm Phần, Sơn Tây) rồi tập trung binh lực tiến đánh Lạc Dương. Nhân dân Lạc Dương tuy căm ghét

triều Tây Tấn thối nát, nhưng không muốn bị quý tộc Hung Nô thống trị. Vì vậy, qua hai lần tiến công, Lưu Uyên đều gặp phải sự chống trả mãnh liệt của quân dân Lạc Dương, buộc phải lui quân.

Trong lúc đó, vương cuối cùng còn lại sau "loạn tám vương" là Đông Hải Vương Tư Mã Việt vẫn còn sa vào việc chém giết với các đại thần khác. Vì vậy, chút ít lực lượng quân sự còn sót lại của triều Tấn cũng bị tiêu hao gần hết.

Sau khi Lưu Uyên chết, con là Lưu Thông nối ngôi hoàng đế Hán, lại phái các đại tướng là Lưu Diệu và Thanh Lạc tiến công Lạc Dương. Quân dân Lạc Dương chống trả quyết liệt, nhưng cuối cùng do lực lượng quá chênh lệch không thể kéo dài cuộc chiến đấu. Năm 211, thành Lạc Dương thất thủ, Tấn Hoài Đế bị bắt làm tù binh. Lưu Thông tiến vào Lạc Dương, tàn sát hàng loạt quan chức và nhân dân. Một lần, Lưu Thông mở tiệc, sai Tấn Hoài Đế mặc áo xanh của nô bộc, đứng hầu rượu. Một số triều thần cũ của triều Tấn nhìn thấy cảnh đó, không kìm lòng được, oà lên khóc. Lưu Thông thấy các di thần của triều Tấn còn nặng tình cảm với Hoài Đế như vậy, thì nổi giận, đem Hoài Đế giết đi.

Sau khi Tấn Hoài Đế bị giết, các quan triều Tấn ở Trường An liền tôn cháu của Hoài Đế là Tư Mã Nghiệp lên kế thừa đế vị. Đó là Tấn Mẫn Đế.

Năm 316, Lưu Thông chiếm được Trường An. Tấn Mẫn Đế cũng lâm vào số phận giống như Tấn Hoài Đế, sau khi chịu mọi nhục nhã rồi cũng bị giết. Triều Tây Tấn duy trì được 52 năm, tới đây kết thúc.

Sau khi Tây Tấn bị diệt, các bộ tộc ở miền Bắc Trung Quốc (chủ yếu là năm bộ tộc Hung Nô, Tiên Ty, Kiệt,

Đế, Khương) đồn dập khởi nghĩa. Tầng lớp trên trong các bộ tộc đó thừa cơ khởi binh, giống như Lý Hùng, Lưu Uyên đã làm, trước sau xuất hiện mười sáu chính quyền cát cứ.

Lịch sử gọi tình hình đó là "Ngũ Hồ, thập lục quốc"*

* Hồ - là tên gọi mà người Hán thời xưa dùng để chỉ chung các dân tộc thiểu số mang sắc thái kỳ thị -

115- LƯU CÔN LẬP CHÍ CỨU NƯỚC

Trong khi quý tộc Hung Nô hoành hành ở miền Bắc và vương triều Tây Tấn đứng trước họa diệt vong, thì một số tướng lĩnh trung thành vẫn kiên trì chiến đấu. Một đại biểu kiệt xuất trong số đó là Lưu Côn.

Thời thanh niên Lưu Côn có một người bạn thân là Tổ Dịch. Đầu thời Tây Tấn hai người cùng làm chức chủ bạ* ở Tư Châu (trị sở ở Đông bắc Lạc Dương ngày nay). Đêm đêm, hai người cùng ngủ chung một giường, đàm luận việc quốc gia đại sự, thường say sưa sôi nổi đến canh khuya.

Một hôm, khi họ đang ngủ ngon thì có tiếng gà gáy làm Tổ Dịch thức dậy. Nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy mảnh trăng tàn còn treo ở chân trời, phương đông vẫn chưa rạng. Nhưng Tổ Dịch không muốn ngủ nữa liền lấy chân hích Lưu Côn. Côn giật mình, dụi mắt, hỏi xem có

* chức quan trông coi việc giấy tờ.

việc gì. Tổ Dịch nói: "Anh nghe xem. Tiếng gáy hay biết bao. Nó giục chúng ta trở dậy đây!"

Hai người phấn khởi vùng dậy, lấy kiếm đang treo trên vách, đi ra ngoài, cùng nhau múa kiếm dưới ánh trăng mờ nhạt lúc hừng đông.

Cứ như vậy, ngày ngày, họ khổ công tập luyện võ nghệ, nghiên cứu binh pháp. Cuối cùng, cả hai đều trở thành tướng lĩnh nổi tiếng.

Năm 308, Tấn Hoài Đế phong Lưu Côn làm thứ sử Tịnh Châu. Lúc đó, Tịnh Châu đang ở trong tình trạng bị Hung Nô cướp bóc, tàn sát, dân chúng tán loạn khắp nơi. Lưu Côn chiêu mộ hơn một nghìn binh sĩ, xông pha vô vàn gian nan nguy hiểm, tiến tới Tấn Dương thuộc Tịnh Châu (nay ở Tây nam thành phố Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây).

Trong thành phố Tấn Dương, nhà cửa bị đốt phá, gai góc mọc đầy, cảnh hoang vắng thê lương bao phủ khắp nơi. Trong khi xông pha tìm kiếm, đội quân của Lưu Côn phát hiện thấy một số dân còn sót lại, đang thoi thóp vì nhịn đói quá lâu.

Nhìn thấy cảnh đó Lưu Côn rất thương tâm. Ông ra lệnh cho các binh sĩ phát quang gai góc, chôn cất những người chết, sửa sang lại nhà cửa, thành trì, phòng bị chống lại sự tập kích của Hung Nô. Ông còn dùng mưu, khiến các bộ lạc Hung Nô nghi ngờ lẫn nhau. Nhờ đó, về sau, hơn một vạn người Hung Nô đầu hàng Lưu Côn, lực lượng ông hùng hậu lên, ngay cả Hán Đế Lưu Uyên cũng gồm sợ, không dám xâm phạm vào vùng đất ông cai quản.



Lưu Côn chiêu tập dân đào vong trở về đất cũ, khai hoang phục hoá, ổn định cuộc sống. Không tới một năm, vùng đất hoang vu cũ đã có tiếng gà gáy chó sủa, thành Tấn Dương dần dần khôi phục lại cảnh tượng phồn vinh.

Sau khi Lưu Thông đánh chiếm Lạc Dương, binh lực của triều Tây Tấn ở miền Bắc phần lớn bị đánh tan chỉ còn lại một mình Lưu Côn kiên trì chiến đấu ở dải Tịnh Châu. Sau khi Tấn Mẫn Đế lên ngôi ở Trường An, liền cử người phong Lưu Côn làm Đại tướng quân, giao cho ông chỉ huy toàn bộ lực lượng quân sự ở Tịnh Châu.

Lúc đó, đại tướng Hán là Thạch Lặc, đã chiếm được Tương Quốc (ở phía Tây nam Hình Đài, tỉnh Hà Bắc ngày nay), tập kết một đội quân lớn tới mấy chục vạn, toan đánh chiếm Tịnh Châu. Lưu Côn ở vào tình thế bị kẹt giữa Lưu Thông ở phía Nam và Thạch Lặc ở phía Bắc, khó khăn đến cực điểm. Nhưng ông không hề sợ hãi, không chịu lùi và co cụm lại. Trong số tấu gửi lên Tấn Mẫn Đế, ông viết: "Hạ thần không thể đợi trời chung với Lưu Thông, Thạch Lặc. Nếu không dẹp yên được chúng, thần quyết không về triều".

Theo kể lại, khi Lưu Côn ở Tấn Dương, có lần bị kỵ binh Hung Nô bao vây nhiều lớp. Thành Tấn Dương rất ít quân, không thể đánh lui được địch. Mọi người rất sợ hãi, nhưng Lưu Côn vẫn bình thản. Đêm tối, ông treo đèn thắp lửa, hú từng hồi dài dưới ánh trăng. Tiếng hú nghe bi thương, ai oán. Quân Hung Nô nghe thấy, đều buồn rầu than thở. Tới nửa đêm, Lưu Côn lại sai người dùng sáo Hồ (một nhạc cụ của các dân tộc thiểu số miền Bắc Trung Quốc) thổi các điệu nhạc Hung Nô, gợi lên tình cảm nhớ quê hương. Binh lính Hung Nô xúc

động rơi nước mắt. Trước khi trời sáng, tiếng sáo Hồ lại cất lên, binh lính Hung Nô tự động lui đi hết.

Sau đó, Lưu Côn bắt liên lạc với thủ lĩnh tộc Tiên Ty, cùng nhau phối hợp đánh Lưu Thông, nhưng không thành công. Tiếp đó, Thạch Lặc tiến công Lạc Bình (ở Tây nam Tích Dương tỉnh Sơn Tây ngày nay). Lưu Côn phái quân đi cứu, bị Thạch Lặc dùng tinh binh mai phục dọc đường, tiêu diệt hầu như toàn bộ. Đúng vào lúc đó, lại truyền tới tin Lưu Thông đã chiếm Trường An, bắt được Mẫn Đế. Tình hình diễn biến tới mức đó, thì dù có ngoan cường dũng cảm đến đâu cũng khó lòng giữ được Tịnh Châu, Lưu Côn đành dẫn tàn binh chạy lên U Châu*.

* vùng cực Bắc của Trung Quốc thời đó, giáp Vạn lý trường thành, trị sở là Bắc Kinh ngày nay.

116- HỌ VƯƠNG GIÚP HỌ TƯ MÃ

Trong khi Lưu Thông chiếm được Trường An, thì miền Nam Trung Quốc vẫn còn nằm trong tay các quan địa phương triều Tấn. Trước khi bị bắt, Tấn Mẫn Đế để lại chiếu thư yêu cầu Lang Nha Vương Tư Mã Duệ lúc đó đang trấn thủ Kiến Khang (vốn có tên là Kiến Nghiệp, nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô) kế thừa ngôi hoàng đế.

Trong hoàng tộc Tây Tấn, địa vị và danh vọng của Tư Mã Duệ không cao. Thời Tấn Hoài Đế, ông được phái xuống trấn thủ miền Giang Nam*. Khi nhậm chức, ông mang theo một số quan chức có học vấn từ miền Bắc xuống, trong đó, người có danh vọng nhất là Vương Đạo. Tư Mã Duệ coi Vương Đạo là người bạn chí thiết, luôn làm theo ý kiến và mưu kế do Vương Đạo bày cho.

Khi mới tới Kiến Khang, Tư Mã Duệ bị một số địa chủ thuộc các dòng họ lớn coi thường vì địa vị và tiếng

* tức vùng phía Nam Trường Giang.

tầm của ông tương đối thấp. Họ không chịu đến chào quan trấn thủ mới. Thấy thế, Tư Mã Duệ hơi hoang mang, liền nhờ Vương Đạo bày cho cách đối phó.

Wương Đạo có người anh họ là Vương Đôn, lúc đó làm thứ sử Dương Châu, có thế lực tương đối lớn. Vương Đạo mời Vương Đôn đến Kiến Khang cùng nhau bàn bạc, tìm ra một biện pháp.

Ngày mồng ba tháng ba năm đó, theo phong tục địa phương là ngày lễ trừ tai, dân chúng và quan chức đều ra sông để "cầu phúc tiêu tai". Hôm đó, Vương Đạo để Tư Mã Duệ ngồi trên một cỗ kiệu trang hoàng long lẫy, có một đội nghi trượng đánh chiêng mở đường, tiến ra bờ sông. Vương Đạo, Vương Đôn và các quan chức, danh sĩ người miền Bắc cưỡi những con ngựa cao lớn đi sau kiệu, hình thành một đội ngũ uy nghiêm, hùng dũng.

Hôm đó, người đi xem lễ bên bờ sông ở Kiến Khang rất đông. Mọi người thấy cảnh tượng chưa từng thấy đó thì đều náo động, xôn xao.

Cố Vinh là một đại địa chủ có tiếng ở vùng Giang Nam cùng một số đại địa chủ khác nghe được tin đó, đều hé rèm cửa nhìn ra. Họ thấy những nhân vật có uy vọng cao như Vương Đạo, Vương Đôn đều tôn kính Tư Mã Duệ như vậy thì đều giật mình. Để chuộc lại lỗi đã ngạo mạn không tới chào hôm trước, tất cả không ai bảo ai đều ra đứng xếp hàng ven đường, bái kiến Tư Mã Duệ.

Từ đó, uy tín của Tư Mã Duệ lên cao trong giới địa chủ, sĩ tộc Giang Nam. Tiếp theo, Vương Đạo lại khuyên Tư Mã Duệ: "Cố Vinh và Hạ Tuần là danh sĩ nổi tiếng ở vùng này. Chỉ cần lôi kéo được hai người đó



thì không còn phải lo người khác không theo chúng ta nữa."

Tư Mã Duệ cử Vương Đạo đến tận nhà Cố Vinh, Hạ Tuấn, mời họ ra làm quan. Cả hai phần khởi đều bái kiến Tư Mã Duệ. Tư Mã Duệ ân cần tiếp kiến và phong quan tước cho từng người.

Từ đó về sau, các dòng họ lớn ở Giang Nam đều tới tấp vây quần xung quanh Tư Mã Duệ. Địa vị của ông ở Kiến Khang vì vậy ngày càng vững chắc. Sau khi miền Bắc xảy ra đại loạn, các danh gia, địa chủ ở miền Bắc dồn dập chạy xuống ở miền Nam tị nạn. Vương Đạo lại khuyên Tư Mã Duệ chọn những người có uy tín nhất trong số đó, mời vào làm việc trong vương phủ. Nghe theo ý kiến Vương Đạo, Tư Mã Duệ trước sau đã mời 106 người vào làm cho vương phủ.

Nhờ sự sắp đặt mưu kế của Vương Đạo mà Tư Mã Duệ chinh phục được lòng tin của sĩ tộc Giang Nam, lại tiếp nhận được nhân tài từ miền Bắc xuống củng cố vững chắc được địa vị. Do đó, đối với Vương Đạo, Tư Mã Duệ vô cùng cảm kích. Ông nói với Vương Đạo: "Ngài đúng là Tiêu Hà của ta! "

Năm 317, Tư Mã Duệ lên ngôi Hoàng Đế ở Kiến Khang, xây dựng lại triều Tấn. Đó là Tấn Nguyên Đế. Từ đó về sau, quốc đô của triều Tấn đặt tại Kiến Khang. Để phân biệt với triều Tấn do Tư Mã Viêm kiến lập, đóng đô ở Lạc Dương, được gọi là Tây Tấn, lịch sử gọi triều Tấn do Tư Mã Duệ xây dựng là Đông Tấn.

Hôm Tấn Nguyên Đế làm lễ đăng quang, Vương Đạo cùng bá quan văn võ vào cung triều kiến. Tấn Nguyên Đế vừa thấy Vương Đạo, liền từ ngai vàng đứng dậy,

nắm chặt tay kéo tới ngai vàng, bảo Vương Đạo cùng ngồi để nhận sự triều bái của bách quan.

Cử chỉ bất ngờ đó làm Vương Đạo rất hoảng sợ, vì dưới thời phong kiến, tuyệt đối không cho phép có việc như vậy. Vương Đạo cuống quýt kiêu từ, nói: "Muôn tâu bệ hạ, không thể như thế được. Nếu mặt trời cùng ở một chỗ với muôn vật, thì muôn vật làm sao có thể nhận được ánh sáng mặt trời?" Lời kiêu từ khôn khéo mang tính tăng bốc đó khiến Tấn Nguyên Đế vô cùng phẫn khởi. Ông không ép Vương Đạo nữa. Nhưng ông biết rất rõ rằng mình được kế thừa đế vị, hoàn toàn là do sức của anh em Vương Đạo, Vương Đôn. Vì vậy, Tấn Nguyên Đế đặc biệt tôn trọng họ. Ông phong Vương Đạo làm thượng thư, nắm đặc quyền chính trị trong triều, và trao cho Vương Đôn trách nhiệm tổng quản về quân sự. Trong số con em họ Vương, rất nhiều người được phong các chức vụ trọng yếu.

Đương thời, trong dân gian lưu truyền câu nói: "Vương với Mã, chung thiên hạ", để tỏ ý rằng họ Vương cùng họ Tư Mã của Hoàng tộc cùng nhau nắm đại quyền ở Đông Tấn.

Vương Đôn nắm quyền về quân sự, tự cho mình là quan trọng, không coi Tấn Nguyên Đế vào đâu. Tấn Nguyên Đế cũng thấy được sự lộng hành của Vương Đôn, liền trọng dụng thêm các đại thần Lưu Ngụy và Điều Hiệp, rồi lạnh nhạt dần với anh em họ Vương. Do vậy, triều Đông Tấn vừa được thành lập thì nội bộ đã xuất hiện sự rạn nứt.

117- THẠCH LẠC ĐỌC HÁN THU

Năm thứ hai đời Tấn Nguyên Đế (tức 318 CN) quốc vương nước Hán của tộc Hung Nô là Lưu Thông bị bệnh mất. Nội bộ nước Hán bị phân liệt. Cháu Lưu Thông là Lưu Diệu kế thừa ngôi quốc vương. Ông thấy việc dùng danh nghĩa triều Hán cũng không đánh lừa được dân, nên năm 319, liền đổi tên quốc hiệu là Triệu. Đại tướng nước Hán là Thạch Lạc, trong cuộc chiến tranh chống Tấn đã mở rộng được binh lực, nắm trong tay một đội quân lớn, không chịu đứng dưới Lưu Diệu, cũng tự xưng là Triệu Vương.

Thạch Lạc là người tộc Kiệt, đời ông cha là đầu mục nhỏ trong bộ lạc Kiệt. Thời trai trẻ, vùng Tinh Châu có nạn đói, Thạch Lạc lưu lạc, từng làm nô lệ, làm thuê cho các nhà hào phú. Một lần, Thạch Lạc bị loạn binh bắt, nhốt trong xe tù. May nhờ lúc đó có một đàn hươu chạy qua, binh lính lữ lượt rượt đuổi đàn hươu nên Thạch Lạc thừa cơ trốn thoát.

Thạch Lạc trải qua mọi nỗi khổ, thấy tiền đồ mờ mịt, liền chiêu tập một toán nông dân lưu tán, tổ chức thành

một đội quân dũng mãnh. Sau khi Lưu Uyên khởi binh, Thạch Lặc đi theo và trở thành một đại tướng của Hán.

Trình độ văn hoá của người Kiệt thấp hơn người Hung Nô. Từ nhỏ, Thạch Lặc không được giáo dục theo văn hoá Hán như Lưu Uyên, bản thân không biết chữ. Sau khi làm đại tướng, ông nhận ra nhận thấy là muốn làm nên sự nghiệp lớn thì không thể chỉ dựa vào vũ lực. Ông nhờ một học giả người Hán là Trương Tân giúp vạch ra nhiều biện pháp chính trị. Ông còn lưu giữ nhiều người nghèo khổ, có học thuộc dân tộc Hán, tổ chức thành một "quân tử doanh" (doanh trại của những người quân tử).

Do Thạch Lặc anh dũng thiện chiến, lại được nhiều mưu sĩ như Trương Tân giúp bày mưu lập kế, nên thế lực ngày càng lớn mạnh. Đến năm 328 Thạch Lặc tiêu diệt được Lưu Diệu. Hai năm sau (330) Thạch Lặc tự xưng hoàng đế ở Tương Quốc, vẫn lấy quốc hiệu là Triệu. Lịch sử gọi nước Triệu của Lưu Diệu là "Tiền Triệu" và nước Triệu do Thạch Lặc lập nên là "Hậu Triệu".

Bản thân Thạch Lặc không có văn hoá nhưng lại hết sức coi trọng các bậc thức giả. Sau khi lên ngôi hoàng đế, Thạch Lặc hạ lệnh cho cấp dưới, mỗi khi bắt được một người có học thì không được phép giết mà phải giải về Tương Quốc để ông xử lý.

Nghe Trương Tân, ông cho mở trường học, yêu cầu con em các tướng dưới quyền đến trường học tập. Ông còn lập ra chế độ tiến cử và chế độ thi tuyển. Phàm những người do các địa phương tiến cử lên, qua bình xét thấy hợp cách, đều được tuyển dụng làm quan.



Thạch Lặc nghiêm cấm cấp dưới nói tới chữ "Hô", chữ "Kiệt"* . Nhưng, để phũ dụ kẻ sĩ người Hán, đôi khi ông cũng bỏ qua không trị tội khi họ lỡ dùng theo thói quen.

Một lần, có một người Hán là Phàn Đản được bổ dụng làm quan. Khi Phàn Đản vào cung triều kiến, trên mình, áo quần rất rách rưới. Thạch Lặc ngạc nhiên hỏi: "Khanh sao lại nghèo khổ tới mức này?".

Phàn Đản quên mất lệnh cấm, liền trả lời: "Gia đình thần vừa gặp một lũ giặc Kiệt, chúng cướp bóc sạch sành sanh, đến một bộ quần áo cho ra hồn cũng không còn nữa".

Thạch Lặc thấy anh ta gặp rủi ro, liền an ủi: "Bọn giặc Kiệt cướp bóc bừa bãi như thế, thật là bậy! Ta sẽ thay chúng để đền cho khanh!".

Phàn Đản chợt nhớ ra, thấy mình đã xúc phạm tới hoàng đế thì sợ hãi run lấy bầy, cuống quýt rạp đầu xin chịu tội.

Thạch Lặc cười nói: "Lệnh cấm đó của ta, là để đối phó với dân thường. Còn đối với những người có học như khanh, ta không trách". Nói xong, sai đền trả Phàn Đản một số quần áo, tiền bạc, còn thưởng cho một cỗ xe, một con ngựa. Thạch Lặc rất thích đọc sách. Bản thân ông không biết chữ, liền dùng một số người có học đọc sách cho mình nghe. Ông vừa nghe, vừa tùy lúc phát biểu kiến giải của mình.

* Hô: chỉ chung các dân tộc thiểu số, Kiệt: tên dân tộc của Thạch Lặc. Người Hán xưa dùng những chữ đó với ý kỳ thị dân tộc.

Một lần, ông nghe đọc Hán Thư* nghe đến đoạn có người khuyên Hán Cao Tổ Lưu Bang phong tước cho con cháu quý tộc cũ của sáu nước**, liền nói: "Hãy! Lưu Bang dùng biện pháp sai lầm đó, tại sao lại giành được thiên hạ?". Người giảng sách vội giải thích: Sau nhờ có lời khuyên của Trương Lương, nên Hán Cao Tổ không làm việc đó nữa. Thạch Lặc gật đầu: "Như thế mới đúng chứ".

Một lần khác, Thạch Lặc mở tiệc chiêu đãi các đại thần. Trong bữa tiệc ông hỏi một đại thần: "Khanh xem, trăm có thể sánh với hoàng đế nào trong lịch sử cổ đại?". Viên đại thần đó nói nịnh: "Bệ hạ anh minh thần vũ, còn hơn cả Hán Cao Tổ, những hoàng đế khác càng không thể sánh với bệ hạ".

Thạch Lặc cười đáp: "Khanh nói quá lời rồi. Nếu ta gặp Hán Cao Tổ, thì chỉ có thể làm bày tôi, đại khái như Hán Tín, Bành Việt. Nếu ta sinh vào thời Hán Quang Vũ Đế, thì có thể đua tranh với ông ta, chưa biết ai sẽ thắng ai".

Do Thạch Lặc quý trọng nhân tài, có chủ trương sáng suốt về chính trị, nên đầu thời Hậu Triệu, miền Bắc Trung Quốc đã xuất hiện cảnh hưng thịnh.

* bộ chính sử triều Hán, do Ban Cố soạn.

** tức Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề.

118- TỔ ĐỊCH VƯỢT SÔNG BẮC PHẠT

Từ khi người Hung Nô chiếm lĩnh Trung Nguyên*, rất nhiều người Hán ở miền Bắc tị nạn xuống miền Nam. Người bạn thân của Lưu Côn là Tổ Địch cũng dẫn mấy trăm người thân thích trong làng chạy xuống vùng lưu vực Hoàng Hà. Tổ Địch tự đứng ra chỉ huy đoàn người tị nạn, nhường ngựa xe cho người già cả, ốm yếu, bỏ lương thực, quần áo của gia đình mình cho mọi người cùng sử dụng. Mọi người hết sức kính trọng ông, đồng thanh tiến cử ông làm thủ lĩnh. Khi đến Tứ Khẩu (nay ở phía Bắc thành phố Thanh Giang, tỉnh Giang Tô), thủ hạ của Tổ Địch đã bao gồm nhiều tráng sĩ. Họ đều là người miền Bắc đã buộc lòng rời bỏ quê hương. Tất cả đều mong muốn Tổ Địch lãnh đạo, dẫn dắt họ sớm trở về khôi phục lại Trung Nguyên.

Lúc đó, Tư Mã Duệ chưa lên ngôi hoàng đế. Tổ Địch vượt Trường Giang, đến Kiến Khang, khuyên Lang Nha Vương Tư Mã Duệ: "Triều Tấn đại loạn, chủ yếu là do

* Trung Nguyên ở đây chỉ lưu vực Hoàng Hà.

nội bộ hoàng thất tàn sát lẫn nhau, khiến cho người Hồ nhân cơ hội tiến công Trung Nguyên. Nay trăm họ ở Trung Nguyên bị kẻ địch bức hại tàn khốc, ai cũng muốn vùng lên chống lại. Chỉ cần đại vương hạ lệnh xuất binh, cử chúng tôi đi thu phục lại đất đai đã mất, thì nhân dân khắp các vùng ở miền Bắc sẽ răm rộ hưởng ứng".

Tư Mã Duệ vốn không có ý định thu phục Trung Nguyên, nhưng thấy Tổ Dịch nói có tình, có lý, không tiện từ chối, đành miễn cưỡng đáp ứng yêu cầu của ông, cử ông làm thứ sử Dự Châu (là vùng gồm phía Đông tỉnh Hà Nam và phía Bắc tỉnh An Huy ngày nay), cấp cho ông số lương thực đủ nuôi một ngàn người, cùng ba ngàn tám vãi. Còn người ngựa và vũ khí thì do Tổ Dịch tự lo liệu.

Tổ Dịch khắc phục mọi khó khăn, lấy mấy trăm người thân thuộc đi theo mình từ miền Bắc xuống làm nòng cốt, tổ chức một đội quân, tự sửa chữa thuyền bè vũ khí, vượt Trường Giang tiến lên vùng bị chiếm. Khi thuyền tới giữa sông, Tổ Dịch dùng mái chèo đập vào mạn thuyền, thể với mọi người: "Tổ Dịch này, nếu không quét sạch được quân địch chiếm lĩnh Trung Nguyên thì quyết không qua con sông này nữa!". Giọng nói hùng hồn và ý chí gang thép của ông khiến mọi tráng sĩ đi theo đều xúc động, càng thêm hăng hái,

Đến Hoài Âm, họ dừng lại chiêu mộ thêm binh mã, rèn thêm vũ khí, tăng lực lượng lên hơn hai ngàn người ngựa, sau đó tiến thẳng lên phía Bắc.

Trên đường tiến binh, quân của Tổ Dịch được nhân dân vùng bị chiếm nhiệt liệt ủng hộ, nên nhanh chóng thu hồi được nhiều đất đai. Khi đó, vùng bắc Trường

Giang còn rất nhiều cường hào địa chủ, nhân lúc Trung nguyên đại loạn liền tập hợp lực lượng, xây thành đắp lũy, tranh đoạt đất đai và tài sản của nhau. Tổ Dịch gặp gỡ, thuyết phục họ ngừng việc tranh chấp để cùng với ông tiến hành bắc phạt chống lại lực lượng xâm chiếm ngoại tộc. Kẻ nào không nghe theo, lại còn dựa thế kẻ địch để chống lại, ông đều kiên quyết dùng vũ lực tiến công, tiêu diệt. Do đó, uy tín của Tổ Dịch ngày một cao.

Lưu Côn lúc đó đang ở miền Bắc, nghe tin người bạn thân đem quân bắc phạt thì rất vui mừng. Ông nói: "Ta nung nấu tinh thần chiến đấu, đêm nào cũng gối lên vũ khí, đợi trời sáng để đi giết giặc. Nay Tổ Dịch đã đến hợp sức với ta rồi!".

Năm 319, Trần Xuyên một địa chủ cường hào ở vùng Trần Lưu đầu hàng Thạch Lặc, quốc vương Hậu Triệu. Tổ Dịch quyết định đem quân tiến công Trần Xuyên, Thạch Lặc đưa năm vạn quân đến cứu, bị Tổ Dịch đánh cho đại bại. Tiếp đó, diễn ra cuộc tranh đoạt thành Bồng Pha (nay ở gần thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam) giữa Đào Bảo, tướng của Hậu Triệu, với Hàn Tiềm, bộ hạ của Tổ Dịch. Hai bên đánh nhau trong bốn mươi ngày, giằng co mãi, đều gặp khó khăn về tiếp tế lương thực.

Tổ Dịch nghĩ kế đánh lừa địch, cho dùng túi vải đựng đầy đất, cho hơn một ngàn quân vận chuyển tới trại quân của Hàn Tiềm, làm như vận tải lương thực. Cuối đoàn vận tải đất, cử một số nhỏ binh lính khiêng mấy bao lúa, đi chùng chình tới nửa đường thì giả bộ dừng lại nghỉ.



Đào Báo từ trong trại của Hậu Triệu, quan sát thấy quân Tấn vận chuyển nhiều lương thực, thì nổi máu tham, lại thấy một số lính Tấn nghỉ giữa đường liền sai quân lính xông ra cướp. Quân Tấn thấy vậy, bỏ mấy bao lúa lại, chạy về. Quân Triệu đang cạn lương, cướp được mấy bao lúa chẳng bõ bèn gì, thấy doanh trại quân Tấn xếp đầy lương thực thì hoang mang, lo lắng. Đào Báo vội sai người về cầu cứu với Thạch Lặc.

Mấy hôm sau, Thạch Lặc phái một đoàn vận tải có hơn một ngàn lừa ngựa chở lương thực tiếp tế cho Đào Báo. Tổ Địch dò được tin tức, phái quân mai phục giữa đường, đoạt được toàn bộ số lương thực đó. Do không được tiếp tế, Đào Báo không trụ nổi, ngay trong đêm, phải bỏ trận địa rút chạy.

Dưới sự lãnh đạo của Tổ Địch, quân Tấn qua chiến đấu gian khổ, đã thu phục lại được toàn bộ đất đai phía Nam Hoàng Hà. Khá nhiều binh lính của Hậu Triệu theo hàng Tổ Địch. Sau khi Tấn Nguyên Đế lên ngôi, thấy Tổ Địch có công lớn, liền phong ông làm Trấn Tây tướng quân.

Trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, Tổ Địch sát cánh, đồng cam cộng khổ với tướng sĩ, bản thân hết sức tiết kiệm, có tiền bạc dư thừa đều giúp đỡ cấp dưới. Ông còn khuyến khích sản xuất, chiêu nạp, phủ dụ những người mới quy phục. Dù là những người ở địa vị thấp kém và những người không có quan hệ thân thích, ông đều đối xử nhiệt tình. Do đó, nhân dân vùng mới thu hồi đều nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ Tổ Địch.

Một hôm, Tổ Địch mở tiệc mời phụ lão địa phương. Mọi người vui mừng ca hát, nhảy múa. Một số cụ già

rưng rưng nước mắt, nói: "Chúng tôi đều già cả rồi, hôm nay còn được sống để gặp lại người thân, thì dù có chết cũng yên tâm nhắm mắt."

Tổ Dịch vừa luyện quân, vừa phát triển thêm quân đội để chuẩn bị tiếp tục cuộc bắc phạt thu hồi lại vùng đất phía Bắc Hoàng Hà. Nào ngờ, Tấn Nguyên Đế ngu tối, thấy Tổ Dịch có lực lượng mạnh thì đem lòng nghi kỵ, sợ không khống chế được ông liền phái một người tin cậy là Đái Uyên làm Chinh Tây tướng quân, nắm quyền chỉ huy quân sự cả sáu châu miền Bắc và đặt Tổ Dịch dưới quyền chỉ huy của Đái Uyên. Tổ Dịch trải bao gian khổ mới thu hồi được vùng đất bị mất, nay lại bị triều đình khống chế nên rất buồn bực.

Không lâu sau, lại nghe tin người bạn thâu là Lưu Côn đang ở U Châu bị Vương Đôn cử người bức hại. Lại được biết giữa Tấn Nguyên Đế và Vương Đôn đang tranh đoạt quyền lực, khi thì công khai, khi thì ngầm ngấm, nội bộ triều đình chia làm hai phe kình địch nhau thì lo phiền giận dữ, cuối cùng bị bệnh mất. Già trẻ trai gái ở Dự Châu nghe tin Tổ Dịch mất, ai ai cũng đau buồn thương tiếc như mất người thân của mình.

Tuy Tổ Dịch chưa hoàn thành được sự nghiệp khôi phục Trung Nguyên, nhưng khí phách anh hùng và lời thể khi đập mái chèo giữa dòng Trường Giang vẫn mãi mãi được người sau truyền tụng.

119- ĐÀO KHẢN TẬP KHUÂN GẠCH

Sau khi Tổ Định mất, vương triều Đông Tấn liên tiếp xảy ra mấy lần nội loạn. Tấn Nguyên Đế muốn kiểm chế thế lực họ Vương, bị Vương Đôn đem quân tiến công Kiến Khang, giết một loạt đại thần đã chủ trương chống lại mình. Sau khi Tấn Minh Đế, con của Tấn Nguyên Đế lên ngôi, Vương Đôn lại tiến đánh Kiến Khang một lần nữa, nhưng thất bại, rồi ốm chết. Đến đời Tấn Thành Đế (con của Minh Đế), Tô Tuấn, tướng trấn thủ Lịch Dương (nay là huyện Hoà tỉnh An Huy) khởi binh chống lại triều đình, đánh vào Kiến Khang. Các đại thần trong triều bó tay, không có cách gì đối phó. Sau nhờ có thứ sử Kinh Châu là Đào Khả đem quân đánh dẹp, trải qua hai năm trời mới dẹp yên được cuộc nổi loạn của Tô Tuấn.

Trong thời Vương Đôn còn đắc thế, Đào Khả vốn là bộ hạ của Vương Đôn. Vì lập được công trong chiến đấu, được làm thứ sử Kinh Châu. Có kẻ đổ kị nói xấu ông với Vương Đôn, Vương Đôn bèn điều ông tới Quảng Châu. Lúc đó Quảng Châu còn là một vùng hoang vắng. Điều tới Quảng Châu, trên thực tế là một sự giáng chức.

Đến Quảng Châu, Đào Khả không hề nản chí, mỗi buổi sớm, ông đều khuôn một trăm viên gạch từ thư phòng ra ngoài sân, đến tối, lại khuôn số gạch trên từ sân vào thư phòng*.

Nhiều người thấy ông ngày nào cũng làm như vậy, lấy làm lạ, liền hỏi ông tại sao lại làm thế.

Đào Khả trả lời nghiêm túc: "Tôi tuy gửi mình ở miền Nam, nhưng trong lòng lúc nào cũng nghĩ tới việc khôi phục Trung Nguyên. Nếu cứ quen với cuộc sống nhàn hạ, thì sau này khi đất nước cần đến, tôi làm sao đảm đương được nhiệm vụ? Vì vậy, hàng ngày tôi phải mượn việc này để rèn luyện gân cốt".

Sau khi Vương Đôn thất bại, vương triều Đông Tấn mới thăng Đào Khả lên chức Chinh Tây đại tướng quân, kiêm thứ sử Kinh Châu. Trăm họ ở Kinh Châu nghe tin Đào Khả được trở về thì đều vui mừng tranh nhau đến chào đón.

Tuy đã làm đến chức quan đứng đầu một châu**, nhưng Đào Khả vẫn hết sức thận trọng, cẩn mẫn. Mọi việc từ lớn đến nhỏ trong nha môn Kinh Châu, ông đều thân tự kiểm tra, không bao giờ buông lỏng. Ông thường nói với bộ hạ: "Đại Vũ là một thánh nhân*** mà vẫn quý trọng từng chút thời gian. còn chúng ta là

* cần chú ý là gạch thời đó có kích thước và trọng lượng lớn hơn gạch hiện nay, thường từ 5-10kg một viên.

** châu, là đơn vị hành chính địa phương. Từ giữa thời Tây Hán đến trước thời Tống, toàn Trung Quốc được chia làm mười ba châu.

*** xem chương "Đại Vũ trị thủy"



những người bình thường, về trí tuệ và năng lực còn kém xa Đại Vũ, lại càng phải quý trọng thời gian, sao có thể tham hưởng an nhàn được. Nếu lúc còn sống không có cống hiến gì cho đất nước, khi đã chết không để lại tiếng tăm gì tốt, thì chẳng phải uổng phí một đời sao? "

Mọi số quan lại dưới quyền ông ham rượu chè cờ bạc nên thường làm lỡ việc công. Đào Khả vô cùng giận dữ khi biết việc đó. Ông sai người đi thu hết các đồ dùng để uống rượu và đánh bạc, ném xuống sông và cho phạt roi tất cả số quan lại đó. Từ đó về sau, những người phạm lỗi đều sợ, không dám tái phạm nữa.

Một lần, trên đường đi thị sát, ông thấy một người đi đường, vừa đi vừa thuận tay ngắt những bông lúa chưa chín ở cánh ruộng ven đường, rồi vung vẩy trên tay chơi nghịch.

Đào Khả cho gọi người đó lại, hỏi: "Người ngắt những bông lúa này để làm gì?" Người bị hỏi liền nói thực: "Không để làm gì cả. Chỉ là tiện tay ngắt mà thôi".

Nghe trả lời, Đào Khả dùng dùng nổi giận, mắng: "Bản thân ngươi không cày cấy, lại vô duyên vô cớ phá hoại lúa má của người ta, sao lại có thể như thế được!" Nói rồi, hạ lệnh cho binh lính trói người đó lại, đánh cho một trận, rồi mới thả ra.

Dân chúng thấy thứ sử quan tâm đến việc bảo vệ lúa má hoa màu như vậy thì đều phấn khởi, hăng hái sản xuất. Vùng Kinh Châu nhờ đó mà dần dần sung túc.

Kinh Châu ở ven Trường Giang, có nghề đóng thuyền. Các xưởng của nhà nước, trong khi đóng

thuyền, dư ra những mẩu gỗ và tre. Thường thường, người ta vớt bỏ hoặc đốt những thứ đó đi. Nhưng Đào Khả lại lệnh cho cấp dưới thu nhặt những mẩu tre gỗ đó, cất vào kho. Mọi người không hiểu làm thế để làm gì, nhưng không dám hỏi.

Sau đó, nhân ngày tết đầu năm, các quan lại ở Kinh Châu đều đến phủ thứ sử để chúc tết Đào Khả. Vào lúc trước tết mấy ngày, trời xuống tuyết lớn. Đến ngày tết thì trời trở ấm, tuyết tan, đường xá lầy lội, trước phủ thứ sử, do xe ngựa đi lại nhiều nên đường vừa lầy, vừa trơn. Lúc đó Đào Khả mới sai bộ hạ lấy những mẩu gỗ, tre trong kho ra trải lên mặt đường. Nhờ thế, đi đường không còn trơn nữa.

Lại một lần khác, thủy quân Đông Tấn đóng thuyền, cần có nhiều đỉnh tre. Đào Khả lại sai mở kho, lấy số đầu tre đã khô, rất thích hợp cho việc dùng làm đỉnh, cung cấp đủ cho nhu cầu của thủy quân.

Tới lúc đó, mọi người mới khâm phục sự nhìn xa và tác phong tỷ mỉ, chu đáo của Đào Khả.

Đào Khả làm quan cai trị kiêm chỉ huy quân sự suốt bốn một năm trời. Do ông giữ nghiêm pháp luật, làm việc thận trọng, chu đáo nên mọi người đều tin phục. Theo nói lại, trong vùng ông cai trị, trật tự xã hội hết sức ổn định, thực sự đạt tới mức " Ban đêm không cần đóng cửa. Ngoài đường không ai nhặt của rơi".

120- NHÀ THƯ PHÁP VƯƠNG HY CHI

Trong thời Đông Tấn "họ Vương, họ Mã chung nhau thiên hạ", họ Vương chiếm địa vị một dòng họ cao sang, đầy quyền lực. Con cháu của gia tộc Vương Đạo, Vương Đôn đều được làm quan. Phần lớn trong số quan lại đó đều là những kẻ hèn kém, bất tài. Nhưng, chính trong gia tộc đó lại nảy sinh một nhà thư pháp* nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Đó là Vương Hy Chi.

Từ nhỏ, Vương Hy Chi đã ham thích viết chữ. Theo kể lại, thường ngày khi đi đường, ông thường dùng tay vạch vào không khí để luyện chữ, có lúc vạch vào quần áo nên làm quần áo rất mau rách. Trải qua rèn luyện say mê, mài miệt nên thư pháp của Vương Hy Chi đạt tới một trình độ rất cao.

Vì xuất thân trong một gia đình đại sĩ tộc, lại có tài hoa xuất chúng, nên các công khanh đại phu trong triều đều tiến cử ông ra làm quan. Ông đã làm tới chức Nội

* thư pháp: cách viết chữ Hán bằng bút lông, được coi như một môn nghệ thuật.

sử và Hữu Quân tướng quân. Ông không thích cảnh phồn hoa của kinh thành, chỉ ham thích phong cảnh đẹp ở Cối Kê. Hễ có thời gian nhàn rỗi là dạo chơi sơn thủy cùng bè bạn. Một lần Vương Hy Chi cùng bè bạn mở tiệc rượu ở Lan Đình thuộc Sơn Âm, Cối Kê. Mọi người vừa uống rượu vừa làm thơ. Cuối cùng Vương Hy Chi cao hứng vung bút viết một bài văn kỷ niệm cuộc gặp mặt đó. Đó là bài "Lan Đình tập tự" nổi tiếng. Bản Lan Đình tập tự đẹp đẽ do chính tay Vương Hy Chi viết ra đó, xưa nay vẫn được coi là của quý về nghệ thuật thư pháp Trung Quốc. Tiếc thay, bản chính đó đã thất truyền.

Thư pháp của Vương Hy Chi ngày càng nổi tiếng. Người thời đó đều coi mỗi chữ do ông viết ra là của báu. Theo nói lại, một lần ông đến chơi nhà một học trò, người học trò tiếp ông nhiệt tình. Ông ngồi cạnh một cái bàn mới, thấy mặt bàn sạch sẽ, láng bóng, liền nổi hứng viết chữ, bảo người học trò mang bút mực đến.

Người học trò mừng không tả xiết, vội đem bút mực tới cho Vương Hy Chi. Ông liền viết lên mặt bàn mấy dòng chữ làm kỷ niệm, rồi ra về.

Mấy hôm sau, người học trò đó có việc, đi khỏi nhà. Người cha vào dọn dẹp thư phòng, ngỡ là mặt bàn bị mực làm bẩn, liền dùng dao cạo hết vết mực đi. Người học trò trở về, thấy mấy dòng chữ trên mặt bàn không còn nữa, thì buồn rầu, ảo não mất mấy ngày.

Lại một lần khác, Vương Hy Chi tới một làng, thấy ngoài chợ có một bà già đang rao bán một sọt đầy quạt hình lục giác đan bằng nan tre. Loại quạt này quá thô sơ, không trang trí gì nên chẳng ai chú ý, xem chừng



khó mà bán được. Bà già hết sức lo lắng, chạy khắp chợ, rao đến vã mồ hôi.

Vương Hy Chi thấy tình cảnh đó, rất thương bà già, liền tiến tới nói với bà: "Loại quạt của cụ không có hình vẽ, cũng không có chữ, nên khó bán là phải. Tôi viết giúp cụ mấy chữ nên cái quạt, cụ thấy thế nào?".

Bà cụ già không biết Vương Hy Chi, nhưng thấy ông nhiệt tình như thế, liền trao sọt quạt cho ông.

Vương Hy Chi lấy bút mực, viết lên mỗi chiếc quạt năm chữ đẹp như rồng bay phượng múa, rồi trao trả lại cho bà cụ. Bà cụ già không biết chữ, chỉ thấy chữ viết ngoằn ngoèo, rất chán nản.

Vương Hy Chi an ủi: "Cụ đừng ngại. Cứ nói với người mua rằng đây là chữ của Vương Hữu Quân* viết".

Ông đi khỏi, bà cụ cứ theo lời dặn, rao lên. Người trong chợ, thấy đúng là thư pháp của Vương Hữu Quân, liền tranh nhau mua. Chỉ một loáng, cả sọt quạt đã bán hết.

Các nghệ thuật gia, mỗi người đều có sở thích riêng. Người thì thích trồng hoa, người thì thích nuôi chim. Nhưng Vương Hy Chi lại có niềm say mê đặc biệt: Bất kỳ ở đâu có ngỗng đẹp, ông đều có hứng thú đến xem hoặc mua về thưởng ngoạn.

Ở Sơn Âm có một đạo sĩ, muốn nhờ Vương Hy Chi viết cho một cuốn "Đạo Đức Kinh". Nhưng ông ta biết rằng Vương Hy Chi không dễ chép kinh cho ai. Sau, ông

* Hữu Quân, là tên tự của Vương Hy Chi.

ta dò biết Vương Hy Chi rất thích chơi ngỗng trắng, liền tìm mua một đàn ngỗng trắng thuộc loại giống tốt.

Vương Hy Chi nghe nói nhà đạo sĩ có loại ngỗng đẹp, liền tìm đến xem. Khi tới gần nhà đạo sĩ thì thấy trên dòng sông bên cạnh có một đàn ngỗng đang bơi thong thả. Con ngỗng nào cũng có bộ lông trắng muốt, làm tôn chiếc mỏ đỏ trên chiếc cổ cao, trông rất đáng yêu.

Vương Hy Chi đứng bên bờ sông ngắm mãi, càng ngắm càng say, không muốn rời khỏi nữa. Sau đó, ông bảo người nhà thương lượng với đạo sĩ là người chủ của đàn ngỗng, để ông ta bán đàn ngỗng cho mình.

Đạo sĩ cười nói: "Vương Công đã thích như thế, cũng chẳng cần tốn kém làm gì. Tôi xin biếu Người tất cả. Có điều, tôi chỉ có một mong muốn là được Người chép cho một quyển kinh".

Vương Hy Chi không do dự, liền chép ngay một bản Đạo Đức Kinh và nhận về một đàn ngỗng đẹp.

121- HOÀN ÔN BẮC PHẠT

Sau khi Đào Khản dẹp xong cuộc nổi loạn của Tô Tuấn, vương triều Đông Tấn tạm ổn định. Chính lúc đó, miền Bắc lại rơi vào cảnh hỗn loạn.

Từ khi quốc vương Hậu Triệu là Thạch Hồ (con của Thạch Lạc) chết đi, nội bộ xảy ra đại loạn. Đại tướng Hậu Triệu Nhiễm Mẫn xưng đế, xây dựng nước Ngụy, lịch sử gọi chính quyền này là Nhiễm Ngụy. Nước Tiền Yên do quý tộc Tiền Ty là Mộ Dung Hoảng xây dựng, lại tiêu diệt Nhiễm Ngụy. Năm 342, quý tộc tộc Đế là Phù Kiện thừa cơ chiếm miền Quan Trung, xây dựng nên nước Tiền Tần.

Khi Hậu Triệu diệt vong, tướng Đông Tấn là Hoàn Ôn dâng thư lên Tấn Mục Đế (hoàng đế thứ năm của Đông Tấn), xin đem quân bắc phạt. Hoàn Ôn là người rất có tài quân sự. Khi ông làm thứ sử Kinh Châu, đã từng tiến quân vào đất Thục, diệt chính quyền Thành Hán, lập công lớn với triều Tấn.

Nhưng nội bộ vương triều Đông Tấn chứa chất nhiều mâu thuẫn lớn. Tấn Mục Đế tuy thăng cấp cho Hoàn

Ôn, nhưng lại vẫn nghi kỵ ông. Hoàn Ôn xin đi bắc phạt, Tấn Mục Đế không cho mà lại cử Ân Khiết.

Ân Khiết là một văn nhân, chỉ có hư danh mà không có tài năng quân sự. Ân Khiết vừa dẫn quân tới Lạc Dương thì bị người tộc Khương đánh cho đại bại, chết một vạn người ngựa và mất sạch lương thảo, vũ khí.

Hoàn Ôn lại dâng sớ tâu, xin triều đình triệt chức và định tội Ân Khiết. Tấn Mục Đế không thể làm khác, đành triệt chức Ân Khiết, và đồng ý cho Hoàn Ôn đem quân bắc phạt.

Năm 354 Hoàn Ôn dẫn bốn vạn quân Tấn xuất phát từ Giang Lăng, chia làm ba đường tiến đánh Trường An. Quốc vương triều Tần là Phù Kiện dẫn năm vạn quân ra chặn lại ở Nghiêm Quan, bị quân Tấn đánh cho tan tác. Phù Kiện đành dẫn sáu ngàn tàn binh già yếu chạy về Trường An, đào hào đắp lũy cố thủ.

Hoàn Ôn thắng lợi, tiến quân đến Bá Thượng. Các quan vùng phụ cận Trường An lũ lượt đến đầu hàng quân Tấn. Hoàn Ôn ra cáo thị, khuyên dân chúng cứ an cư lạc nghiệp. Trăm họ mừng rỡ, tranh nhau dắt bò, dê, mang rượu đến doanh trại quân Tấn ụy lạo.

Từ khi Tây Tấn diệt vong, nhân dân ở miền Bắc chịu mọi nỗi khổ cực do cảnh hỗn chiến đem lại. Nay nhìn thấy quân Tấn từ miền Nam tiến lên, mọi người mừng vui trào nước mắt, cảm động nói: " Không ngờ tới hôm nay, lại được nhìn thấy quân của triều đình".

Hoàn Ôn đóng quân ở Bá Thượng, định đợi tới khi lúa mì chín thì tung quân ra gặt cướp để bổ sung cho số lương thực mang theo đã cạn. Nhưng Phù Kiện cũng rất tinh khôn, đoán được ý Hoàn Ôn, liền sai người gặt hết



số lúa mì chưa thật chín, không cho quân của Hoàn Ôn được hưởng chút gì.

Quân của Hoàn Ôn hết lương, không trụ lại được, đành rút về. Tuy vậy, lần bắc phạt này cũng đã giành được thắng lợi lớn. Tấn Mục Đế thăng Hoàn Ôn lên làm Chinh Thảo đại đô đốc.

Sau đó, Hoàn Ôn còn bắc phạt hai lần nữa. Lần cuối, nhằm vào Tiên Yên, tiến quân đánh Phương Đầu (nay ở Tây nam huyện Tuấn, Hà Nam). Sau bị quân Tiên Yên cắt đứt đường tiếp lương nên thất bại.

Hoàn Ôn nắm đại quyền về quân sự của Đông Tấn trong một thời gian dài, vì vậy dần dần nảy sinh dã tâm. Có lần, ông ta tự nói với mình: "Làm tài trai, nếu không để tiếng thơm lại trăm đời, thì cũng nên lưu tiếng xấu tới vạn năm".

Một viên quan tâm phúc của Hoàn Ôn biết được dã tâm của ông ta, liền hiến kế: Nếu muốn nâng cao uy tín của mình, thì nên theo Hoắc Quang đời Tây Hán, phế bỏ đương kim hoàng đế đi, lập một hoàng đế khác.

Lúc đó, Tấn Mục Đế đã chết, hoàng đế tại vị là Tư Mã Dịch, sau gọi là Tấn Phế Đế. Hoàn Ôn đem quân vào Kiến Khang, tuyên bố phế bỏ Tư Mã Dịch và lập Tư Mã Dục lên làm hoàng đế. Đó là Tấn Giản Văn Đế. Hoàn Ôn làm Tể tướng, dẫn quân đóng tại Cô Thục (nay là Dương Đồ, An Huy).

Hai năm sau, Tấn Giản Văn Đế lâm bệnh nặng, để lại di chiếu, cho thái tử Tư Mã Diệu kế vị. Đó là Tấn Hiếu Vũ Đế. Hoàn Ôn vốn tưởng rằng Giản Văn Đế sẽ nhường ngôi lại cho mình, nay nghe thấy tin đó thì thất vọng, bực bội, liền kéo quân về Kiến Khang.

Quân Hoàn Ôn đem về Kiến Khang đều mang khôi giáp, vũ khí như ra trận. Các quan trong triều ra chào đón ở hai bên đường thấy tình hình đó thì đều sợ hãi biến sắc.

Hoàn Ôn mời hai đại thần thuộc dòng dõi đại sĩ tộc có uy tín nhất là Vương Đản Chi và Tạ An đến phủ đệ của mình để bàn luận. Hai người được tin là Hoàn Ôn đã bố trí võ sĩ mai phục sau phòng khách để giết họ. Vì vậy, khi đến phủ Tể tướng, Vương Đản Chi sợ hãi, khắp người toát mồ hôi, ướt đầm cả lễ phục.

Tạ An thì vẫn trấn tĩnh. Sau khi đã an tọa trong phòng khách, ông liền nói với Hoàn Ôn: "Tôi từng nghe, từ xưa tới nay, phạm những đại tướng nhân nghĩa, bao giờ cũng bố trí binh mã ở biên cảnh để phòng bị ngoại binh xâm lấn. Nay tại sao Hoàn Công lại giấu binh mã ở sau tường?"

Nghe những lời lẽ đường hoàng đó, Hoàn Ôn có vẻ ngượng, nói: "Chẳng qua là tôi cũng đề phòng trường hợp bất trắc thôi". Sau đó, liền ra lệnh cho rút hết quân mai phục.

Thấy thế lực chống đối mình trong giới sĩ tộc ở Kiến Khang không phải là nhỏ, Hoàn Ôn không dám tự tiện hành động. Không lâu sau, ông ta ốm chết.

Sau khi Hoàn Ôn chết, Tạ An đảm nhận chức tể tướng, em trai Hoàn Ôn là Hoàn Xung làm thứ sử Kinh Châu. Hai người đồng tâm hiệp lực phò tá Tấn Hiếu Vũ Đế.

Nhờ đó, vương triều Đông Tấn lại có cục diện ổn định, đoàn kết.

122- VƯƠNG MÃNH NGHÈO KHÓ, TÀI CAO

Khi Hoàn Ôn tiến hành cuộc bắc phạt lần thứ nhất, đang đóng quân ở Bá Thượng, thì một hôm có một người xưng là thư sinh, mặc áo ngắn rách rưới, xin vào yết kiến. Hoàn Ôn đang chiêu mộ nhân tài, nghe nói người muốn yết kiến là một thư sinh, thì vui vẻ tiếp kiến ngay.

Thư sinh đó là Vương Mãnh, gia đình rất nghèo, phải dựa vào nghề đan sọt để kiếm sống. Nhưng vốn rất ham đọc sách, nên Vương Mãnh có một vốn kiến thức uyên bác. Vì xuất thân nghèo hèn, ông không được giới sĩ tộc ở Quan Trung kính trọng. Vương Mãnh chẳng thèm chú ý đến điều đó. Có người thấy ông có chữ nghĩa, muốn tiến cử ông làm một chức quan nhỏ trong Vương phủ Tiền Tần, nhưng ông khảng khái từ chối, và tới ẩn cư ở núi Hoa Âm. Lần này nghe tin Hoàn Ôn đánh vào Quan Trung, nên ông tìm đến xin yết kiến.

Hoàn Ôn muốn thử xem tài học của Vương Mãnh thế nào, nên cùng ông đàm luận về đại thế trong thiên hạ.

Vương Mãnh liền phân tích một cách hết sức rành rẽ tình hình mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế của cả hai miền Nam, Bắc. Kiến giải của ông sâu sắc, tinh tế, khiến Hoàn Ôn vừa nghe vừa thâm cảm phục.

Vương Mãnh vừa đàm luận, vừa luồn tay vào trong áo cánh bắt rận một cách tự nhiên. Bộ hạ của Hoàn Ôn thấy thế thì cố nhịn cười. Nhưng Vương Mãnh vẫn đàm luận hăng hái với Hoàn Ôn và tiếp tục bắt rận, coi như không có ai đang chú ý nhìn mình.

Hoàn Ôn hỏi: "Lần này ta dẫn đại quân, theo lệnh hoàng đế trừ hại cho dân. Thế mà tại sao ta đã tới đây, vẫn không thấy hào kiệt địa phương tới gặp? Hôm nay mới có ông tìm tới."

Vương Mãnh cười nhạt: "Ngài không ngại vượt đường xa ngàn dặm, vào sâu đất trung tâm của đối phương, Trường An đã ở trước mặt mà ngài lại không vượt Bá Thủy (sông Bá). Vì thế mọi người không hiểu được dự tính của ngài ra sao, nên còn chưa muốn tới gặp ngài đó thôi."

Câu nói đó của Vương Mãnh đi trúng vào tính toán thâm kín của Hoàn Ôn. Nguyên do là Hoàn Ôn xin đi bắc phạt, chủ yếu là muốn tạo dựng uy tín trong triều đình Đông Tấn và chèn lấn các đối thủ chính trị. Ông đóng quân ở Bá Thượng, không vội đánh Trường An chính là muốn giữ gìn thực lực của mình để thực hiện các mưu đồ về sau.

Bị nêu trúng vào chỗ đó, Hoàn Ôn không biết trả lời sao cho phải. Nhưng qua đàm luận, ông ta thấy Vương Mãnh là một tài năng hiếm có. Khi từ Quan Trung rút quân về nam, Hoàn Ôn nhắc đi nhắc lại lời mời Vương

Mãnh cùng đi, và phong cho ông một chức quan khá cao. Vương Mãnh biết nội bộ vương triều Đông Tấn có nhiều lực lượng chống đối nhau nên không nhận lời của Hoàn Ôn, và trở về núi Hoa Âm.

Nhưng qua lần gặp gỡ đó, người thư sinh nghèo khổ đầy chầy rạn bỗng nổi tiếng tăm.

Khi hoàng đế Tiên Tần là Phù Kiện chết, con là Phù Sinh nối nghiệp. Phù Sinh là kẻ vô cùng tàn bạo, nên chẳng bao lâu, bị một người anh em họ là Phù Kiên lật đổ.

Phù Kiên là một hoàng đế giỏi của vương triều Tiên Tần. Ngay từ khi chưa lên ngôi, ông đã có ý tìm một trợ thủ đắc lực. Có người giới thiệu Vương Mãnh.

Phù Kiên cho mời Vương Mãnh tới. Hai người vừa gặp nhau, đàm luận về mọi chuyện hưng vong trong lịch sử, kiến giải hoàn toàn hợp nhau, nên nhanh chóng coi nhau như bạn bè thân thiết. Phù Kiên rất mừng, cho rằng mình gặp Vương Mãnh giống như Lưu Bị gặp được Gia Cát Lượng vậy.

Phù Kiên lên ngôi, xưng là Đại Tấn Thiên Vương. Vương Mãnh trở thành một đại thần tin cậy nhất, trong một năm được thăng cấp năm lần, nắm quyền lực lớn vượt hơn các đại thần khác.

Lúc đó, Vương Mãnh mới ba mươi sáu tuổi, còn quá trẻ, lại là người Hán. Các lão thần thuộc tộc Để của Tiên Tấn thấy Phù Kiên tin dùng Vương Mãnh như vậy thì không phục. Một đại thần thuộc tộc Để là Phàn Thế là người đi theo Phù Kiên từ khi đánh chiếm Quan Trung, trong một lần gặp Vương Mãnh, lớn tiếng mắng: "Chúng ta vất vả cuộc đất cấy trồng để cho người đến



ăn bát cơm trắng à?". Vương Mãnh không chịu kém, trả miếng lại: "Các ông không chỉ cuốc đất cấy trồng, mà còn phải nấu cơm cho ta ăn nữa kia!".

Phàn Thế nổi giận nói: "Ta không cắt được đầu người treo trên thành Trường An thì ta không sống làm gì nữa!"

Mấy hôm sau, Phàn Thế và Vương Mãnh tranh cãi kịch liệt trước mặt Phù Kiên. Phàn Thế muốn xông tới đánh Vương Mãnh. Phù Kiên thấy Phàn Thế hành động không theo thể thống, liền khép ông ta vào tội chết. Từ đó, các quan chức người tộc Đê không ai còn dám nói xấu Vương Mãnh với Phù Kiên nữa.

Vương Mãnh được Phù Kiên tín nhiệm, ra sức giúp Phù Kiên trấn áp bọn cường hào, chỉnh đốn nội chính. Khi Vương Mãnh kiêm nhiệm chức Kinh Triệu doãn (chức quan trấn thủ kinh thành - ND), em trai của thái hậu là Quang Lộc đại phu Cường Đức say rượu gây rối, cưỡng đoạt tài sản và phụ nữ. Vương Mãnh cho bắt Cường Đức rồi tâu lên Phù Kiên. Khi Phù Kiên sai người mang lệnh miễn tội cho Cường Đức tới, thì Vương Mãnh đã xử quyết Cường Đức rồi. Chỉ trong mấy chục ngày, bọn cường hào cậy quyền thế, hoàng thân quốc thích ở Trường An làm bảy bị xử tử, chịu hình phạt và miễn chức có tới hơn hai chục người. Các quan chức trong triều đều cảm thấy run sợ, bọn người xấu không dám làm bảy nữa. Phù Kiên cảm thán nói: "Đến bây giờ, ta mới hiểu được rằng đất nước cần phải có pháp luật."

Trong hơn mười năm, nước Tiền Tần dưới sự cai trị của Phù Kiên và Vương Mãnh, càng ngày càng lớn mạnh, lần lượt diệt ba nước nhỏ là Tiền Yên, Đại và

Tiền Lương, thống nhất cả vùng thuộc lưu vực Hoàng Hà.

Năm 375, Vương Mãnh mắc bệnh nặng. Phù Kiên đến thăm ông. Ông khẩn thiết nói với Phù Kiên: "Đông Tấn tuy xa cách tận Giang Nam, nhưng lại là triều đại kế thừa chính thống của triều Tấn, hiện nay nội bộ họ lại yên ổn vô sự. Sau khi thần mất đi, xin bệ hạ muôn ngàn lần không nên tiến công nước Tấn. Dịch thủ của chúng ta là người Tiên Ty và người Khương, còn họ là ta còn hậu hoạn. Nhất định phải diệt được họ đi thì Tiên Tần ta mới được an toàn."

123- PHÙ KIÊN KHÔNG NGHE LỜI CAN GIÁN

Khi Vương Mãnh còn sống, Phù Kiên luôn luôn làm theo lời khuyên và mưu kế do ông nêu ra. Nhưng lời dăn dò tâm huyết của Vương Mãnh trước khi chết thì Phù Kiên lại không nghe theo.

Vương Mãnh cho rằng địch thủ của Tiên Tần là người Tiên Ty và người Khương, nhưng Phù Kiên lại hết sức tín nhiệm hai người từ Tiên Yên tới đầu hàng là Mộ Dung Thuý, quý tộc người Tiên Ty, và Diêu Trường, quý tộc người Khương. Vương Mãnh khuyên không nên tiến công Đông Tấn, nhưng Phù Kiên lại cho rằng Đông Tấn là địch thủ duy nhất, không thể không tìm cách tiêu diệt. Ba năm sau khi Vương Mãnh chết, Phù Kiên phái con trai là Phù Phi cùng với Mộ Dung Thuý và Diêu Trường dẫn mười mấy vạn quân chia làm nhiều đường tiến đánh thành Tương Dương của Đông Tấn. Tướng trấn thủ Tương Dương là Chu Tự kiên quyết chống lại. Quân Tiên Tần mất gần một năm mới hạ được thành Tương Dương, bắt sống Chu Tự.

Chu Tự được đưa về Trường An. Phù Kiên thấy Chu Tự kiên quyết giữ Tương Dương, tỏ ra là một trung thần có khí tiết, liền phong Chu Tự làm quan của Tiền Tần.

Tiếp đó, Phù Kiên lại cử hơn mười vạn quân từ Tương Dương tiến sang phía Đông, đánh Hoài Nam. Tướng trấn thủ của Đông Tấn là Tạ Thạch, Tạ Huyền dẫn quân thủy bộ đón đánh, quân Tiền Tần thất bại thảm hại.

Nhưng Phù Kiên vẫn cay cú, không chịu thôi. Tới năm 382, Phù Kiên tự thấy mọi việc đã chuẩn bị đầy đủ, liền hạ quyết tâm tiến công vào Đông Tấn.

Tháng mười năm đó, Phù Kiên triệu tập các đại thần họp bàn trong điện Thái Cực ở hoàng cung Trường An. Mở đầu cuộc họp, Phù Kiên nói: "Trẫm kế thừa ngôi báu đến nay đã gần ba mươi năm. Các thế lực cát cứ hầu như đã bình định xong. Chỉ còn lại có Đông Tấn ở miền Nam là chưa chịu thần phục. Ngày nay, chúng ta có chín mươi bảy vạn quân tinh nhuệ. Trẫm dự định thân chinh đi đánh Tấn. Các khanh thấy thế nào?"

Các đại thần đều tỏ ý phản đối chủ trương đó. Đại thần Quyển Dư nói: "Nước Tấn tuy nhỏ yếu, nhưng quốc vương nước đó không phạm sai lầm gì lớn. Họ lại có những văn thần, võ tướng giỏi giang, đoàn kết chặt chẽ như Tạ An, Hoàn Xung. Thần nghĩ rằng bây giờ chưa phải là lúc tiến công lớn vào Đông Tấn".

Võ tướng Thạch Việt tiếp lời: "Nước Tấn có Trường Giang là chướng ngại thiên nhiên, lại thêm dân chúng đều có ý chí giữ nước. Thần sợ rằng chúng ta không thể thắng được".

Nghe thấy ý kiến đó, Phù Kiên nổi giận, lớn tiếng: "Hừm! Chớ ngại thiên nhiên Trường Giang thì đáng kể gì. Quân đội chúng ta đông thế này, mỗi người chỉ cần ném chiếc roi ngựa xuống cũng đủ làm tắc ứ dòng sông lại. Lúc đó thì còn gì là chớ ngại nữa".

Triều thần bàn bạc suốt buổi, vẫn không đi tới quyết định được. Phù Kiên lại bức bối nói: "Các người lui cả đi. Để ta tự suy xét và quyết định".

Các đại thần thấy Phù Kiên nổi nóng, đành lẳng lẽ rời khỏi cung điện. Cuối cùng chỉ còn lại Phù Dung là em ruột Phù Kiên, ở lại.

Phù Kiên kéo tay Phù Dung tới ngồi bên cạnh nói: "Từ xưa tới nay, quyết định quốc gia đại sự, bao giờ cũng chỉ dựa vào một vài người. Hôm nay mọi người bàn bạc lung tung, chẳng đi đến kết quả gì. Việc này, phải do hai anh em ta quyết định thôi".

Phù Dung với nỗi lòng nặng trĩu, lựa lời nói với Phù Kiên: "Thưa hoàng huynh, ngu đệ thấy rằng các đại thần đã trung thực nói lên ý kiến của họ. Việc đánh Đông Tấn đúng là có rất nhiều khó khăn. Thêm nữa, quân ta gần đây, năm nào cũng đánh trận, binh sĩ cũng đã quá mỏi mệt, không muốn lại đi đánh trận nữa. Những người phát biểu hôm nay đều là các trung thần. Dám mong hoàng huynh bệ hạ tiếp nhận ý kiến của họ".

Phù Kiên không ngờ ngay cả Phù Dung cũng chống lại chủ trương của mình, liền xầm mặt lại, nói: "Ngay cả người cũng thở ra cái giọng khiếm nhục đó sao. Ta lấy làm thất vọng về người. Trong tay ta có trăm vạn tinh binh, vũ khí lương thảo chất cao như núi. Đánh kẻ địch quèn như Đông Tấn, sao có thể không thắng lợi được!".



Phù Dung thấy Phù Kiên cứ ~~khăng khăng~~ giữ chủ trương sai lầm đó thì muốn ~~bật~~ khóc, liền cố van xin Phù Kiên: "Hiện nay mà đánh Tấn, không những không có hy vọng thắng lợi mà thêm nữa, tại kinh đô Trường An, hiện có rất nhiều người Tiên Ty, người Khương, người Kiệt. Nếu bệ hạ rời khỏi Trường An đi viễn chinh, bọn họ sẽ vùng lên làm phản, thì sau này có hối cũng không kịp nữa. Lẽ nào bệ hạ đã quên lời Vương Mãnh dặn lại lúc lâm chung?". Sau lần đó, còn có rất nhiều đại thần cố khuyên Phù Kiên không nên đánh Tấn, Phù Kiên đều bỏ ngoài tai. Một hôm, quan kinh triệu doãn Mộ Dung Thuý vào cung xin yết kiến. Phù Kiên yêu cầu Mộ Dung Thuý nói lên ý kiến của mình đối với việc đánh Tấn. Mộ Dung Thuý nói: " Nước mạnh thôn tính nước yếu, đó là lẽ thường. Bậc quân vương anh minh như bệ hạ, trong tay có trăm vạn hùng sư, khắp triều đình đầy mưu thần võ tướng tài giỏi, diệt một nước nhỏ như nước Tấn, là chuyện hết sức dễ dàng. Bệ hạ cứ đưa ra ý kiến quyết định là được, hà tất phải trưng cầu ý kiến nhiều người nữa".

Phù Kiên nghe lời Mộ Dung Thuý, thì vui mừng hơn hở, cười nói: "Xem ra, người có thể cùng ta bình định thiên hạ, chỉ có khanh mà thôi!". Nói xong, lập tức hạ lệnh lấy năm trăm tấm đoạn thưởng cho Mộ Dung Thuý.

Được Mộ Dung Thuý tặng bốc, xúi giục, Phù Kiên hưng phấn tới suốt mấy đêm không ngủ được. Hoàng Phi là Vương phu nhân nghe nói trong triều có rất nhiều đại thần không tán thành xuất binh, liền dùng lời lẽ khéo léo khuyên can Phù Kiên. Phù Kiên nói: "Việc chiến trận, không phải là chuyện để đàn bà quan tâm.

Con trai út rất được yêu chiều của Phù Kiên là hoàng tử Phù Tiên cũng khuyên cha: "Hoàng Thúc (chỉ Phù Dung) là người rất trung thành với phụ hoàng, sao phụ hoàng không nghe lời khuyên của hoàng thúc?"

Phù Kiên trả lời lãnh đạm: "Việc lớn quốc gia, trẻ con biết gì mà ăn nói lung tung!"

Phù Kiên cự tuyệt mọi lợi khuyên của đại thần và người thân, quyết tâm dốc hết vốn liếng, đánh một nước bạc liều, đem toàn bộ lực lượng tiến công Đông Tấn.

Ông ta phái Phù Dung và Mộ Dung Thuý làm tiên phong. Lại phong Diêu Trường làm Long Nhượng tướng quân, chỉ huy quân mã của Ích Châu và Lương Châu, chuẩn bị đưa quân đánh Tấn.

Hai cháu của Mộ Dung Thuý nói riêng với Mộ Dung Thuý: "Hoàng thượng quá kiêu ngạo. Xem ra, lần chiến tranh này là cơ hội tốt để chúng ta khôi phục lại nước Yên đây."

124- TẠ AN LẠI RA LÀM QUAN

Tháng 8 năm 383, Phù Kiên thân dẫn tám mươi bảy vạn đại quân xuất phát từ Trường An. Trên đường đi xuống phía Nam, bụi cuốn mù mịt, bộ binh, kỵ binh cộng với xe chỉ huy, lừa ngựa tải lương, đội ngũ rầm rộ, trùng điệp, kéo dài tới hàng ngàn dặm.

Hành quân một tháng trời, quân chủ lực của Phù Kiên tới Hạng Thành (nay ở phía Nam Thẩm Khâu, Hà Nam). Thủy quân từ Ích Châu cũng theo Trường Giang xuôi xuống phía Đông. Quân mã từ bắc Hoàng Hà kéo đến Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu thuộc Giang Tô). Trên chiến tuyến dài hơn một vạn dặm từ tây sang đông, quân thủy và quân bộ của Tiền Tần cũng tiến, tới sát vùng Giang Nam.

Tin tức truyền tới Kiến Khang, Tần Hiếu Vũ Đế và bá quan văn võ trong triều đều kinh hoàng. Quân và dân triều Tấn đều không muốn để Giang Nam rơi vào tay Tiền Tần. Mọi người đều trông mong tể tướng Tạ An đứng ra lo liệu công việc chống Tần.

Tạ An là người ở Dương Hạ thuộc quận Trần (nay là Thái Khang, Hà Nam), xuất thân trong một gia đình sĩ tộc, Thời trẻ, ông giao du thân thiết với Vương Hy Chi, thường cùng nhau ngao du sơn thủy, đàm luận thơ văn ở Đông Sơn thuộc Cối Kê. Tiếng tăm của ông trong giai tầng sĩ đại phu rất vang dội, ai nấy đều cho ông là người có tài năng lớn. Nhưng ông thích ẩn cư ở Đông Sơn chứ không thích làm quan. Được nhiều người tiến cử nhưng ông chỉ ra nhận chức được hơn một tháng rồi lại bỏ về. Dương thời, trong giới sĩ đại phu lưu hành một câu vè.

"Tạ An chẳng muốn làm quan.

Nhân dân trăm họ biết làm sao đây"

Đến năm hơn bốn mươi tuổi ông mới chịu ra làm quan trở lại. Vì Tạ An ẩn cư lâu dài ở Đông Sơn nên sau này, người ta gọi việc ra làm quan lại là "Đông Sơn tái khởi"*.

Sau khi Phù Kiên phát triển thế lực, biên giới phía Bắc Đông Tấu thường xuyên bị quân Tiền Tần quấy nhiễu. Triều đình muốn chọn một tướng lĩnh văn võ toàn tài lên trấn thủ biên giới. Tạ An tiến cử cháu (con người anh em của Tạ An) là Tạ Huyền với Tấn Hiếu Vũ Đế. Hiếu Vũ Đế phong Tạ Huyền làm tướng lên trấn giữ Quảng Lăng (nay là thành phố Dương Châu thuộc tỉnh Giang Tô), chỉ huy các đạo quân ở Giang Bắc.

* câu này trở thành một thành ngữ trong tiếng Hán, ban đầu chỉ việc ra làm quan trở lại, sau biến nghĩa, chỉ sự kiện ban đầu mất chức rồi lại được phục chức, hoặc sau khi thất thế, lại vùng lên đoạt lại quyền lực.



Tạ Huyền cũng là một nhân tài về quân sự. Sau khi đến Quảng Lăng, ông liền chiêu binh mãi mã, tổ chức thêm các đội quân phòng thủ. Lúc đó, nhiều người Hán từ miền Bắc chạy xuống, sôi nổi xin sung quân. Trong số họ có một người quê ở Bành Thành, tên là Lưu Lao Chi, từ nhỏ đã luyện tập tinh thông võ nghệ, khi ra trận, hết sức dũng mãnh. Tạ Huyền dùng Lưu Lao Chi làm tham quân, giao cho chỉ huy một đội quân tinh nhuệ. Đội quân đó được Tạ Huyền và Lưu Lao Chi dày công huấn luyện, trở thành một đội quân bách chiến bách thắng. Vì đội quân đó đóng ở Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang, Giang Tô) mà Kinh Khẩu lại được gọi là "Bắc Phủ" nên đội quân đó cũng có tên gọi là "Bắc Phủ binh".

Lần này, Phù Kiên đem đại quân tiến công Đông Tấn, Tạ An quyết định tự mình giữ Kiến Khang, cử em là Tạ Thạch làm Chinh Thảo đại đô đốc, Tạ Huyền làm Tiền Phong đô đốc, đem tám vạn quân lên Giang Bắc chống lại quân Tần. Lại cử tướng Hồ Bân dẫn năm ngàn thủy quân đến Thọ Dương (nay là huyện Thọ, An Huy, để phối hợp tác chiến.

Bắc Phủ binh dưới quyền Tạ Huyền tuy dũng mãnh thiện chiến, nhưng binh lực của Tiền Tần đông gấp mười lần quân Đông Tấn, nên trong lòng Tạ Huyền không tránh khỏi có lo lắng. Trước khi xuất phát, Tạ Huyền đích thân tới chào từ biệt Tạ An tại nhà riêng và có ý muốn hỏi xem nên tiến hành chiến đấu theo phương pháp gì.

Nào ngờ, Tạ An nghe thấy hỏi thì vẫn bình thường như không có chuyện gì, chỉ trả lời nhẹ nhàng, qua quýt: "Ta đã có xếp đặt rồi".

Tạ Huyền nghĩ, chắc sau đó Tạ An sẽ dặn dò thêm, nhưng ngồi chờ mãi không thấy Tạ An nói thêm gì nữa.

Tạ Huyền về nhà, trong lòng vẫn băn khoăn. Hôm sau, lại nhờ người bạn là Trương Huyền đến thăm Tạ An, để thừa dịp thuận lợi hỏi ý kiến Tạ An xem sao.

Tạ An vừa thấy Trương Huyền, chẳng nói gì đến chuyện quân sự, mà mỗi ngay Trương Huyền đến toà biệt thự trong núi. Tới đó, đã có nhiều danh sĩ tới trước, cùng đàm luận văn chương, Trương Huyền không có dịp nào để nêu ra câu hỏi mà mà Tạ Huyền nhờ.

Tạ An mời Trương Huyền cùng mình đánh cờ, và nói vui rằng nếu thua, sẽ gán cho Trương Huyền toà biệt thự này. Trương Huyền vốn là một kỳ thủ có tiếng, ngày thường, ông ta luôn thắng Tạ An. Nhưng hôm nay, Trương Huyền không còn lòng dạ nào chơi cờ nữa, chỉ gượng tiếp Tạ An, nên thua liền mấy ván.

Đánh cờ xong, Tạ An lại mời mọi người dạo chơi, xem phong cảnh núi non. Dạo chơi suốt một ngày, đến khi trời tối mới trở về nhà.

Tối hôm đó, Tạ An triệu tập các tướng Tạ Huyền, Tạ Thạch... tới nhà mình, giao nhiệm vụ cho từng người hết sức rành rọt, tỉ mỉ. Mọi người thấy Tạ An trầm tĩnh, chủ động như vậy, đều thấy vững tin, phấn khởi cùng nhau về quân doanh.

Lúc đó, Hoàn Xung ở Kinh Châu thấy tình thế nguy cấp, liền dành riêng ra ba ngàn tinh binh đưa tới Kiến Khang để bảo vệ kinh thành. Tạ An nói với các tướng sĩ được cử tới: "Ở đây ta đã sắp đặt ổn thoả cả rồi. Các người hãy trở về để tăng cường cho việc phòng thủ mặt phía Tây".

Các tướng sĩ trở về Kinh Châu báo cáo lại với Hoàn Xung. Hoàn Xung rất lo lắng, nói với các tướng sĩ: "Khí độ của Tạ Công đúng là đáng cho mọi người khâm phục. Nhưng ngài không hiểu rõ việc đánh trận. Kẻ địch đã đến trước mặt, mà vẫn ung dung tự tại, binh lực thì ít ỏi, lại cử những tướng trẻ không có kinh nghiệm đi chỉ huy. Có lẽ chúng ta sắp gặp tai nạn lớn rồi".

125- TRẦN PHÌ THUY

Theo mệnh lệnh của Tạ An, Hồ Bân dẫn thủy quân theo Hoài Hà tiến tới Thọ Dương. Trên đường đi, Hồ Bân nhận được tin Thọ Dương đã bị quân tiên phong của Tiền Tần do Phù Dung chỉ huy đánh tan. Hồ Bân đành lui quân tới Hiệp Thạch (nay ở Tây nam Phương Đài, An Huy) rồi đóng lại đó, chờ đại quân của Tạ Thạch, Tạ Huyền tới hội hợp.

Sau khi chiếm được Thọ Dương, Phù Dung lại cử bộ tướng Lương Thành dẫn năm vạn quân tiến công Lạc Gián (nay ở phía Đông Hoài Nam, An Huy), cắt đứt đường sau lưng thủy quân Hồ Bân. Quân Hồ Bân bị vây, lương thực ngày càng thiếu tình hình hết sức nguy ngập.

Hồ Bân phái một tên lính mang thư cáo cấp với Tạ Thạch, nói: "Hiện nay quân địch rất mạnh, quân lương của tôi sắp hết, sợ không có cách nào hội hợp với đại quân được".

Khi tên lính mang thư vượt qua chiến tuyến quân Tần, thì bị quân Tần bắt được. Phong thư cáo cấp rơi

vào tay Phù Dung. Phù Dung lập tức cho ngựa trạm chạy về Hạng Thành báo cáo với Phù Kiên.

Phù Kiên liền tiếp nhận được tin thắng trận của đội quân tiến phong, càng thêm kiêu ngạo. Ông ta để đại quân đóng ở Hạng Thành, tự dẫn tám ngàn kỵ binh đi gấp tới Thọ Dương, chỉ muốn nuốt sống ngay quân Tấn.

Đến Thọ Dương, Phù Kiên bàn bạc với Phù Dung, cho rằng quân Tấn không thể chịu nổi đòn đánh mãnh liệt của đại quân Tiên Tần, liền cử một sứ giả đến đại doanh của quân Tấn khuyên hàng.

Sứ giả được cử đi không phải là ai khác, mà lại chính là người mà mấy năm trước đã từng kiên quyết chống lại quân Tiên Tần ở Tương Dương và bị bắt sống. Người đó là Chu Tự.

Từ sau khi bị bắt tuy Chu Tự được Phù Kiên trọng dụng, cho làm thượng thư trong triều, nhưng thâm tâm bao giờ cũng hướng về triều Tấn. Khi được cử đi thuyết hàng, gặp lại Tạ Thạch, Tạ Huyền, Chu Tự cảm thấy thân thiết như gặp lại người thân. Vì vậy, không những không thuyết hàng theo lời dặn của Phù Kiên mà ngược lại, Chu Tự còn tiết lộ cho Tạ Thạch, Tạ Huyền biết mọi tình hình nội bộ của Tiên Tần.

Chu Tự nói: "Lần này Phù Kiên đem hàng trăm vạn quân xuống đánh Đông Tấn. Nếu chúng tập trung được lực lượng đó, e rằng Đông Tấn không thể nào chống đỡ nổi. Nay nếu nhân lúc quân đội của chúng chưa tới được đầy đủ mà nhanh chóng tổ chức cuộc tiến công, đánh bại đội tiên phong để làm tổn thương sĩ khí của chúng, thì có thể đánh bại quân Tần".

Sau khi Chu Tự trở về Tần, Tạ Thạch suy đi tính lại, thấy binh lực của quân Tần ở Thọ Dương rất mạnh, không chắc thắng được, nên nếu cứ cố gắng tăng cường phòng thủ thì đảm bảo hơn. Nhưng con Tạ An là Tạ Viên cố khuyên Tạ Thạch nên nghe theo lời của Chu Tự, gấp rút tổ chức tiến công.

Tạ Thạch lại bàn bạc với Tạ Huyền, rồi quyết định cử danh tướng Lưu Lao Chi dẫn năm ngàn quân tinh nhuệ của Bắc Phủ Binh tập kích bất ngờ vào quân Tần ở Lạc Gián. Đội quân này quả là danh bất hư truyền, họ dũng mãnh như hùm mọc cánh, tiến đánh ào ạt vào Lạc Gián. Quân Tần phòng giữ ở đây không phải là đối thủ của đội quân thiện chiến này, qua một thời gian ngắn gắng gượng, chống đỡ không nổi, đã bị đánh bại, tướng Lương Thành bị quân Tấn giết chết. Quân Tần tranh nhau vượt Hoài Hà trốn chạy, số lớn bị chết đuối giữa dòng.

Trận thắng Lạc Gián khiến tinh thần quân đội Tấn tăng cao. Tạ Thạch, Tạ Huyền hạ lệnh cho Lưu Lao Chi đem quân cứu viện cho Hồ Bân ở Hiệp Thạch, đồng thời chỉ huy đại quân thừa thắng tiến lên, tới tận bờ phía Đông Phì Thuỷ (nay là Phì Hà - tức sông Phì ở phía Nam huyện Thọ, An Huy), đem quân lên đóng cạnh Bát Công Sơn, đối diện với quân Tần đang đóng ở Thọ Dương, bên bờ phía Tây.

Phù Kiên, sau khi cử Chu Tự đi khuyến hàng, đang dương dương đắc ý chờ quân Tấn mang thư hàng tới. Nay đột nhiên nghe tin Lạc Gián thất thủ thì choáng váng như bị một gậy giáng vào đầu. Ông ta cùng Phù Dung đi lên lầu thành Thọ Dương để quan sát tình hình quân Tấn bên kia sông.



Phù Kiên đứng trên lầu thành nhìn sang, thấy lầu trại quân Tấn hàng ngũ chỉnh tề, quân Tấn cầm vũ khí đi lại tuần phòng nghiêm mật, thế trận vững chắc, uy nghiêm. Nhìn về phía xa, thấy trên Bát Công Sơn thấp thoáng có nhiều binh lính Tấn. Sự thực do Phù Kiên hoang mang loá mắt, nhiều cỏ cây lay động trên Bát Công Sơn, lại tưởng nhầm thành quân Tấn (văn ngôn Trung Quốc gọi cảm giác này của Phù Kiên là: "thảo mộc giai binh").

Phù Kiên hơi sợ, quay đầu lại nói với Phù Dung: "Đây đúng là một kẻ địch mạnh! Sao có thể nói là chúng quá yếu được".

Từ đó, Phù Kiên hạ lệnh cho quân Tấn phòng thủ nghiêm ngặt. Quân Tấn vì vậy rất khó vượt được Phì Thuỷ. Tạ Thạch, Tạ Huyền hết sức lo lắng, nếu cứ kéo dài như vậy, e khi quân Tấn đến đủ, thì càng bất lợi cho quân Tấn.

Tạ Huyền nghĩ ra một mẹo, cho người mang thư sang Phù Kiên, nói: "Các ngài đem đại quân đi sâu vào đất nước Tấn, mà hiện nay lại dàn trận lên bờ Phì Thuỷ, án binh bất động. Như vậy, chẳng lẽ các ngài ngại giao chiến hay sao? Nếu các ngài chịu lui quân về phía sau một chút, nhường ra một khu đất, để chúng tôi vượt sông bày trận rồi sẽ so tài cao thấp, thì mới được coi là có đảm lược".

Phù Kiên nhận được thư, tự nghĩ: Nếu không chấp nhận yêu cầu đó thì chẳng phải là mình sợ quân Tấn hay sao? Liền triệu tập các tướng đến, hạ lệnh: "Quân Tấn đề nghị chúng ta nhường ra một vùng đất để họ bày trận. Chúng ta hãy lùi lại một chút, chờ khi quân

chúng đang vượt sông, sẽ dùng kỵ binh xông lên, đảm bảo sẽ tiêu diệt được chúng.

Tạ Thạch, Tạ Huyền được tin quân Tần chấp nhận lui quân, liền nhanh chóng chỉnh đốn người ngựa, chuẩn bị vượt sông tiến công.

Tới thời gian hai bên đã thoả thuận, Phù Kiên ra lệnh cho Phù Dung chỉ huy quân Tần lui về sau. Họ vốn định lùi lại một đoạn ngắn rồi sẽ quay trở lại tiến đánh quân Tần. Không ngờ, rất nhiều lính Tần, sợ thì chán ghét chiến tranh sợ thì sợ quân Tấn, nên vừa nhận được lệnh rút là quay đầu chạy không muốn dừng lại nữa.

Tạ Huyền dẫn hơn tám ngàn kỵ binh, nhân cơ hội đó, nhanh chóng vượt sông, tiến đánh mãnh liệt vào quân Tần.

Đúng lúc đó, Chu Tự ở phía sau trận quân Tần hoảng hốt hô lớn: "Quân ta thua rồi! Quân ta thua rồi!". Quân Tần ở phía sau không biết tình hình ở phía trước ra sao, chỉ thấy quân lính đang chạy trở lại rầm rập thì cũng quay đầu chạy, vừa chạy vừa la hoảng.

Phù Dung vội vã vùng kiếm, cỡi ngựa xông ra toan ngăn lại. Nhưng quân Tần đang như dòng nước triều cuộn cuộn, không có sức mạnh nào ngăn lại được. Một toán loạn binh ào tới, xô ngã con ngựa do Phù Dung đang cưỡi, Phù Dung đang cố bò dậy thì bị một tên lính rút dao chém chết, chủ tướng đã chết, quân Tần càng như ngựa xổng cương, tan chạy khắp các ngả.

Phù Kiên ở phía sau thấy tình hình đột nhiên diễn ra như vậy, không có cách gì khống chế được nữa, đành nhảy lên ngựa chạy thục mạng. Một phát tên không biết từ đâu bay tới, trúng vào vai Phù Kiên. Ông cố

nhìn đau, thúc ngựa chạy nhanh hơn, chạy mãi tới Hoài Bắc mới dám dừng lại nghỉ.

Quân Tấn thừa thắng truy kích ráo riết. Quân Tần càng hoảng loạn chạy trốn. Khấp dọc đường, la liệt xác quân lính bị giẫm chết và bị thương. Dọc đường chạy, số quân lính Tần nghe thấy tiếng gió thổi và tiếng hạc kêu trên không (văn ngôn dùng chữ "phong thanh hạc lệ"), cứ tưởng là tiếng hô "giết" của quân Tấn, nên lại càng sợ kinh hồn, lạc phách.

Tạ Thạch, Tạ Huyền thu phục được Thọ Dương, vội phái khoái mã báo tin thắng trận về Kiến Khang.

Hôm đó, Tạ An đang ngồi đánh cờ với một người khách. Ông xem xong thư báo tin mừng của Tạ Thạch, cố kiềm chế niềm vui, lại đặt lá thư xuống, rồi tiếp tục chơi cờ.

Người khách biết là thư từ tiền phương gửi về, không nén được tò mò, liền hỏi Tạ An: "tình hình chiến tranh ra sao?"

Tạ An thông thả trả lời: "Cuối cùng, bọn trẻ đã đánh bại được quân Tần rồi."

Người khách nghe nói mừng quá, không thiết gì đánh cờ nữa, vội xin cáo biệt để đem tin thắng trận báo cho mọi người biết.

Tạ An tiễn khách, trở vào nhà. Tới lúc đó thì niềm vui không thể kìm giữ được nữa. Bao nhiêu suy nghĩ lao lung và sự tính toán hao tổn cân não để chỉ đạo cuộc kháng chiến đã đem lại thắng lợi huy hoàng. Ông vùng nhảy qua ngưỡng cửa, chiếc guốc gỗ dưới chân bị va sút một miếng mà ông không biết.

Qua trận Phì Thuỷ nổi tiếng trong lịch sử này, triều Tiên Tần lớn mạnh bị tiêu hao hết sức lực. Phù Kiên chạy về tới Lạc Dương, thu thập tàn binh bại tướng, thì chỉ còn lại mười mấy vạn. Trong khi đó binh lực của Mộ Dung Thuỷ vẫn còn nguyên vẹn, không hề bị sút mẻ gì. Đúng như dự liệu của Vương Mãnh, Mộ Dung Thuỷ của tộc Tiên Ty và Diên Trường của tộc Khương cuối cùng đã chống lại Tiên Tần. Mộ dung Thuỷ lập ra nước Hậu Yên, Diên Trường lập ra nước Hậu Tần. Bản thân Phù Kiên cũng bị Diên Trường giết chết.

Trận Phì Thuỷ cung cấp một bài học lớn về quân sự cho hậu thế, đồng thời làm sản sinh một thành ngữ trong tiếng Hán: "Phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai binh".

126- ĐÀO UYÊN MINH KHÔNG CHỊU KHOM LUNG

Sau trận Phì Thuỷ, Tạ An nhân thời cơ Tiên Tần tan rã, cử Tạ Huyền đem quân thu lại một vùng đất lớn ở khu vực Hoàng Hà. Nhưng Tấn Hiếu Vũ Đế lại trọng dụng em mình là Cối Kê Vương Tư Mã Dạ Tử, ra sức chèn ép Tạ An, khiến Tạ An không thể phát huy hết tài năng của mình. Sau khi Tạ An mất, chính quyền Đông Tấn hoàn toàn chịu sự khống chế của Tư Mã Dạ Tử, một kẻ ngu dốt. Triều chính Đông Tấn càng ngày càng hủ bại.

Năm 399, dưới đời Tấn An Đế, tại quận Cối Kê nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân do Tôn Ân lãnh đạo. Qua hai năm, mười mấy vạn quân khởi nghĩa đã áp sát kinh đô Kiến Khang. Triều Đông Tấn phải điều động tới Bắc Phủ Bình mới đàn áp được.

Nhưng sau đó, nội bộ tập đoàn thống trị Đông Tấn lại xảy ra rối loạn. Con của Hoàn Ôn là Hoàn Huyền chiếm lĩnh vùng thượng du Trường Giang, rồi đem quân đánh chiếm Kiến Khang, phế Tấn An Đế, tự lập làm hoàng đế. Trải qua ba bốn tháng, tướng chỉ huy Bắc

Phủ Bình là Lưu Dụ mới đánh bại được Hoàn Huyền, đón Tấn An Đế trở lại ngôi Hoàng Đế. Từ đó về sau, vương triều Đông Tấn chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa.

Trong những năm tháng nhiễu loạn đó, ở vùng Tử Tang có một nhà thơ nổi tiếng, tên là Đào Tiềm, tự là Uyên Minh thường được gọi là Đào Uyên Minh. Ông chán ghét nền chính trị thối nát đương thời, nên chỉ ẩn cư ở làng quê. Tằng tổ* của Đào Uyên Minh là Đào Khả, một danh tướng của Đông Tấn (xem chương "Đào Khả tập khuôn gạch"), tuy đã giữ chức quan cao, nhưng không phải là một sĩ tộc đại địa chủ, nên không có nhiều tài sản. Đến đời Đào Uyên Minh thì gia cảnh đã rất sa sút. Đào Uyên Minh từ nhỏ đã ham đọc sách, không muốn làm quan, nhà có lúc không đủ cơm ăn, nhưng ông vẫn đọc sách ngâm thơ, lấy đó làm vui. Trước cửa nhà ông có năm cây liễu, nên ông đặt biệt hiệu cho mình là Ngũ liễu tiên sinh.

Sau Đào Uyên Minh càng ngày càng nghèo, việc cấy cấy không đủ nuôi già trẻ trong gia đình. Người thân thích và bạn bè khuyên ông ra nhận một chức quan gì đó để giúp đỡ gia đình. Ông đành phải nhận lời. Quan địa phương nghe nói Đào Uyên Minh là dòng dõi của một danh tướng, lại có tài văn chương, liền tiến cử ông vào làm tham quân cho Lưu Dụ. Nhưng ít ngày sau, ông phát hiện thấy các văn quan võ tướng đều tìm cách giành giật hất cẳng lẫn nhau, nên chán nản xin đổi đi làm quan địa phương. Quan trên liền cử ông tới Bành Trạch (trong tỉnh Giang Tây ngày nay), làm huyện lệnh.

* tức cụ, người sinh ra ông nội.

Thời đó làm huyện lệnh, lương bổng không có nhiều. Đào Uyên Minh lại không biết vò tiền, không biết tham ô nên cuộc sống gia đình cũng không sung túc. Tuy vậy vẫn khá hơn nhiều khi còn làm ruộng ở Tử Tang. Thêm nữa, ông cảm thấy làm quan ở một huyện nhỏ, không phải giao tiếp nhiều với quan trường, nên được tự do hơn.

Một hôm, trên quận phái một viên đốc bưu xuống thị sát ở quận Bành Trạch. Tên tiểu lại trong huyện được tin, vội chạy vào báo với Đào Uyên Minh. Lúc đó, Đào Uyên Minh đang ngồi trong phòng riêng, vuốt râu ngâm thơ, thấy nói có viên đốc bưu đến thì mất hứng, đành buông tập thơ, chuẩn bị theo tên tiểu lại dẫn đường ra gặp viên đốc bưu.

Tên tiểu lại thấy ông vẫn mặc bộ quần áo thường phục, giật mình nói: "Đốc bưu đến, xin quan lớn mặc quan phục, thắt đai ra bái kiến mới phải, sao lại có thể mặc thường phục được".

Xưa nay Đào Uyên Minh vốn không ưa những kẻ cậy thế quan trên để hạch sách cấp dưới. Nay lại nghe tên tiểu lại có vẻ sợ sệt, giục già mình mặc quan phục ra bái kiến tên đốc bưu, thì cảm thấy nhục nhã, liền thở dài, nói: "Ta không muốn vì năm đấu gạo, là số lương của quan huyện, mà phải khom lưng trước bọn tiểu nhân đó!".

Rồi ông không ra gặp viên đốc bưu, mà dứt khoát, cởi ấn thụ trao cho viên tiểu lại, từ chức không làm quan nữa.

Trở về quê nhà ở Tử Tang, Đào Uyên Minh thấy nhẹ nhàng, cảm thấy cục diện xã hội rồi beng lức đó rất xa



cách với hứng thú và lý tưởng của mình*. Từ đó về sau, ông quyết ẩn cư, lúc nhàn rỗi, viết rất nhiều thơ văn, thổ lộ tư tưởng, tình cảm của mình.

Trong số thơ văn của ông, có một bài văn hết sức nổi tiếng, đó là bài "Đào hoa nguyên ký" (Bài ký về suối hoa đào), nội dung đại lược như sau: ở Vũ Lăng có một người đánh cá, một hôm anh ta bơi thuyền theo con ngòi nhỏ đi đánh cá. Không biết từ lúc nào, con thuyền dẫn tới một rừng đào, phong cảnh như hoa thêu gấm dệt, dưới là cỏ thơm xanh mượt.

Người đánh cá bị cảnh đẹp hấp dẫn, cứ bơi thuyền đi mãi, tới cuối rừng đào thì phát hiện một cửa động. Anh ta rời thuyền, lần mò đi vào trong động. Ban đầu, động rất hẹp, nhưng qua một đoạn, bỗng thấy rộng rãi sáng bừng. Thì ra trong động có một xóm làng rất lớn, đất đai phì nhiêu, bãi dâu xanh tốt, già trẻ gái trai đi lại tấp nập, lao động vui vẻ, sống một cuộc sống thanh bình vô tư lự.

Mọi người thấy có khách lạ tới thì đều nhiệt tình mời ăn cơm uống rượu. Người đánh cá hỏi chuyện, mới biết người trong thôn đều có tổ tiên là người chạy nạn tới đây vào những năm loạn lạc cuối đời Tần. Họ không hề biết sau triều Tần còn có triều Hán, càng không biết tới triều Ngụy, Tấn sau đó nữa.

Người đánh cá ở lại đó mấy ngày, cảm thấy sung sướng như sống trong tiên cảnh, xa cách hẳn bụi trần. Khi từ biệt ra về anh ta chú ý đánh dấu kỹ đường đi,

* Về chuyện này ông có một bài văn nổi tiếng nhan đề "Quy khứ lai từ" - Về đi thôi.

chuẩn bị để sau này lại đến thăm. Về đến Vũ Lăng, anh ta báo cáo với quan Thái thú. Thái thú cảm thấy rất thú vị, liền cử người đi theo người đánh cá để tìm rừng hoa đào, nhưng tìm mãi, tìm mãi, không sao thấy của động đâu nữa.

Đào nguyên ngoài cõi đời mà Đào Uyên Minh miêu tả trong bài ký, thật ra không thể tồn tại trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ. Nhưng quang cảnh mọi người đều lao động, mọi người đều sung sướng no đủ, sống cuộc đời không bận chút lo âu... được miêu tả trong bài ký, đã phản ánh ước muốn tốt đẹp của người đương thời trong hoàn cảnh xã hội đen tối, hỗn loạn lúc đó.

Vì vậy, tác phẩm Đào hoa nguyên ký mãi mãi được người đời sau truyền tụng và yêu thích.

127- LƯU DỤ BÀY TRẬN

Sau khi Tấn An Đế trở lại ngôi hoàng đế, Lưu Dụ hoàn toàn nắm quyền ở Đông Tấn. Xuất thân là một chức quan nhỏ, Lưu Dụ không có địa vị gì trong giới sĩ tộc. Để nâng cao uy tín của mình, ông quyết định phát động cuộc bắc phạt.

Năm 409, Lưu Dụ dẫn quân xuất phát từ Kiến Khang, trước hết bao vây kinh đô nước Nam Yên (một trong 16 nước trong thời Ngũ Hồ thập lục quốc ở miền Bắc Trung Quốc) là Quảng Cố (nay ở Tây bắc Ích Đô, Sơn Đông). Quốc Vương Nam Yên là Mộ Dung Siêu sợ hãi, vội cử người cầu cứu Hậu Tần.

Lúc đó, ở miền Bắc, Hậu Tần là một quốc gia tương đối lớn. Quốc vương Hậu Tần là Diêu Hưng phái sứ giả đến đại doanh quân Tấn nói: "Nước Yên là nước lân bang hữu hảo của chúng tôi. Chúng tôi đã cử mười vạn đại quân đóng sẵn tại Lạc Dương. Nếu các ngài nhất định cứ uy hiếp nước Yên, chúng tôi sẽ không thể ngồi nhìn mà không cứu".

Nghe lời dọa của sứ giả Hậu Tần, Lưu Dụ cười nhạt nói: "Người về nói với Diêu Hưng, ta vốn đã định diệt xong nước Yên, sẽ nghỉ ngơi chinh đồn trong ba năm rồi sẽ tiêu diệt các người. Nay các người lại muốn đến nộp mạng ngay, thì hãy đến đi!".

Sứ giả ra về, có viên quan dưới quyền lấy làm lạ hỏi: "Tướng quân trả lời như thế khác gì chọc tức Diêu Hưng. Nếu quân Tần đến thật thì ta đối phó thế nào?".

Lưu Dụ thản nhiên đáp: "Ông không hiểu được thực trạng. Tục ngữ nói: "Bình quý thần tốc", nếu chúng muốn đem quân tới thật, thì phải lặng lẽ hành động, việc gì phải cử người đến báo cho ta biết? Đây hoàn toàn là trò hư trương thanh thế của Diêu Hưng, để dọa chúng ta. Theo ta, chúng lo thân không xong, còn có sức đâu mà đi cứu người khác".

Đúng như nhận định của Lưu Dụ, lúc đó Hậu Tần còn đang mắc vào cuộc chiến với một nước nhỏ là nước Hạ, mà lại thua trận, thì cứu Nam Yên sao được. Không lâu sau, Lưu Dụ tiêu diệt được Nam Yên (năm 410).

Mấy năm sau, Lưu Dụ bình định các thế lực cát cứ ở miền Nam rồi lại tiến hành bắc phạt, tiến công Hậu Tần. Ông cử các đại tướng Vương Trấn Ác, Đàn Đạo Tế dẫn bộ binh từ vùng Hoài Hà tiến công lên Lạc Dương, còn bản thân tự dẫn thủy quân ngược dòng Hoàng Hà tiến lên.

Lúc đó, nước Bắc Ngụy do người Tiên Ty xây dựng lên ở miền Bắc bắt đầu lớn mạnh, đã phát triển thế lực xuống sát bờ bắc Hoàng Hà. Bắc Ngụy tập kết hơn mười vạn đại quân ở bờ bắc, uy hiếp quân Tấn. Thủy quân của Lưu Dụ đi trên Hoàng Hà, có lúc gặp nước xiết, gió



lớn, thuyền dạt vào bờ bắc, liền bị quân Bắc Ngụy tiến công.

Lưu Dụ cho đổ bộ lên bờ bắc đánh lại quân Ngụy, quân Ngụy liền lui chạy, nhưng khi quân Tấn xuống thuyền, quân Ngụy lại ra cản trở. Quân Tấn cứ tới lui vất vả, không tiến được bao nhiêu.

Lưu Dụ liền cử một viên tướng mang bảy trăm quân và một trăm cỗ binh xa đổ bộ lên bờ bắc, bày trận hình bán nguyệt bên bờ sông. Hai cánh trận bám sát bờ sông, phần giữa phình ra, trong đó bày các xe trận, trên mỗi xe cắm một lá cờ bằng lông trắng. Vì hình dạng đó giống như nửa mặt trăng, nên được gọi là: "Thế trận vành trăng khuyết".

Quân Ngụy từ xa, quan sát thấy thế trận như vậy, không hiểu ý đối phương ra sao, nên không dám hành động. Lát sau, lại thấy trên chiếc xe ở giữa có người giương cao cờ trắng rồi thấy hai bên sườn ủa ra hơn hai ngàn binh sĩ, khiêng một trăm cây cung lớn, đặt lên các binh xa.

Thấy cung cách như vậy, quân Ngụy cho rằng chẳng có gì ghê gớm, liền tập trung ba vạn kỵ binh, xung phong tiến đánh vào trận địa Tấn. Hơn một trăm cây cung lớn trên binh xa Tấn cùng bắn, nhưng vẫn không chặn nổi quân Ngụy.

Ngờ đâu, phía sau thế trận hình trăng khuyết còn bố trí hơn một ngàn ngọn lao dài, lắp trên những cây cung cực lớn. Loại lao này dài tới ba bốn thước, đầu rất bén nhọn. Khi quân Ngụy đang ào ạt xông tới, quân Tấn dùng búa lớn đánh bật chốt các cây cung, các mũi lao vùn vụt bay ra, mỗi mũi có thể xuyên qua ba bốn lính

Ngụy. Trong chốc lát, trong số ba vạn quân kỵ của phía Ngụy, đã bị giết chết mấy ngàn. Số khác không biết rõ
đang sau trận quân Tấn còn bao nhiêu vũ khí ghê gớm
loại này, nên sợ hãi quay ngựa chạy thục mạng. Toàn
đội hình tan vỡ. Quân Tấn thừa thắng truy kích, giết
được khá nhiều quân Ngụy.

Lưu Dụ đánh bại quân Ngụy, mở thông đường thủy,
tiếp tục tiến quân lên phía Tây. Lúc đó, bộ binh do
Vương Trấn Ác và Đàn Đạo Tế chỉ huy đã hạ được
thành Lạc Dương, cùng đem quân vào Đông Quan hội
hợp với Lưu Dụ. Tiếp đó, Lưu Dụ cử Vương Trấn Ác,
đem quân đánh Trường An, diệt nhà Hậu Tấn (năm
417).

Diệt xong Hậu Tấn, Lưu Dụ để Vương Trấn Ác cùng
đứa con trai mới mười hai tuổi của mình ở lại Trường
An, rồi dẫn quân về Nam.

Mấy năm sau, Tấn An Đế chết. Lưu Dụ cho rằng thời
cơ đã chín, liền cử người thuyết phục Tấn Cung Đế mới
lên ngôi nhường lại ngôi hoàng đế cho mình. Năm 420,
Lưu Dụ lên ngôi, đổi quốc hiệu là Tống. Lịch sử gọi là
Tiền Tống. Đó là Tống Vũ Đế. Triều Đông Tấn diệt vong
sau 104 năm thống trị miền Nam Trung Quốc.

128- ĐÀN ĐẠO TẾ ĐÔNG CÁT GIẢ LÀM LƯƠNG

Sau khi Tống Vũ Đế Lưu Dụ thành lập triều Tống (Tiên Tống) được mười chín năm (tức năm 439) thì ở miền Bắc, Thái Vũ Đế của Bắc Ngụy là Thác Bạt Đào (họ Thác Bạt, thuộc tộc Tiên Ty) tiêu diệt nước cuối cùng trong 16 nước là Bắc Lương, thống nhất cả miền Bắc. Như vậy, trong khoảng thời gian 170 năm tính từ khi Đông Tấn diệt vong (năm 420), lịch sử Trung Quốc xuất hiện cục diện hai miền Nam Bắc, có hai hệ thống chính quyền đối chọi nhau. Ở miền Nam, có bốn triều đại kế tiếp nhau, là Tống, Tề, Lương, Trần, ở miền Bắc, mở đầu là Bắc Ngụy, sau phân liệt thành Đông Ngụy, Tây Ngụy, hai nước này lại lần lượt bị Bắc Tề, Bắc Chu thay thế. Lịch sử gọi chung cả giai đoạn đó là Nam Bắc Triều.

Tống Vũ Đế làm hoàng đế được hai năm, đến năm thứ ba thì bị bệnh mất. Con Vũ Đế là thái tử Lưu Nghĩa Phù, mới 17 tuổi lên nối ngôi (năm 423), tỏ ra thiếu đức độ nên sau một năm (năm 424) bị các đại thần phế truất, giáng xuống làm Doanh Dương Vương. Con thứ

ba của Lưu Dụ và Lưu Nghĩa Long được phò tá lên làm hoàng đế. Đó là Tống Văn Đế. Lúc đó, Bắc Ngụy mở cuộc tiến công lớn, vượt qua Hoàng Hà, xâm chiếm một vùng đất rộng phía Nam sông. Tống Văn Đế phái Đàn Đạo Tế dẫn đại quân chống lại.

Có lần, quân Bắc Ngụy tiến công Tế Nam, Đàn Đạo Tế dẫn quân tới bên sông Tế Thủy, trong hơn hai mươi ngày, giao chiến với quân Bắc Ngụy hơn ba mươi trận, liên tục thắng lợi, truy kích địch tới tận Lịch Thành (nay thuộc tỉnh Sơn Đông).

Vì thắng trận nên Đàn Đạo Tế có phần kiêu ngạo và lơ đãng trong phòng bị. Quân Ngụy nhằm cơ hội đó, dùng hai toán kỵ binh bất ngờ đánh kẹp vào hai mặt trước sau quân Tống, đốt hết lương thảo và xe tải lương thực.

Quân của Đàn Đạo Tế tuy anh dũng thiện chiến, nhưng bị cạn lương, không thể kéo dài cuộc chiến đấu, đành chuẩn bị rút khỏi Lịch Thành.

Trong quân Tống có một tên lính chạy sang hàng quân Ngụy, nói hết tình hình khó khăn về lương thực của Tống cho Ngụy biết. Bắc Ngụy liền phái đại tướng đem quân đuổi quân Tống, nhằm bao vây tiêu diệt đội quân của Đàn Đạo Tế.

Các tướng sĩ quân Tống thấy quân Ngụy hình thành thế bao vây thì đều lo sợ, một số binh lính bắt đầu lên trốn. Nhưng Đàn Đạo Tế lại ung dung hạ lệnh cho tướng sĩ đóng trại, dừng lại nghỉ ngơi.

Tối hôm đó trong doanh trại quân Tống đèn đuốc sáng trưng, Đàn Đạo Tế thân đến kiểm tra lương thực trong doanh trại. Một số lính tay cầm bó thẻ tre cao



giọng đếm số lượng bao lương thực đóng được, số khác dùng dấu đóng gạo đóng vào bao*.

Thám tử của quân Ngụy từ xa quan sát thấy bao nào cũng được đóng đầy gạo trắng. Số bao gạo ngày càng chất cao, được che đậy và có lính canh gác nghiêm mật. Tướng Ngụy được tin, cho rằng tên lính Tống trốn sang là gian tế trá hàng để đánh lừa mình, liền sai đem chém.

Kỳ thực, trò diễn cảnh trên chỉ là một mẹo của Đàn Đạo Tế. Trong doanh trại của Đàn Đạo Tế, quả đã hết lương thực. Ông bày cho quân lính đóng cát đổ vào bao, mỗi bao phủ một ít gạo lên trên, thám tử Ngụy quan sát từ xa nên không phân biệt được.

Trời sáng, Đàn Đạo Tế hạ lệnh cho tướng sĩ khôi giáp chinh tể, đường hoàng theo đường lớn, di chuyển về phía Nam.

* Cách làm thời đó là: Cứ đóng đầy một bao thì bộ phận đóng phát ra một thẻ tre, bộ phận giữ kho đếm số thẻ tre đó để báo cho tướng chỉ huy biết, sau đó cộng lại ghi vào sổ của quan giữ kho. Quan giữ kho đóng dấu của mình lên từng thẻ tre rồi nộp lại số thẻ đó cho tướng chỉ huy. Khi cần cấp phát lương thực cho bộ phận nào, tướng chỉ huy phát số thẻ tre để bộ phận đó đến kho lĩnh. Quan giữ kho thu số thẻ tre rồi phát ra số bao lương thực tương ứng. Làm như vậy, tướng chỉ huy luôn luôn căn cứ vào số thẻ tre lương thực giữ lại tại bộ phận chỉ huy mà nắm vững được số lương thực hiện còn trong kho. Mỗi khi có lương thực từ hậu phương tiếp tế tới, lại tiến hành thủ tục kiểm lương như trên đã miêu tả - ND.

Tướng Ngụy bị Đàn Đạo tể đánh thua nhiều trận, lại thấy quân Tống lương thực sung túc, đội ngũ hùng dũng, nghiêm chỉnh thì có ý sợ, thêm nữa, thấy quân Tống lui quân một cách ung dung, có vẻ như khiêu khích thì ngờ là có mai phục ở đâu đó nên không dám đuổi theo.

Nhờ sự trấn tĩnh và mưu trí, Đàn Đạo Tể đã bảo toàn được quân Tống, đưa toàn quân rút lui nguyên vẹn. Từ đó, quân Bắc Ngụy không dám mạo hiểm tiến đánh Tống nữa.

Đàn Đạo Tể làm tướng suốt hai triều Tống Vũ Đế và Tống Văn Đế, nhiều lần lập công lớn. Nhưng chính vì ông có công to, uy tín cao, lại khiến triều đình Tống nghi kỵ.

Gặp khi Tống Văn Đế lâm bệnh nặng, một người anh em trong hoàng tộc là Lưu Nghĩa Khang bàn bạc với tâm phúc: "Nếu chẳng may hoàng thượng có mệnh hệ nào, thì Đàn Đạo Tể sẽ là mối hoạ".

Họ liền dùng danh nghĩa Tống Văn Đế, hạ chiếu thư, khép Đàn Đạo Tể vào tội tụ tập bọn người xấu, toan làm phản, rồi bắt và xử tội chết.

Trong lúc bị giam, Đàn Đạo Tể phản nộ tột cùng, trợn mắt, lộ khăn trên đầu ném xuống đất nói: " Các người đang tự phá hoại Vạn lý trường thành của mình".

Cuối cùng, ông vẫn bị giết. Tin đó truyền tới Bắc Ngụy. Các tướng lĩnh Ngụy vui mừng chúc tụng nhau: "Đàn Đạo Tể bị giết phương nam không còn kẻ nào đáng sợ nữa!".

Sau sự việc này, Tống Văn Đế rất hối tiếc. Khi đại quân Bắc Ngụy đánh tới Trảo Bộ (nay là Lục Hợp, Giang Tô) thuộc Giang Bắc, Tống Văn Đế trèo lên thành đá ở Kiến Khang quan sát, không ngăn được lời than thở: "Nếu Đàn Đạo Tổ còn sống, thì kỵ binh Hồ không thể hoành hành hung hãn đến mức này được!".

129- CAO DOẢN TRUNG THỰC

Giai tầng thống trị trong triều Bắc Ngụy thuộc họ Thác Bạt trong tộc Tiên Ty. Đầu thời Đông Tấn, Thác Bạt còn là một bộ lạc du mục ở miền Đông Bắc Trung Quốc. Sau đó, họ tiếp thu văn hoá Hán, dần dần đầu xây dựng và phát triển chế độ kinh tế phong kiến. Năm 386, quý tộc Tiên Ty là Thác Bạt Khuê xây dựng triều Bắc Ngụy, đó là Ngụy Đạo Vũ Đế. Sau khi xây dựng Vương Triều, Ngụy Đạo Vũ Đế sử dụng nhiều kẻ sĩ Hán tộc làm mưu sĩ. Trong số đó, người nổi tiếng nhất là Thôi Khiết.

Thôi Khiết đã có cống hiến lớn trong việc giúp Bắc Ngụy tiến hành chiến tranh để thống nhất miền Bắc Trung Quốc, được ba đời vua của Bắc Ngụy hết sức tín nhiệm. Sau khi Ngụy Thái Vũ Đế (hoàng đế thứ ba của Bắc Ngụy) lên ngôi, ông làm quan Tư Đồ, nắm đại quyền chính trị trong triều và cử hơn mười kẻ sĩ Hán tộc làm quận thú các địa phương. Do đó, giữa Thôi Khiết và những quan chức khác người tộc Tiên Ty nảy sinh mâu thuẫn.

Ngụy Thái Vũ Đế cử Thôi Khiết cùng mấy văn nhân khác biên soạn bộ lịch sử nước Ngụy. Ngụy Thái Vũ Đế dặn họ là viết quốc sử cần căn cứ vào thực lục*.

Dựa theo yêu cầu đó, Thôi Khiết và các đồng sự của ông thu thập mọi tư liệu về các đời trước, biên soạn thành cuốn quốc sử của Bắc Ngụy. Thời đó, mục đích soạn quốc sử của các hoàng đế vốn chỉ để lưu lại cho con cháu trong hoàng thất xem. Nhưng trong số thủ hạ của Thôi Khiết lại có hai văn nhân có dự định riêng khuyên Thôi Khiết đem quốc sử khắc trên bia đá cho bách quan cùng xem, để nâng cao uy tín và tiếng tăm cho Thôi Khiết.

Bản thân Thôi Khiết cũng cho là mình giữ chức cao, lại có công lớn, nên không e ngại gì liên huy động nhân công và vật liệu, khắc toàn bộ pho quốc sử lên bia đá rồi đem các bia đó dựng hai bên đường gần đàn tế trời ở ngoại ô kinh đô.

Những điều ghi chép trong quốc sử đều là sự thực, nhưng vì các đời trước của Bắc Ngụy do trình độ phát triển văn hoá thấp, có nhiều tập tục lạc hậu, nay đem viết ra thì thấy mất thể diện cho hoàng thất. Người đi đường xem bia đá, bình luận sôi nổi, cho rằng người viết sử đã bêu riếu triều đình.

Quý tộc Tiên Ty là những người phản đối mạnh mẽ nhất, Họ cáo giác với Ngụy Thái Vũ Đế là bọn Thôi Khiết có dụng tâm bêu xấu, xúc phạm cả tiên đế và đương kim hoàng thượng.

* thực lục, một thể tài của biên niên sử, chuyên ghi chép những việc lớn trong thời gian trị vì của mỗi hoàng đế.



Ngụy Thái Vũ Đế vốn đã cho rằng Thôi Khiết lộng quyền, dám tự tiện quyết định nhiều việc. Nay thấy sự việc này thì nổi trận lôi đình, hạ lệnh bắt tất cả những người tham gia viết quốc sử để xét hỏi.

Trong số người tham gia, có Cao Doãn là thầy dạy học của Thái tử. Thái tử nghe được tin đó thì hết sức hoảng hốt, liền mời Cao Doãn đến Đông cung (là cung dành riêng cho Thái tử), nói với ông: "Ngày mai, tôi sẽ cùng tiên sinh đi triều kiến hoàng thượng. Nếu hoàng thượng hỏi tiên sinh, tiên sinh cứ trả lời theo ý của tôi, chớ có nói gì khác".

Cao Doãn không hiểu đầu đuôi ra sao, nên không trả lời gì. Hôm sau, ông theo Thái tử vào triều kiến. Thái tử lên điện, gặp Thái Vũ Đế, nói: "Cao Doãn xưa nay là người nghiêm túc, thận trọng lại giữ chức quan thấp. Vụ án quốc sử hoàn toàn là do Thôi Khiết chịu trách nhiệm, thần tử cúi xin bệ hạ tha tội cho Cao Doãn".

Thái Vũ Đế gọi Cao Doãn lên, hỏi: "Quốc sử hoàn toàn do Thôi Khiết viết có phải không?".

Cao Doãn thật thà đáp: "...Thôi Khiết bận nhiều việc, chỉ nắm bố cục lớn, còn nội dung cụ thể đều do hạ thần và mấy người khác viết".

Thái Vũ Đế ngoảnh đầu lại nói với Thái tử: "Người xem, tội của Cao Doãn còn nặng hơn Thôi Khiết nữa, sao có thể tha thứ được?".

Thái tử vội bảm: "Cao Doãn thấy bệ hạ thì quá sợ hãi, nên nói năng nhầm lẫn lung tung. Thần tử vừa hỏi ông ta, ông ta nói là do Thôi Khiết viết mà".

Thái Vũ Đế lại hỏi Cao Doãn: "Có đúng như vậy không?".

Cao Doãn đáp: "Hạ thần phạm tội, sao còn dám nói dối bệ hạ. Vừa rồi Thái tử nói như vậy, là muốn cứu tính mạng hạ thần. Kỳ thực, Thái tử không hề hỏi hạ thần và hạ thần cũng không nói những lời trên".

Ngụy Thái Vũ Đế thấy Cao Doãn trung thực thẳng thắn như vậy, có chiều cảm động, liền nói với Thái tử: "Cao Doãn đứng trước cái chết mà vẫn không nói dối, thật hết sức đáng quý. Ta tha tội cho ông ta".

Sau đó, Ngụy Thái Vũ Đế sai giải Thôi Khiết đến xét hỏi. Thôi Khiết quá sợ hãi, mặt mày nhợt nhạt, không biện bác được câu nào. Thái Vũ Đế giận dữ, yêu cầu Cao Doãn khởi thảo chiếu thư, xử chém cả nhà Thôi Khiết.

Cao Doãn trở về cung Thái tử, do dự rất lâu vẫn không viết được chữ nào. Thái Vũ Đế mấy lần cử người đến thúc giục, Cao Doãn liền nói: "Để tôi xin được tâu lại với hoàng thượng một lần nữa". Rồi lại xin vào cung tâu với Thái Vũ Đế: "Thần không được rõ Thôi Khiết còn phạm tội gì nữa. Nếu chỉ vì viết quốc sử, xúc phạm đến triều đình, thì không nên xử tội chết".

Ngụy Thái Vũ Đế cảm thấy Cao Doãn quả không biết thân phận, liền hét một tiếng, gọi vũ sĩ đến trời lại. Sau nhờ Thái tử van xin tha thiết, Thái Vũ Đế nguôi giận, mới tha cho.

Sau chuyện đó, Thái tử trách Cao Doãn: "Người ta cần phải theo tình hình mà cư xử. Tôi đã hết lòng van xin cho tiên sinh, mà sao tiên sinh cứ làm hoàng thượng nổi giận. Nghĩ lại việc vừa xảy ra, tôi vẫn còn thấy sợ hãi".

Cao Doãn nói: "Thôi Khiết làm việc đó, có sai lầm là nhằm đề cao cá nhân. Nhưng trong việc biên soạn lịch sử, ghi chép hoạt động của các hoàng đế, việc đúng sai của triều chính thì ông ta đều làm đúng như sự thực. Thêm nữa, quốc sử là do Thôi Khiết và chúng tôi cùng làm. Nay có thiếu sót sao có thể đổ hết lỗi cho ông ta. Điện hạ hết lòng muốn cứu tôi, tôi vô vùng cảm kích. Nhưng nếu bảo tôi vì tính mạng của mình mà nói những lời trái với lương tâm, thì tôi không làm được".

Cuối cùng, Ngụy Thái Vũ Đế vẫn không tha cho Thôi Khiết, đã sai chém cả nhà Thôi Khiết và mấy người thân thích. Nhưng, nhờ sự can gián thẳng thắn của Cao Doãn, nhiều người khác khỏi bị liên lụy. Chính Thái Vũ Đế đã nói, nếu không có Cao Doãn, ông ta có thể đã giết chết mấy ngàn người.

Năm, 452, Ngụy Thái Vũ Đế bị hoạn quan giết chết. Một năm sau (453), ở Nam Triều, con Tống Văn Đế là Lưu Tuấn lên ngôi, đó là Tống Hiếu Vũ Đế.

130- ĐẠI PHÁT MINH GIA TỔ XUNG CHI

Sau khi Tống Hiếu Vũ Đế lên ngôi, vương triều Tống nhanh chóng suy yếu. Chính trong thời kỳ đó, lại xuất hiện một nhà khoa học kiệt xuất là Tổ Xung Chi.

Ông nội Tổ Xung Chi tên là Tổ Xương, giữ chức quan đứng đầu ngành xây dựng của triều Tống. Sống trong một gia đình như vậy, từ nhỏ, Tổ Xung Chi đã đọc rất nhiều sách. Mọi người đều ca ngợi ông là một thanh niên học rộng. Ông đặc biệt ham thích toán học, cũng thích nghiên cứu thiên văn, lịch pháp, thường xuyên quan sát sự vận động của mặt trời và các thiên thể, và ghi chép lại tỉ mỉ.

Tống Hiếu Vũ Đế nghe tiếng ông, liền cử ông đến làm việc ở một cơ quan chuyên nghiên cứu khoa học lúc đó, có tên là "Hoa Lâm Học Tĩnh". Ông vốn không thích làm quan, nhưng làm việc ở đó, ông có điều kiện chuyên tâm vào nghiên cứu toán học và thiên văn.

Các triều đại Trung Quốc đều có đặt chức quan nghiên cứu về thiên văn và căn cứ vào kết quả quan sát thiên văn mà đặt ra lịch. Đến triều Tống, lịch pháp đã

có tiến bộ lớn, nhưng Tổ Xung Chi phát hiện thấy vẫn còn có điểm chưa đủ chính xác. Ông căn cứ vào kết quả nghiên cứu lâu dài của mình, biên soạn ra một lịch mới, gọi là lịch Đại Minh (Đại Minh - niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế từ 457 đến 465). Loại lịch này qui định số ngày của mỗi năm hồi qui (năm hồi qui là thời gian giữa hai kỳ đông chí) chỉ sai khác với sự đo đạc của khoa học hiện đại có 50 giây; đo số ngày của một chu kỳ đi vòng quanh trái đất của mặt trăng chỉ sai với sự đo đạc của khoa học hiện đại chưa tới một giây. Dù thấy, sự tính toán của Tổ Xung Chi lúc đó đã đạt tới độ chính xác khá cao.

Năm 462, Tổ Xung Chi xin Tống Hiếu Vũ Đế cho ban hành lịch mới. Tống Hiếu Vũ Đế triệu tập các đại thần lại bàn bạc. Một đại thần vốn được hoàng đế tin cậy nhất, tên là Đái Pháp Hưng phản đối, cho rằng Tổ Xung Chi dám tự tiện thay đổi lịch cổ, đổi lịch cổ là một hành vi "ly kinh bạo đạo"* không thể chấp nhận được.

Tổ Xung Chi dùng các cứ liệu nghiên cứu được, trực tiếp phản bác lại sự phê phán của Đái Pháp Hưng. Đái Pháp Hưng cậy thế được vua yêu, liền quyết đoán một cách ngang ngược: "Lịch pháp là do người xưa đặt ra. Người đời sau không được thay đổi!"

Tổ Xung Chi không nể nang gì, trả lời nghiêm chỉnh: "Nếu quả thật ngài có luận cứ thực tế nào thì xin cứ đưa ra biện luận, không nên dùng những lời suông rỗng để dọa người!"

* kinh, đạo - chỉ quy củ, phép tắc đã trở thành kinh điển do các "thánh nhân" thời trước đề ra.



Tổng Hiếu Vũ Đế muốn giúp Đái Pháp Hưng, liền chọn một số người hiểu lịch pháp đến tranh luận với Tổ Xung Chi. ý kiến phản bác của họ đều bị Tổ Xung Chi đánh đổ. Nhưng Tổng Hiếu Vũ Đế vẫn không ban hành lịch mới. Mãi tới mười năm sau khi Tổ Xung Chi mất, lịch Đại Minh do ông soạn ra mới được ban hành.

Dù tình hình xã hội lúc đó hết sức không ổn định, nhưng Tổ Xung Chi vẫn miệt mài nghiên cứu khoa học. Thành tựu lớn nhất của ông là trong lĩnh vực toán học. Ông từng nghiên cứu và chú giải tác phẩm toán học cổ "Cửu chương toán thuật"* . Ngoài ra, còn viết cuốn "Xuyết thuật"** . Nhưng cống hiến lớn nhất của Tổ Xung Chi là đã tìm ra trị số khá chính xác của số Pi (π). Qua quá trình tính toán gian khổ, lâu dài, ông tính được trị số của Pi nằm giữa 3,1415926 và 3,1415927, trở thành nhà khoa học đầu tiên trên thế giới tìm ra số Pi với 7 số lẻ.

Về phát minh khoa học, Tổ Xung Chi là người có tài năng nhiều mặt. Ông đã chế ra xe chỉ nam. Khi lắp đặt lên xe, dù xe có chuyển hướng thế nào, thì người đồng trên xe vẫn chỉ tay về hướng nam***. Ông còn chế ra

* Cửu chương toán thuật là tác phẩm toán học cổ nhất còn truyền lại tới nay của Trung Quốc. Xuất hiện vào khoảng thời Tần- Hán, gồm chín chương, đề cập tới nhiều tri thức về số học, phương trình đại số và hình học...

** Xuyết thuật là phương pháp tổ hợp.

*** Đáng tiếc, phát minh này của Tổ Xung Chi chỉ được các hoàng đế Trung Hoa sử dụng như một trò chơi giải trí mà không đem ứng dụng ngay vào hàng hải và các kỹ thuật khác.

"Thiên lý thuyền" (thuyền đi ngàn dặm) và tổ chức thí nghiệm tại Tân Đình Giang (ở Tây nam thành phố Nam Kinh ngày nay). Loại thuyền này một ngày có thể đi được hơn một trăm dặm. Ông còn cho lợi dụng sức nước để làm quay cối đá, phục vụ cho việc xay, nghiền ngũ cốc.

Sau khi Tổ Xung Chi chết đi, con ông ta là Tổ Cảnh, cháu nội là Tổ Hạo kế thừa sự nghiệp của ông, đã cần cù nghiên cứu toán học và lịch pháp. Theo nói lại, Tổ Cảnh, trong khi nghiên cứu khoa học đã tập trung tinh thần cao độ, ngay cả khi sấm rền, sét đánh cũng không nghe thấy. Ông thường vừa đi vừa suy nghĩ về đề tài nghiên cứu. Một lần, ông đang đi đường thì trước mặt có một viên quan to là Từ Miễn đang đi tới. Tổ Cảnh không hề hay biết, cứ bước dậm sầm vào Từ Miễn. Tới khi Từ Miễn vội lên tiếng, Tổ Cảnh mới như ngủ mê sực tỉnh, vội vàng chào hỏi và xin lỗi. Từ Miễn thấy ông đang suy nghĩ quên cả trời đất như thế, cũng không quả trách gì.

Những năm cuối đời của Tổ Xung Chi, Tiêu Đạo Thành, người chỉ huy quân cấm vệ của triều Tống đã diệt Tống. Năm 479, Tiêu Đạo Thành xưng đế, lập nên triều Nam Tề. Đó là Tề Cao Đế.

131- PHẠM CHẤN CHỐNG MÊ TÍN

Thời Nam Bắc Triều, Phật giáo dần dần thịnh hành. Trong triều đình Nam Tề, từ Hoàng đế đến đại thần, đều đề xướng Phật giáo. Tể tướng Nam Tề là Cảnh Lăng Vương Tiêu Tử Lương là một người rất sùng tín Phật giáo.

Tiêu Tử Lương có một biệt thự trên núi Kê Lung ở ngoại thành Kiến Khang. Ông thường chiêu đãi các danh sĩ văn nhân ở đây. Một lần, ông ta mời một số hoà thượng tới để giảng về đạo lý Phật giáo. Tiêu Tử Lương cung kính bưng cơm chay và bưng trà mời các hoà thượng. Có người cho rằng làm như vậy là mất thể thống của chức Tể tướng, nhưng ông ta coi như không có chuyện gì.

Nhờ sự đề xướng của Tể tướng, thế lực Phật giáo càng mạnh. Các hoà thượng ra sức truyền bá giáo thuyết của Phật giáo là sau khi người ta chết đi, linh hồn vẫn tồn tại. Còn nói là mỗi người giàu sang hay nghèo hèn đều là do nhân quả báo ứng từ kiếp trước. Người nghèo bị khổ sở, nhục nhã, đều do số kiếp đã định, không có cách gì cưỡng lại được.

Lúc đó, một nho sinh đứng cảm là Phạm Chấn lên tiếng, vạch trần đó là một quan niệm mê tín, để nghị mọi người đừng tin theo.

Anh họ của Phạm Chấn là Phạm Vân, người năng lui tới nhà Tế tướng Tiêu Tử Lương. Tiêu Tử Lương nghe nói Phạm Chấn dám công khai chống lại chủ trương đề xướng Phật giáo của mình thì vô cùng giận dữ, bảo Phạm Vân về gọi Phạm Chấn tới.

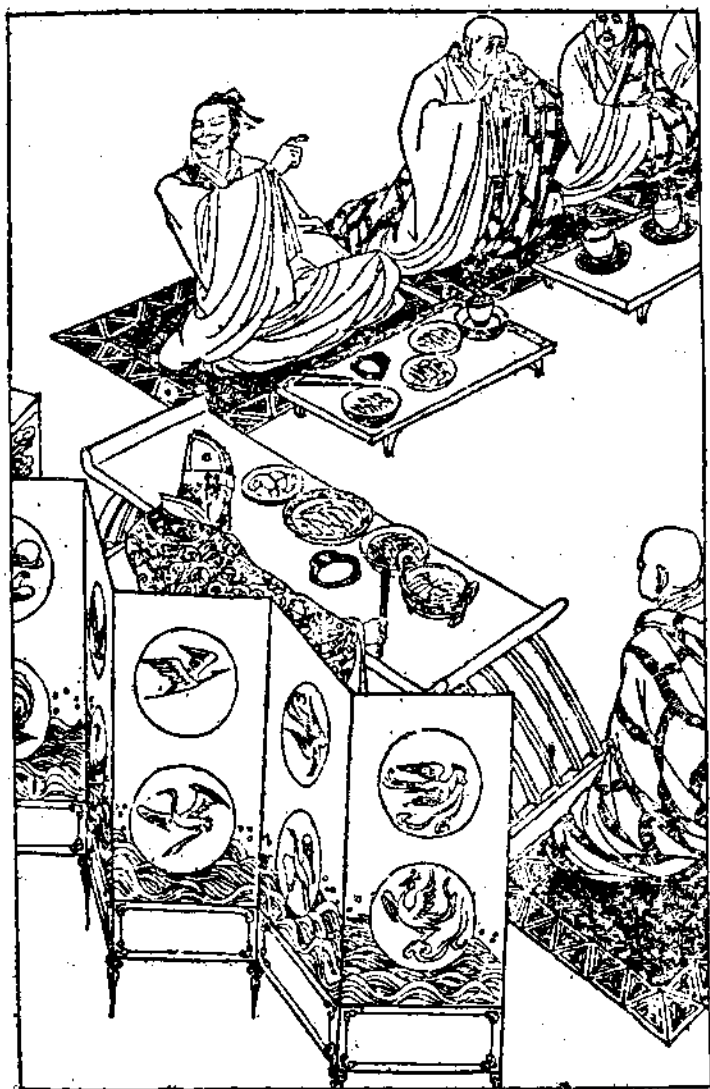
Tiêu Tử Lương hỏi Phạm Chấn: "Người không tin thuyết nhân quả báo ứng, thì người thử nói xem, có người sinh ra giàu sang, có người sinh ra lại nghèo hèn, là tại sao?"

Phạm Chấn không hề sợ hãi, trả lời: "Điều đó không có gì lạ. Lấy một thí dụ mọi người như một chùm hoa trên cây. Một cơn gió thổi, hoa bay lá tả. Có bông bay lọt qua rèm cửa, rơi xuống ghế ngồi; có bông bị thổi qua hàng rào, rơi xuống hố bùn".

Tiêu Tử Lương mở to mắt ngạc nhiên, chưa hiểu ý của Phạm Chấn. Chấn thông thả nói tiếp: "Bông hoa rơi xuống ghế ngồi, giống như Ngài, còn bông hoa rơi xuống hố bùn, giống như tôi. Giàu sang, nghèo hèn là như thế. Làm gì có chuyện nhân quả báo ứng?"

Phạm Chấn từ chỗ Tiêu Tử Lương ra về, cảm thấy tuy đã phản bác được Tiêu Tử Lương, nhưng vẫn chưa nói được hết lý lẽ chống mê tín của mình, liền chuyên tâm ngồi viết một luận văn, nhan đề là "Thần diệt luận" (Bàn về sự chết của tinh thần). Nội dung khái lược như sau:

"Hình thể là bản chất của tinh thần. Tinh thần chỉ là sự biểu hiện và tác dụng của hình thể. Có thể ví hình



thể và tinh thần với con dao và tính chất sắc bén. Không có dao thì không thể có tính chất và tác dụng sắc bén. Không có hình thể, thì sao có được tinh thần?"

Trong bài luận văn, Phạm Chấn còn đoán định rằng sau khi con người chết đi thì linh hồn không tồn tại. Mọi thuyết về nhân quả báo ứng, chỉ là trò bịp người.

Bài luận văn được công bố, khắp triều đình từ trên xuống dưới đều sôi sục. Một số người thân và bạn bè của Tiêu Tử Lương đều cho rằng không thể để mặc cho Phạm Chấn nghĩ theo kiểu đó. Tiêu Tử Lương lập tức cho mời một số cao tăng đến để tranh luận với Phạm Chấn. Nhưng lý luận của Phạm Chấn bám chắc vào luận cứ khoa học, các cao tăng không có lý lẽ gì bẻ gãy được lập luận của ông.

Có một tín đồ Phật giáo tên là Vương Viêm châm biếm Phạm Chấn: "Này, Phạm tiên sinh, ngài không tin thần linh. Thế thì ngài cũng không biết linh hồn của tổ tiên mình ở đâu nữa".

Phạm Chấn không chịu kém, lập tức châm biếm lại: "Thật đáng tiếc, Vương tiên sinh, Ngài đã biết linh hồn của tổ tiên mình ở đâu, thì sao Ngài không sớm đi gặp các vị đó đi!"

Tiêu Tử Lương sợ ảnh hưởng của Phạm Chấn quá lớn, sẽ làm lung lay niềm tin của các tín đồ Phật giáo, liền cử một người thân tín là Vương Dung đến khuyên Phạm Chấn: "Tề tướng là người hết sức quý trọng nhân tài. Người có tài như ngài, muốn làm tới chức Trung Thư Lang cũng chẳng khó gì! Sao Ngài cứ một mực khổ công đưa ra luận điểm ngược dòng như thế. Theo tôi, ngài nên cho thu hồi bài văn không hợp thời ấy lại".

Phạm Chấn nghe xong, ngửa mặt cười ha hả, nói: "Phạm Chấn tôi nếu vứt bỏ quan điểm của mình để xin làm quan, thì muốn chức quan to nữa cũng không khó, chứ chức Trung Thư lang mà ngài nói đó có đáng kể gì".

Tiêu Tử Lương không có cách gì đối phó với Phạm Chấn, đành mặc cho ông tự do.

Vương triều Nam Tề chỉ trải có hai đời vua là Tề Cao Đế và Tề Vũ Đế, rồi xảy ra nội loạn. Thứ sử Ung Châu là Tiêu Diễn khởi binh đánh vào Kiến Khang. Năm 502, Tiêu Diễn diệt Nam Tề, xây dựng nên triều Lương. Đó là Lương Vũ Đế.

132- NGUY HIẾU VĂN ĐẾ CẢI CÁCH PHONG TỤC

Triều Bắc Ngụy từ sau khi Thái Vũ Đế chết đi, nền chính trị trở nên hủ bại. Quý tộc Tiên Ty và các đại thương nhân áp bức, bóc lột nhân dân, làm nổ ra liên tục các cuộc phản kháng của các dân tộc ở miền Bắc Trung Quốc. Năm 471, Ngụy Hiếu Văn Đế lên ngôi, quyết tâm tiến hành những biện pháp cải cách.

Ngụy Hiếu Văn Đế qui định rõ bổng lộc của quan chức các cấp, trừng trị nghiêm khắc tham quan ô lại, thực hiện chế độ quân điền (chia đều ruộng đất cho nông dân), cấp đất hoang cho nông dân. Mỗi đàn ông thành niên được cấp 40 mẫu, phụ nữ mỗi người được 20 mẫu để trồng lương thực. Ngoài ra còn chia đất trồng dâu. Nông dân có nghĩa vụ nộp tô và lao dịch cho nhà nước. Khi người nông dân chết, trừ ruộng dâu, phải trả ruộng cho nhà nước. Nhờ vậy, ruộng đất được khai khẩn ngày một nhiều, sản xuất ngày càng phát triển, đời sống nông dân tương đối ổn định, no đủ, thu nhập của triều đình cũng tăng lên.

Ngụy Hiếu Văn Đế là người có tài năng chính trị. Ông cho rằng muốn củng cố nền thống trị thì nhất định

phải tiếp thu văn hoá Hán, cải cách những phong tục lạc hậu. Để thực hiện điều đó, ông quyết tâm dời đô từ Bình Thành (nay ở Đông bắc Đại Đồng, Sơn Tây) đến Lạc Dương.

Sợ các đại thần phản đối chủ trương dời đô, trước hết, ông đề ra mục tiêu là tiến công đại qui mô vào Nam Tề. Trong một buổi thiết triều, ông nêu ra ý định đó. Các đại thần đua nhau phản đối, người phản đối mạnh mẽ nhất là Nhâm Thành Vương Thác Bạt Trừng.

Hiếu Văn Đế nổi giận nói: "Đất nước là đất nước của trăm. Người dám cản trở trăm dùng binh hay sao?"

Thác Bạt Trừng cãi lại: "Tuy đất nước là của bệ hạ. Nhưng là một đại thần, thấy rõ việc dùng binh là tai hoạ, lẽ nào lại không nói?"

Hiếu Văn Đế nghĩ ngợi một lát, rồi tuyên bố bãi triều. Về cung, ông cho gọi riêng Thác Bạt Trừng vào nói: "Nói thực với khanh, vừa rồi ta làm ra vẻ nổi giận là để dọa mọi người thôi. Ý định thật của ta là cảm thấy Bình Thành chỉ là đất dụng võ, không thích hợp với việc cải cách chính trị. Nay ta muốn thay đổi phong tục, thì không thể không dời đô. Lần này, ta nói là đem quân đánh Nam Tề sự thực là muốn mượn có đó, dẫn bá quan văn võ dời đô xuống Trung Nguyên. Khanh thấy thế nào?"

Thác Bạt Trừng chợt hiểu, lập tức đồng ý với chủ trương của Hiếu Văn Đế.

Năm 493, Hiếu Văn Đế thân dẫn ba mươi vạn quân bộ và quân kỵ từ Bình Thành tiến xuống Lạc Dương. Vừa lúc đó, mưa thu rông rã suốt một tháng, đường xá lầy lội, hành quân rất khó khăn. Nhưng Hiếu Văn Đế

vẫn mang khô giáp, cưỡi ngựa, hạ lệnh tiếp tục tiến quân.

Các đại thần vốn không muốn đem quân đánh Tề, nhân thấy trời mưa, đều can ngăn Hiếu Văn Đế. Hiếu Văn Đế trả lời nghiêm chỉnh: "Chúng ta ra quân lần này, đã huy động quân đội và dân phu. Nếu nửa chừng bỏ dở, chẳng phải là trò cười cho đời sau hay sao? Nếu không đánh Tề thì cũng dời quốc đô xuống gần đó, các khanh thấy thế nào?"

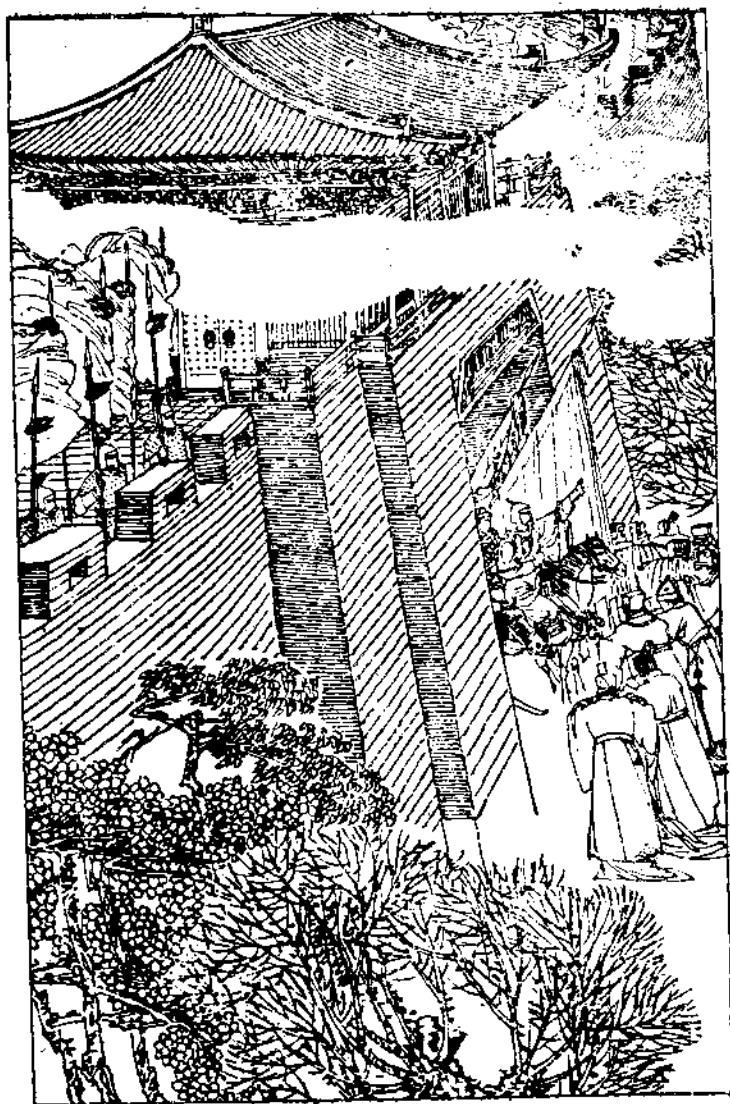
Các đại thần nhìn ngó lẫn nhau, không nói được gì. Hiếu Văn Đế nói: "Không nên do dự. Ai đồng ý dời đô thì đứng sang phía tả, ai không đồng ý thì đứng sang phía hữu".

Một đại thần là quý tộc nói: "Nếu bệ hạ đồng ý đình chỉ nam phạt, thì chúng thần đồng ý dời đô xuống Lạc Dương". Nhiều quan chức văn võ tuy không tán thành dời đô, nhưng nghe nói có thể đình chỉ nam phạt, nên cũng đành tỏ thái độ ủng hộ việc dời đô.

Hiếu Văn Đế xếp sắp xong công việc ở Lạc Dương, lại cùng với Nhâm Thành Vương Thác Bạt Trừng trở về Bình Thành, thuyết phục các vương công quý tộc về cái lợi của việc dời đô và hợp riêng với các lão thần, thảo luận việc dời đô.

Không ít quý tộc ở Bình Thành phản đối việc dời đô. Mọi lý do họ nêu ra đều bị Hiếu Văn Đế phản bác. Cuối cùng, không còn lý lẽ gì, những người phản đối liền nói: "Dời đô là việc đại sự. Rút cục đó là lành hay dữ, còn cần phải bói toán xem đã".

Hiếu Văn Đế nói: "Bói toán là để giải quyết những việc còn phân vân chưa quyết định được. Còn việc dời đô



thì đã thấy rõ ràng là tốt rồi, còn phải bói gì nữa. Muốn cai trị thiên hạ, cần coi bốn biển là nhà. Nay đi xuống nam, ngày mai lên bắc, có lý nào cứ cố định một chỗ. Thêm nữa, tổ tiên chúng ta cũng đã từng dời đô tới mấy lần. Tại sao chúng ta lại không thể dời đô?"

Các đại thần quý tộc không còn lý lẽ gì ngăn cản được nữa, đành chấp hành lệnh dời đô.

Sau khi dời đô đến Lạc Dương, Hiếu Văn Đế tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách phong tục.

Một lần, trong khi bàn việc triều chính cùng các đại thần, ông hỏi: "Các khanh thấy nên thay đổi phong tục hay cứ giữ y nguyên các phong tục cũ?"

Hàm Dương Vương Thác Bạt Hỷ nói: "Đương nhiên là nên thay đổi phong tục".

Hiếu Văn Đế nói: "Vậy trăm sẽ tuyên bố cải cách, các khanh chớ có phản đối nữa".

Sau đó, Hiếu Văn Đế ban bố mấy điều qui định: Từ nay, trong toàn quốc, đổi dùng tiếng Hán. Những người từ ba mươi tuổi trở lên có khó khăn, cho tạm hoãn; người dưới ba mươi tuổi, làm quan trong triều, nhất loạt phải nói tiếng Hán, ai vi phạm sẽ phải giáng chức hoặc triệt chức. Qui định từ quan đến dân đều thay đổi y phục theo lối Hán. Khuyến khích người Tiên Ty thông hôn với giới sĩ tộc Hán. Đổi họ của người Tiên Ty sang họ Hán. Hoàng thất Bắc Ngụy vốn mang họ Thác Bạt, nay đổi sang họ Nguyên. Ngụy Hiếu Văn Đế vốn tên là Thác Bạt Hoàng nay đổi sang gọi là Nguyên Hoàng.

Nhờ sự cải cách mạnh dạn của Ngụy Hiếu Văn Đế,
Bắc Ngụy đã có sự phát triển lớn về chính trị và kinh tế,
xúc tiến sự dung hợp giữa tộc Tiên Ty và tộc Hán*

* thực chất là sự Hán hoá của người Tiên Ty.

133- BẮC NGUY PHÂN LIỆT

Sau khi Bắc Ngụy dời đô xuống Lạc Dương, Hiếu Văn Đế đã hai lần đem quân đánh Nam Tề, nhưng gặp phải sức phản kích của quân dân Nam Tề nên đều không giành được thắng lợi. Năm 499, Nam Tề đưa quân đánh lên Bắc Ngụy. Ngụy Hiếu Văn Đế đang có bệnh, vẫn đem quân chống lại, đánh lui được quân Tề. Không lâu sau, Hiếu Văn Đế bị bệnh mất (năm 500).

Ngụy Tuyên Vũ Đế Nguyên Khác lên nối ngôi, Bắc Ngụy lại bắt đầu suy yếu. Đến đời Ngụy Hiếu Minh Đế, khi lên ngôi còn rất nhỏ tuổi, Hồ Thái hậu lâm triều nghe chính sự. Hồ Thái hậu là người độc đoán và xa xỉ. Bà sùng tín Phật giáo, cho rằng Phật giáo có thể giúp xoá mọi tội lỗi cho mình. Bà cho xây cạnh hoàng cung một ngôi chùa lớn nguy nga đồ sộ, đặt tên là chùa Vĩnh Ninh. Các tượng Phật được thờ trong chùa, có pho bằng vàng ròng, có pho bằng bạch ngọc. Pho tượng lớn nhất có chiều cao một trượng tám thước*. Cạnh chùa, còn xây một bảo tháp chín tầng cao 90 trượng*.

* = 6m.

** 300m.

Đêm khuya tĩnh lặng, gió làm lay động quả chuông treo trên tháp phát ra tiếng lan xa ngoài mười dặm. Trong chùa có một ngàn gian tầng phòng, được trang trí ngọc ngà gấm vóc, dân thường nhìn thấy đều hoa mắt. Theo nói lại, đây là ngôi chùa hoa lệ nhất từ khi Trung Quốc du nhập đạo Phật cho tới lúc đó.

Giai tăng thống trị Bắc Ngụy đã huy động rất nhiều nhân,tài, vật lực để đục các hang núi, dựng tượng phật trong đó. Trước khi xây dựng kinh đô ở Lạc Dương, họ đã đục rất nhiều hang núi ở Vân Cương (nay ở núi Vũ Chu, Đại Đồng, Sơn Tây) và đặt hơn mười vạn tượng phật ở đó. Từ Tuyên Vũ Đế tới thời Hồ Thái hậu, lại đục hang núi ở Long Môn Sơn để làm nơi thờ Phật, ròng rã hai mươi bốn năm, dùng tới hơn tám mươi vạn nhân công. Những hang đá và tượng Phật còn lại cho tới ngày nay, đã tỏ rõ nghệ thuật điêu khắc của nhân dân lao động thời đó. Nhưng việc làm ấy đã khiến nhân dân phải đóng góp rất nhiều.

Do trong mấy đời vua trước của Bắc Ngụy, thế nước cường thịnh, giai cấp thống trị đã vơ vét và tích lũy được rất nhiều của cải. Một lần, Hồ Thái hậu ngẫu nhiên vào nhà kho xem xét, phát hiện thấy quá nhiều lụa là gấm vóc, dùng không sao hết. Bà ta nảy ra một ý, gọi các quý tộc đại thần vào kho, tuyên bố thưởng cho họ theo cách: Người nào có sức vác được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Các đại thần quý tộc đó đều là bọn tham lam, ào ào xông vào cố vác cho nhiều. Nhưng hàng ngày, chúng chỉ quen ăn chơi phè phỡn, không tham gia lao động chân tay, sao có thể vác được nhiều! Thượng thư lệnh Lý Sùng và Chương Vũ Vương Nguyên Dung là hai người xông lên trước, mỗi người vác một sấp lụa dày, thở hổn hển quay ra. Vừa bước đi mấy bước, cả hai



một quá, ngã lăn đùng, Lý Sùng bị sụn lưng, còn Nguyên Dung bị sái cổ, nằm quay lơ rên rỉ dưới đất.

Hồ Thái hậu thấy thế, sai người thu lại hai xấp lụa. Hai vị đại thần không xơ múi được gì, lại bị đau, lòng không, khập khiễng ra khỏi cửa cung, bị đám đông ồn ào giễu cợt, cười nghiêng ngả.

Được Hồ Thái hậu đầu têu, các quý tộc, đại thần đua nhau phô bày sự giàu sang của mình.

Thời Tây Tấn đã từng có đại phú hào Thạch Sùng, Bắc Ngụy đâu có chịu kém, Hà Gian Vương Nguyên Thâm cũng muốn học theo kiểu Thạch Sùng. Ông ta mở tiệc, mời các quý tộc đại thần đến dự. Đồ dùng trên các bàn tiệc đủ cả cốc pha lê, bát mã não chế tạo cực kỳ tinh xảo. Nguyên Thâm còn mời quan khách xem kho chứa vàng bạc, tơ lụa của mình. Cuối cùng, mọi người được mời xem chuồng ngựa, thấy máng đựng thức ăn cho ngựa đều được làm bằng bạc.

Nguyên Thâm vừa hướng dẫn khách tham quan, vừa nói với Chương Vũ Vương Nguyên Dung: "Mọi người đều nói là Thạch Sùng đời Tấn rất giàu có. Tôi không tiếc là mình không được gặp Thạch Sùng, chỉ tiếc cho Thạch Sùng không được gặp tôi mà thôi!"

Nguyên Dung từ nhà Nguyên Thâm trở về, thấy mình không giàu có bằng Nguyên Thâm, thì buồn rầu ả o não, nằm bẹp trên giường ba ngày liền không dậy được.

Quý tộc Bắc Ngụy đua nhau xa xỉ cùng cực như thế, đương nhiên phải ra sức bóc lột tàn tệ nhân dân lao động. Nhân dân chịu không nổi, đã vùng lên phản kháng.

Lúc đó, ở biên giới phía Bắc, triều đình Bắc Ngụy lập nên sáu “trấn”*, phái quân đến đóng giữ. Năm 523, một người Hung Nô tên là Phá- Lục- Hàn Bạt Lãng** dẫn đầu một số binh sĩ thuộc trấn Ốc dã, giết tướng chỉ huy trấn, rồi phát động khởi nghĩa. Binh sĩ ở năm trấn khác đều sôi nổi hưởng ứng. Thế lực quân khởi nghĩa mỗi ngày một lớn. Cuối cùng, triều đình Bắc Ngụy lôi kéo được tộc Nhu Nhiên ở miền Bắc để cùng đánh lại nghĩa quân, nên cuộc khởi nghĩa thất bại.

Để chấm dứt việc phản kháng của binh sĩ sáu trấn, triều đình Bắc Ngụy liền điều tất cả hơn hai mươi vạn binh sĩ ở đó xuống các vùng Ký Châu, Định Châu, Doanh Châu (đều thuộc tỉnh Hà Bắc hiện nay). Số binh sĩ này không chịu nổi sự nô dịch hà khắc, lại vùng lên khởi nghĩa ở Ký Châu. Cát Vinh, người tộc Tiên Ty, lãnh đạo quân khởi nghĩa tiến đánh Doanh Châu. Triều đình Bắc Ngụy cử Chương Vũ Vương Nguyên Dung làm Đại tư mã, Quảng Dương Vương Nguyên Thâm (không phải là Nguyên Thâm đã nói ở trên) làm Đại đô đốc, đem đại quân đánh dẹp.

Bọn quí tộc ăn chơi phè phỡn không quen chiến trận. Quân khởi nghĩa của Cát Vinh đến trấn Bác Dã (nay ở vùng giữa tỉnh Hà Bắc), phái một đội kỵ binh nhẹ tập kích vào đại doanh của Nguyên Nhung. Nguyên Nhung không phòng bị gì, bị quân khởi nghĩa giết chết. Nguyên Thâm nghe tin Nguyên Nhung bị giết, sợ hãi dẫn quân

* trấn - chỉ một đơn vị đồn trú quân đội.

** đây là một tên người Hung Nô được viết bằng chữ Hán, chưa tra cứu được âm Hung Nô, nên tạm dùng âm Hán - Việt, Phá- Lục- Hàn là họ, Bạt Lãng là tên.

lui về Định Châu, cũng bị kỵ binh của Cát Vinh đuổi theo bắt sống.

Cát Vinh hợp các cánh quân khởi nghĩa lại, phao lên là có một trăm vạn quân, chuẩn bị đánh về Lạc Dương, thanh thế lừng lẫy. Lúc đó ở Tú Dung (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), có một tù trưởng bộ lạc tên là Nhĩ Chu Vinh, chỉ huy tám ngàn kỵ binh dũng mãnh, chống đối lại quân khởi nghĩa. Hiếu Minh Đế liền lợi dụng binh lực của Nhĩ Chu Vinh để đối phó với Cát Vinh.

Cát Vinh cho rằng Nhĩ Chu Vinh ít quân, dễ đối phó, liền triển khai quân trên một chính diện rộng mấy chục dặm, chuẩn bị vây bắt Nhĩ Chu Vinh. Nào ngờ, Nhĩ Chu Vinh cho quân mai phục trong hẻm núi và dùng quân tinh nhuệ đánh thọc vào trận địa mỏng yếu của Cát Vinh tan tác, rồi từ mấy mặt đánh kẹp lại. Quân khởi nghĩa bị đánh bại, bản thân Cát Vinh cũng bị giết chết.

Sau khi cuộc khởi nghĩa của Cát Vinh bị đánh bại, nội bộ triều đình Bắc Ngụy cũng xảy ra đại loạn. Ba lực lượng của Nhĩ Chu Vinh, Hồ Thái hậu và Hiếu Minh Đế tàn sát lẫn nhau. Cuối cùng, thực quyền trong triều Bắc Ngụy rơi vào tay hai viên đại tướng là Cao Hoan và Vũ Văn Thái. Năm 534, Hiếu Vũ Đế của Bắc Ngụy phải chạy vào Trường An, dựa vào Vũ Văn Thái. Năm sau, Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đế, lập Hiếu Văn Đế. Cao Hoan lại phò tá Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, dời đô đến Nghiệp Thành. Từ đó, Bắc Ngụy phân biệt thành hai triều đình. Lych sử gọi triều Ngụy đóng đô ở Trường An là Tây Ngụy, triều Ngụy đóng ở Nghiệp Thành là Đông Ngụy.

134- LƯƠNG VŨ ĐẾ LÀM HOÀ THƯỢNG

Sau khi Bắc Ngụy xảy ra nội loạn, triều Lương ở phương nam mấy lần đem quân bắc phạt. Nhưng Lương Vũ Đế không có tài quân sự, không những không thu hồi được đất đã mất mà còn bị tổn thất lớn về sinh mạng và tiền của. Bắc Ngụy sau khi phân liệt, cũng không có sức tiến đánh phương nam, vì vậy triều Lương có một thời kỳ yên ổn tương đối dài.

Lương Vũ Đế thấy hai triều đại Tống, Tề vì tàn sát lẫn nhau trong hoàng tộc mà bị diệt, nên chủ trương hết sức khoan dung với họ hàng thân thích trong hoàng tộc. Trong hoàng tộc có ai đó phạm tội, ông ta chỉ dùng lời lẽ ôn tồn để khuyên bảo, chứ không xử phạt báo giở. Em thứ sáu của Lương Vũ Đế là Lâm Xuyên Vương Tiêu Hoằng, là một kẻ hết sức tham lam, vợ, vết không hề biết chán. Trong vương phủ của Lâm Xuyên Vương có mấy chục gian kho, lúc nào cũng khoá kín. Có người ngờ rằng trong đó có chứa vũ khí, liền cáo giác với Lương Vũ Đế là Tiêu Hoằng tàng trữ vũ khí, chuẩn bị làm phản.

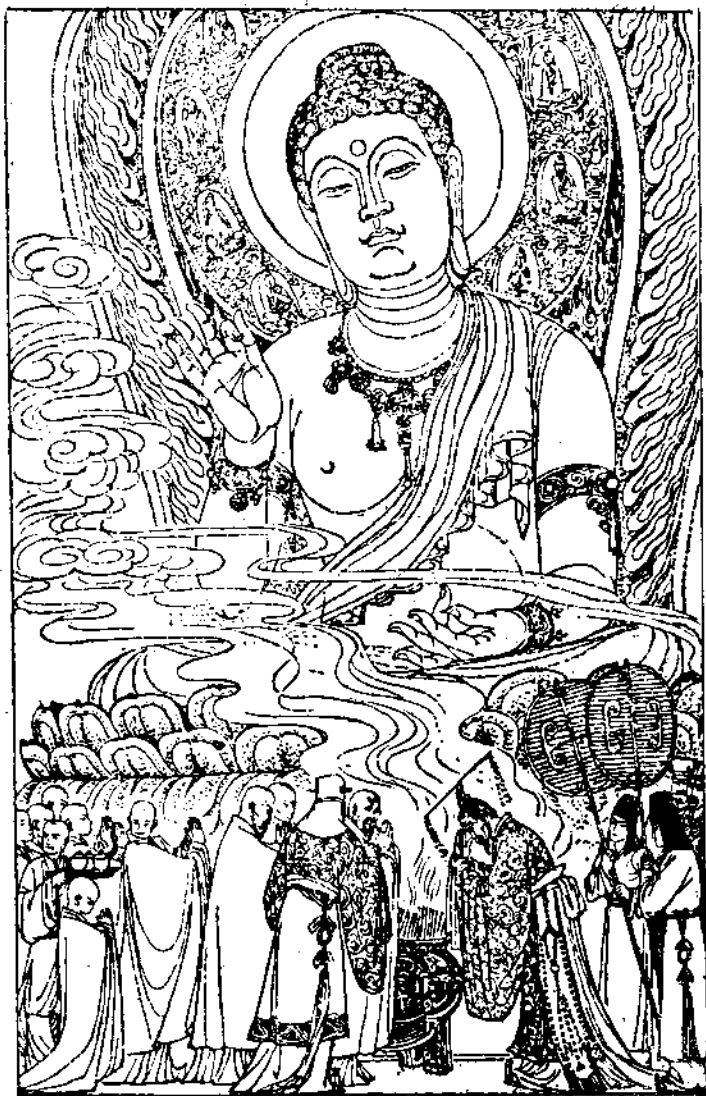
Lương Vũ Đế giặt mình, liền tự dân cấm quân đến khám xét. Tiều Hoàng thấy Lương Vũ Đế dẫn quân tới thì sợ hãi luống cuống. Lương Vũ Đế càng thêm nghi ngờ, liền hạ lệnh mở hết các kho ra khám. Cuối cùng, phát hiện thấy trong hơn ba chục gian kho đều chứa đầy tiền đồng, cộng tất cả là ba trăm tỉ quan. Ngoài ra, còn có rất nhiều vải, lụa, tơ, bông và các vật dụng khác, nhiều không đếm xuể.

Tiều Hoàng đi theo Lương Vũ Đế, hết sức sợ hãi, lo rằng Lương Vũ Đế thấy nhiều của cải như thế thì sẽ bắt tội. Không ngờ, Lương Vũ Đế kiểm tra xong, quay đầu lại, cười hì hì với Tiều Hoàng và nói: "Chú sáu, chú sống cũng không đến nỗi tội, nhỉ!"

Sau lần kiểm tra đó, Lương Vũ Đế biết Tiều Hoàng không có ý làm phản, nên lại càng tín nhiệm hơn trước.

Lương Vũ Đế nuông chiều thân thuộc và quan lại như vậy, nhưng lại đối đãi với dân chúng hoàn toàn khác. Hễ có ai hành động đi ngược lại pháp luật của triều đình, đều bị trừng trị rất nặng. Nếu người phạm tội bỏ trốn, thì cả nhà phải phạt khổ sai. Do đó, bọn quý tộc, quan liêu không sợ hãi gì cả, càng lộng hành và áp bức bóc lột nhân dân hết sức tàn tệ. Thậm chí, có kẻ công khai giết người giữa đường phố kinh thành cũng không có ai dám can thiệp.

Một viên quan chính trực tên là Hạ Thâm dâng lên một sớ tấu, nêu lên ý kiến với Lương Vũ Đế: Một là, hiện nay quan lại ở các châu quận bóc lột tàn khốc, nhân dân chịu không nổi. Hai là, các quan lại cực kỳ xa xỉ, lãng phí hết sức nghiêm trọng. Ba là, gian thần hoành hành, tác uy tác phúc, hãm hại người tốt. Bốn là, xây dựng cung điện dinh thự tràn lan, không lúc nào



ngừng, nhân dân phải phục dịch suốt năm không được nghỉ ngơi.

Mọi điều Hạ Thâm nêu lên đều là sự thực, nhưng Lương Vũ Đế nghe không lọt tai câu nào. Ông ta lập tức đọc cho thái giám chép một chiếu thư quở trách Hạ Thâm. Trong chiếu thư, ông ta tự miêu tả mình là một hoàng đế hiền minh hiếm có dưới gầm trời này, gồm đủ các đức tính cần lao và tiết kiệm, gọi các ý kiến của Hạ Thâm là hoang đường vô căn cứ.

Lương Vũ Đế cũng là một ông vua sùng tín Phật giáo. Ông ta cho xây dựng tại Kiến Khang một ngôi chùa có qui mô hùng vĩ là chùa Đồng Thái. Mỗi buổi sớm, ông đều đến chùa thắp hương cúng Phật, giảng giải Phật pháp cho mọi người nghe, nói rằng làm như vậy là để tiêu trừ tai nạn cho dân. Về già, ông còn làm những việc hết sức kỳ cục nữa.

Một hôm, ông quyết định đến chùa Đồng Thái để "xá thân", có nghĩa là xuất gia đi làm hoà thượng. Hoàng đế làm sư, đây là sự việc mới có lần đầu. Nhưng hoàng đế đã quyết, ai còn dám phản đối! Thêm nữa, lúc đó Phật giáo đang thịnh hành, hoàng đế tình nguyện làm hoà thượng, còn tỏ rõ rằng ông dốc lòng tin vào Phật pháp.

Lương Vũ Đế đi tu trong bốn ngày thì trong cung cử người đi đón về. Sau đó, ông nghĩ: làm như thế không thoả đáng. Bởi vì, theo phong tục trong dân, một người muốn hoàn tục, phải bỏ ra một khoản tiền nộp cho nhà chùa để "chúc thân". Hoàng đế muốn hoàn tục cũng không thể không theo lệ đó. Lần thứ hai, ông ta lại tới chùa Đồng Thái "xá thân", các đại thần mời ông về cung, ông không chịu.

Sau đó, các đại thần hiểu ý của ông, liền chuẩn bị mười triệu quan tiền đem tới nhà chùa để "chuộc thân" cho "hoàng đế bồ tát". Sư vải trong chùa được một khoản tiền quá lớn thì mừng rỡ, để ông hoàn tục. Các đại thần liền chuẩn bị nghi trượng, đến chùa đón ông về.

Lần thứ ba, Lương Vũ Đế lại nghĩ ra một trò mới. Ông đến chùa Đồng Thái "xá thân" một lần nữa và tuyên bố rằng, để tỏ rõ lòng sùng tín với đức Phật, ông không những gửi gắm bản thân mình, mà còn gửi gắm toàn bộ người trong cung và tất cả đất đai toàn quốc cho Phật.

Đã "xá" nhiều, tất nhiên tiền chuộc cũng phải nhiều. Một tháng sau, các đại thần lại đem hai mươi triệu quan tiền nộp cho nhà chùa để "chuộc" ông về.

Vừa khéo, đúng ngày hôm đó, một toà tháp của chùa Đồng Thái bị bốc cháy. Hoà thượng trụ trì vội báo cáo với Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế chấp tay nói, đó nhất định là do tà ma quấy rối. Ông hạ chiếu thư, nói: "Đạo càng cao, ma cũng càng thịnh. Chúng ta phải xây tháp cao hơn nữa, mới có thể trấn áp được tà khí".

Một năm sau, ông lại "xá thân" một lần nữa. Các đại thần lại xuất kho ra mười triệu quan tiền nữa để "chuộc" về. Trước sau, Lương Vũ Đế đã bốn lần làm hoà thượng. Các đại thần phải xuất kho ra bốn mươi triệu quan tiền để "chuộc thân" cho hoàng đế. Số tiền đó, đương nhiên là nã từ nhân dân lao động.

Lương Vũ Đế một lòng muốn làm hoà thượng, khiến công việc triều chính rối beng. Một kẻ dã tâm lợi dụng sự ngu tối của ông, đã phát động một cuộc nổi loạn lớn chưa từng có.

135- HẦU CẢNH, KẼ PHẢN PHÚC

Vào năm sau khi Lương Vũ Đế xuất gia lần cuối cùng, ông nằm mơ thấy một chuyện ly kỳ: Các thứ sử và thái thú của Bắc triều đều kéo nhau đến đầu hàng triều Lương.

Đây chẳng qua chỉ là một ảo mộng do ông mơ tưởng lâu ngày tạo thành, nhưng bản thân Lương Vũ Đế lại cho là một điềm lành được trời phạt báo trước. Hôm sau, trong buổi triều kiến bá quan, ông ta đem giấc mơ đó kể cho các quan nghe và nói: "Trẫm rất ít nằm mơ. Giấc mơ này nhất định là một điềm tốt." Các quan nghe xong, đều tung hô "vạn tuế".

Hai mươi ngày sau, có tin đại tướng của Tây Ngụy là Hầu Cảnh phái người đến, nói là hắn có thù oán với cả Đông Ngụy và Tây Ngụy nên quyết định đầu hàng Nam Lương và còn nói là sẽ hiến cho Nam Lương cả mười ba châu quận từ Hàm Cốc Quan về phía Đông.

Hầu Cảnh vốn là một đại tướng dưới quyền Cao Hoan, thừa tướng Đông Ngụy. Cao Hoan giao cho Hầu

Cảnh mười vạn quân để trấn thủ vùng nam Hoàng Hà. Khi sắp chết, Cao Hoan thấy Hầu Cảnh không đủ tin cậy, liền cử người triệu Hầu Cảnh về Lạc Dương. Hầu Cảnh nghe tin Cao Hoan chết, liền không nghe theo mệnh lệnh của Đông Ngụy, mà đem binh mã sang hàng Tây Ngụy.

Thừa tướng Tây Ngụy là Vũ Văn Thái cũng không tin Hầu Cảnh, nên một mặt nhận đất của Hầu Cảnh, một mặt triệu Hầu Cảnh về Trường An, để tước binh quyền của hắn. Hầu Cảnh không để Vũ Văn Thái lừa mình, liền quay sang đầu hàng Nam Lương.

Sau khi tiếp kiến sứ giả Hầu Cảnh, Lương Vũ Đế lập tức triệu tập đại thần lại bàn bạc. Đa số đại thần cho rằng giữa Nam Lương và Bắc Ngụy bao năm nay hoà thuận không va chạm gì với nhau, nay nếu lại tiếp nhận phản tướng của Bắc triều thì e rằng sẽ dẫn tới xung đột. Nhưng Lương Vũ Đế cho rằng tiếp nhận Hầu Cảnh thì có thể nhân cơ hội khôi phục được Trung Nguyên. Lại nhớ tới giấc mơ của mình, ông cho rằng việc này là do Phật tổ phù hộ nên mới có. Vì vậy, ông không nghe lời khuyên can của các đại thần, quyết định tiếp nhận sự đầu hàng của Hầu Cảnh, phong Hầu Cảnh làm đại tướng quân, tước vị là Hà Nam Vương. Đồng thời phái cháu là Tiêu Uyên Minh dẫn năm vạn quân lên tiếp ứng cho Hầu Cảnh.

Tiêu Uyên Minh dẫn quân lên phía Bắc, bị quân Đông Ngụy tiến công. Quân Lương từ nhiều năm nay không hề luyện tập chiến trận, kỷ luật và kỹ năng đều kém nên vừa giao phong với quân Đông Ngụy là tan vỡ, hầu như bị tiêu diệt hoàn toàn. Tiêu Uyên Minh bị bắt sống.

Đông Ngụy lại tiến đánh Hầu Cảnh, Hầu Cảnh đại bại, chỉ còn hơn tám trăm người chạy xuống Thọ Dương thuộc Nam Lương.

Đông Ngụy phái sứ giả đến Nam Lương, đề nghị hai bên lại giảng hoà và Đông Ngụy sẵn sàng thả Tiêu Uyên Minh về Nam Lương. Hầu Cảnh được tin, rất sợ hãi, liền nghĩ ra một kế thâm dò, phái một người giả làm sứ giả Đông Ngụy, đi xuống Kiến Khang đưa thư đề nghị đổi Tiêu Uyên Minh lấy Hầu Cảnh. Lương Vũ Đế không phân biệt được thật giả nhận được thư liền phúc đáp ngay, là chỉ cần Tiêu Uyên Minh được tha về thì sẽ lập tức trao Hầu Cảnh cho Đông Ngụy.

Hầu Cảnh vốn đã không thực lòng đầu hàng Nam Lương, nay lại xem được thư của Lương Vũ Đế muốn bán rẻ mình, liền quyết định chống lại Nam Lương. Số quân trong tay Hầu Cảnh đã bị Đông Ngụy đánh cho tan tác, nhưng đối với triều Nam Lương thối nát thì lại vẫn là một lực lượng lợi hại. Khi quân đội Hầu Cảnh sắp tới bờ bắc Trường Giang, Lương Vũ Đế phái cháu là Tiêu Chính Đức đem quân phòng thủ ở bờ nam.

Hầu Cảnh cử người dụ dỗ Tiêu Chính Đức là, nếu chịu làm nội ứng thì sau khi lật đổ được Lương Vũ Đế, sẽ tôn Tiêu Chính Đức lên làm vua. Hám ngôi vị hoàng đế, được lời hứa của Hầu Cảnh, Tiêu Chính Đức liền bí mật phái mấy chục chiếc thuyền lớn, giúp quân Hầu Cảnh vượt Trường Giang, rồi lại tự mình dẫn đội quân đó qua Hoài Hà. Hầu Cảnh rất nhanh chóng tiến vào Kiến Khang, bao vây chặt Đài Thành là nơi cư trú của Lương Vũ Đế.

Quân Hầu Cảnh dùng mọi biện pháp đánh phá Đài Thành. Quân dân trong Đài Thành kiên quyết chống



lại: Dùng nước dập tắt lửa do địch bắn vào, dùng đá tảng phá vỡ thang đánh thành của địch. Quân Hầu Cảnh lại xe đất đắp núi để trèo vào thành, quân dân trong thành cũng đắp núi đất để chống lại.

Hai bên giằng co trong hơn một trăm ba mươi ngày. Bắt đầu cuộc chiến trong thành có mười mấy vạn dân và hơn hai vạn quân. Trong quá trình chiến đấu, số thì chết trận, số thì chết đói và chết bệnh, cuối cùng chỉ còn lại không đầy bốn ngàn người. Trong thành đầy rẫy xác chết không có người chôn. Mọi người hết lòng mong ngóng quân đội của các vương chư hầu từ các châu về cứu viện.

Nào ngờ, các vương chư hầu đem hai, ba chục vạn quân về gần Kiến Khang rồi án binh bất động, lấy cớ còn chờ các cánh quân khác. Người được tạm thời cử lên làm đại đô đốc là Liễu Trọng Lễ thì nằm lỳ ở nhà, uống rượu vui chơi.

Một lần, Lương Vũ Đế hỏi các đại thần xem có cách gì để đánh lui quân Hầu Cảnh, thì một vị đại thần trả lời: "Các vương công đại thần dưới quyền bề hạ đều là một lũ bất trung bất hiếu, sao có thể đối phó với quân phản nghịch được?"

Đến bước đó, không ai còn cứu vãn được tình thế nữa. Quân Hầu Cảnh tiến vào Đài Thành, Lương Vũ Đế trở thành tù binh của Hầu Cảnh.

Hầu Cảnh tự phong làm đại đô đốc, nắm đại quyền trong triều. Trước hết, hắn giết kẻ đồng mưu vì hám làm hoàng đế là Tiêu Chính Đức, rồi giam lỏng Lương Vũ Đế, tiếp tế ăn uống rất hạn chế. Lương Vũ Đế thiếu thốn khổ sở quá, cuối cùng chết đói trong Đài Thành.

Sau khi Lương Vũ Đế chết, Hầu Cảnh lần lượt lập nên hai hoàng đế bù nhìn, mỗi người làm hoàng đế được một năm*. Cuối cùng, Hầu Cảnh phế Tiêu Đồng, tự lập làm hoàng đế (năm 551).

Hầu Cảnh tàn bạo, cho quân lính và tay sai thả cửa cướp bóc, tàn sát dân chúng, khơi dậy lòng căm thù sôi sục khắp miền Giang Nam. Năm 552, đại tướng triều Lương là Trần Bá Tiên và Vương Tăng Biện dẫn đại quân xuất phát từ Giang Lăng, tiến đánh Kiến Khang. Quân đội của Hầu Cảnh lập tức tan rã. Hầu Cảnh dẫn mấy chục thủ hạ dùng thuyền nhỏ chạy trốn, nửa đường bị thủ hạ giết chết.

Vương triều Nam Lương qua cuộc biến loạn này, nội bộ chia năm sẻ bảy. Đến năm 557, Trần Bá Tiên xây dựng nên triều Trần ở Kiến Khang. Đó là Trần Vũ Đế.

* đó là Tiêu Cương, tức Giản Văn Đế, năm 550, và Tiêu Đồng, tức Dự Chương Vương, năm 551.

136- TRẦN HẬU CHỦ HUỠNG LẠC MẤT NƯỚC

Khi Trần Vũ Đế xây dựng nên vương triều Trần thì ở miền Bắc, Bắc Tề và Bắc Chu đã thay thế Đông Ngụy và Tây Ngụy. Năm 550, Cao Tường, con của Cao Hoan ở Đông Ngụy xây dựng nên triều Bắc Tề. Năm 557, Vũ Văn Giác, con của Vũ Văn Thái ở Tây Ngụy, xây dựng nên triều Bắc Chu. Bắc Tề và Bắc Chu lại xung đột nhau, đến đời Bắc Chu Vũ Đế (561-579) thì Bắc Chu tiêu diệt Bắc Tề (578) và thống nhất miền Bắc Trung Quốc.

Bắc Chu Vũ Đế là một hoàng đế khá giỏi giang, nhưng đến đời Tuyên Đế tiếp sau ông, thì lại là một hoàng đế hoang dâm bạo ngược. Sau khi Chu Tuyên Đế chết đi, nhạc phụ là Dương Kiên tiếm quyền. Năm 581, Dương Kiên lập ra triều Tùy, đó là Tùy Văn Đế.

Trong khi miền Bắc ở trong tình trạng rối ren về chính trị thì vương triều Trần ở miền Nam tạm thời có được cục diện ổn định, kinh tế dần được khôi phục. Nhưng đến đời thứ năm, lại là một ông vua buông thả vô độ đến kỳ lạ. Đó là Trần Hậu Chủ.

Trần Hậu Chủ tên là Trần Thúc Bảo, là một hoàng đế không hiểu gì việc trị nước, chỉ biết uống rượu và vui chơi. Ông ham mê việc xây dựng, cho dựng lên ở Kiến Khang ba toà lầu các hào hoa tráng lệ làm nơi ở cho các sủng phi. Tể tướng Giang Tổng, thượng thư Khổng Phạm cũng đều là những văn nhân thối nát. Mỗi khi Trần Hậu Chủ và các sủng phi mở tiệc trong cung, bao giờ cũng có Giang, Khổng tham gia. Họ uống rượu ngâm thơ thâu đêm suốt sáng, người xướng kẻ hoạ, rồi phổ nhạc, chọn ra hơn một ngàn cung nữ vừa múa vừa ca những tác phẩm của họ.

Để có cuộc sống phóng túng, xa hoa như vậy, đương nhiên Trần Hậu Chủ phải ra sức vơ vét bóc lột nhân dân. Trăm họ lầm than, ly tán, khắp nơi có thể thấy thây người chết đói.

Một đại thần là Phó Tể dâng sớ lên nói: "Tình hình đất nước đã đến lúc trời giận, người oán, dân chúng chống lại, người thân xa rời rồi. Nếu còn tiếp tục như thế này, e rằng vương triều ta sẽ diệt vong mất."

Trần Hậu Chủ xem xong sớ tâu, liền nổi giận dùng đòn, phất người tới bảo Phó Tể: "Người có thấy như thế là đại bất kính không? Nếu người chịu nhận rõ tội thì Trẫm còn có thể khoan thứ cho người!"

Phó Tể trả lời sớ giả của Trần Hậu Chủ: "Tấm lòng của tôi cũng như khuôn mặt của tôi. Nếu khuôn mặt có thể thay đổi được thì tấm lòng tôi mới có thể thay đổi được"

Trần Hậu Chủ liền sai giết Phó Tể.

Năm thứ năm đời Trần Hậu Chủ, triều Tuỳ ở miền Bắc dần dần lớn mạnh lên, quyết định đem quân tiêu diệt triều Trần ở phương nam.

Tuỳ Văn Đế làm theo kế hoạch do các mưu sĩ đưa ra: Cứ gần đến mùa gặt của miền Giang Nam thì Tuỳ cho tập kết người ngựa ở biên giới, tuyên bố chuẩn bị đánh xuống phía Nam, làm cho dân chúng Trần xô xao sợ hãi, không dám đi gặt lúa. Chờ đến khi Trần tập trung đủ quân đội để chuẩn bị chống trả thì quân Tuỳ lại không tiến công nữa. Cứ liên tục như vậy trong mấy năm, nền nông nghiệp Trần bị ảnh hưởng nặng và sự cảnh giác của quân đội cũng lơ lửng. Quân Tuỳ còn thường xuyên phá hủy những toán nhỏ lẻ xuống tập kích, đốt phá kho tàng của Trần, khiến thực lực của Trần bị sút mẻ nghiêm trọng.

Năm 588, Tuỳ Văn Đế chuẩn bị đội ngũ chiến thuyền hùng hậu, phái con là Tấn Vương Dương Quảng cùng thừa tướng Dương Tố làm nguyên soái, Hạ Nhược Bật và Hàn Cầm Hồ làm đại tướng, dẫn mười một vạn quân, chia làm tám đường, chuẩn bị vượt sông đánh Trần.

Tuỳ Văn Đế hạ chiếu thư, tuyên bố thảo phạt triều Trần, vạch ra hai mươi tội trạng của Trần Hậu Chủ, và in ra 30 vạn bản, cử người phân phát khắp các địa phương ở Giang Nam. Trăm họ nước Trần vốn đã căm giận Trần Hậu Chủ, nay nhận được chiếu thư của Tuỳ Văn Đế, đều rục rịch xô xao cả lên.

Thủy quân Tuỳ do Dương Tố chỉ huy xuất phát từ Vĩnh An. Mấy ngàn chiến thuyền lớn mang hiệu Hoàng Long (rồng vàng) theo dòng Trường Giang tiến xuống. Cờ xí rợp sông, khôi giáp và vũ khí sáng loá dưới ánh



mặt trời. Quân phòng thủ của Trần nhìn thấy cảnh đó, đã sợ hãi ngã người, làm gì còn tinh thần chiến đấu nữa.

Mấy cánh quân khác của Tuỳ đều tiến quân thuận lợi tới sát bờ sông. Cánh bắc do Hạ Nhược Bật chỉ huy tiến tới Kinh Khẩu, cánh quân của Hàn Cẩm Hổ tiến đến Cô Thục. Quân phòng thủ của Trần gửi thư cáo cấp về Kiến Khang tới tấp như bướm bướm.

Trần Hậu Chủ cùng các sủng phi và văn nhân đang say nghiêng ngả. Nhận được thư cáo cấp, ông ta chẳng thèm bóc xem, ném hàng đồng trên giường, chẳng đoái hoài gì.

Về sau, thư cáo cấp càng lúc càng gấp. Có đại thần nhiều lần xin họp để bàn việc chống quân Tuỳ, Trần Hậu Chủ mới cho họp đại thần lại bàn bạc.

Trần Hậu Chủ nói: "Đông Nam là vùng phúc địa, trước kia Bắc Tề đã tiến công ba lần, Bắc Chu cũng tiến công hai lần, nhưng đều thất bại. Lần này quân Tuỳ đến, cũng chỉ là đến nộp mạng mà thôi. Không có gì đáng sợ cả."

Sủng thần Khổng, Phạm phụ họa theo, nói: "Bệ hạ nói rất đúng. Chúng ta có Trường Giang là thiên hiểm (chướng ngại thiên nhiên). Quân Tuỳ không có cánh làm sao bay qua được! Đây đúng là do các tướng giữ biên thủy muốn kể công nên dựng chuyện ra thôi".

Các đại thần đua nhau dựa ý nhà vua, không coi quân Tuỳ ra gì. Bàn quấy một hồi, rồi vua tối lại cho ca nữ tấu nhạc, tiếp tục yến ẩm.

Năm 589, tháng giêng, quân mã của Hạ Nhược Bật vượt sông ở Quảng Lăng, đánh chiếm Kinh Khẩu. Cánh quân của Hàn Cẩm Hổ vượt sông ở Hoàn Giang, tiến xuống Thái Thạch. Hai cánh quân Tuỳ áp sát Kiến Khang.

Lửa đã cháy tới lông mi, Trần Hậu Chủ bắt đầu hoảng sợ. Trong thành Kiến Khang có mười mấy vạn quân, nhưng các sủng thần Giang Tổng, Khổng Phạm vốn chỉ biết ngâm thơ, không biết chỉ huy quân đội thế nào. Trần Hậu Chủ cuống cuống khóc mếu, không có biện pháp gì.

Chẳng mấy lúc, quân Tuỳ đã tràn vào Kiến Khang. Quân bảo vệ số thì đầu hàng, số thì bị bắt, không có sự kháng cự nào đáng kể.

Quân Tuỳ vào hoàng cung, tìm khắp nơi không thấy Trần Hậu Chủ đâu. Sau, có mấy thái giám, nói là Hậu Chủ đã chạy ra hậu điện, đâm đầu xuống giếng rồi.

Quân Tuỳ tìm tới hậu điện, quả nhiên thấy có một cái giếng. Nhìn xuống, thì là cái giếng khô, thấp thoáng bên dưới thấy có người. Quân Tuỳ thét hỏi, không thấy tiếng trả lời. Quân lính liền dọa: "Nếu không trả lời, sẽ ném đá xuống!" Một số lính vác đá tới, làm ra vẻ chuẩn bị ném xuống.

Trần Hậu Chủ sợ hãi kêu thất thanh. Quân lính Tuỳ liền thả dây thừng xuống. Lúc kéo lên, thấy rất nặng. Thì ra, ngoài Trần Hậu Chủ, còn có hai sủng phi nữa cùng bám vào dây thừng, mặt mũi tái xanh tái xám.

Triều Trần, triều đại cuối cùng của Nam Triều diệt vong. Như vậy, tính từ năm 316 khi Tây Tấn diệt vong, qua hơn 270 năm chia cắt, Trung Quốc lại trở lại thống nhất dưới triều Tuỳ.

137- TRIỆU XUỐC LÀM VIỆC THEO PHÁP LUẬT

Sau khi Tuỳ Văn Đế thống nhất đất nước liền áp dụng các biện pháp củng cố nền thống trị, như cải cách quan chế, binh chế, lập chế độ khoa cử, tuyển dụng các quan chức có năng lực, trừng phạt nghiêm khắc tham quan ô lại.

Tuỳ Văn Đế còn sai sửa đổi hình luật, phế bỏ những hình phạt tàn khốc. Đó vốn là một việc tốt, nhưng bản thân Tuỳ Văn Đế lại không làm theo hình luật đã sửa đổi đó, mà thường khi nổi giận thì tuỳ tiện hạ lệnh giết người, không theo các qui định do luật đề ra.

Tình hình đó gây khó xử cho các quan chức toà Đại lý (ơ quan phụ trách về tư pháp). Đại lý thiêu khanh Triệu Xuốc thấy trách nhiệm của mình là bảo vệ pháp luật, nên thường có ý kiến trái với ý Tuỳ Văn Đế.

Tuỳ Văn Đế từng hạ lệnh cấm sử dụng những đồng tiền không phù hợp tiêu chuẩn do luật qui định. Một lần, trên phố phường ở Đại Hưng (thành phố triều Tuỳ, nay là Tây An, Thiểm Tây) có người đem tiền nhẹ đổi

lấy tiên đủ tiêu chuẩn, bị tố giác bắt giải đến nha môn. Tuy Văn Đế nghe tin có kẻ dám phạm vào lệnh cấm của mình thì nổi nóng, hạ lệnh đem chém cả hai người. Triệu Xước nhận được lệnh, vội vào cung xin tiếp kiến Tuy Văn Đế, và nói: "Hai người đó phạm vào lệnh cấm, theo hình luật chỉ có thể đánh trượng, chứ không nên xử tử"

Tuy Văn Đế bực bội nói: "Đó là lệnh của trẫm, không phải việc của khanh"

Triệu Xước nói: "Bệ hạ đã không ngại thần ngu muội, cho thần làm quan Đại lý. Nay gặp phải việc giết người không theo đúng luật pháp, sao có thể nói là không phải việc của thần?"

Tuy Văn Đế nổi giận dùng dằng nói: "Người toan lay động đại thụ (cây lớn) chẳng? Đại thụ không lay động được đâu! Người hãy rút đi!"

Triệu Xước nói: "Thần chỉ muốn khuyên bệ hạ thay đổi quyết định, đâu dám lay động đại thụ."

Tuy Văn Đế quát lại: "Người muốn xúc phạm đến sự uy nghiêm của thiên tử chẳng?"

Mặc dù bị dọa như vậy, Triệu Xước vẫn kiên trì ý kiến của mình, mặc cho Tuy Văn Đế quát mắng và đuổi ra, ông vẫn không chịu đi. Tuy Văn Đế không biết làm thế nào, liền mặc ông đứng đó, bỏ đi vào nội cung.

Sau, do có một số đại thần khác cũng dâng sớ khuyên can, nên Tuy Văn Đế cuối cùng đã hủy bỏ lệnh xử tử hai người đối diện.

Một lần khác, một viên quan tên là Tân Đản bị tố giác là đã có hoạt động mê tín dị đoan, vi phạm vào

pháp luật. Tuỳ Văn Đế lại hạ lệnh cho toà Đại lý xử tử Tân Đản.

Triệu Xước vào triều, tấu với Tuỳ Văn Đế: "Tội của Tân Đản không đáng chết. Thần không thể chấp hành lệnh của bệ hạ."

Tuỳ Văn Đế giận run người, nói: "Người muốn cứu Tân Đản thì cả người cũng phải chết!" Nói rồi quát tả hữu lôi Triệu Xước xuống dưới điện.

Triệu Xước không hề sợ hãi, nói: "Bệ hạ có thể giết hạ thần, nhưng không nên giết Tân Đản."

Thị vệ đã lôi Triệu Xước xuống dưới điện, đang lột mũ áo của Triệu Xước, chuẩn bị đem chém, thì Tuỳ Văn Đế cảm thấy nếu giết Triệu Xước là quá vô lý, liền sai người xuống hỏi: "Người có còn gì muốn nói nữa không?"

Triệu Xước quì dưới đất, vươn thẳng lưng lên nói: "Thần một lòng bảo vệ pháp luật, không ngại gì cái chết."

Tuỳ Văn Đế vốn không có ý định giết Triệu Xước, suy nghĩ một hồi lâu, cơn giận nguôi đi. Ông thấy Triệu Xước ra sức bảo vệ pháp luật, xét cho cùng là có lợi cho việc cai trị của mình, liền hạ lệnh tha Triệu Xước. Hôm sau, còn cử người tới an ủi Triệu Xước.

Trong toà Đại lý, có một viên quan, tên là Lai Khoáng, nghe nói Tuỳ Văn Đế nhiều lần không hài lòng với Triệu Xước, liền phụ hoạ với Tuỳ Văn Đế, dâng sớ tấu nói rằng toà Đại lý chấp hành pháp luật không nghiêm. Tuỳ Văn Đế xem sớ tấu, cho rằng Lai Khoáng nói đúng, liền thăng quan cho y.



Lai Khoáng cho rằng mình đã được hoàng đế tin dùng lại dăng sớ vu cáo Triệu Xước vì tư tình mà làm điều sai trái, đã miễn tội cho kẻ phạm pháp.

Tuỳ Văn Đế tuy có không ưa Triệu Xước hay trái ý mình, nhưng cũng không hoàn toàn tin vào lời tâu của Lai Khoáng. Ông cử người thân tín đi điều tra thì thấy không hề có chuyện đó. Tuỳ Văn Đế nổi giận, lập tức hạ lệnh xử tử Lai Khoáng và giao cho toà Đại lý chấp hành. Trao việc này cho toà Đại lý, ông nghĩ rằng Triệu Xước là người bị vu cáo, tất nhiên sẽ nhanh chóng thi hành. Ngờ đâu, Triệu Xước lại tâu lên: "Lai Khoáng tuy có tội, nhưng chưa đến mức phải xử tử."

Tuỳ Văn Đế bực mình, phát tay áo, bỏ đi vào nội cung.

Triệu Xước ở đằng sau, kêu to lên: "Thần không nói về chuyện Lai Khoáng nữa. Nhưng thần có việc rất quan trọng, muốn được trực tiếp tâu lên bệ hạ"

Tuỳ Văn Đế tưởng là thực, liền cho gọi Triệu Xước vào nội cung.

Tuỳ Văn Đế hỏi Triệu Xước xem có việc gì quan trọng. Triệu Xước tâu: "Thần có ba tội lớn, xin bệ hạ trừng phạt. Một là, bản thân thần là Đại lý Thiếu Khanh mà không quản lý được các quan chức dưới quyền, để cho Lai Khoáng vi phạm pháp luật. Hai là, tội Lai Khoáng không đáng xử tử, thần không đủ khả năng biện luận cho hết lý lẽ. Ba là, thần xin vào cung, vốn không có việc gì, chỉ vì nôn nóng vội vã nên đã đánh lừa bệ hạ là có việc quan trọng".

Tuỳ Văn Đế nghe đến mấy câu cuối cùng thì không nhìn được cười. Độc Cô hoàng hậu ngồi bên cạnh thấy vậy, cũng rất nể trọng sự chính trực của Triệu Xước, liền lệnh cho tả hữu ban cho Triệu Xước hai cốc rượu. Tuỳ Văn Đế cũng đồng ý miễn án tử hình cho Lai Khoáng, đổi thành cách chức và đày đi xa.

Tuỳ Văn Đế rút ra bài học từ sự mất nước của Trần Hậu Chủ, nên rất chú ý đến việc tiết kiệm. Khi phát hiện các quan lại có hành vi tham ô, xa xỉ, ông đều nghiêm trị, ngay đến con đẻ của mình, ông cũng không tha. Tần Vương Dương Tuấn là con của Tuỳ Văn Đế, vì ở xa nên đã tự ý cho xây dựng cung thất hoa lệ cho mình. Tuỳ Văn Đế phát hiện, lập tức tước bỏ vương vị của Dương Tuấn và đem giam lại.

Các đại thần tâu lên: "Tần Vương không phạm tội gì lớn, chẳng qua chỉ tiêu phí một ít tiền để xây dựng nhà cửa, xin bệ hạ hãy khoan dung."

Tể tướng Dương Tố cũng thấy xử phạt Dương Tuấn như thế là quá nặng. Tuỳ Văn Đế nói: "Trẫm là người đứng đầu một nước đâu phải chỉ là người cha của mấy đứa con. Vì vậy, phải xử lý theo luật pháp. Nếu nói như các khanh, thì phải chăng cần soạn riêng một bộ luật dành cho các hoàng tử?"

Các đại thần không biết nói gì nữa.

Tuỳ Văn Đế lại phát hiện thái tử Dương Dũng sinh hoạt xa xỉ, thích phô trương, nên rất không hài lòng, gọi đến giáo huấn nghiêm khắc: "Từ xưa tới nay, phàm những đế vương thích xa hoa, số mệnh không bao giờ lâu dài được. Người là thái tử, cần phải đặc biệt chú ý tiết kiệm mới phải."

Hoàng tử Tấn Vương Dương Quảng là người giáo hoạt hơn hai người anh em của mình. Ông nắm vững tính nết của cha, nên ngoài mặt, làm ra vẻ hết sức thật thà, giản dị, đánh lừa được cả Tuỳ Văn Đế và Độc Cô hoàng hậu, được cả hai người yêu mến và tin cậy. Lại nhờ có Dương Tố giúp đỡ nói thêm vào. Kết quả, Tuỳ Văn Đế quyết định phế truất Dương Dũng, lập Dương Quảng làm thái tử, Cho mãi tới khi bệnh nặng, Tuỳ Văn Đế mới phát hiện Dương Quảng là người có phẩm hạnh rất xấu. Ông toan cho Dương Dũng trở lại ngôi thái tử, nhưng không kịp nữa rồi. Dương Quảng nhanh tay hơn, đã đầu độc giết cha, giành lấy ngôi vua. Đó là Tuỳ Dạng Đế, một bạo quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

138- TUỖ DẠNG ĐẾ CHƠI GIANG ĐÔ

Sau khi Tuỳ Dạng Đế Dương Quảng lên ngôi, liền nghĩ cách tăng cường sự khống chế về chính trị trong cả nước; đồng thời làm cho vật tư dồi dào của miền Giang Nam có thể vận chuyển tiện lợi lên miền Bắc, cộng thêm tính ham hưởng lạc, nên chủ trương làm ngay hai việc “lớn”: Một là, xây dựng Lạc Dương thành một đô thành mới, gọi là Đông Đô; Hai là đào một con sông thông suốt nam bắc, gọi là Đại Vận Hà.

Năm 605, Tuỳ Dạng Đế trao cho Vũ Văn Khải, một đại thần chuyên quản lý việc xây dựng, nhiệm vụ xây dựng Đông Đô. Vũ Văn Khải là một công trình sư có tài. Ông ta đón đúng tâm lý thích phô trương xa xỉ của Tuỳ Dạng Đế, nên đã cho xây dựng Đông Đô hết sức to lớn, tráng lệ. Mọi thứ gỗ tốt, đá quý đều được vận chuyển từ vùng phía Nam Trường Giang, phía Bắc Ngũ Lĩnh lên. Chỉ riêng một cây gỗ lớn dùng làm cột, đã phải điều hàng ngàn người kéo. Để xây dựng Đông Đô, mỗi tháng phải huy động hai triệu dân công thi công liên tục suốt ngày đêm. Ở phía Tây Lạc Dương, còn làm một vườn

hoa lớn, dành riêng cho Tuỳ Dạng Đế thưởng ngoạn, gọi là Tây Uyển. Vườn có chu vi hai trăm dặm, bên trong có biển và núi nhân tạo, các đình đài lầu các, kỳ hoa dị thảo, không thứ gì không có. Điều đặc biệt không tưởng tượng được, là vào mùa đông khi cây trụi hết lá, rất nhiều người đã được cắt cử đến để dán lên mọi cành cây các mảnh lụa màu theo đúng hình hoa lá của từng loại cây, khiến cho khắp vùng vườn rộng lớn được xanh tốt như mùa xuân, hạ.

Cùng trong năm khởi công xây dựng Đông Đô, Tuỳ Dạng Đế còn hạ lệnh điều động hơn một triệu dân phu thuộc Hà Nam và Hoài Bắc để đào một con sông từ vườn Tây Uyển ở Lạc Dương đến Sơn Dương (nay là Hoài An, Giang Tô) ở bờ nam Hoài Thủy và đặt tên là "Thông Tế Cừ". Ngoài ra, còn điều hơn 10 vạn dân phu ở Hoài Nam để nạo vét Hàn Cừ nối Sơn Dương với Giang Đô (nay là Dương Châu, Giang Tô). Hàn Cừ vốn được Ngô Vương Phù Sai cho đào từ thời Xuân Thu, đến lúc đó nhiều chỗ đã bị lấp cạn. Hai đoạn đường thủy trên được mở ra và khai thông khiến cho việc giao thông đường thủy từ Lạc Dương đến Giang Nam tiện lợi hơn trước rất nhiều.

Trong năm năm sau đó, Tuỳ Dạng Đế lại hai lần hạ lệnh điều dân phu để đào vận hà. Đoạn thứ nhất từ bờ bắc Hoàng Hà ở Lạc Dương đến Trác Quận (nay là Bắc Kinh), gọi là "Vĩnh Tế cừ". Đoạn thứ hai từ Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang, Giang Tô) đến Du Hàng (nay là Hàng Châu, Triết Giang), gọi là "Giang Nam Hà". Cuối cùng, nối liền bốn vận hà trên lại với nhau, thành ra một đại vận hà xuyên suốt bắc nam, dài tới bốn ngàn dặm. Đại vận hà này là một trong những công trình vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Quốc. Nó có vai trò tích cực

trong việc phát triển kinh tế, văn hoá và duy trì sự thống nhất của Trung Quốc. Tất nhiên, để có được công trình vĩ đại này, nhân dân lao động đã phải đổ mồ hôi và thậm chí cả sinh mạng mới hoàn thành được.

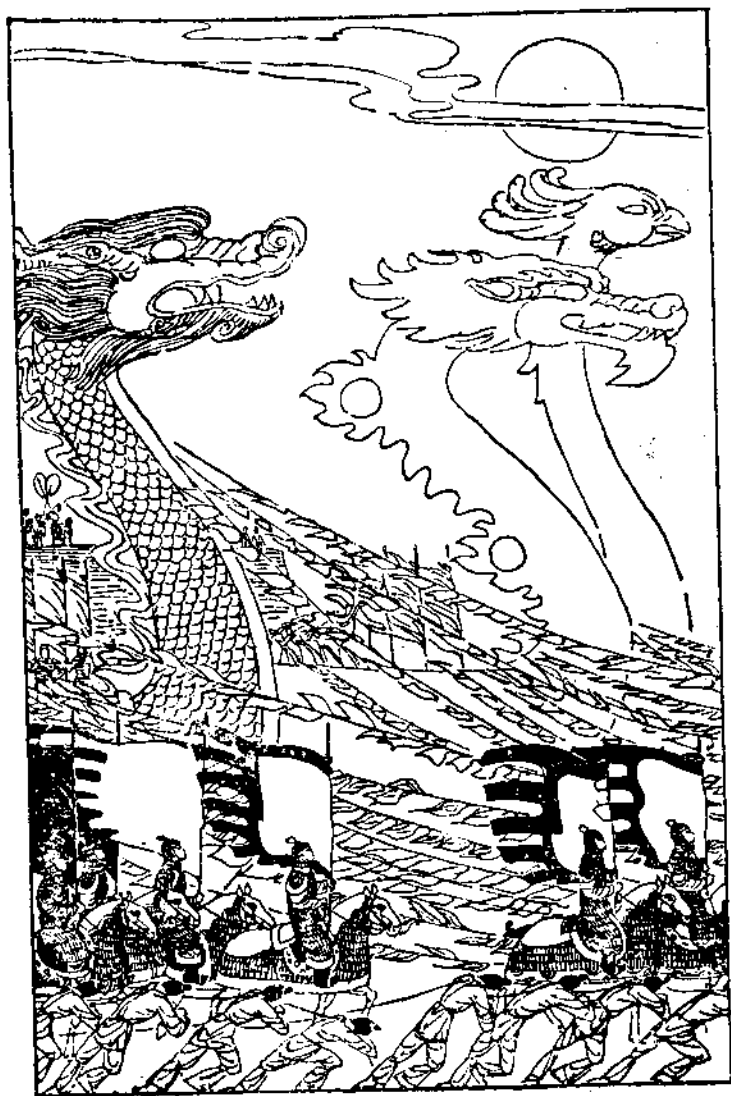
Tuỳ Dạng Đế đặc biệt thích đi tuần du bên ngoài kinh đô Lạc Dương, một là để chơi bởi hưởng lạc, hai để tỏ rõ uy phong với trăm họ.

Khi vận hà nối liền Lạc Dương (tức Đông Đô) với Giang Đô vừa làm xong, Tuỳ Dạng Đế liền dẫn một đội ngũ đông đảo gồm hai mươi vạn người đi tuần du Giang Đô.

Trước đó, Tuỳ Dạng Đế đã cho đóng hơn một vạn chiếc thuyền lớn dùng cho việc này. Ngày xuất phát, Tuỳ Dạng Đế và Tiêu Hoàng hậu mỗi người dùng một chiếc thuyền cực lớn bốn tầng. Trên mỗi thuyền, có bố trí cung điện và hơn một trăm gian cung thất, trang trí vàng son rực rỡ. Tiếp sau hai thuyền lớn là mấy ngàn thuyền hoa dành cho các cung phi, vương công quý tộc, văn võ bá quan. Sau đó là mấy ngàn thuyền lớn chở binh lính tuý tùng cùng vũ khí, màn trướng. Trên một vạn chiếc thuyền dàn trên mặt sông, từ thuyền đầu tới thuyền cuối dài tới hai trăm dặm.

Đoàn thuyền lớn như vậy vận hành bằng cách nào? Các quan lo việc phục vụ ăn chơi cho hoàng đế đã chuẩn bị đầy đủ: Hai bờ vận hà, đã trồng liễu thành hàng tít tắp, sát bờ sông là con đường đất nhỏ, tám vạn dân phu được điều động để kéo thuyền, có kỵ binh đi kèm đốc thúc.

Quang cảnh chuyển đi thật tưng bừng, rộn rã. Dưới sông là đoàn thuyền dài vô tận treo đèn kết hoa rực rỡ,



trên bờ là kỵ binh và phu kéo thuyền mang những lá cờ ngũ sắc lớn. Về đêm, đèn đuốc sáng trưng, chiếu trống vang rền, quang cảnh hào hoa không lời nào tả xiết.

Để cung cấp mọi hưởng dụng cho đoàn du ngoạn, Tuỳ Dạng Đế hạ lệnh cho nhân dân vùng hai bờ sông phải nộp đủ rượu thịt và lương thực, gọi việc đó là "hiển thực". Các quan châu huyện nhận lệnh, liền bắt dân soạn sửa tiệc rượu dâng lên hoàng thượng. Mỗi huyện phải chuẩn bị hàng trăm mâm tiệc. Tuỳ Dạng Đế và cung phi, thái giám, vương công đại thần không thể nào ăn hết. Thức ăn dư thừa được sai đồ xuống một hố lớn ven bờ rồi lấp đi. Trong khi đó, những người dân lo toan chạy vạy để hiển thực, có nhiều người phải khuynh gia bại sản.

Giang Đô thời đó là một đô thị phồn hoa. Tuỳ Dạng Đế đến đó, ngoài việc thả sức ăn chơi hưởng lạc, còn nhân dịp phô diễn oai phong. Chỉ riêng đồ dùng và nghi trượng phục vụ cho một lần tuần du, đã cần hơn mười vạn nhân công chế tác và tiêu tốn hàng trăm triệu quan tiền. Lần tuần du đầu tiên kéo dài đúng nửa năm trời. Sau đó, Dạng Đế mới trở lại Đông Đô.

Từ đó trở về sau, hầu như năm nào Tuỳ Dạng Đế cũng mở cuộc tuần du. Một lần, ông ta đi đường bộ lên phía Bắc, điều động dân phu của mười mấy quận huyện Hà Bắc, đục núi Thái Hàng, lấy đá rải trên đường sẽ đi qua. Để đảm bảo an toàn cho cuộc tuần du, còn điều động hơn một triệu người sửa lại Trường Thành, hện trong hai mươi ngày phải xong. Sau đó, dưới sự hộ tống của năm mươi vạn quân, Tuỳ Dạng Đế tiến hành cuộc tuần du dọc biên cảnh phía Bắc. Ở miền Bắc, không có sẵn cung điện dành cho Tuỳ Dạng Đế nghỉ ngơi, công

trình sư Vũ Văn Khải liền đặc biệt chế tạo một cung điện di động dành cho hoàng đế và hoàng hậu, cung phi, thị vệ, đặt tên là "Quan phong hành điện". Loại "hành điện" này khi sử dụng đến thì lắp lại, lúc thường có thể tháo ra để vận chuyển theo. Khi lắp, toàn bộ hành điện có thể di động nhờ những bánh xe đặt bên dưới, bên trong, có thể chứa mấy trăm người. Vào thời bấy giờ, loại cung điện di động này có thể kể là một phát minh. Nhưng đáng tiếc, nó chỉ nhằm phục vụ riêng cho Tuỳ Dạng Đế mà thôi.

Việc xây dựng Đông Đô, đào vận hà, đắp Trường Thành, cộng thêm những cuộc tuần du liên miên hết năm này đến năm khác, khiến cho nhân dân phải lao dịch và đóng góp sưu thuế nặng nề, tới mức không sao chịu đựng nổi. Trước tình hình đó sự kiêu sa dâm dật của Tuỳ Dạng Đế lại càng ngày càng tăng thêm. Để phô trương sức mạnh và khoe khoang vũ công, năm 611, Tuỳ Dạng Đế phát động cuộc chiến tranh xâm lược Cao Ly*.

Năm đó, ông xuất phát từ Giang Đô, cưỡi thuyền rồng theo vận hà đi lên Trác Quận, đích thân chỉ huy cuộc chiến. Ông hạ lệnh cho quân đội trong cả nước không kể xa gần, đều phải tập trung về Trác Quận. Ngoài ra, còn hạ lệnh bắt thợ thuyền về cửa biển Đông Lai (nay thuộc huyện Dịch, Sơn Đông) chế tạo gấp ba trăm thuyền chiến lớn. Các dân phu làm thuyền, có quan lại đôn đốc nghiêm ngặt, thay nhau làm việc suốt ngày đêm, ngày nào cũng phải ngâm nửa mình dưới nước biển, nên từ lưng trở xuống đều bị bọt da, thối thit.

* Nay là bán đảo Triều Tiên.

Rất nhiều người không chịu đựng nổi, đã gục chết trong nước biển.

Đồng thời, Tùy Dạng Đế còn hạ lệnh cho các vùng Hà Nam, Hoài Nam, Giang Nam chế tạo năm vạn cỗ xe lớn, đưa đến Cao Dương vận chuyển khôi giáp, màn trướng cho binh lính. Một mặt, lệnh cho miền Giang Nam, Hoài Nam huy động dân phu và thuyền bè chở lương thực từ kho Lê Dương (nay ở Đông nam huyện Tuấn, Hà Nam) và kho Lạc Khẩu lên Trác Quận. Thế là, thuyền bè, xe cộ khắp nước, không kể ngày đêm từ các hướng nườm nượp đi lên Trác Quận. Mấy chục vạn dân phu quá mệt mỏi, nhiều người chết gục trên đường, suốt dải đường dài đầy xác chết. Dân phu vì thế bị thiếu, trâu bò cày liền được điều đi thồ thay người, làm cho đồng ruộng bỏ hoang, toàn dân lâm vào nạn đói.

Nhân dân không chịu nổi nữa, liền vùng lên phản kháng. Đầu tiên là Vương Bạc ở Trâu Bình (nay thuộc Sơn Đông) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở núi Trường Bạch. Vương Bạc sáng tác ra bài hát "không đi chết uống ở Liêu Đông", kêu gọi nhân dân chống lại quan lại triều đình. Lời ca viết:

"... Nếu thấy quan quân đến

Vác dao vùng chém luôn.

Dù đầu rơi máu chảy

Còn hơn đi Liêu Đông..."

Tiếp đó, ở các vùng rộng lớn thuộc Sơn Đông, Hà Bắc, liền tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân. Nền thống trị của vương triều Tùy bắt đầu lung lay.

139- LÝ MẬT ĐỌC SÁCH TRÊN LUNG TRÂU

Trong cuộc tiến công Cao Ly lần thứ nhất, quân Tùy bị đại bại. Hơn một triệu quân xuất chinh, chỉ còn chạy về được hai ngàn bảy trăm. Thảm bại như vậy, nhưng Tùy Dạng Đế vẫn chưa thôi cuồng vọng. Ông lại thu góp lực lượng, phát động cuộc tiến công lần thứ hai, và đích thân chỉ huy đại quân tiến công Liêu Đông. Đại thần Dương Huyền Cảm được phân công lo việc vận chuyển lương thảo từ hậu phương Lê Dương ra mặt trận.

Cha Dương Huyền Cảm là Dương Tố đã từng là người thân tín của Tùy Dạng Đế, giúp Dạng Đế rất đắc lực trong việc tranh giành ngôi hoàng đế. Nhưng sau lại bị Dạng Đế nghi ngờ, nên uất ức mà chết. Vì thế Dương Huyền Cảm rất bất mãn với Tùy Dạng Đế. Lần này, thấy tình hình hỗn loạn, Dương Huyền Cảm muốn lợi dụng thời cơ để lật đổ Tùy Dạng Đế.

Lấy danh nghĩa đại thần phụ trách đôn đốc việc vận chuyển lương thảo, Dương Huyền Cảm ra lệnh điều động tám ngàn trai tráng làm phu và người chở thuyền

để vận chuyển lương thực ra tiền tuyến Liêu Đông. Những thanh niên này rất chán ghét việc làm phu phen, lần này nghe tin phải đi lao dịch ra tiền tuyến nên đều hết sức phản nộ.

Dương Huyền Cảm tập hợp đám dân phu đó lại, tuyên bố: "Đương kim hoàng thượng không đếm xỉa gì đến sự sống chết của trăm họ, buộc hàng ngàn hàng vạn người từ già cả đến trai tráng đi bỏ mạng ở Liêu Đông. Tình hình này không thể chịu đựng được nữa. Ta bị buộc phải làm việc này. Nay ta quyết tâm cùng mọi người vùng lên lật đổ bạo quân, các người có dám theo ta không?"

Mọi người thấy có một đại thần dẫn đầu họ chống lại triều đình thì tất thấy đều tán thành, tiếng hoan hô vang dậy.

Dương Huyền Cảm tổ chức tám ngàn người đó thành đội ngũ, phân phát vũ khí cho họ để chuẩn bị chống lại quân Tuỳ. Nhưng lúc đó, Dương Huyền Cảm thấy bên cạnh mình thiếu một người làm mưu sĩ để giúp việc bày mưu tính kế, liền nhớ tới một người bạn thân lúc đó đang ở Trường An. Người đó là Lý Mật.

Ông cha của Lý Mật từng là quý tộc dưới triều Bắc Chu và triều Tuỳ. Khi còn thanh niên, Lý Mật đã được cử vào cung làm thị vệ cho Tuỳ Dạng Đế. Vốn tính tình linh hoạt hay tò mò, khi phục vụ Tuỳ Dạng Đế, Lý Mật hay nhìn ngang nhìn ngửa, nên bị Tuỳ Dạng Đế cho là không đáng tin cậy và thải ra khỏi hàng ngũ thị vệ. Lý Mật không buồn nản, về nhà liền vùi đầu đọc sách, quyết tâm làm một kẻ sĩ.

Một hôm, Lý Mật cưỡi một con trâu đi thăm bè bạn. Đọc đường, không bỏ phí thời gian, ông buộc sách Hán thư vào sừng trâu để vừa đi vừa đọc. Đúng lúc đó, tể tướng Dương Tố đi xe ngựa từ phía sau vượt lên, thấy trước mặt có một thanh niên đang đọc sách trên lưng trâu thì lấy làm lạ.

Dương Tố ngồi trên xe, hỏi sang: "Này cậu học trò kia, sao mà chăm chỉ thế?"

Lý Mật quay sang, nhận ra là tể tướng, liền vội vàng tụt từ lưng trâu xuống, vái chào Dương Tố và xưng rõ họ tên.

Dương Tố hỏi: "Cậu đọc sách gì thế?"

Lý Mật thưa: "Kể thư sinh này đang đọc Hán thư, phần truyện ký về Hạng Vũ".

Dương Tố hỏi chuyện Lý Mật hồi lâu, nhận thấy chàng thanh niên này có hoài bão lớn. Về nhà, liền nói với con là Dương Huyền Cảm: "Ta thấy học thức và tài năng của Lý Mật hơn mấy anh em con nhiều. Sau này, có việc gì quan trọng, các con nên hỏi Lý Mật".

Từ đó, Dương Huyền Cảm giao du thân thiết với Lý Mật.

Lần này cần tìm mưu sĩ, Dương Huyền Cảm nhớ tới lời dặn của cha, liền cử người về Trường An, đón Lý Mật tới Lê Dương.

Khi Lý Mật tới, Dương Huyền Cảm hỏi về việc muốn đánh đổ Tùy Dạng Đế thì nên hành động thế nào.

Lý Mật nói: "Có ba phương án hành động. Phương án thứ nhất: Hiện nay Tùy Dạng Đế đang ở Liêu Đông,



chúng ta đem quân lên phía Bắc, chặn đường lui của hôn quân. Như vậy, chỉ không quá mười ngày, lương thực không được tiếp tế, phía trước có Cao Ly, phía sau ta trấn giữ, chúng tự khắc tan vỡ, ta không cần đánh cũng giành được thắng lợi. Đó là thượng sách. Phương án hai, là đem quân về phía Tây, chiếm lấy Trường An là hậu phương của triều Tùy. Nếu quân triều đình kéo về, ta sẽ lấy vùng Quan Trung làm căn cứ địa, dựa vào địa thế hiểm yếu mà giữ vững. Đó là trung sách. Phương án thứ ba là đánh chiếm Đông Đô Lạc Dương ở gần đây. Nhưng đó chỉ là hạ sách, bởi vì ở Đông Đô còn có một số quân triều đình đóng giữ, không chắc chắn chiếm nhanh được".

Dương Huyền Cảm vốn nôn nóng, muốn thành công ngay, nghe ba phương án của Lý Mật thấy hai phương án đầu tốn thời gian quá, liền nói: "Tôi thấy hạ sách lại là phương án tốt. Hiện nay gia đình quân quan triều đình đều ở Đông Đô. Chúng ta chiếm được Đông Đô, bắt hết gia đình của họ, thì lòng quân sẽ dao động, ta sẽ giành thắng lợi".

Dương Huyền Cảm liền điều quân từ Lê Dương tiến đánh Đông Đô. Trên đường tiến công, rất nhiều nông dân hàng hái tham gia quân khởi nghĩa, quân số tăng lên tới mười vạn, đánh thắng liên tục mấy trận. Tùy Dạng Đế đang chỉ huy quân đội đánh dữ dội vào Liêu Dương, được tin cáo cấp, liền lui binh ngay trong đêm, phái đại tướng Vũ Văn Thuật cùng một số tướng khác chia đường tiến đánh Dương Huyền Cảm. Dương Huyền Cảm không chống nổi, muốn kéo quân về Trường An. Vũ Văn Thuật dẫn quân đuổi riết, vây chặt quân Dương Huyền Cảm lại. Dương Huyền Cảm hết đường chạy, cuối cùng bị giết.

Lý Mật từ trong đám loạn quân chuồn ra, định trốn về Trường An, nhưng bị quân Tuỳ lòng bắt được.

Tướng Tuỳ phái quân áp giải Lý Mật về chỗ Tuỳ Dạng Đế. Dọc đường, Lý Mật bàn với hơn mười phạm nhân cùng bị áp giải, đem hết tiền bạc có trong người hối lộ cho quân áp giải để chúng chè chén say sưa. Nhân lúc quân Tuỳ lơ lửng, Lý Mật và các phạm nhân khác vượt tường trốn thoát.

Sau khi thoát vòng nguy hiểm, Lý Mật toan dựa vào một thủ lĩnh quân khởi nghĩa đang nổi lên ở miền Bắc để tiếp tục chống lại triều Tuỳ. Nhưng một số thủ lĩnh nghĩa quân thấy Lý Mật là một thư sinh yếu đuối, nên tỏ ý coi thường. Lý Mật phải thay tên đổi họ, trốn tránh khắp nơi, mấy lần suýt bị quan quân triều đình bắt được. Cuối cùng nghe tin ở Đông Quận (nay ở phía Đông huyện Hoạt Hà Nam) có cánh quân khởi nghĩa ở trại Ngõa Cương, có binh lực rất mạnh, người đứng đầu là Trác Nhượng, rất trung hậu, thích kết giao với anh hùng hào kiệt, liền quyết định đến Đông Quận, đi theo quân Ngõa Cương.

140- QUÂN NGOÃ CƯƠNG PHÁ KHO, CHIA LƯƠNG THỰC

Trác Nhượng, thủ lĩnh quân Ngoã Cương vốn là một viên lại nhỏ ở Đông Quận, vì có lỗi với quan trên, bị bắt giam và xử tử tội. Một người coi ngục thương cảm bảo: "Tôi thấy ông là một trang hảo hán, sao có thể cứ ở đây mà chờ chết". Đêm tối, người đó lén phá xiềng xích, mở cửa nhà ngục, thả ông ra.

Trác Nhượng thoát khỏi ngục, chạy đến trại Ngoã Cương ở gần đó, chiêu tập một số nông dân nghèo khổ, tổ chức một đội quân khởi nghĩa. Thanh niên trai tráng trong vùng nghe tin đến theo rất đông. Trong số đó, có một thanh niên tên là Từ Thế Tích, mới 17 tuổi, không những võ nghệ cao cường, lại rất có mưu trí.

Từ Thế Tích khuyên Trác Nhượng: "Quanh đây đều là dân làng nghèo khổ. Chúng ta không nên bắt họ đóng góp. Tôi thấy vùng Huỳnh Dương có rất nhiều nhà giàu có, chi bằng ta nên tới đó để lấy lương thực".

Trác Nhượng nghe theo ý kiến Từ Thế Tích, dẫn quân tới Huỳnh Dương, chuyên đánh vào dinh quan và các nhà phú thương, đoạt được rất nhiều tài sản. Nông dân quanh vùng đi theo Trác Nhượng ngày một nhiều, đội ngũ nhanh chóng tăng lên tới hơn một vạn người.

Sau khi Lý Mật đến với Trác Nhượng, liền giúp Trác Nhượng chinh đồn người ngựa thành đội ngũ chinh tể. Lúc đó, vùng lân cận cũng có một số nhóm nông dân khởi nghĩa. Lý Mật tới các nơi đó bắt liên lạc, thuyết phục họ liên hợp lại dưới sự chỉ huy của Trác Nhượng.

Trác Nhượng rất phấn khởi, dần dần thân thiết với Lý Mật. Đội ngũ ngày càng phát triển lớn mạnh, nhưng Trác Nhượng không nghĩ rằng mình có thể lật đổ Tuỳ Dạng Đế. Lý Mật liền nói với Trác Nhượng: "Trước kia Lưu Bang, Hạng Vũ cũng chỉ là những người dân bình thường, mà cuối cùng lật đổ được triều Tần. Nay hoàng đế ngu tối, bạo ngược, trăm họ oán giận, quân triều đình đại bộ phận ở xa mãi Liêu Đông. Trong tay ngài có đủ quân mạnh ngựa khoẻ, muốn đánh hạ Đông Đô và Trường An thì không khó khăn gì".

Trác Nhượng nghe xong rất phấn khởi, nói: "Lời của tiên sinh rất đúng, tôi chưa nghĩ được tới điều đó".

Sau đó, hai người bàn bạc, quyết định đánh Huỳnh Dương trước. Thái thú Huỳnh Dương cáo cấp với Tuỳ Dạng Đế. Tuỳ Dạng Đế phái đại tướng Trương Tu Đà đem quân trấn áp.

Trương Tu Đà là viên tướng đã từng trấn áp nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân. Trác Nhượng đã từng bị hắn đánh thua, lần này nghe tin hắn lại mang quân đến, nên có ý sợ. Lý Mật nói: "Trương Tu Đà hữu dũng vô



mưu, lại thêm hấn cậy có nhiều quân nên kiêu ngạo khinh địch. Chúng ta lợi dụng nhược điểm của hấn, thì có thể đánh bại hấn".

Lý Mật đề nghị Trác Nhược bày trận, đón đánh chính diện quân địch, còn tự mình dẫn một ngàn người ngựa bố trí mai phục trong rừng rậm ở phía Bắc chùa Đại Hải thuộc Huỳnh Dương.

Trương Tu Đà khinh thường, coi Trác Nhược không phải là đối thủ của mình, nên dùng dùng dẫn quân xông thẳng tới. Trác Nhược chống cự qua loa rồi vội thua chạy. Trương Tu Đà đuổi theo hơn mười dặm, đương đi ngày càng hẹp, rừng càng lúc càng rậm rạp, vào tới giữa vùng bố trí phục binh. Lý Mật lập tức nổi hiệu lệnh, quân Ngôã Cương mai phục sẵn, nhất tề xông ra chém giết, vây chặt Trương Tu Đà lại. Trương Tu Đà tuy dũng mãnh, nhưng bị bao vây nhiều lớp, tả xung hữu đột nhưng không sao thoát ra được. Toàn bộ cánh quân lớn của Trương Tu Đà cuối cùng bị tiêu diệt, bản thân Trương Tu Đà bị giết chết.

Qua cuộc chiến đấu này, uy tín của Lý Mật trong quân Ngôã Cương lên cao. Lý Mật giữ kỷ luật nghiêm minh, sinh hoạt lại rất giản dị, phần tiền bạc tịch thu từ quân triều đình, ông ta đều đem chia cho tướng sĩ. Lâu ngày, các tướng sĩ dần dần qui tụ xung quanh Lý Mật.

Mùa xuân năm 617, Lý Mật khuyên Trác Nhược nên nhân lúc Tùy Dạng Đế tuần du Giang Đô, Đông đô bị bỏ trống, nên tiến công vào Đông Đô. Người của quân Ngôã Cương phải đến Đông Đô thám thính bị quân phòng thủ bắt được, nên việc phòng thủ được tăng cường. Lý Mật liền đổi kế hoạch, đề nghị trước hết hãy đánh kho Hưng Lạc (nay ở huyện Củng, Hà Nam).

Kho Hưng Lạc, còn gọi là kho Lạc Khẩu, là kho lương thực lớn nhất của triều Tuỳ. Chu vi kho dài tới hơn hai mươi dặm, trong đó ba ngàn hầm cất dấu lương thực, mỗi hầm chứa tám ngàn thạch lúa. Đây là mồ hôi nước mắt của nông dân bị triều Tuỳ bóc lột trong nhiều năm, tích trữ ở đây.

Trác Nhượng, Lý Mật dẫn bảy ngàn tinh binh tiến đánh kho Hưng Lạc. Nghĩa quân vốn đều là nông dân bị tan cửa nát nhà, khi nghe tin đi đánh kho lương thực thì đều hăm hở, hăng hái bội phần. Bị tiến công, quân phòng thủ cố gắng chống trả, nhưng không thể nào chống nổi với quân Ngao Cương dũng mãnh như hùm mọc cánh. Chẳng mấy chốc, kho Hưng Lạc lọt vào tay nghĩa quân. Chiếm được kho, quân Ngao Cương lập tức hạ lệnh mở kho, phân phát thóc lúa cho dân. Binh sĩ chuyển các bao lúa ra cho nhân dân thoả sức lĩnh về. Nông dân đói khổ khắp các vùng ùn ùn kéo đến kho xin lĩnh lúa. Từ người già đầu bạc đến phụ nữ địu con sau lưng ai nấy xúc động, nước mắt lưng tròng, vô cùng cảm kích trước ân tình của quân khởi nghĩa.

Tiếp sau, quân Ngao Cương lại đánh bại quân cứu viện của triều đình. Lúc này, quyền chỉ huy nghĩa quân dần dần tập trung trong tay Lý Mật. Trác Nhượng thấy tài năng của mình không bằng Lý Mật, liền nhường địa vị thủ lĩnh cho Lý Mật. Mọi người tôn Lý Mật làm Ngụy Công, kiêm Hành quân nguyên soái.

Sau khi quân Ngao Cương xây dựng chính quyền của mình ở Lạc Khẩu, liền thừa thắng đánh chiếm nhiều quận, huyện. Quan lại và binh lính triều Tuỳ tới tấp đầu hàng. Quân Ngao Cương tiến đánh Đông Đô, đồng thời phát hịch kể tội Tuỳ Dạng Đế và kêu gọi trăm họ

cùng đứng lên lật đổ nền thống trị của vương triều Tùy. Sự kiện này làm khắp vùng Trung Nguyên chấn động.

Chính trong lúc quân Ngôã Cương phát triển thắng lợi thì nội bộ lại xảy ra chia rẽ nghiêm trọng. Sau khi Trác Nhượng nhường quyền thủ lĩnh cho Lý Mật thì một số tướng lĩnh và thủ hạ của Trác Nhượng không hài lòng, một số người khuyên Trác Nhượng đòi lại quyền, nhưng Trác Nhượng vẫn cười ha hả, cho chuyện đó không đáng để tâm. Nhưng, những lời đó đến tai Lý Mật, khiến Lý Mật rất không hài lòng. Thủ hạ của Lý Mật xúi giục ông ta nên trừ khử Trác Nhượng đi. Để giữ vững địa vị của mình, Lý Mật liền ngả theo ý kiến đó, bắt đầu nuôi dã tâm.

Một hôm, Lý Mật mở tiệc mời Trác Nhượng. Giữa buổi tiệc, Lý Mật đuổi những binh sĩ bảo vệ Trác Nhượng ra ngoài, rồi giả vờ đưa ra một cây cung tốt, đề nghị Trác Nhượng giương thử. Trác Nhượng đang khom mình giương cung thì đao phủ do Lý Mật bố trí sẵn đã chém ông gục xuống.

Sau biến cố đó, quân Ngôã Cương bắt đầu đi xuống. Trong khi đó, cánh quân chống Tùy do Lý Uyên lãnh đạo đang dần lớn mạnh lên.

141- LÝ UYÊN KHỞI BINH Ở THÁI NGUYÊN

Lý Uyên vốn là quí tộc của vương triều Tùy, kế thừa tước vị của ông cha, nên được phong là Đường Quốc Công. Năm 617, Tùy Dạng Đế phái Lý Uyên đi giữ chức lưu thủ Thái Nguyên (nay là thành phố Thái Nguyên thủ phủ tỉnh Sơn Tây) để trấn áp quân khởi nghĩa nông dân. Ban đầu, ông đánh thắng một số trận, nhưng quân khởi nghĩa càng ngày càng mạnh, mỗi lúc một đông thêm nên ông rất bối rối.

Lý Uyên có bốn con trai. Con thứ hai là Lý Thế Dân, năm ấy mới 18 tuổi, là một thanh niên gan dạ và mưu trí, thường thích kết giao với những người có tài. Mọi người thấy Lý Thế Dân hào phóng, hiếu khách nên ai cũng thích giao du. Lý Thế Dân thấy triều Tùy không thể kéo dài sự thống trị được nữa, nên thâm tâm từ lâu đã có dự tính hành động.

Huyện lệnh Tấn Dương (nay thuộc Thái Nguyên, Sơn Tây) là Lưu Văn Tĩnh hết sức coi trọng Lý Thế Dân. Lý Thế Dân cũng coi Lưu Văn Tĩnh là bạn tri kỷ. Lưu Văn Tĩnh lại có quan hệ thân thích với Lý Mật. Sau khi Lý

Mật tham gia quân khởi nghĩa chống triều đình, Tuỳ Dạng Đế hạ lệnh tróc nã thân thích và bạn bè của Lý Mật. Lưu Văn Tĩnh liền bị cách chức huyện lệnh và bị giam ở nhà giam huyện Tấn Dương.

Lý Thế Dân nghe tin Lưu Văn Tĩnh bị bắt giam, liền vội vã đến thăm.

Lý Thế Dân cầm tay Lưu Văn Tĩnh, nói: "Lưu đại ca, tôi đến thăm đại ca, không phải chỉ là tỏ tình cảm mà còn có việc muốn thỉnh giáo đại ca đấy."

Lưu Văn Tĩnh từ lâu đã hiểu rõ tâm trạng của Lý Thế Dân, liền nói: "Hiện nay hoàng đế ở mãi tận Giang Đô, Lý Mật đã áp sát Đông Đô, khắp nơi đều nổi lên làm phản. Đó là thời cơ tốt để giành thiên hạ. Tôi có thể giúp đại huynh tập hợp được mười vạn người ngựa. Và lệnh phụ* đã có trong tay mấy vạn người. Nếu dùng lực lượng đó đánh vào Trường An, ban bố hiệu lệnh cho thiên hạ, thì không tới nửa năm sẽ giành được thiên hạ".

Lý Thế Dân hết sức vui mừng, nói: "Đại ca đã nói đúng điều tôi muốn hỏi".

Về nhà, Lý Thế Dân nghĩ tới lời Lưu Văn Tĩnh, càng nghĩ càng thấy có lý. Nhưng muốn thuyết phục cha nghe theo ý kiến đó, không phải là chuyện dễ. Vừa may lúc đó, ở phía Bắc Thái Nguyên, khả hãn Đột Quyết (một dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Quốc) đem quân tiến công Mã áp. Lý Uyên đem quân chống lại, liền tiếp bị thua trận. Lý Uyên hết sức lo Tuỳ Dạng Đế

* chỉ Lý Uyên.

biết được việc này, sẽ trừng phạt mình nên luống cuống không biết xử trí ra sao. Lý Thế Dân nắm ngay thời cơ đó, liền khuyên cha đem quân chống lại triều đình. Lý Uyên nghe nói, hết sức run sợ, nói: "Sao con dám nói những lời phản nghịch đó. Nếu ta đi báo quan, thì con sẽ bị bắt giam ngay lập tức".

Lý Thế Dân không hề sợ hãi, nói: "Cha muốn cáo giác thì đi cáo giác đi. Con không sợ chết đâu."

Dương nhiên Lý Uyên không đi cáo giác, chỉ dặn Lý Thế Dân từ sau không được nói lời lẽ như thế.

Hôm sau, Lý Thế Dân lại nói với Lý Uyên: "Cha được hoàng đế phái tới đây để dẹp loạn. Nhưng xem tình hình trước mắt, thì người làm phản càng ngày càng nhiều, cha làm sao có thể dẹp được? Thêm nữa, hoàng thượng rất hay nghi kỵ, dù cha có lập được công thì địa vị cũng bị đe dọa nghiêm trọng. Chỉ có làm như lời con nói hôm qua, thì mới có đường thoát".

Lý Uyên do dự rất lâu rồi mới thở dài nói: "Suốt đêm qua, cha đã suy nghĩ về ý kiến của con, cảm thấy cũng có lý. Nhưng cha vẫn không dám quyết đoán. Thôi thì từ bây giờ, hoặc là nhà tan người chết, hoặc là biến nhà thành nước*, đều tùy ở con cả!" Thế là, Lý Uyên mở nhà ngục, thả Lưu Văn Tĩnh ra. Lưu Văn Tĩnh giúp Lý Thế Dân, cùng đi chiêu binh mãi mã. Lý Uyên còn gọi hai con trai khác là Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đang đánh giặc ở Hà Đông, về tập trung ở Thái Nguyên.

* ý nói: chiếm được cả nước, lên làm hoàng đế.



Hai quan chức cấp phó ở Thái Nguyên thấy hành động của cha con Lý Uyên không bình thường, muốn can ngăn lại. Lý Uyên liền lấy cớ họ câu kết với Đột Quyết, sai bắt lại và giết đi.

Lý Uyên còn nghe theo kế của Lưu Văn Tĩnh, phái người mang lễ vật rất hậu, đến giảng hoà với Khả hãn Đột Quyết, hẹn nhau cùng chống lại triều Tuỳ. Khả hãn Đột Quyết thấy như vậy rất có lợi cho mình, liền nhận lời giúp đỡ Lý Uyên.

Giải quyết ổn thoả xong với Đột Quyết, Lý Uyên liền chính thức khởi binh chống Tuỳ. Lý Uyên tự xưng là Đại tướng quân, cử Lý Kiến Thành và Lý Thế Dân làm tả, hữu Lĩnh quân đại đô đốc, Lưu Văn Tĩnh làm Tư mã, và gọi toàn thể binh sĩ là "nghĩa sĩ". Họ dẫn ba vạn quân rời Tấn Dương, tiến về Trường An. Dọc đường tiến quân, tiếp tục chiêu mộ người ngựa, đồng thời học theo cách làm của quân khởi nghĩa nông dân, mở kho lương thực để phân phát cho dân nghèo. Nhờ thế, dân chúng tham gia vào hàng ngũ ngày càng đông.

Quân Đường* đến Hoắc ấp (nay ở huyện Hoắc, Sơn Tây) thì gặp phải lực lượng đánh chặn của Tống Lão Sinh, một viên tướng của triều đình. Đường xá ở vùng Hoắc ấp rất chật hẹp, lại thêm mưa liên mấy ngày, việc tải lương bị gián đoạn. Trong binh lính có tin đồn xôn xao là quân Đột Quyết chuẩn bị đánh úp Tấn Dương; Lý Uyên hoang mang, muốn lui quân về Tấn Dương.

* Vì tước vị của Lý Uyên là Đường Quốc Công nên quân đội dưới quyền được gọi là Đường quân.

Lý Thế Dân nói với cha: "Nay đang là mùa thu, ngoài đồng đầy lúa chín, lo gì không có lương thực! Tống Lão Sinh cũng không có gì đáng sợ. Chúng ta dùng danh nghĩa nghĩa binh để hiệu triệu thiên hạ, nếu không chiến đấu mà đã rút lui thì sao tránh khỏi khiến mọi người thất vọng. Nếu trở về Tấn Dương thì sẽ không còn triển vọng gì nữa".

Lý Kiến Thành cũng ủng hộ ý kiến của người em. Do đó Lý Uyên mới thay đổi ý định, không nói đến việc lui quân nữa. Một ngày tháng tám, trời vừa tạnh mưa, từ sáng sớm, quân Đường đã ven theo đường nhỏ dưới chân núi, hành quân gấp tới bên thành Hoắc ấp. Lý Uyên phái Kiến Thành dẫn mấy chục kỵ binh tới dưới thành khiêu chiến. Tống Lão Sinh thấy quân Đường ít ỏi, liền mở toang cửa thành, dẫn ba vạn quân ra đánh. Lý Thế Dân dẫn quân đã bố trí sẵn từ một ngọn núi phía Nam ào ạt xông xuống chém giết. Quân mã của Tống Lão Sinh bị cắt rời tan tác. Tống Lão Sinh hoảng sợ toan dẫn quân quay trở lại thành, nhưng thành đã bị một cánh quân khác của Lý Uyên chiếm mất, cửa thành bị đóng chặt. Tống Lão Sinh hết đường tiến lui, bị quân Đường giết chết.

Sau khi đánh chiếm Hoắc Ấp, quân Đường tiếp tục tiến về phía Tây, vượt qua Hoàng Hà với sự phối hợp của quân nông dân Quan Trung. Con gái Lý Uyên lúc đó ở Trường An cũng chiêu mộ được hơn một vạn người ngựa, lập một đội "Nương tử quân", hưởng ứng quân Đường.

Lý Uyên tập trung hơn hai mươi vạn quân đánh Trường An. Quân Tùy giữ Trường An không thể chống lại được.

Lý Uyên vào Trường An, liền tuyên bố mười hai điều ước pháp để tranh thủ lòng dân, đồng thời phế bỏ hết mọi pháp lệnh hà khắc của vương triều Tùy. Tạm thời, Lý Uyên đưa cháu của Tùy Dạng Đế là Dương Hựu lên làm hoàng đế bù nhìn.

Năm sau (618), khi có tin Tùy Dạng Đế bị giết từ Giang Đô truyền lên, Lý Uyên liền phế Dương Hựu, tự xưng là hoàng đế, đổi quốc hiệu là Đường. Đó là Đường Cao Tổ.

142- LÝ THẾ DÂN CHIẾM ĐÔNG ĐÔ

Trong khi Lý Uyên đánh Trường An thì quân khởi nghĩa ở khắp nơi trong nước cũng phát triển và lớn mạnh. Ngoài quân Ngôã Cương, còn các lực lượng chủ yếu khác như quân khởi nghĩa ở Hà Bắc do Đậu Kiến Đức lãnh đạo, quân khởi nghĩa ở Giang Hoài do Đỗ Phục Uy cầm đầu. Các cánh quân khởi nghĩa đều dồn dập tiến đánh quân triều đình. Hôn quân tàn bạo, Tuỳ Dạng Đế biết ngày tàn của mình sắp đến, liền bỏ chạy xuống Giang Đô, ngày ngày cùng Tiêu hoàng hậu và các phi tần uống rượu vui chơi, chìm đắm trong say sưa điên đảo.

Ông không muốn nghe biết mọi tin tức thất bại của quân triều đình, nhưng trong lòng đã cực kỳ hoang mang, nói với Tiêu hoàng hậu: "Nghe nói bên ngoài có nhiều kẻ muốn thanh toán ta. Nhưng mặc kệ, ta cứ việc uống rượu cho sướng!"

Có lần, ông ta cầm gương lên soi, tự ngắm nghĩa hồi lâu, rồi nói: "Cái đầu đẹp quá, không biết kẻ nào sẽ tới chặt đây!"

Cái ngày mà Tuỳ Dạng Đế lo lắng, cuối cùng đã tới. Binh lính trong đội quân cấm vệ của Tuỳ Dạng Đế, đa số là người vùng Quan Trung (tức phía Tây Hàm Cốc Quan, gần Trường An, nay gồm tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc). Họ thấy trước mắt, nếu cứ đi theo Tuỳ Dạng Đế thì sẽ rất nguy hiểm. Tướng Vũ Văn Hoá Cập nắm được tâm lý binh lính đang muốn đào ngũ trốn về quê hương, liền phát động binh biến. Vũ Văn Cập dẫn binh sĩ tiến công hành cung, cử người giam lỏng và giám sát chặt Tuỳ Dạng Đế.

Tuỳ Dạng Đế hỏi người giám thị: "Ta phạm tội gì?"

Viên giám thị nói: "Người phát động chiến tranh, xa xỉ cùng cực, tin dùng kẻ gian tà, cự tuyệt lời ngay thẳng, làm cho đàn ông phơi xác trên chiến trường, đàn bà trẻ nhỏ bỏ mạng nơi đường xá, trăm họ lưu tán khắp nơi. Người còn nói là vô tội sao?"

Tuỳ Dạng Đế nói: "Đúng là ta có lỗi với trăm họ, nhưng các người đều cùng ta hưởng phú quý, ta đâu có lỗi với các người. Việc làm hôm nay do ai đứng đầu?"

Viên giám thị trả lời: "Nhân dân cả nước đều căm giận hôn quân. Đâu chỉ riêng người đứng đầu?"

Tuỳ Dạng Đế không còn nói gì được nữa, liền cởi khăn quần trên đầu giao cho viên giám thị. Các vệ sĩ dùng dải khăn đó thắt cổ giết chết kẻ thống trị tàn bạo. Triều Tuỳ chỉ thống trị Trung Quốc được 38 năm, tới đây là kết thúc.

Sau khi Tuỳ Dạng Đế chết, Đông Đô Lạc Dương vẫn nằm trong tay viên lưu thủ Đông Đô là Dương Đồng (cháu của Tuỳ Dạng Đế) và đại thần Vương Thế Sung. Vương Thế Sung lập Dương Đồng lên làm hoàng đế,

tiếp tục giương lá cờ của triều Tuỳ để chống lại quân khởi nghĩa.

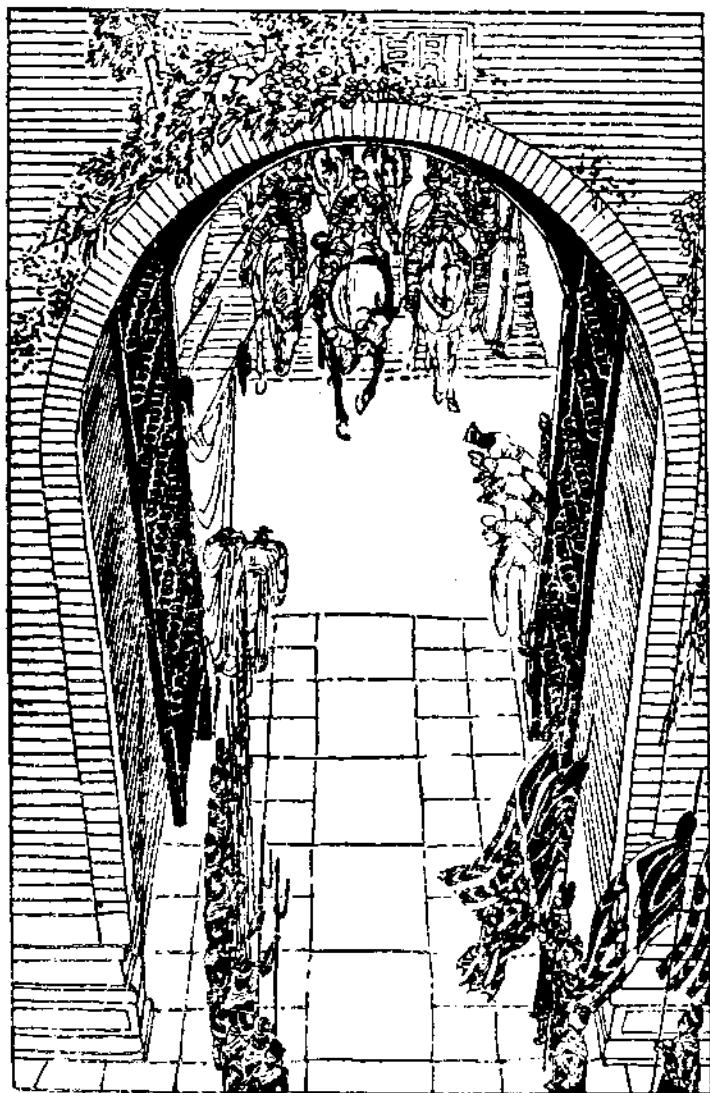
Vùng xung quanh Đông Đô vốn thuộc phạm vi hoạt động của quân Ngôã Cương. Lý Mật đã nhiều lần đánh bại quân Tuỳ, nhưng vì kiêu ngạo tự mãn, lại nghi ngờ các tướng lĩnh nghĩa quân, nên sau trận đánh thất lợi với lực lượng của Vũ Văn Hoá Cập từ Giang Đô kéo lên, lực lượng quân Ngôã Cương của Lý Mật dần suy yếu. Vương Thế Sung nhằm đúng nhược điểm của Lý Mật, liền mở một trận tập kích, đánh tan đại quân Lý Mật. Lý Mật dẫn tàn binh bại tướng chạy lên Trường An, theo Triều Đường.

Vương Thế Sung đuổi được Lý Mật, tự cho là có lực lượng mạnh, liền phế Dương Đồng, tự xưng là hoàng đế, lấy quốc hiệu là Trịnh.

Lúc đó, quân Đường đã dẹp được mấy thế lực cát cứ của địa chủ cường hào ở Tây Bắc, ổn định được hậu phương. Năm 620, Đường Cao Tổ cử Lý Thế Dân thống lĩnh đại quân đi đánh Đông Đô. Quân Lý Thế Dân ra khỏi cửa Hàm Cốc, rất nhiều châu huyện thuộc Hà Nam liên tiếp đầu hàng, nên đã nhanh chóng hình thành thế bao vây với Đông Đô.

Lý Thế Dân không những giỏi đánh trận mà còn khéo dùng người. Ông thu nạp được một số hàng tướng từ hàng ngũ quân Ngôã Cương và các thế lực cát cứ khác. Trong số này, có những người đã trở thành trợ thủ đắc lực của ông, như Tân Thúc Bảo, Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung tức Uất Trì Kính Đức*.

* Uất Trì là họ, Kính Đức là tên tự.



Một lần, Lý Thế Dân đang dẫn năm trăm kỵ binh tuần tra trên trận địa thì bị Vương Thế Sung phát hiện và đem một vạn kỵ binh ra vây chặt. Đại tướng của Vương Thế Sung là Đan Hùng Tín xông tới sát Lý Thế Dân, phóng trường mâu đâm sang. Ngay lúc đó, Uất Trì Kính Đức phi ngựa tới, hét một tiếng lớn, đâm Đan Hùng Tín ngã nhào xuống ngựa, rồi bảo vệ Lý Thế Dân vượt khỏi vòng vây. Sau đó, hai người lại dẫn kỵ binh quay lại xông xáo chém giết trong hàng ngũ quân Trịnh, khiến quân Trịnh hoảng sợ không chống đỡ được. Ngay sau đó, quân Đường kéo ra nườm nượp, đánh cho quân Trịnh thảm bại.

Từ mùa xuân năm đó tới mùa xuân năm sau, quân Đường ngày càng vây chặt Đông Đô, liên tục tiến đánh suốt ngày đêm. Vương Thế Sung tổ chức phòng thủ nghiêm mật, không ngừng dùng máy bắn đá và nỏ đánh lại quân Đường. Chiến đấu kéo dài, tướng sĩ Đường cũng cảm thấy mệt mỏi, có người đề nghị Lý Thế Dân cho ngừng tiến công và lui quân về Trường An nghỉ ngơi, chỉnh đốn lại rồi sẽ tiến đánh sau.

Lý Thế Dân nói: "Hiện nay các châu xung quanh đều đã đầu hàng, Lạc Dương trở nên một toà thành cô lập, sắp sửa bị hạ, sao có thể nửa chừng bỏ dở được?" Rồi hạ lệnh cho toàn thể tướng sĩ: "Chưa hạ được Đông Đô, quyết không lui quân."

Vương Thế Sung không còn cách nào khác phải cử người trốn khỏi vòng vây, lên Hà Bắc xin Đậu Kiến Đức mang quân về cứu viện.

Quân khởi nghĩa do Đậu Kiến Đức lãnh đạo là một lực lượng rất lớn mạnh ở vùng Hà Bắc. Đậu Kiến Đức cũng tự xưng là hoàng đế, quốc hiệu là Hạ, đã đánh

chiếm rất nhiều đất đai của Đường. Nhận được thư xin cứu viện của Vương Thế Sung, Đậu Kiến Đức một mặt đem ba mươi vạn người ngựa đi theo hai đường thủy bộ về cứu Đông Đô, một mặt gửi thư cho Lý Thế Dân, yêu cầu quân Đường rút về Quan Trung.

Các tướng Đường hoảng sợ trước binh lực lớn mạnh của quân Hạ, chủ trương tạm thời rời khỏi Đông Đô. Nhưng lại có ý kiến khác, cho rằng quân Vương Thế Sung còn rất mạnh, chỉ có khó khăn về lương thực. Nếu để quân Đậu Kiến Đức liên kết được với quân Vương Thế Sung, dùng lương thực của Hà Bắc tiếp tế cho Đông Đô, thì không còn hy vọng gì thắng được chúng nữa. Vì vậy, nhất định phải chặn đường tiến quân xuống phía Nam của Đậu Kiến Đức.

Lý Thế Dân nghe theo, quyết định để Lý Nguyên Cát tiếp tục bao vây Đông Đô, còn tự mình dẫn ba ngàn tinh binh tiến lên phía Bắc, giữ chặt Vũ Lao quan (tức Hồ Lao quan, nay ở thị trấn Di Thủy, Huỳnh Dương, Hà Nam)

Dại quân của Đậu Kiến Đức đến Vũ Lao quan bị quân Đường chặn đứng. Quân Hạ mấy lần tổ chức tiến công, đều không thành công. Trong khi đó, Lý Thế Dân lại phái kỵ binh đi vòng đường nhỏ, cắt đứt đường tiếp lương của quân Đậu Kiến Đức.

Đậu Kiến Đức cậy thế quân đông, cho rằng nhất định sẽ hạ được Vũ Lao quan, nên đã cự tuyệt lời khuyên ngăn của vợ và cấp dưới, huy động toàn quân dàn trận, khua chiêng gióng trống ào ạt tiến công.

Lý Thế Dân trèo lên điểm cao, quan sát trận thế của quân Hạ, rồi nói: "Đậu Kiến Đức chưa từng giao phong

với đối thủ mạnh nào, nên trong bố trí trận thế, đã tỏ rõ tính kiên cường khinh địch. Chúng ta hãy cứ án binh bất động, chờ cho quân của hắn mỏi mệt, sẽ nhất tề xuất kích thì nhất định sẽ giành thắng lợi."

Quân Hạ dàn trận, chuẩn bị giao phong, nhưng suốt sáng sớm tối giữa trưa, vẫn không thấy quân Đường ra giao chiến. Quân vừa mệt vừa đói, có người ngồi bệt xuống đất, người ra sông múc nước uống. Lý Thế Dân thấy thời cơ đã đến, liền hạ lệnh cho tướng sĩ vượt sông Di Thủy, xông thẳng vào đại doanh của Đậu Kiến Đức.

Đậu Kiến Đức đang hội họp với các tướng soái trong đại doanh, thấy quân Đường đột nhiên xông tới, vội vàng chỉ huy kỵ binh ứng chiến. Hai bên xung sát kịch liệt, trận địa mù mịt, tên bay tua tủa như mưa.

Lý Thế Dân nhân lúc quân Hạ không phòng bị, dẫn một toán quân thọc sâu vào sau trận địa quân Hạ, giương cao là cờ Đường. Quân Hạ từ phía trước nhìn lại, thấy thế, tưởng rằng quân Đường đã chiếm được đại doanh, thì không còn lòng dạ nào tiếp tục chiến đấu nữa, chen lấn nhau chạy trốn thục mạng. Đậu Kiến Đức bị thương trong cuộc hỗn chiến và bị quân Đường bắt làm tù binh. Sau khi đánh bại Đậu Kiến Đức, Lý Thế Dân đem quân về tiếp tục bao vây Đông Đô. Vương Thế Sung toan phá vây, nhưng các tướng nói: "Nay Hạ Vương đã thất bại. Dù chúng ta có phá được vây, cũng không có tác dụng gì". Vương Thế Sung thấy đại cục đã hỏng, đành đầu hàng quân Đường.

Đậu Kiến Đức bị giải về Trường An, ít lâu sau liền bị giết. Bộ tướng của Đậu Kiến Đức là Lưu Hắc Thát tiếp tục lãnh đạo quân Hạ ở Hà Bắc, chống lại quân Đường. Quân Đường phải mất ba năm mới dẹp yên được các lực

lượng chống đôi ở Hà Bắc. Năm 623, chiến tranh thống nhất quốc gia của Đường kết thúc về cơ bản. Nhưng mâu thuẫn trong nội bộ hoàng thất nhà Đường lại trở nên gay gắt.

143. SỰ BIẾN CỬA HUYỀN VŨ

Sau khi Đường Cao Tổ lên ngôi, liền phong Lý Kiến Thành làm thái tử, Lý Thế Dân làm Tần Vương, Lý Nguyên Cát làm Tế Vương. Trong ba người, phải kể Lý Thế Dân là người có công lao lớn nhất. Việc khởi binh ở Thái Nguyên, ban đầu là do ông đề xuất, trong mấy cuộc chiến sau đó, ông cũng lập nhiều chiến công nhất. Chiến công của Lý Kiến Thành không bằng Lý Thế Dân, chỉ vì là con cả nên mới được phong thái tử.

Lý Thế Dân không những gồm đủ trí, dũng mà thủ hạ cũng có nhiều nhân tài. Trong phủ Tần Vương, về văn thì có mười tám học sĩ loại như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối; về võ thì có những dũng tướng nổi danh như Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim. Thái tử Kiến Thành biết mình không có uy tín bằng Lý Thế Dân, nên sinh lòng đố kỵ, liền cùng em là Tế Vương Lý Nguyên Cát liên hợp để loại trừ Lý Thế Dân.

Kiến Thành, Nguyên Cát dùng biện pháp gây thiện cảm, thường xuyên nịnh nọt các hoàng phi được cha sung ái để nhờ họ nói tốt cho mình trước mặt Đường

Cao Tổ. Lý Thế Dân không chịu làm như vậy. Sau khi bình định Đông Đô, có bà phi đòi có những bảo vật lấy được từ cung Tuý và yêu cầu phong quan tước cho thân thích của mình, đều bị Lý Thế Dân từ chối. Vì vậy, các sủng phi thường nói tốt cho thái tử và nêu nhiều thiếu sót của Tần Vương. Đường Cao Tổ tin lời các sủng phi, dần dần lạnh nhạt với Lý Thế Dân.

Lý Thế Dân nhiều lần lập được công lớn, Kiến Thành và Nguyên Cát càng ghen ghét, muốn mau chóng trừ bỏ.

Có lần Kiến Thành mời Lý Thế Dân đến Đông cung uống rượu. Thế Dân uống mấy chén bỗng nhiên thấy bụng đau quặn. Thủ hạ vực về cung, ông thổ ra huyết, thuốc thang mãi mới khỏi. Lý Thế Dân hiểu rằng Kiến Thành đã dùng rượu độc định hại mình.

Kiến Thành, Nguyên Cát muốn hại Lý Thế Dân, nhưng lại sợ thủ hạ của Lý Thế Dân có nhiều dũng tướng, nếu gây sự sẽ gặp khó khăn. Vì vậy, họ nghĩ cách mua chuộc các dũng tướng đó.

Kiến Thành phái người mang một phong thư và một xe vàng bạc đến biểu Uất Trì Kính Đức, tỏ ý muốn cùng Kính Đức kết bạn.

Uất Trì Kính Đức nói với người mang thư: "Tôi là bộ hạ của Tần Vương. Nếu đi lại riêng tư với Thái tử và mang lòng này nọ với Tần Vương thì sẽ trở thành kẻ tiểu nhân tham vàng bỏ nghĩa. Một người như vậy thì có ích gì cho Thái tử". Nói rồi, nhất định từ chối không nhận xe vàng bạc.

Kiến Thành bị Uất Trì Kính Đức cự tuyệt thì giận run người. Sợ lộ việc này, đêm đó Kiến Thành sai thích

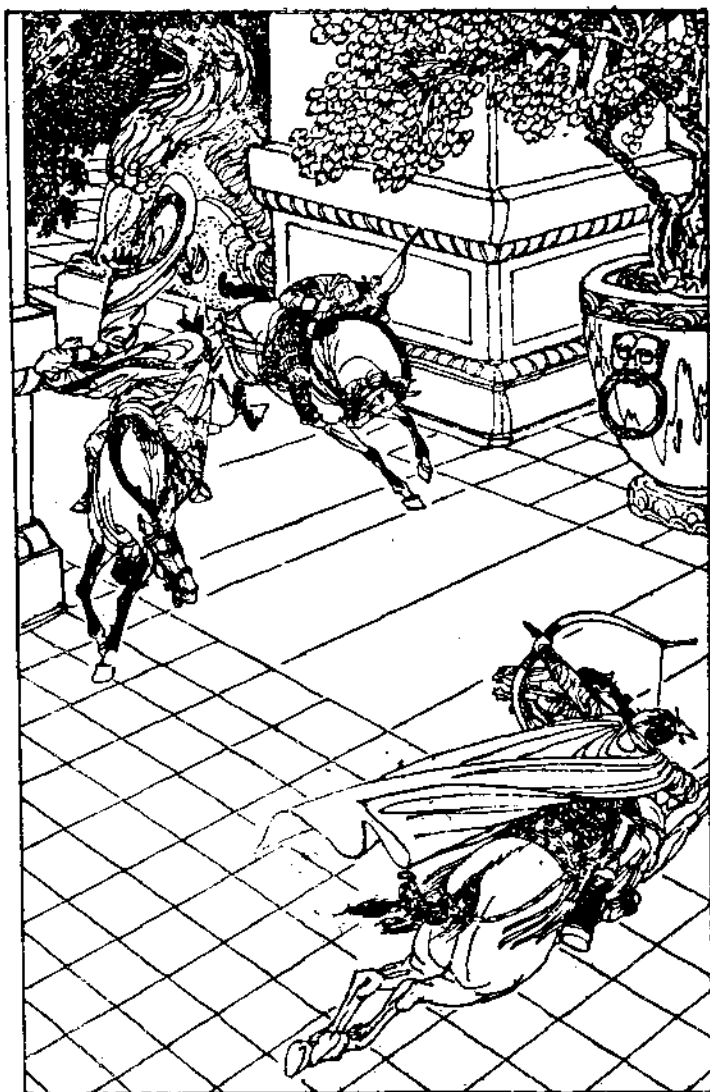
khách đến nhà Uất Trì Kính Đức hành thích. Uất Trì Kính Đức đã dự liệu đến khả năng đó, nên cố ý mở rộng cửa, nằm trên giường giữa nhà, để cây trường mâu bên cạnh. Thích khách lên vào sân, thấy tình hình đó, lại biết Uất Trì Kính Đức có vũ dũng hơn người, nên không dám hành động.

Kiến Thành, Nguyên Cát thất bại trong chuyện này, liền nghĩ kế khác. Lúc đó, Đột Quyết xâm phạm Trung Nguyên. Kiến Thành tâu với Đường Cao Tổ, xin cử Nguyên Cát thay Lý Thế Dân đem quân bắc chinh. Sau khi được Đường Cao Tổ phong làm chủ soái, Lý Nguyên Cát lại xin điều ba viên đại tướng Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo và Trình Giảo Kim cùng số tinh binh của phủ Tần Vương sáp nhập vào đội quân của mình. Làm như vậy, để tước bớt lực lượng của Lý Thế Dân, tạo thuận lợi cho việc trừ bỏ sau này.

Có người báo âm mưu đó cho Lý Thế Dân biết. Lý Thế Dân thấy tình thế nguy cấp liền vội mời người con cậu là Trương Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức đến bàn bạc. Hai người đều khuyên Lý Thế Dân ra tay trước. Lý Thế Dân nói: "Anh em tàn sát lẫn nhau là chuyện chẳng đẹp đẽ gì. Thôi hãy để họ động thủ trước, rồi ta sẽ đối phó sau."

Uất Trì Kính Đức và Trương Tôn Vô Kỵ vội vã nói, nếu Lý Thế Dân không ra tay thì họ không thể cứ ngồi trong phủ Tần Vương để chờ chết được. Thấy bộ hạ kiên quyết, Lý Thế Dân liền quyết tâm hành động.

Ngay đêm đó, Lý Thế Dân vào cung tố cáo với Đường Cao Tổ về việc Thái tử Kiến Thành đồng mưu với Nguyên Cát mưu hại mình. Đường Cao Tổ quyết định



sớm hôm sau sẽ gọi cả ba anh em vào cung để tự xét hỏi.

Sớm hôm sau, Lý Thế Dân sai Trưởng Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức dẫn một toán tinh binh mai phục tại cửa Huyền Vũ phía Bắc hoàng cung, chờ Kiến Thành và Nguyên Cát tới.

Chốc lát sau, Kiến Thành và Nguyên Cát cưỡi ngựa tới. Đến cạnh cửa Huyền Vũ, Kiến Thành và Nguyên Cát thấy không khí có vẻ khác thường, nên sinh nghi, quay đầu ngựa chuẩn bị đi về.

Lý Thế Dân từ trong cửa Huyền Vũ phóng ngựa ra, kêu to: "Điện hạ, chớ đi." Nguyên Cát quay mình lại, cầm cây cung đem theo sẵn, muốn bắn chết Thế Dân. Nhưng vì hồi hộp quá, không giương được cung. Lý Thế Dân nhanh mắt, nhanh tay, bắn một phát tên, giết chết Kiến Thành. Ngay lúc đó, Uất Trì Kính Đức dẫn 70 kỵ binh xông ra, bắn một phát tên, giết chết Nguyên Cát.

Các tướng sĩ ở Đông Cung và phủ Tề Vương nghe tin cửa Huyền Vũ có biến, liền huy động hết lực lượng tiến đánh phủ Tần Vương. Lý Thế Dân vừa chỉ huy tướng sĩ chống lại, vừa sai Uất Trì Kính Đức vào cung tâu với Đường Cao Tổ.

Đường Cao Tổ đang chờ ba con vào triều kiến, thì thấy Uất Trì Kính Đức cầm trường mâu xông xộc chạy vào, tâu lớn: "Thái tử và Tề Vương nổi loạn. Tần Vương đã giết được chúng. Tần Vương sợ làm kinh động bề hạ nên sai thân vào hộ giá."

Cao Tổ biết rõ sự việc đã xảy ra, kinh sợ và thương tâm, ngồi lặng đi không biết nói gì.

Tể tướng Tiêu Vũ nói: "Kiến Thành, Nguyên Cát vốn không có công lao gì. Hai người đổ kỵ Tần Vương nên đã thực hiện gian kế. Nay Tần Vương đã tiêu diệt được họ, thì là việc tốt. Bệ hạ giao việc nước cho Tần Vương thì sẽ không có chuyện gì cả."

Đến bước này, Cao Tổ có phản đối cũng vô ích đành làm theo ý các đại thần, tuyên bố Kiến Thành, Nguyên Cát có tội, ra lệnh cho tướng sĩ các phủ phải chịu sự chỉ huy của Tần Vương. Hai tháng sau, Đường Cao Tổ nhường ngôi cho Tần Vương, tự mình làm Thái Thượng Hoàng. Lý Thế Dân lên ngôi. Đó là Đường Thái Tông*.

-
- * Sự kiện anh em tàn sát nhau ở cửa Huyền Vũ dẫn tới sự lên ngôi của Lý Thế Dân, đã được các nhà sử học bàn luận nhiều.

Thời Trần ở nước ta, Trần Dụ Tông có bài thơ vịnh như sau:

"Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông

Bỉ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong

Kiến Thành tru tử, An Sinh tại

Miêu hiệu tuy đồng, đức bất đồng."

Dịch:

"Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái Tông

Đường là Trinh Quán, Việt Nguyên Phong

Kiến Thành bị giết, An Sinh sống.

Miêu hiệu tuy đồng, đức chẳng đồng"

(Trinh Quán: niên hiệu của Đường Thái Tông

Nguyên Phong: niên hiệu của Trần Thái Tông

Thái Tông: miếu hiệu (hiệu đặt sau khi chết) của Lý Thế Dân và Trần Cảnh).

144- NGUY TRUNG CAN NGĂN THẮNG THẦN

Sau sự biến của Huyền Vũ, có người tố cáo với Lý Thế Dân là ở Đông Cung có một viên quan tên là Ngụy Trưng đã từng tham gia quân nghĩa của Lý Mật và Đậu Kiến Đức. Sau khi Đậu Kiến Đức thất bại, Ngụy Trưng đến Trường An và trở thành thủ hạ của Kiến Thành, đã từng khuyên Kiến Thành giết Lý Thế Dân.

Lý Thế Dân thấy nói vậy, lập tức cho người tìm Ngụy Trưng tới.

Khi Ngụy Trưng vào phủ. Tần Vương Lý Thế Dân hầm hầm nổi giận hỏi: "Tại sao người dám xúi bẩy ly gián anh em ta?"

Mọi người xung quanh thấy vậy, cho rằng Tần Vương muốn trả món nợ cũ, đều toát mồ hôi lo thay cho Ngụy Trưng. Nhưng Ngụy Trưng vẫn bình thản, trả lời không hề sợ hãi: "Đáng tiếc là lúc đó Thái tử không nghe lời tôi. Nếu không, không thể xảy ra chuyện như vừa rồi."

Tần Vương nghe nói, cảm thấy Ngụy Trưng nói năng thẳng thắn, tỏ ra gan dạ và có hiểu biết, không những không trách mắng, mà còn nói rất hoà nhã: "Việc đã qua, không nên nhắc tới nữa."

Sau khi lên ngôi, Đường Thái Tông thăng Ngụy Trưng lên làm Giám nghị đại phu. Ngoài ra, còn tuyển chọn một số người trước kia là thủ hạ của Kiến Thành, Nguyên Cát, phong cho quan chức. Những quan lại trong phủ Tần Vương cũ thắc mắc, phản nản riêng với nhau: "Chúng ta đã theo hoàng thượng bao nhiêu năm. Nay hoàng thượng phong quan tước, lại cho người cũ của Đông cung và phủ Tể Vương được hưởng lợi. Không hiểu thế là thế nào?"

Tể tướng Phòng Huyền Linh nói cho Đường Thái Tông biết điều đó. Đường Thái Tông cười nói: "Triều đình đặt ra quan chức để cai trị đất nước, cần phải chọn người hiền tài, chứ sao lại lấy mối quan hệ để làm tiêu chuẩn chọn lựa. Nếu người mới có tài năng, người cũ không có tài năng thì không nên bài xích người mới mà cứ sử dụng người cũ!" Mọi người nghe nói lại, không nói gì được nữa.

Đường Thái Tông không ghi thù hận cũ, biết lựa chọn nhân tài và khuyến khích các đại thần nói thẳng ý kiến của mình. Vì vậy, cố việc gì các đại thần đều mạnh dạn nói ra. Đặc biệt là Ngụy Trưng, luôn suy nghĩ chu đáo mọi công việc của triều đình, có ý kiến gì đều trực tiếp nói với Đường Thái Tông. Đường Thái Tông cũng hết sức tín nhiệm ông, thường gọi ông vào nội cung để nghe ông trình bày.

Có lần, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng: "Các hoàng đế trong lịch sử, tại sao có người rất sáng suốt, có người lại rất u mê?"

Ngụy Trưng trả lời: "Ai biết lắng nghe mọi ý kiến thì sẽ sáng suốt, ai chỉ nghe theo một loại ý kiến thì sẽ u mê." Rồi ông cử ra các thí dụ về Nghiêu, Thuấn và Tân Nhị Thế, Lương Vũ Đế, Tuỳ Dạng Đế và nói: "Vị hoàng đế nào trong khi cai trị thiên hạ, biết tiếp nhận ý kiến của bên dưới thì tình hình bên dưới có thể thông suốt lên trên, những kẻ thân tín bên mình muốn che đậy cũng không được".

Đường Thái Tông gật đầu lia lịa, nói: "Đúng đúng! Khanh nói rất đúng!"

Một hôm khác, sau khi đọc xong văn tập của Tuỳ Dạng Đế, Đường Thái Tông nói với các đại thần tả hữu: "Trẫm thấy Tuỳ Dạng Đế là người có học vấn uyên bác, biết rõ Nghiêu, Thuấn là tốt, Kiệt, Trụ là xấu, mà tại sao ông ta lại hành động buông thả vô độ như vậy?"

Ngụy Trưng đáp ngay: "Một hoàng đế mà chỉ dựa vào thông minh uyên bác thì không đủ mà còn phải khiêm tốn lắng nghe ý kiến các bầy tôi. Tuỳ Dạng Đế tự cho là mình tài cao, nên kiêu ngạo tự mãn, nói lời nói của Nghiêu Thuấn, nhưng làm những việc của Kiệt Trụ, càng về sau càng hồ đồ nên đã tự tạo nên sự diệt vong."

Đường Thái Tông nghe xong, xúc động sâu xa, thở dài nói: "Ồ, những bài học của quá khứ, đúng là thầy dạy của chúng ta!"

Thấy chính quyền ngày càng được củng cố, Đường Thái Tông rất phấn khởi. Ông thấy những lời khuyên



của các đại thần rất có ích cho mình, nên nói với họ: "Trị nước giống như trị bệnh. Tuy bệnh đã khỏi, vẫn cần chăm sóc thân thể cho tốt, không thể buông thả. Nay Trung Nguyên đã an định, bốn phương qui phục, từ xưa tới nay hiếm có thời kỳ nào được như thế này. Nhưng chúng ta vẫn phải hết sức thận trọng, chỉ lo rằng không giữ được như thế này mãi. Vì vậy, trẫm còn phải tiếp tục nghe ý kiến can gián của chư khanh".

Ngụy Trưng nói: "Trong hoàn cảnh an bình mà bệ hạ còn lo nghĩ tới lúc nguy cấp thì chúng thần hết sức phấn khởi"

Sau đó, càng ngày Ngụy Trưng càng nên nhiều ý kiến. Hễ thấy Thái Tông có điểm gì không đúng là ông đều ra sức tranh biện. Có lúc, Đường Thái Tông thấy khó chịu, sầm mặt lại, nhưng Ngụy Trưng vẫn tiếp tục nói, khiến Đường Thái Tông không dứt ra được.

Một lần, khi lâm triều, Ngụy Trưng tranh cãi với Đường Thái Tông đến đỏ mặt tía tai. Đường Thái Tông không muốn nghe nữa toan nổi nóng, nhưng lại ngại làm như thế trước mặt các đại thần thì làm mất tiếng tốt xưa nay là chịu tiếp thu ý kiến của các đại thần, nên đành gượng nhịn. Sau khi thoái triều, Đường Thái Tông hầm hầm tức giận trở về nội cung, vừa gặp mặt Trương Tôn hoàng hậu, liền bực tức nói: "Thế nào cũng có ngày ta phải giết chết lão già nhà quê đó!"

Trương Tôn hoàng hậu rất ít khi thấy Thái Tông nổi nóng như vậy, liền hỏi: "Chẳng hay bệ hạ định giết ai vậy?"

Đường Thái Tông nói: "Vẫn là cái lão Ngụy Trưng đó, chứ còn ai nữa! Bao giờ lão ta cũng làm nhục trẫm trước các đại thần, trẫm không thể nào nhịn được nữa!"

Trưởng Tôn hoàng hậu nghe nói vậy, lặng lẽ trở về nội thất, thay mặc triều phục rồi trở ra, sụp lạy trước Đường Thái Tông.

Đường Thái Tông ngạc nhiên hỏi: "Khanh làm gì vậy?"

Trưởng Tôn hoàng hậu nói: "Thiếp nghe nói chỉ có bậc thiên tử anh minh mới có được các đại thần chính trực. Nay Ngụy Trưng có thái độ chính trực như vậy, tỏ rằng bề hạ rất anh minh, thiếp không thể không chúc mừng bề hạ".

Lời nói đó như một chậu nước mát làm tiêu tan cơn giận của Đường Thái Tông. Từ đó, không những ông không còn giận Ngụy Trưng mà còn khen ngợi: "Mọi người đều nói Ngụy Trưng có lời nói và cử chỉ thô lỗ, nhưng ta thấy đó chính là chỗ đáng yêu của ông ta".

Năm 643, Ngụy Trưng bị bệnh mất. Đường Thái Tông rất buồn rầu. Ông chảy nước mắt nói: "Người ta dùng đồng làm gương soi* thì có thể thấy y phục có chỉnh tề không; dùng lịch sử làm gương soi, thì có thể thấy nguyên nhân hưng vong của đất nước; dùng người làm gương soi, thì có thể thấy được công việc của mình làm là đúng hay sai. Ngụy Trưng mất đi, trẫm mất một tấm gương soi tốt."

* thời đó chưa làm được gương soi bằng kính tráng thủy ngân mà dùng tấm đồng đánh bóng làm gương soi.

Do Đường Thái Tông trọng dụng nhân tài, và biết tiếp thu lời can gián của các đại thần, tương đối sáng suốt về chính trị, đồng thời chú ý giảm nhẹ lao dịch cho nhân dân, áp dụng các biện pháp phát triển sản xuất, nên thời kỳ đầu của nhà Đường đã xuất hiện cảnh tượng phồn vinh, trật tự xã hội tương đối ổn định. Lịch sử gọi thời kỳ này là "Trình Quan chi trị"*

* nền thịnh trị dưới thời Trình Quan- Trình Quan hay còn gọi là Trình Quán, là niên hiệu của Đường Thái Tông.

145-LÝ TINH TẬP KÍCH ÂM SƠN

Thời kỳ đầu khi Đường Thái Tông lên ngôi, chiến sự ở Trung Nguyên tuy đã kết thúc, nhưng miền biên cảnh phía Tây vẫn chưa được yên ổn. Đặc biệt là bộ tộc Đông Đột Quyết, lúc đó khá lớn mạnh, trở thành mối uy hiếp chủ yếu cho triều Đường. Sau khi khởi binh ở Thái Nguyên, Đường Cao Tổ tập trung đối phó với triều Tuy, nên chỉ có thể dùng biện pháp vừa uy hiếp vừa hoà hoãn để duy trì quan hệ hữu hảo với Đông Đột Quyết. Nhưng giới quý tộc Đông Đột Quyết vẫn không ngừng đưa lực lượng vào quấy nhiễu biên cảnh, làm cho tình hình địa phương không yên ổn.

Đường Thái Tông lên ngôi chưa được hai mươi ngày thì khả hãn Đột Quyết là Hiệt Lợi dẫn hơn mười vạn quân tiến công tới bờ Vị Thủy, cách Trường An có bốn mươi dặm. Hiệt Lợi cho rằng Đường Thái Tông mới lên ngôi, vị tất đã dám chống lại, nên cử sứ giả đến Trường An gặp Đường Thái Tông, nói vớng lên rằng Đột Quyết có một triệu quân, sẽ tới ngay tức khắc.

Đường Thái Tông là người từng trải, ông phớt lờ sự uy hiếp của Hiệt Lợi, cho giam sứ giả lại. Sau đó, ông

cho quân Đường bày trận ở Trường An, rồi thân dẫn Phòng Huyền Linh và năm viên tướng đi ngựa tới chân cầu tam ở Vị Thủy, đòi gặp Hiệt Lợi ra đứng cách sông nói chuyện.

Hiệt Lợi nghe nói sứ giả bị giữ, đã hơi kinh sợ, lại thấy Đường Thái Tông đích thân ra trận, phía sau có quân Đường hàng ngũ chỉnh tề, cờ xí pháp phới thì thực sự hoảng sợ, liền dẫn một số tướng lĩnh đến bờ Vị Thủy, xuống ngựa bái kiến Đường Thái Tông.

Đường Thái Tông từ bên này sông nói sang: "Hai bên chúng ta từ lâu đã có minh ước. Mấy năm nay, chúng tôi đã cho các ông không thiếu vàng bạc vải lụa. Tại sao các ông lại làm trái tín nghĩa, đem quân xâm phạm bờ cõi Đại Đường?"

Hiệt Lợi không biết trả lời ra sao, đành tỏ ý giảng hoà. Hai ngày sau, hai bên lập minh ước ngay trên cầu tam và Hiệt Lợi rút quân về.

Từ đó Đường Thái Tông ra sức huấn luyện tướng sĩ. Hàng ngày triệu tập mấy trăm tướng sĩ đến trước điện luyện tập cung tên. Ông nói với họ: "Kẻ địch từ ngoài xâm phạm là việc thường xảy ra, không có gì đáng sợ! Điều đáng sợ là khi biên cảnh hơi ổn định là mọi người chỉ thích an nhàn, không phòng bị chiến tranh, có địch tới không chống đỡ nổi. Từ nay, ngày thường ta làm thầy dạy, dạy các người việc cung tên, khi có chiến tranh, ta làm tướng soái chỉ huy các người đánh giặc".

Được Đường Thái Tông khuyến khích, các tướng sĩ dốc lòng luyện tập. Chỉ trong mấy năm, đã huấn luyện được một đội quân tinh nhuệ.

Một năm miền Bắc có tuyết lớn, súc vật chăn nuôi của Đột Quyết bị chết nhiều, miền sa mạc phía Bắc có nạn đói. Khả hãn Hiệt Lợi tăng cường áp bức các bộ tộc khác nên dẫn tới sự phản kháng của họ. Hiệt Lợi phái người anh em họ là Đột Lợi đi trấn áp, nhưng bị đánh cho đại bại. Đột Lợi trở về, bị Hiệt Lợi trách mắng, hai người nảy sinh mâu thuẫn lớn, nên Đột Lợi chạy sang hàng triều Đường.

Đường Thái Tông nắm ngay thời cơ đó, liền phái Lý Tĩnh và Từ thế Tích cùng hai đại tướng khác dẫn hơn 10 vạn quân, do Lý Tĩnh chỉ huy chung, chia đường tiến đánh Đột Quyết.

Lý Tĩnh là nhà quân sự nổi tiếng đời Đường, rất tinh thông binh pháp. Vào cuối triều Tùy, ông theo Đường và lập nhiều chiến công trong cuộc chiến tranh thống nhất đất nước.

Năm 630, Lý Tĩnh thân dẫn ba ngàn kỵ binh tinh nhuệ xuất phát từ Mã Ấp, hành quân suốt đêm, nhân lúc Hiệt Lợi không phòng bị, tiến sát doanh trại Đột Quyết. Hiệt Lợi đột nhiên thấy quân Đường xuất hiện thì rụng rời sợ hãi, các tướng sĩ Đột Quyết cũng cuống quýt, nói: "Lần này, nhất định là quân Đường huy động binh lực cả nước đến đánh. Nếu không thì sao Lý Tĩnh dám đi sâu như vậy?"

Quân Đường chưa mở cuộc tiến công, hàng ngũ Đột Quyết đã rối loạn. Lý Tĩnh lại cử gián điệp trà trộn vào nội bộ Đột Quyết, thuyết phục được một tướng tâm phúc của Hiệt Lợi đầu hàng. Hiệt Lợi thấy tình hình bất lợi, liền ngầm chạy trốn.



Lý Tĩnh đánh hạ được Định Tương, đắc thắng trở về. Đường Thái Tông rất phấn khởi, nói: "Trước kia Lý Lăng triều Hán đem năm ngàn quân, chẳng may bị Hung Nô bắt sống. Nay khanh mang có ba ngàn quân vào sâu trong đất địch, mà chiếm được Định Tương, uy danh chấn động cả miền Bắc. Đó là công lao từ xưa tới nay hiếm có!"

Hiệt Lợi chạy đến phía bắc Âm Sơn, sợ quân Đường tiếp tục đuổi đánh, liền phái sứ giả đến Trường An xin hoà và còn nói sẽ đích thân tới triều kiến. Đường Thái Tông một mặt phái Đường Kiệm đến Đột Quyết, tỏ thái độ phủ dụ, mặt khác hạ lệnh cho Lý Tĩnh đem quân theo sát động tĩnh của Hiệt Lợi.

Lý Tĩnh dẫn quân tới Bạch Dao (nay ở Tây bắc Hút Hao thuộc Nội Mông), hội quân với Từ Thế Tích. Hai người bàn bạc phương án hành động. Lý Tĩnh nói: "Tuy Hiệt Lợi đã thua trận nhưng người ngựa trong tay hắn còn nhiều. Nếu để hắn chạy mất thì sau này sẽ khó tìm được. Chúng ta cần chọn một vạn tinh binh, mang theo hai mươi ngày lương, bám thật sát thì nhất định có thể bắt được". Từ Thế Tích tán thành ý kiến đó. Hai cánh quân liền tiến tới Âm Sơn. Hiệt Lợi cầu hoà thực tế là một kế hoãn binh, để chờ tới mùa hè, ngựa đủ cỏ ăn, béo tốt sẽ lại quay về Mạc Bắc. Thấy Đường Kiệm tới, ông ta cho rằng triều Đường đã trúng kế nên phấn khởi, việc phòng bị tự nhiên bị buông lỏng.

Tối hôm đó, quân Đường do Lý Tĩnh và Từ Thế Tích chỉ huy tới Âm Sơn, liền lệnh cho bộ tướng Tô Dịch Phương dẫn hai trăm nghìn kỵ lợi dụng sương mù tiến gần khu đóng quân của Hiệt Lợi. Khi quân tiền tiêu của

Đột Quyết phát hiện, thì quân Đường chỉ còn cách doanh trại của Hiệt Lợi có bảy dặm.

Hiệt Lợi được tin quân Đường tới, liền vội tìm Đường Kiệm thì Đường Kiệm đã nhân lúc sơ hở trốn về với quân Đường. Hiệt Lợi hoảng hốt nhảy lên thiên lý mã chạy trốn. Lý Tịnh chỉ huy quân Đường đuổi đánh. Quân Đột Quyết không có chủ tướng nên hoàn toàn rối loạn. Quân Đường tiêu diệt hơn một vạn quân Đột Quyết, ngoài ra còn bắt được rất nhiều tù binh và súc vật. Hiệt Lợi chạy trốn khắp nơi, cuối cùng dẫn mấy binh sĩ thân tín chạy vào núi hoang, bị bộ hạ bắt nộp cho quân Đường, rồi bị giải về Trường An.

Đông Đột Quyết từng lớn mạnh một thời, nay đã bị diệt vong. Đường Thái Tông không giết tù binh, mà thiết lập Đô Đốc phủ tại vùng bị chiếm, chọn quý tộc Đột Quyết làm Đô Đốc để quản lý các bộ lạc Đột Quyết.

Lần thắng lợi này đã nâng ao uy quyền của Đường Thái Tông đối với các bộ tộc thiểu số vùng Tây Bắc. Trong năm đó, thủ lĩnh các thị tộc Hồi Hột cùng đến Trường An triều kiến Đường Thái Tông, tôn Đường Thái Tông làm thủ lĩnh chung của họ, tôn xưng ông là "thiên khả hãn".

Từ đó về sau, rất nhiều người ở Tây Vực và các nước châu Á khác không ngừng đến Trường An. Trong thời kỳ đó, Cao Tăng Huyền Trang của triều Đường cũng đi Tây Trúc theo con đường đi qua các nước Tây Vực.

146- HOÀ THƯỢNG HUYỀN TRANG ĐI LẤY KINH

Huyền Trang là hoà thượng ở chùa Đại Từ Ân, Trường An. Ông vốn có tên là Trần Huy, quê quán ở Câu Thi (nay là thị trấn Câu Thi, Yên Sư, Hà Nam) thuộc Lạc Châu. Năm 13 tuổi, Ông xuất gia đi tu và miệt mài nghiên cứu Phật học. Ông đã đi nhiều nơi tìm thầy học tập, nên đã tinh thông kinh điển Phật giáo, được tôn xưng là Tam Tạng Pháp sư*. Ông phát hiện thấy kinh Phật được phiên dịch** có rất nhiều sai lầm, lại nghe nói ở Thiên Trúc có rất nhiều kinh Phật, nên quyết định đến Thiên Trúc để đọc kinh Phật từ bản gốc.

Năm 629 (có thuyết nói là năm 627) ông xuất phát từ Trường An, đến Lương Châu (nay là Vũ Uy, Cam Túc). Lúc đó triều đình cấm không cho dân Đường xuất cảnh, nên bị lính biên phòng Lương Châu yêu cầu quay trở lại Trường An. Ông liền bỏ qua Lương Châu, đi sang phía

* Tam Tạng là tên gọi chung các kinh sách của Phật giáo.

** từ tiếng Phạn sang tiếng Hán.

Tây, đến Qua Châu, (nay là Tây An, Cam Túc) gần Ngọc Môn Quan.

Huyền Trang ở Qua Châu, tìm hiểu biết rằng ở ngoài Ngọc Môn Quan có năm trại canh gác, mỗi trại cách nhau một trăm dặm. Trong khu vực đó không có nguồn nước, chỉ ở cạnh các trại mới có. Lúc đó, các quan chức ở Lương Châu đã biết được ông đang tìm cách vượt biên, nên gửi công văn đến Qua Châu để bắt giữ ông lại. Vì vậy, nếu đi vào các trại, nhất định sẽ bị binh lính biên phòng bắt.

Huyền Trang đang lúc khó khăn thì gặp một người Hồ tên là Thạch Bàn Đà, tỏ ý sẵn sàng dẫn đường cho ông.

Huyền Trang rất mừng, liền bán quần áo, mua hai con ngựa, rồi cùng Thạch Bàn Đà đi suốt đêm, hết sức vất vả mới thoát được qua Ngọc Môn Quan. Sau đó, họ phải nằm ngủ trong một bụi cây để chuẩn bị tiếp tục hành trình về phía Tây.

Ngờ đâu, sau chặng đường đầu, Thạch Bàn Đà không muốn đi tiếp nữa, thậm chí còn muốn giết Huyền Trang. Huyền Trang phát hiện anh ta có ý xấu, liền đuổi anh ta đi.

Từ đó Huyền Trang chỉ có một mình một ngựa lần mò tìm lối đi trên sa mạc. Đi khoảng 80 dặm tới bên một trại quân biên phòng nữa. Sợ bị phát hiện, ban ngày ông ẩn dưới khe, đợi khi tối mới ra tìm nguồn nước cạnh trại quân. Trong lúc ông đang dùng túi da để múc nước, thì bất ngờ có một phát tên bắn sát cạnh người. Biết không thể thoát được, ông đành đứng dậy kêu to về phía chòi gác: "Đừng bắn! Tôi là một nhà sư từ Trường An tới".

Người trên trại gác ngừng bắn. Cổng trại được mở, binh lính trong trại ra dẫn Huyền Trang vào. Thật may mắn, người chỉ huy trại lính là hiệu uý Vương Tường, một tín đồ rất sùng tín Phật giáo. Sau khi hỏi han, Vương Tường không những không làm khó dễ, mà còn gọi người mang cơm nước cho Huyền Trang, rồi tự mình dẫn Huyền Trang đi hơn mười dặm đường, sau đó chỉ dẫn cho Huyền Trang lối đi tới trại gác thứ tư.

Người chỉ huy trại thứ tư là anh em cùng họ với Vương Tường, thấy Huyền Trang từ chỗ Vương Tường tới thì nhiệt tình tiếp đãi rồi nói cho ông biết là binh lính ở trại thứ năm rất hung bạo, nên bỏ qua, đi vòng qua đến lấy nước ở Dã Mã Tuyền rồi vượt qua đại sa mạc rộng tới tám trăm dặm để sang Tây Vực.

Huyền Trang theo lời, từ trại thứ tư đi vòng, được hơn một trăm dặm thì lạc đường, không tìm thấy Dã Mã Tuyền để lấy nước. Họa vô đơn chí, trong lúc ông đang lấy túi da còn một ít nước trong đó để uống thì lỡ tay để rơi túi, nước trào ra, ngấm xuống cát hết. Không có nước uống thì vượt sa mạc làm sao? Huyền Trang toan quay trở lại trại thứ tư để lấy nước, nhưng chợt nhớ tới lời thề trước lúc lên đường là nếu chưa tới đích thì không lui một bước. Bây giờ, sao có thể vì gặp khó khăn mà quay lui được? Nghĩ tới điều đó, ông lại quay ngựa, tiếp tục đi về hướng tây.

Sa mạc mênh mông, trên không có chim bay, dưới không có thú chạy, thỉnh thoảng gió lại nổi lên, cuốn cát lên mù mịt rồi ném xuống rào rào như mưa. Huyền Trang đi trên sa mạc liên tục năm ngày bốn đêm, không có một ngụm nước, miệng rất như phải bỏng, cuối cùng không gượng được nữa, ngã lặn trên cát, ngất đi. Đến



nửa đêm, một cơn gió mát làm Huyền Trang tỉnh dậy. Ông cố gượng dắt ngựa đi được hơn mười dặm thì phát hiện được một khu đất có cỏ mọc xanh tốt và một vũng nước lớn. Có cỏ và nước, người và ngựa mới thoát khỏi cảnh hiểm nghèo. Đi thêm hai ngày nữa, thoát ra được khỏi sa mạc, rồi qua Y Ngô (nay là Cáp Mật, Tân Cương), đến Cao Xương (nay ở phía Đông Tu Lu Phan Tân Cương).

Cao Xương Vương là Cúc Văn Thái cũng rất sùng đạo Phật. Nghe nói Huyền Trang là một cao tăng từ Đại Đường tới thì rất kính trọng, xin ông giảng kinh và khẩn thiết mời ông lưu lại Cao Xương. Huyền Trang kiên trì thoái thác. Cúc Văn Thái không có cách gì giữ được, liền chuẩn bị hành trang đầy đủ cho Huyền Trang, lại cử hai mươi lăm người mang theo ba mươi con ngựa đi hộ tống. Ông còn viết thư cho hai mươi bốn quốc vương các nước dọc đường đi, đề nghị họ giúp đỡ Huyền Trang khi quá cảnh.

Huyền Trang có người ngựa đi kèm, vượt qua núi tuyết, sông băng, xông pha gió xoáy băng trôi, trải qua muôn vàn gian khổ, đến được Toái Diệp Thành (nay thuộc nước cộng hoà Kiết Ghi Di ở Trung Á) được Khả Hãn Tây Đột Quyết tiếp đãi. Sau đó tiếp tục thuận lợi hành trình, qua các nước Tây Vực, tiến vào Thiên Trúc.

Thiên Trúc là đất phát nguyên của Phật Giáo nên có rất nhiều di tích cổ về đức Phật. Huyền Trang đi thăm mọi di tích, chùa chiền và tìm các cao tăng để học những điều sâu xa huyền diệu trong kinh Phật. Một lần, trong khi ngồi thuyền đi qua sông Hằng, ông gặp một bọn cướp. Bọn này mê tín vào hung thần, hàng năm cứ vào mùa thu là phải giết một người để tế thần

của chúng. Bọn chúng nhằm đúng Huyền Trang, quyết định chọn ông làm tế vật. Huyền Trang hết lời giải thích cũng không có tác dụng gì, đành nhắm mắt lại, niệm Phật. Thật khéo làm sao, đúng lúc đó, một trận cuồng phong, nước sông ngầu đục, nổi sóng cuộn cuộn suýt làm lật thuyền. Bọn cướp hoảng sợ, vội quỳ xuống cầu nguyện và tha Huyền Trang ra.

Câu chuyện ấy được đồn đại đi rất nhanh. Nhân dân địa phương đều cho là Huyền Trang có pháp thuật cao siêu, được đức Phật bảo hộ.

Tại nước Ma Kiết Đà ở Thiên Trúc có một ngôi chùa lớn cổ kính, có tên là chùa Na Lan Đà. Trong chùa có pháp sư Giới Hiền là một đại học giả của Thiên Trúc. Huyền Trang tìm đến chùa Na Lan Đà, thụ giáo pháp sư Giới Hiền trong năm năm, học hiểu hết các pho kinh có ở đây.

Giới Nhật Vương của nước Ma Kiết Đà là một vương quốc sùng tín Phật giáo, nghe tiếng Huyền Trang, liền mở một cuộc giảng kinh long trọng ở quốc đô Khúc Nhữ Thành (thuộc miền Bắc Ấn Độ), mời Huyền Trang đến thuyết giáo. Mười tám quốc vương của các nước thuộc Thiên Trúc và hơn ba ngàn cao tăng đã đến dự. Giới Nhật Vương mời Huyền Trang lên giảng kinh rồi mời mọi người cùng biện luận. Đại hội tiến hành trong mười tám ngày, mọi người đều hết sức khâm phục trước sự diễn giảng tinh tường sâu sắc của Huyền Trang, không ai bác bỏ được điều gì. Cuối cùng, Giới Nhật Vương cử người giương cao áo cà sa của Huyền Trang và tuyên bố cuộc giảng kinh đã thành công tốt đẹp.

Khi tiếp kiến Huyền Trang, Giới Nhật Vương nói, từ lâu ông đã nghe nói ở Trung Quốc có một vương quốc tài giỏi và vũ dũng là Tân Vương. Huyền Trang nói cho ông ta biết, Tân Vương chính là hoàng đế Đại Đường hiện nay.

Chuyến đi của Huyền Trang không những thu được kết quả lớn về Phật học, mà còn xúc tiến việc giao lưu văn hoá Đông Tây, Năm 645, sau mười năm xa nước, Huyền Trang đã mang theo hơn 600 bộ kinh Phật về tới Trường An.

Sự tích đi lấy kinh vô cùng gian khổ của Huyền Trang gây chấn động lớn trong nhân dân Trường An.

Lúc đó, Đường Thái Tông đang ở Lạc Dương, nghe tin đó, đã hết lời khen ngợi và đã tiếp kiến Huyền Trang ở hành cung Lạc Dương. Huyền Trang đã kể lại đầy đủ, tỉ mỉ về chuyến đi Thiên Trúc qua các nước Tây Vực cho Đường Thái Tông nghe.

Từ đó, Huyền Trang để hết tâm sức vào việc phiên dịch những kinh Phật đã mang về được. Ông còn cùng các đệ tử viết cuốn "Đại Đường Tây Vực ký" (Ghi chép về các nước Tây Vực thời Đại Đường). Trong cuốn sách này, ông đã ghi lại về tình hình địa lý, phong tục tập quán của 110 nước mà ông đã đi qua và hai mươi tám nước khác mà ông nghe nói tới (đây là những "nước" nhỏ thời đó, thuộc Tân Cương, Trung Á và Ấn Độ). Cuốn sách này trở thành một tài liệu rất quý về lịch sử và địa lý.

Vì việc lấy kinh của Huyền Trang mang rất nhiều màu sắc truyền kỳ, nên về sau trong dân gian lưu truyền nhiều truyện thần thoại xung quanh chuyến đi

đó. Những truyện trên miêu tả, trên đường đi lấy kinh, Huyền Trang đã gặp rất nhiều yêu ma quỷ quái. Đó đều là những điều thêu dệt do óc tưởng tượng trong dân gian.

Đến thời Minh, nhà viết tiểu thuyết Ngô Thừa Ân, đã căn cứ vào truyền thuyết dân gian để gia công về nghệ thuật, viết nên bộ tiểu thuyết thần thoại trường thiên xuất sắc là bộ "Tây Du Ký". Cuốn tiểu thuyết đã có tiếng vang rộng rãi và chiếm địa vị quan trọng trong văn học Trung Quốc và thế giới. Nhưng những điều miêu tả trong đó hoàn toàn khác xa với sự thực lịch sử về chuyến đi lấy kinh của Huyền Trang.

147- CÔNG CHÚA VĂN THÀNH VÀO THỔ PHỒN

Sau khi Đường Thái Tông diệt Đông Đột Quyết, liền lại phái Lý Tịnh đi đánh Thổ Cốc Hồn (nay thuộc tỉnh Thanh Hải), mở thông con đường sang Tây Vực. Các nước Tây Vực dần dập qua lại với triều Đường. Nước Thổ Phồn (do người Tạng dựng lên ở vùng cao nguyên Thanh - Tạng) ở xa cũng phái sứ giả tới.

Lúc đó quốc vương Thổ Phồn là Tùng Tán Can Bố, một người có tài kiêm văn võ. Năm 13 tuổi, ông đã tinh thông việc cưỡi ngựa, bắn cung, múa kiếm, đồng thời còn thích dân ca, giỏi làm thơ, được nhân dân Thổ Phồn yêu mến. Sau khi cha mất, quý tộc Thổ Phồn nổi loạn. Tùng Tán Can Bố nhờ lòng dũng cảm và tài trí, đã nhanh chóng dẹp yên nổi loạn.

Ông không thoả mãn với đời sống quý tộc của Thổ Phồn, mà với tinh thần cầu học, đã phái sứ giả đến Trường An lập quan hệ với triều Đường để học tập văn hoá Đường.

Đường Thái Tông cũng đã nghe nói tới danh tiếng Thổ Phồn, nên đồng ý kết giao, đồng thời còn cử người tới thăm Thổ Phồn.

Hai năm sau, Tùng Tán Can Bố lại phái sứ giả sang cầu hôn với hoàng thất Đường. Đường Thái Tông không thuận. Sứ giả sợ bị Tùng Tán Can Bố quở trách là không hoàn thành nhiệm vụ, nên khi về nước, liền nói dối rằng: "Thiên tử nhà Đường sắp đồng ý gả công chúa cho quốc vương thì quốc vương Thổ Cốc Hồn cũng phái sứ giả tới cầu hôn, vì vậy đã gác việc cầu hôn của ta lại".

Thổ Phồn và Thổ Cốc Hồn vốn đã có xích mích, nên khi Tùng Tán Can Bố nghe sứ giả nói thế thì nổi giận, liền cử hai mươi vạn quân tiến công Thổ Cốc Hồn. Quốc vương Thổ Cốc Hồn thấy thế quân Thổ Phồn quá mạnh, không chống đỡ nổi, liền di chuyển tới vùng Hoàn Hải.

Tùng Tán Can Bố đánh bại quân Thổ Cốc Hồn, liền thừa thắng tiến tới Tùng Châu (nay là Tùng Phiến, Tứ Xuyên) thuộc đất đại triều Đường và đánh thắng quân Đường ở đây. Tùng Tán Can Bố liền huênh hoang, phái sứ giả đến uy hiếp triều Đường: "Nếu không đem công chúa gả cho ta, ta sẽ đem quân đánh tới Trường An".

Đường Thái Tông nổi giận, phái đại tướng Hầu Quân Tập đem quân đánh lại Thổ Phồn. Các tướng sĩ Thổ Phồn không muốn Tùng Tán Can Bố gây chiến tranh với triều Đường, nên khi nghe tin đại quân của Đường sắp tới, đều xin lui quân. Tùng Tán Can Bố cũng không thể làm liều để chuốc lấy thất bại nên cử người xin giảng hoà.

Đường Thái Tông thấy như vậy cũng hợp ý mình, nên đồng ý.

Năm 640, Tùng Tán Can Bố lại phái một sứ giả có tài là Lộc Đông Tán dẫn phái bộ một trăm người, đem lễ hậu gồm năm ngàn lạng vàng và rất nhiều châu báu, đến Trường An cầu hôn.

Đường Thái Tông tiếp kiến Lộc Đông Tán. Lộc Đông Tán trở tài ăn nói, trình bày vói Đường Thái Tông nguyện ước chân thành của vị quốc vương tài giỏi và trẻ tuổi của mình muốn được sánh đôi với công chúa Đại Đường. Đường Thái Tông rất hài lòng, liền chọn trong hoàng tộc một cô gái xinh đẹp, dịu hiền, phong làm Văn Thành công chúa và gả cho Tùng Tán Can Bố.

Theo truyền thuyết, sứ giả Lộc Đông Tán là một người rất thông minh. Về sau, nhân dân trên cao nguyên Thanh Tạng, có lưu truyền câu chuyện về "Vượt năm khó khăn để cầu hôn". Nội dung đại lược như sau:

Khi Lộc Đông Tán đến Trường An, thay mặt quốc vương Tùng Tán Can Bố cầu hôn công chúa Đại Đường thì cũng có nhiều sứ giả các nước đến cầu hôn cho quốc vương mình. Đường Thái Tông ra điều kiện: Sứ giả nào giải quyết được năm vấn đề nêu ra thì sẽ gả công chúa cho quốc vương nước đó.

Việc thứ nhất là làm sao xâu được sợi tơ cực mảnh qua hết chín lỗ nhỏ trên một viên minh châu. Lộc Đông Tán nghĩ ra cách buộc sợi tơ đó vào bụng một con kiến rồi cho con kiến lần lượt chui qua chín lỗ nhỏ trên viên ngọc. Nhờ đó, đã được xâu sợi tơ.

Việc thứ hai là trong một đàn ngựa có một trăm ngựa mẹ và một trăm ngựa con, làm sao nhận ra đúng từng cặp mẹ con một. Lộc Đông Tán đem nhốt riêng một trăm ngựa mẹ và một trăm ngựa con ra hai nơi



riêng biệt trong một ngày, không cho ngựa con ăn uống gì. Hôm sau thả cả hai đàn ra bãi. Ngựa con quá đói, đều chạy đến bú mẹ, vì vậy việc nhận ra từng cặp mẹ con rất dễ dàng.

Lộc Đông Tán vượt tiếp hai cuộc khảo sát không mấy khó khăn.

Đến lần khảo sát cuối cùng, là làm sao phân biệt và chỉ ra được trong hai ngàn năm trăm mỹ nữ trẻ trung xinh đẹp, ai là công chúa Văn Thành. Với cặp mắt tinh tường và nhạy bén, Lộc Đông Tán lại vượt lên trên tất cả các sứ giả khác, nhận ra đúng vị công chúa cần tìm.

Truyền thuyết đó không hẳn là sự thực. Nhưng qua đó có thể thấy nguyện vọng của nhân dân Thổ Phồn muốn có tình hữu hảo với Đại Đường và sự khen ngợi của họ trước tài năng của Lộc Đông Tán.

Năm 641, cô gái hai mươi bốn tuổi mang tên công chúa Văn Thành, được Giang Hạ Vương Lý Đạo Tông hộ tống, lên đường sang Thổ Phồn. Triều Đường đã chuẩn bị cho công chúa rất nhiều của hồi môn. Vàng bạc châu báu, lụa là gấm vóc đương nhiên là rất nhiều. Ngoài ra, còn có nhiều đặc sản như giống lúa, giống cây ăn quả, hạt rau, cây thuốc, giống tằm... mà Thổ Phồn không có. Công chúa Văn Thành còn đem theo nhiều sách vở về y dược, cách gieo trồng, kỹ thuật xây dựng, thiên văn lịch pháp v.v...

Tin Công chúa Văn Thành xuất giá truyền tới Thổ Phồn. Suốt dọc đường, người ta nô nức chuẩn bị ngựa xe, thuyền bè, lương thực để phục vụ đoàn đưa dâu.

Tùng Tán Can Bố đích thân đi từ La Tá (nay là La Sa, thủ phủ Tây Tạng) tới Bá Hải (nay là Hồ Ngạc

Lăng, Thanh Hải) để nghênh đón. Tại đây, đã cử hành hôn lễ long trọng giữa Tùng Tán Can Bố và công chúa Văn Thành.

Sau hôn lễ, đoàn đón dâu và đưa dâu đã vượt qua núi tuyết và cao nguyên, về tới thành La Tá. Hôm công chúa vào thành, nhân dân quốc đô vui mừng như trong ngày hội, đổ ra khắp đường, ca múa đón chào. Tùng Tán Can Bố còn cho xây dựng ở La Tá một cung điện theo kiểu kiến trúc của triều Đường, làm nơi ở cho công chúa.

Văn Thành Công chúa sống ở Thổ Phồn hơn bốn chục năm. Bà đã có cống hiến quan trọng vào việc củng cố tình hữu nghị giữa hai dân tộc Hán - Tạng và việc phát triển kinh tế, văn hoá Tây Tạng. Ngày nay, trong chùa Đại Chiêu và cung Bu Ta La của Tây Tạng vẫn thờ tượng của Tùng Tán Can Bố và công chúa Văn Thành.

Năm 650, Tùng Tán Can Bố bị bệnh mất. Trước đó một năm, Đường Thái Tông cũng mất. Thái tử Lý Trị lên nối ngôi. Đó là Đường Cao Tông.

148- NỮ HOÀNG ĐẾ VÔ TẮC THIÊN

Đường Thái Tông là một hoàng đế sáng suốt, nhưng con ông là Cao Tông lại là một người tầm thường, không có tài cán gì. Sau khi lên ngôi, Đường Cao Tông không biết giải quyết việc triều chính thế nào, mọi việc đều nhờ cậu là Trưởng Tôn Vô Kỵ chỉ bảo. Về sau ông ta lập Vô Tắc Thiên làm hoàng hậu, thì tình hình thay đổi hẳn.

Vô Tắc Thiên vốn là một tài nhân (một cấp bậc thấp trong hàng phi tần) của Đường Thái Tông. Năm mười bốn tuổi, đã hầu hạ trong cung. Lúc đó, trong chuồng ngựa của hoàng đế có một con ngựa hay nhưng rất dữ, không ai cưỡi được.

Một hôm, Đường Thái Tông dẫn các cung phi ra xem ngựa, ông chỉ con ngựa đó và nói với các cung phi: "Trong các người có ai trị được con ngựa đó không?"

Trong khi các cung phi láo đầu, lè lưỡi nhìn nhau thì cô bé mười bốn tuổi dũng cảm ấy đứng lên nói: "Tâu bệ hạ, thiếp có thể làm được".

Thái Tông kinh ngạc nhìn cô, rồi hỏi có biện pháp gì. Võ Tắc Thiên nói: "Chỉ cần có ba vật, là một cái roi sắt, một cái búa sắt và một con dao nhọn. Nếu ngựa ương bướng thì vụt bằng roi sắt; nếu vẫn chưa chịu thì đánh búa sắt vào đầu; nếu vẫn còn lỏng lẻo thì dùng dao cứa đứt cổ nó đi".

Đường Thái Tông cười ha hả, tuy thấy lời Võ Tắc Thiên vẫn có tính trẻ con, nhưng ông rất thích tính cách mạnh mẽ của cô.

Sau khi Đường Thái Tông mất, theo quy tắc của cung đình lúc đó, Võ Tắc Thiên phải vào tu ở am ni cô. Điều đó đương nhiên là cô không muốn.

Khi còn làm thái tử, Đường Cao Tông đã có tình ý với Võ Tắc Thiên. Sau khi lên ngôi được hai năm, ông đã đón Võ Tắc Thiên từ am ni cô về và phong làm Chiêu Nghi*. Sau đó, vì say đắm Võ Tắc Thiên, Cao Tông muốn phế Vương hoàng hậu và lập Võ Tắc Thiên lên thay. Ý định đó bị các lão thần hết sức phản đối, đặc biệt là Trương Tôn Vô Kỵ, cậu ruột của Cao Tông, trước sau nhất định không chịu đổi ý.

Võ Tắc Thiên ngầm lôi kéo một số đại thần, xui giục họ tìm mọi cách vận động cho mình. Có người nói với Cao Tông: "Lập hoàng hậu là việc trong nhà của bộ hạ, không ai có quyền can thiệp vào". Cao Tông liền quyết tâm, phế Vương hoàng hậu và đưa Võ Tắc Thiên lên thay.

Sau khi lên ngôi hoàng hậu, Võ Tắc Thiên liền thi thố mọi biện pháp quả đoán cay độc của mình, lần lượt

* một cấp bậc trong hệ thống phi tần, chỉ đứng sau cấp phi.

giáng chức, đẩy đi xa các đại thần đã phản đối mình. Ngay cả Trương Tôn Vô Kỵ, một lão thần đầu triều, cậu ruột của Cao Tông, cũng bị buộc phải tự sát.

Không lâu sau, Cao Tông vốn đã rất nhu nhược, nay lại lẫn ra ốm, suốt ngày nhức đầu hoa mắt, nhiều lúc không mở mắt ra được. Cao Tông thấy Võ Tắc Thiên có tài, lại thông hiểu chữ nghĩa, liền giao luôn toàn bộ công việc triều chính cho bà.

Võ Tắc Thiên nắm được quyền, dần dần không coi Cao Tông ra gì nữa. Cao Tông muốn làm việc gì, nếu không được Võ Tắc Thiên đồng ý thì không có cách gì thực hiện được. Cao Tông trong lòng bức bối, đem tâm sự thổ lộ với tể tướng Thượng Quan Nghi. Thượng Quan Nghi vốn chống lại việc Võ Tắc Thiên nắm triều chính, liền nói: "Bệ hạ đã thấy hoàng hậu quá chuyên quyền thì không gì bằng phế bà ta đi."

Cao Tông vốn là người không có chủ kiến, nghe Thượng Quan Nghi nói thế, liền bảo: "Được, thế thì Khanh giúp trẫm khởi thảo một chiếu thư."

Câu chuyện giữa hai người bị một thái giám nghe thấy. Bọn thái giám đều là tâm phúc của Võ Tắc Thiên, nên nghe lỏm được câu chuyện quan trọng đó, liền báo gấp cho Võ Tắc Thiên biết. Khi Thượng Quan Nghi vừa thảo xong chiếu thư, đưa cho Cao Tông xem thì Võ Tắc Thiên xông xộc chạy vào. Bà ta lớn tiếng quát hỏi Cao Tông: "Thế này là thế nào?!"

Cao Tông thấy Võ Tắc Thiên thì sợ quá, vội dấu thư mà Thượng Quan Nghi vừa đưa cho vào ống tay áo, rồi lắp bắp nói: "Trẫm vốn không có ý đó. Đó là Thượng Quan Nghi xui trẫm làm"

Võ Tắc Thiên lập tức hạ lệnh bắt giết Thượng Quan Nghi.

Từ đó về sau, lúc nào Đường Cao Tông lâm triều, đều có Võ Tắc Thiên ngồi bên giám thị. Bất kỳ việc lớn việc nhỏ, đều phải được hoàng hậu gật đầu đồng ý mới thì hành được.

Năm 683, Cao Tông chết. Võ Tắc Thiên lần lượt lập hai con làm hoàng đế - Trung Tông Lý Hiển và Duệ Tông Lý Cán, nhưng đều không hài lòng về họ. Bà phế Trung Tông, giam lỏng Duệ Tông, rồi lấy danh nghĩa Thái hậu, lâm triều chấp chính. Làm như vậy, lại gặp phải sự phản đối của một số đại thần và tông thất.

Có một đại thần là Từ Kính Nghiệp* bị Võ Tắc Thiên giáng chức, liền lợi dụng việc đó, khởi binh ở Dương Châu chống lại vào năm 684.

Võ Tắc Thiên bàn với tể tướng Bùi Viêm về chuyện dẹp Từ Kính Nghiệp. Bùi Viêm nói: "Hiện nay hoàng đế đã lớn tuổi mà vẫn không được cầm quyền, thiên hạ mới có cơ làm bậy. Nếu thái hậu trả lại quyền cho hoàng đế, thì cuộc nổi loạn của Từ Kính Nghiệp tự nhiên sẽ dẹp được."

Võ Tắc Thiên cho Bùi Viêm là cùng một giuộc với Từ Kính Nghiệp, muốn buộc mình rời khỏi quyền lực, liền

* Từ Kính Nghiệp nhờ Lạc Tân Vương viết hịch thảo phạt Võ Tắc Thiên, lời văn lâm ly hùng tráng. Võ Tắc Thiên xem bài hịch, không giận mà còn khen hay, rồi trách tể tướng sao không thu dụng được người tài giỏi như Lạc Tân Vương. Qua chuyện này, thấy được một đặc điểm trong tính cách Võ Tắc Thiên là biết phát hiện, trọng dụng nhân tài.

nổi giận, bắt giam Bùi Viêm rồi phái đại tướng đem ba mươi vạn quân đi thảo phạt. Từ Kinh Nghiệp thế cô, quân ít, chống đỡ một thời gian ngắn, rồi thất bại.

Sau đó, còn có hai tông thất triều Đường là Việt Vương Lý Trinh và Lang Nha Vương Lý Xung khởi binh chống lại Võ Tắc Thiên, cũng đều bị trấn áp.

Sau hai cuộc khởi binh trên, toàn quốc lại khôi phục được sự ổn định, không ai còn dám chống lại Võ Tắc Thiên nữa. Võ Tắc Thiên cũng cố vững được quyền thống trị, nhưng không thoả mãn với cương vị Thái hậu chấp chính, mà muốn chính thức lên làm hoàng đế.

Có một nhà sư đoán biết tâm tư của Võ Tắc Thiên, liền ngụy tạo một bộ kinh Phật, dâng lên Võ Tắc Thiên. Bộ kinh đó nói, Võ Tắc Thiên vốn là Phật Di Lặc đầu thai xuống nhân gian. Phật tổ phái bà xuống trần là để thay hoàng đế Đại Đường mà cai trị thiên hạ.

Mấy tháng sau, một viên quan tên là Phó Du Nghệ tổ chức được hơn chín trăm người ở vùng Quan Trung, liên danh dâng một bức thư, thỉnh cầu thái hậu lên ngôi hoàng đế. Võ Tắc Thiên làm bộ từ chối, nhưng lại thăng chức cho Phó Du Nghệ. Kết quả, ngày càng có nhiều thư dâng lên, thỉnh cầu bà lên làm hoàng đế. Theo nói lại, những người dâng thư thỉnh cầu thuộc đủ các giới: quan chức văn võ, vương công quý tộc, thủ lĩnh các bộ tộc, hoà thượng đạo sĩ, dân chúng các địa phương..., tất cả có tới sáu vạn người.

Năm 690, tháng chín, Võ Tắc Thiên tiếp nhận lời thỉnh cầu của trăm họ, tự xưng là Thần Thánh Hoàng Đế, đổi quốc hiệu là Chu. Bà trở thành nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc.

149- MỜI NGÀI VÀO TRONG CHUM

Sau khi dẹp tan cuộc nổi dậy của Từ Kính Nghiệp, Võ Tắc Thiên quyết tâm diệt trừ các tông thất và đại thần chống lại mình. Nhưng, làm cách gì để biết những ai là người đang ngầm ngầm nuôi lòng chống đối?

Võ Tắc Thiên tìm ra một biện pháp là phát động cuộc tố cáo trong toàn quốc. Bất kỳ quan lại cấp nào và người dân bình thường, miễn là phát hiện có người mưu phản, đều có thể trực tiếp báo cáo với Thái hậu. Quan lại địa phương nhận được thư và người đến tố giác, đều không được trực tiếp hỏi han, mà phải chuẩn bị ngựa xe, cung cấp ăn uống chu đáo và phái người hộ tống tới hành cung của Thái hậu, trực tiếp triều kiến Võ Tắc Thiên. Nếu tài liệu tố giác là đúng, người tố giác lập tức được làm quan. Nếu xét ra không đúng sự thực, cũng không bị ghép vào tội vu cáo. Vì vậy, ở khắp nơi trong toàn quốc, người tố giác ngày càng nhiều.

Vì có quá nhiều người đem đơn tố giác, nên Võ Tắc Thiên phải cử người thay mình tra xét. Một tướng người Hồ là Sách Nguyên Lễ nhờ việc tố giác mà trở nên phú

quí. Võ Tắc Thiên uỷ nhiệm y chuyên xử các vụ án mưu phản. Khi thẩm vấn, bất kể là có chứng cứ gì không, hấn ta đều dùng cực hình buộc người được xét hỏi khai ra đồng mưu. Người bị tra không chịu nổi cực hình, đành khai bừa ra một số người khác. Vì vậy, từ một người, kéo theo mấy chục, mấy trăm người liên quan. Diện liên quan càng rộng, qui mô vụ án càng lớn. Sách Nguyên Lễ tâu lên, liền được Thái hậu khen là làm việc giỏi. Một số quan chức thấy Sách Nguyên Lễ được Thái hậu tín nhiệm, liền cũng học theo cách làm của y. Trong số đó có hai kẻ tàn bạo nhất là Chu Hưng và Lại Tuấn Thần. Dưới quyền mỗi tên có mấy trăm tên lưu manh, chuyên làm việc tố giác. Nếu chúng ngờ ai mưu phản, là đồng thời tố giác từ mấy địa phương khác nhau và bịa ra đủ loại chứng cứ. Điều kỳ dị là Lại Tuấn Thần còn soạn ra một bản "Cáo mật la chức kinh" (Sách dạy cách theo dõi để tố giác) để truyền thụ các thủ đoạn theo dõi tội trạng cho tay chân thực hiện. Chu Hưng và Lại Tuấn Thần xét xử còn tàn bạo hơn Sách Nguyên Lễ nhiều. Chúng nghĩ ra đủ mọi loại tra tấn cực kỳ thảm khốc vô nhân đạo để áp dụng với đối tượng tra xét. Khi bắt ai, trước hết chúng bày ra trước mặt người đó đủ loại hình cụ. "Phạm nhân" chỉ cần nhìn qua là đã khiếp sợ, khai hết mọi điều theo ý chúng.

Chu Hưng và Sách Nguyên Lễ trước sau đã giết chết mấy ngàn người, Lại Tuấn Thần thì làm tan nát hơn một ngàn gia đình, cả ba đều nổi danh về sự tàn bạo.

Có một đại thần chính trực tâu với Thái hậu: "Hiện nay trong các vụ án mưu phản, đa số là án oan, án giả; có thể là có kẻ muốn ly gián bệ hạ với các đại thần, bệ hạ không thể không thận trọng!"



Nhưng Võ Tắc Thiên không muốn nghe theo lời khuyên đó. Phong trào tố giác càng ngày càng lên cao. Ngay cả người thân tín của Võ Tắc Thiên là Đại tướng Khưu Thần Tích, chỉ huy quân cấm vệ, cũng bị tố giác là mưu phản, bị Võ Tắc Thiên hạ lệnh giết.

Một hôm, Thái hậu nhận được một phong thư tố giác, nói Chu Hưng là kẻ đồng mưu với Khưu Thần Tích. Thái hậu giết mình, lập tức hạ chỉ, sai Lại Tuấn Thần điều tra, xét xử việc này.

Vừa khéo, khi thái giám mang chỉ dụ của Thái hậu đến nhà Lại Tuấn Thần, thì Chu Hưng đang ở đó, hai người vừa uống rượu, vừa nói chuyện về các vụ án. Lại Tuấn Thần xem xong mật chỉ của Thái hậu, không tỏ thái độ gì, dứt mật chỉ vào ống tay áo rồi tiếp tục nói chuyện với Chu Hưng.

Lại Tuấn Thần nói: "Gần đây, tôi bắt được một số phạm nhân, nhiều đứa không chịu thực thà cung khai, ngài xem nên làm thế nào?"

Chu Hưng vuốt râu, cười khà khà nói: "Điều đó quá dễ. Gần đây tôi nghĩ ra một biện pháp mới, là đặt một cái chum lớn trên lò than. Kẻ nào không chịu cung khai thì bắt nó bỏ vào chum, nướng nó như nướng bánh. Lo gì nó không chịu khai?"

Lại Tuấn Thần nghe nói, gật gù khen rối rít: "Biện pháp hay, biện pháp hay!" Vừa nói, hắn sai gia nhân khiêng một chiếc chum lớn và một lò than lên đại sảnh, cho quạt lò cháy rực rồi khiêng chum để lên trên. Lửa cháy rất mạnh làm mọi người nóng toát mồ hôi.

Chu Hưng đang lấy làm lạ thì Lại Tuấn Thần bệ vệ đứng dậy, vênh mặt nói: "Ta vừa nhận được mật chỉ của Thái hậu, nói Chu huynh mưu phản, nếu ngài không thành thực cung khai, thì chỉ còn cách mời ngài vào trong chum".

Chu Hưng vừa nghe nói thế thì kinh hồn bạt vía, run như cây sậy. Vốn cùng trong nghề, hắn quá rõ thủ đoạn của Lại Tuấn Thần, liền quì sụp xuống lạy như tể sao xin tha và nguyện sẽ nhận tội. Lại Tuấn Thần căn cứ lời thú nhận, khép vào tội chết và tâu lên Thái hậu.

Võ Tắc Thiên nghĩ, Chu Hưng đã từng giúp bà bao nhiêu việc, vả lại hắn ta có mưu phản thật không, còn có điểm đáng ngờ. Bà liền hạ chiếu tha tội chết, chỉ cách hết chức tước và đày đi Lĩnh Nam (vùng Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay).

Vì Chu Hưng đã gây nhiều tội ác, nhiều người oán giận, nên đi tới nửa đường, đã bị giết chết. Sau đó, Võ Tắc Thiên biết Sách Nguyên Lễ hãm hại quá nhiều người, lòng dân oán giận nên cũng giết Sách Nguyên Lễ để yên lòng dân.

Còn lại một mình Lại Tuấn Thần, vẫn được Võ Tắc Thiên tín nhiệm, tiếp tục thực hiện việc vu hãm, giết người trong năm, sáu năm nữa. Cộng cả trước sau, không biết hắn đã sát hại bao nhiêu quan lại và dân thường. Ngay cả tể tướng Địch Nhân Kiệt cũng bị hắn vu cáo là mưu phản, bị tống giam, suýt nữa bị chết dưới tay hắn.

Tham vọng của Lại Tuấn Thần rất lớn, hắn toan độc chiếm đại quyền trong triều, nhưng còn e sợ cháu của Võ Tắc Thiên là Võ Tam Tư và con gái Võ Tắc Thiên là

Thái Bình công chúa có thể lực lớn, có thể tố giác hần. Hai người đó đúng là ghê gớm, họ đã ra tay trước, phanh phui tố giác hết mọi tội vu cáo người tốt và lạm dụng hình phạt của Lại Tuấn Thần, cho người bắt hần và ghép vào tội chết. Võ Tắc Thiên tuy muốn bênh vực, nhưng khi thấy có quá nhiều người chống hần, nên đành chuẩn y việc xử tử.

Ngày Lại Tuấn Thần bị xử tội, mọi người vô cùng hoan hỉ. Ai nấy đều chúc mừng nhau: "Từ hôm nay, ban đêm mới có thể ngủ yên được!"

150- DỊCH NHÂN KIẾT PHÁT HIỆN NHÂN TÀI

Võ Tắc Thiên trấn áp không thương tiếc những ai chống lại việc bà nắm quyền, nhưng bà lại vô cùng coi trọng việc sử dụng người hiền tài. Bà thường xuyên cử người tới các địa phương để chọn người tài giỏi. Khi đã phát hiện thấy ai có tài năng thì không kể tới xuất thân và thâm niên làm việc mà phong chức đặc cách, mạnh dạn sử dụng. Vì thế, dưới quyền bà có nhiều đại thần tài giỏi, trong đó nổi tiếng nhất là tể tướng Dịch Nhân Kiệt.

Khi Dịch Nhân Kiệt làm thứ sử Dự Châu, đã chấp hành nghiêm pháp luật, xử sự công bằng, được nhân dân địa phương ca ngợi. Võ Tắc Thiên nghe tiếng ông có tài, liền điều ông về kinh làm tể tướng.

Một hôm, Võ Tắc Thiên triệu ông tới bảo: "Trẫm nghe nói khi khanh làm việc ở Dự Châu, có tiếng tốt, nhưng cũng có người nói xấu khanh với trẫm. Khanh có muốn biết người đó là ai không?"

Dịch Nhân Kiệt nói: "Người khác nói thần không tốt, nếu đó đúng là lỗi của thần thì thần phải sửa. Nếu bệ

hạ đã tìm hiểu rõ đó không phải là lỗi của thần thì đó là điều may cho thần. Còn ai là người nói xấu sau lưng thần, thần thấy không cần biết".

Võ Tắc Thiên nghe nói, thấy Dịch Nhân Kiệt có lòng độ lượng lớn, lại càng quý trọng.

Khi Lại Tuấn Thần đắc thế, có vu cáo Dịch Nhân Kiệt mưu phản, bắt giam vào ngục. Lại Tuấn Thần bức ông cung khai và dụ dỗ: "Miễn là ngài cung khai thì có thể miễn được tội chết".

Dịch Nhân Kiệt thản nhiên nói: "Nay thái hậu đã xây dựng triều Chu, mọi việc đều đổi mới cả. Những cựu thần triều Đường như tôi, giết đi là đúng. Tôi xin nhận cho xong".

Một viên quan khác nói nhỏ với Dịch Nhân Kiệt: "Nếu ngài khai ra người khác, thì có thể được đổi xử khoan hồng".

Dịch Nhân Kiệt nổi giận nói: "Trên có trời, dưới có đất, Dịch Nhân Kiệt này không thể làm việc đó được!". Nói rồi, lao đầu vào cột nhà ngục, máu chảy đầm đìa. Viên quan đó sợ hãi vội ra sức khuyên Dịch Nhân Kiệt ngừng lại.

Lại Tuấn Thần căn cứ vào lời bức cung của người khác, liền thảo ra một bản án của Dịch Nhân Kiệt rồi tâu lên Võ Tắc Thiên. Nhân lúc bọn coi ngục lơ là trong việc giám thị, Dịch Nhân Kiệt xé một miếng vải bọc chân, viết một tờ kháng án rồi nhét vào lằn trong áo bông.

Lúc đó, trời đã chuyển sang xuân, Dịch Nhân Kiệt nói với quan coi ngục: "Trời đã ấm rồi, tôi không cần

dùng áo bông nữa. Xin báo cho con tôi đến mang áo bông về nhà".

Quan coi ngục không nghi ngờ gì, liền cho người trong gia đình họ Dịch nhân đến thăm, mang áo bông về. Con Dịch Nhân Kiệt hiểu ý, rách áo bông ra, thấy lá đơn kháng án liền nhờ người chuyển lên Võ Tắc Thiên.

Xem đơn, Võ Tắc Thiên hạ lệnh tha Dịch Nhân Kiệt rồi triệu kiến ông và hỏi: "Khanh đã nhận là có tội, tại sao lại còn kháng án?".

Dịch Nhân Kiệt nói: "Nếu thần không nhận tội thì chúng đã tra tấn thần tới chết từ lâu rồi".

Võ Tắc Thiên miễn tội chết cho ông, nhưng vẫn cách chức tể tướng, giáng xuống làm huyện lệnh ở tỉnh xa. Tới khi Lại Tuấn Thần bị giết, ông mới được điều về kinh và được phục chức tể tướng.

Trước khi ông được làm tể tướng, có một viên tướng tên là Lâu Sư Đức đã ra sức tiến cử ông với Võ Tắc Thiên. Nhưng Dịch Nhân Kiệt không hề biết chuyện đó, ông vẫn cho rằng Lâu Sư Đức chỉ là một võ tướng bình thường, không có gì đáng chú ý.

Một lần, Võ Tắc Thiên cố ý hỏi Dịch Nhân Kiệt: "Khanh xem Lâu Sư Đức là người thế nào?".

Dịch Nhân Kiệt nói: "Lâu Sư Đức là một viên tướng cần mẫn trong việc phòng giữ biên giới. Về mặt đó là tốt, còn ông ta có tài năng gì không, thì thần không được biết".

Võ Tắc Thiên hỏi: "Khanh xem Lâu Sư Đức có khả năng phát hiện nhân tài không?"



Địch Nhân nói: "Thần đã có thời gian làm việc với ông ta nhưng chưa hề nghe nói ông ta có khả năng đó".

Võ Tắc Thiên cười: "Trẫm sở dĩ được biết khanh, chính là nhờ Lâu Sư Đức tiến cử đấy".

Biết việc đó, Địch Nhân Kiệt rất xúc động, cảm thấy Lâu Sư Đức là người trung hậu, mình không bằng được. Từ đó, Địch Nhân Kiệt ra sức phát hiện, tuyển chọn nhân tài, kịp thời tiến cử lên Võ Tắc Thiên.

Một hôm, Võ Tắc Thiên bảo Địch Nhân Kiệt: "Trẫm muốn tìm kiếm một nhân tài, khanh xem người nào xứng đáng?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Thần chưa biết bệ hạ cần một nhân tài như thế nào?"

Võ Tắc Thiên nói: "Trẫm muốn chọn một người làm tể tướng".

Địch Nhân Kiệt từ lâu đã biết tiếng một viên quan ở Kinh Châu tên là Trương Giản Chi, tuy tuổi đã hơi cao nhưng làm tể tướng rất giỏi giang, liền tiến cử với Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên liền thăng chức cho Trương Giản Chi làm Tư mã Lạc Châu (trị sở tại Lạc Dương).

Mấy hôm sau, Địch Nhân Kiệt vào triều, Võ Tắc Thiên lại nhắc tới việc tìm kiếm nhân tài. Địch Nhân Kiệt nói: "Lần trước, thần tiến cử Trương Giản Chi, bệ hạ đã dùng đâu!".

Võ Tắc Thiên nói: "Trẫm chẳng đã sử dụng ông ta rồi đó sao?".

Địch Nhân Kiệt nói: "Thần tiến cử với bệ hạ là tiến cử một tể tướng chứ không phải tiến cử một tư mã".

Võ Tắc Thiên sau đó mới thăng Trương Giản Chi lên làm thị lang. Sau này, lại phong ông làm tể tướng.

Địch Nhân Kiệt trước sau đã tiến cử cho triều đình mấy chục người có tài. Họ đều trở thành những đại thần nổi tiếng đương thời. Những người đó đều hết sức khâm phục và kính trọng ông, coi ông là bậc lão tiền bối. Có người nói với ông: "Đào lý trong thiên hạ, đều từ cửa Địch Công mà ra cả".

Địch Nhân Kiệt khiêm tốn nói: "Điều đó có đáng kể gì. Tiến cử người có tài là vì lợi ích quốc gia, đâu có phải vì lợi ích cá nhân!".

Địch Nhân Kiệt sống tới 93 tuổi. Võ Tắc Thiên hết sức kính trọng ông, gọi ông là "quốc lão". Nhiều lần ông cáo lão, xin nghỉ, nhưng Võ Tắc Thiên không cho. Sau khi ông mất, Võ Tắc Thiên thường than tiếc: "Trời xanh sao sớm cướp đi của ta vị quốc lão!".

* Trung Quốc có câu thành ngữ: "Đào lý mãn thiên hạ", hoặc "Đào lý biến thiên hạ" để chỉ người đào tạo được nhiều học trò giỏi trên khắp đất nước.

151- TRƯƠNG DUYỆT KHÔNG LÀM CHỨNG GIAN

Sau khi Dịch Nhân Kiệt mất, Ngụy Nguyên Trung được làm Tể tướng. Lúc đó, Võ Tắc Thiên tin dùng hai viên quan là Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi. Hai người đó có quyền thế rất lớn, các quan văn võ trong triều đều kiêng dè hai họ Trương. Nhưng tể tướng Ngụy Nguyên Trung rất coi thường chúng.

Ngụy Nguyên Trung nổi tiếng là người cứng cỏi, khi Chu Hưng, Lại Tuấn Thần còn đắc thế, ông đã mấy lần bị vu cáo và bị lưu đày, một lần suýt bị xử tử. Nhưng trước sau ông không bao giờ chịu khuất phục. Sau này, khi ông làm Thứ sử Lạc Châu, một tên đầy tớ của Dịch Chi cậy thế ức hiếp dân, gây sự ngoài phố Lạc Dương. Quan cai trị Lạc Dương thấy kẻ gây rối là người trong Trương phủ nên không dám làm gì. Việc đó đến tai Ngụy Nguyên Trung. Ông liền cho bắt tên đầy tớ, đánh cho một trận chết tươi.

Sau khi Ngụy Nguyên Trung làm tể tướng Võ Tắc Thiên muốn phong em của Trương Dịch Chi là Trương Xương Kỳ làm Trưởng sử. Một số đại thần hòa theo ý

của Võ Tắc Thiên, đều khen Trương Xương Kỳ là người có tài. Nhưng Ngụy Nguyên Trung lại nói: Trương Xương Kỳ còn non trẻ, hiểu biết ít, không làm nổi chức lớn đó. Chuyện ấy đành phải gác lại.

Vì những việc đó, Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi ôm mối hận với Ngụy Nguyên Trung, muốn tìm mọi cách để trừ bỏ bèn tố cáo với thái hậu là ông có nói sau lưng là thái hậu già rồi, nên tìm cách dựa vào Thái tử thì chắc chắn hơn.

Võ Tắc Thiên nghe thấy nói thế thì nổi giận, lập tức hạ lệnh bắt giam ngay Ngụy Nguyên Trung, chuẩn bị trực tiếp thẩm vấn và yêu cầu hai họ Trương vạch tội tại chỗ.

Trương Xương Tông sợ không nói lại được Ngụy Nguyên Trung, liền lên tìm một quan chức cấp dưới của Ngụy Nguyên Trung tên là Trương Duyệt, đề nghị làm chứng giả, hẹn sẽ thăng quan cho ông ta.

Hôm sau, Võ Tắc Thiên ra triều, triệu tập Thái tử và Tể tướng, để Trương Xương Tông và Ngụy Nguyên Trung trực tiếp đối chất. Ngụy Nguyên Trung nhất định không chịu nhận là có chuyện đó. Hai người tranh luận rất lâu không đi đến kết quả gì. Trương Xương Tông nói: "Chính tai Trương Duyệt nghe thấy Ngụy Nguyên Trung nói câu đó, có thể gọi ông ta để làm chứng".

Võ Tắc Thiên lập tức cho gọi Trương Duyệt vào triều làm chứng. Biết sẽ xảy ra chuyện gì, một viên quan là Tống Cảnh nói với Trương Duyệt: "Danh dự của một con người là quý hơn hết. Dù thế nào cũng không thể vì sự an toàn của cá nhân mà đi phụ họa với gian thần. Dù có vì vậy mà bị lưu đầy thì tên tuổi vẫn vẻ vang".



Sử quan Lưu Tri Kỳ cũng nhắc Trương Duyệt: "Không nên bôi xấu lịch sử của mình, để liên lụy tới con cháu đời sau!".

Trương Duyệt biết rõ Ngụy Nguyên Trung oan uổng, nhưng cũng sợ quyền thế của hai họ Trương, nên tư tưởng đấu tranh, giằng co rất căng thẳng, toát hết cả mồ hôi. Sau khi nghe hai người nhắc nhở như vậy, mới xác định được quyết tâm.

Trương Duyệt tiến vào sân rồng, Võ Tắc Thiên hỏi: "Người có nghe thấy lời Ngụy Nguyên Trung phỉ báng triều đình không?"

Ngụy Nguyên Trung vừa thấy Trương Duyệt đến, liền nói lớn: "Trương Duyệt, người định vào hòa với Trương Xương Tông để vu hãm người trung lương chăng?"

Trương Duyệt quay đầu lại, hừm một tiếng rồi nói: "Ngụy Công làm tể tướng mà sao lại nói lời sai đạo lý như thế!"

Trương Xương Tông thấy Trương Duyệt nói hơi lạc đề, vội giục: "Không cần đôi co với ông ta, hãy tới làm chứng đi".

Trương Duyệt quay lại, tâu với Võ Tắc Thiên: "Xin bệ hạ xem, trước mặt bệ hạ mà ông ta còn uy hiếp thần. Dù biết khi ở ngoài, ông ta còn tác oai tác phúc như thế nào. Nay thần không thể không nói thực, đúng là thần không hề nghe Ngụy Nguyên Trung nói lời chống lại bệ hạ. Chỉ là do Trương Xương Tông buộc thần phải làm chứng giả mà thôi".

Trương Xương Tông thấy Trương Duyệt đổi giọng như thế, thì nổi giận đùng đùng, kêu lớn: "Trương Duyệt chính là kẻ đồng mưu với Ngụy Nguyên Trung".

Võ Tắc Thiên là người thông minh, nghe lời Trương Duyệt nói, biết chắc là Ngụy Nguyên Trung bị oan, nhưng không muốn để bọn Trương Xương Tông lâm vào thế bí, liền mắng Trương Duyệt: "Ngươi là kẻ tiểu nhân phản phúc". Rồi hạ lệnh bắt giam lại, tiếp tục thẩm vấn. Nhưng Trương Duyệt đã quyết tâm, nhất định giữ vững ý kiến là không hề nghe Ngụy Nguyên Trung nói lời mưu phản.

Võ Tắc Thiên không có chứng cứ về việc Ngụy Nguyên Trung mưu phản, nhưng bà vẫn triệt chức tể tướng của ông và lưu đầy Trương Duyệt.

Năm 705, Võ Tắc Thiên ốm nặng. Người cháu là Võ Tam Tư câu kết với Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi nắm chính quyền trong triều. Tể tướng Trương Giản Chi và một số đại thần nhân cơ hội Võ Tắc Thiên không còn làm việc được, đoạt lấy quyền chỉ huy quân cấm vệ, bắt giết hai tên họ Trương, đón Trung Tông trở về ngôi hoàng đế. Không lâu sau, vị nữ hoàng đế hiền hách một thời ấy qua đời.

152- ĐIỀU SÙNG DIỆT CHÂU CHẤU

Sau khi Đường Trung Tông trở lại ngôi vua, để vợ mình là Võ Hậu nắm chính quyền, trọng dụng Võ Tam Tư, làm cho triều chính rối bết. Năm 710, sau khi Trung Tông chết, con của Duệ Tông là Lý Long Cơ khởi binh giết Võ Hậu, đón Duệ Tông về, trở lại ngôi vua. Hai năm sau, Duệ Tông nhường lại ngôi vua cho Lý Long Cơ. Đó là Đường Huyền Tông.

Hoàng đế trẻ tuổi Đường Huyền Tông mới ngoài hai mươi tuổi, đầy lòng hăng hái, muốn khôi phục sự nghiệp của Đường Thái Tông. Ông dùng Diêu Sùng làm Tể tướng, chỉnh đốn nội chính, khắc phục mọi rối loạn từ thời Trung Tông để lại. Vương triều Đường lại xuất hiện cảnh hưng thịnh.

Chính lúc Huyền Tông dốc sức vào việc cai trị thì ở miền Hà Nam xuất hiện nạn châu chấu lan rộng chưa từng có. Trên khắp vùng Trung Nguyên rộng lớn, xuất hiện từng đàn châu chấu. Mỗi khi chúng bay tới đâu, là tạo nên một đám đen đặc, che lấp hết ánh mặt trời.

Châu chầu hạ xuống đầu, chỉ một loáng, toàn bộ hoa màu bị cắn sạch quang.

Thời đó, người ta chưa có hiểu biết khoa học, nên cho rằng châu chấu là tai hoạ do trời giáng xuống. Có những kẻ còn lợi dụng dịp đó để tuyên truyền mê tín. Vì vậy, khắp nơi, dân chúng đều thấp hương cầu thần phật phù hộ cho tai qua nạn khỏi. Đứng trước cảnh hoa màu lúa má bị châu chấu tàn phá, không ai để ra được biện pháp gì thiết thực.

Tai nạn càng ngày càng nghiêm trọng, khu vực bị tàn phá càng ngày càng lan rộng. Quan lại các địa phương tới tấp gửi công văn cáo cấp về triều đình.

Tể tướng Diêu Sùng dâng một sớ tấu lên Huyền Tông, cho rằng châu chấu chẳng qua chỉ là một loại côn trùng, nhất định có cách trị được. Miễn là quan dân các địa phương đồng lòng dốc sức vào việc diệt châu chấu, thì hoạ châu chấu sẽ chẳng có gì là nguy hiểm.

Đường Huyền Tông rất tín nhiệm Diêu Sùng, lập tức phê chuẩn lời tâu của ông. Diêu Sùng ban bố mệnh lệnh, yêu cầu dân chúng cứ tối đêm là đốt lửa ở góc ruộng, hấp dẫn châu chấu tới rồi tập trung đánh giết, vun xác xuống một hố lớn rồi đốt đi.

Mệnh lệnh đưa xuống, Thứ sử Biện Châu (nay là Khai phong, Hà Nam) là Nghê Nhược Thuỷ cự tuyệt không chấp hành. Ông cũng dâng sớ tâu lên, nói châu chấu là thiên tai, sức người không thể chống lại được, muốn tiêu diệt châu chấu, chỉ có một cách là tích đức sửa mình.

Diêu Sùng xem tờ tấu của Nghê Nhược Thuỷ thì nổi trận lôi đình, lập tức viết thư khiển trách và cảnh cáo:



Nếu cứ nhìn châu chấu hoành hành mà không có biện pháp trừ diệt, thì sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nạn đói sắp xảy ra.

Nghê Nhược Thuỷ thấy lời tể tướng gay gắt, không thể không làm theo phương pháp do Diêu Sùng nêu ra, quả nhiên thu được kết quả, chỉ riêng vùng Biện Châu đã diệt được 14 vạn tạ* châu chấu. Nạn châu chấu giảm hẳn.

Nghê Nhược Thuỷ đã bị sự thực thuyết phục. Nhưng trong triều đình, vẫn còn nhiều người phản đối cho rằng biện pháp diệt châu chấu của Diêu Sùng xưa nay chưa ai từng làm. Nay nếu cứ làm bừa, e rằng sẽ sinh ra chuyện rắc rối. Đường Huyền Tông thấy có khá nhiều người phản đối, có phần hoang mang, vội triệu Diêu Sùng đến hỏi. Diêu Sùng ung dung trả lời: "Làm việc miễn là đúng lý lẽ thì thôi, sao cứ phải phụ thuộc vào khuôn phép cũ. Vả lại thời xưa, khi có nạn châu chấu, do không có biện pháp diệt trừ nên bao giờ cũng dẫn tới nạn đói. Nay vùng Hà Nam, Hà Bắc không có nhiều lương thực dự trữ. Nếu năm nay để châu chấu phá hết hoa màu, không thu hoạch được gì thì trăm họ sẽ lâm vào nạn đói, lưu lạc thất tán, nước nhà sẽ rất nguy hiểm".

Đường Huyền Tông thấy nói nạn châu chấu có ảnh hưởng tới an toàn quốc gia thì sợ hãi và hỏi: "Theo ý khanh thì nên làm thế nào?".

Diêu Sùng trả lời: "Các đại thần nói biện pháp của thần không tốt khiến bệ hạ lo nghĩ. Xin bệ hạ đừng bận

* tạ Trung quốc thời cổ bằng 50 kg. 14 vạn tạ bằng 7.000 tấn.

tâm quá nữa, cứ để thần xử lý. Nếu xảy ra chuyện gì xấu, thần nguyện xin chịu tội".

Đường Huyền Tông gật đầu đồng ý. Khi Diêu Sùng ra tới cửa cung có một hoạn quan kéo tay áo ông, nói nhỏ: "Giết nhiều châu châu quá e rằng tổn thương tới hoà khí của đất trời. Xin tướng công xét kỹ".

Diêu Sùng nói: "Chuyện này đã quyết định rồi. Xin ông bắt tất nói nhiều. Nếu không diệt châu châu, khắp nơi đều hoang tàn, trăm họ vùng Hà Nam chết đói hết, điều đó chẳng tổn thương đến hoà khí của đất trời hay sao?".

Do Diêu Sùng nghĩ tới việc an nguy của quốc gia và đời sống nhân dân, không chùn bước trước nhiều ý kiến phản đối, kiên quyết đôn đốc việc diệt châu châu, nên nạn châu châu dần dần dập tắt được.

Diêu Sùng nổi tiếng là làm việc giỏi. Một lần, vì nhà có việc tang, ông xin nghỉ mười ngày, công việc triều đình dồn đống lại rất nhiều. Một tể tướng khác* là Lư Hoài Thận không biết xử lý thế nào nên hết sức bối rối. Mười ngày sau, Diêu Sùng về triều, chỉ trong một thời gian rất ngắn, đã giải quyết xong mọi việc tích tụ trong thời gian ông vắng mặt. Các đại thần khác thấy thế, không người nào không khâm phục. Diêu Sùng có chút đắc ý, nói với một viên quan: "Tể tướng như Diêu Sùng này, có thể sánh với ai thời xưa? Có thể sánh với Quản Trọng, Ân Anh chăng?".

* Chế độ quan chức triều Đường lúc đó đặt hai viên quan có hàm tể tướng. Trong trường hợp này, Diêu Sùng là tể tướng thứ nhất.

Viên quan kia nói: "Sánh với Quản Trọng, Ân Anh e rằng chưa được. Nhưng có thể nói ngài là tể tướng có tài cứu vãn tình thế".

Trong hơn hai mươi năm đầu sau khi lên ngôi, ngoài Diêu Sùng, Đường Huyền Tông còn sử dụng nhiều tể tướng tài giỏi như Tống Cảnh, Trương Duyệt, Hàn Hưu, Trương Cửu Linh. Ông biết tiếp thu những ý kiến đúng đắn của tể tướng và các đại thần, áp dụng một số biện pháp có lợi cho phát triển kinh tế. Vì vậy, thời đó, đất nước cường thịnh, tài chính dồi dào. Theo nói lại, khi đó kho tàng ở các châu huyện đều đầy ắp lương thực và vải vóc, giá lúa và giá vải ở Trường An và Lạc Dương đều hạ. Lịch sử gọi thời kỳ đó là "Khai nguyên chi trị" (nên thịnh trị dưới thời Khai Nguyên - Khai Nguyên là niên hiệu của Đường Huyền Tông từ 713 đến 742).

153- LÝ LÂM PHỦ GIAN NGOAN, HIỂM ĐỘC

Đường Huyền Tông làm thiên tử được hơn hai mươi năm thì nảy sinh tâm lý kiêu ngạo và lười nhác. Ông ta nghĩ rằng thiên hạ thái bình vô sự, chính sự có thể tướng lo toan, biên cương có tướng soái trấn giữ, bản thân hoàng đế hà tất phải bận lòng về quốc sự. Vì vậy, dần dần đắm mình vào cuộc sống hưởng lạc.

Tể tướng Trương Cửu Linh thấy tình hình đó thì hết sức lo lắng, thường can ngăn Đường Huyền Tông. Đường Huyền Tông vốn rất tôn trọng Trương Cửu Linh, nhưng càng về sau, ông ta càng không nghe nổi những lời can ngăn thẳng thắn của Trương Cửu Linh nữa.

Có một đại thần tên là Lý Lâm Phủ là kẻ bất học vô thuật. Hắn không biết gì về chính trị, học thuật và văn chương, nhưng lại rất giỏi về khoa bộ đồ, nịnh nọt. Lý Lâm Phủ câu kết với các hoạn quan và phi tần, thám thính mọi động tĩnh ở nội cung. Vì vậy, Đường Huyền Tông hàng ngày nói những gì, ước muốn những gì, hắn đều nắm rất vững. Tối khi Đường Huyền Tông bàn bạc công việc, hắn nói năng lưu loát như nước chảy, ý kiến

ào cũng trùng hợp với ý hoàng đế. Đường Huyền Tông nghe lời hần nói, cảm thấy rất dễ chịu, cho rằng hần vừa giỏi giang vừa biết vâng lời, chứ không cố chấp như Trương Cửu Linh.

Đường Huyền Tông muốn thăng Lý Lâm Phủ lên làm tể tướng, liền đề xuất ý kiến đó với Trương Cửu Linh. Trương Cửu Linh biết rõ bản chất của Lý Lâm Phủ liền nói thẳng: "Ngôi tể tướng có quan hệ đến sự an nguy của quốc gia. Bệ hạ định dùng Lý Lâm Phủ làm tể tướng thì e rằng đất nước sau này sẽ gặp phải tai họa".

Lời đó đến tai Lý Lâm Phủ, hần căm giận Trương Cửu Linh đến bầm gan tím ruột.

Một viên tướng ở Sóc Phương (trị sở ở Linh Vũ, Ninh Hạ ngày nay) tên là Ngưu Tiên Khách, một chữ bẻ đôi cũng không biết, nhưng lại rất giỏi về cách xoay tiền. Đường Huyền Tông muốn thăng quan cho Ngưu Tiên Khách, Trương Cửu Linh không đồng ý. Lý Lâm Phủ liền nói với Đường Huyền Tông: "Người như Ngưu Tiên Khách, có tài làm được đến tể tướng, còn Trương Cửu Linh chỉ là anh một sách, không hiểu được đại sự".

Sau đó, Đường Huyền Tông lại bàn với Trương Cửu Linh về việc thăng chức cho Ngưu Tiên Khách, nhưng Trương Cửu Linh vẫn không đồng ý. Đường Huyền Tông nổi giận, nghiêm giọng nói: "Lẽ nào việc gì cũng phải theo ý khanh hay sao?".

Từ đó, càng ngày Đường Huyền Tông càng chán ghét Trương Cửu Linh, lại thêm có lời gièm pha của Lý Lâm Phủ nên cuối cùng, ông đã quyết định cách chức Trương Cửu Linh và đưa Lý Lâm Phủ lên thay.

Lý Lâm Phủ lên làm Tể tướng, việc làm đầu tiên là chặn mọi đường dây liên hệ giữa Đường Huyền Tông với các triều thần, không để ai có thể trực tiếp gặp thiên tử. Một lần, hần triệu tập các gián quan lại* và công khai tuyên bố: "Hiện nay, hoàng thượng thánh minh, kẻ thần hạ như chúng ta chỉ cần làm theo ý của người, không cần mồm năm miệng mười làm rác tai hoàng thượng. Các ông có thấy đàn ngựa "lập trượng không? (ngựa lập trượng: loại ngựa có tư thế oai vệ, chuyên được huấn luyện để đứng dàn hàng hai bên lối vào hoàng cung). Chúng được hưởng sự đãi ngộ tương đương chức gián quan tam phẩm. Nhưng nếu có con nào bất chợt hí lên, là bị loại ngay. Có hối cũng không kịp".

Có một gián quan không chịu làm theo lời Lý Lâm Phủ. Ông dâng lên Đường Huyền Tông một bản kiến nghị. Lập tức ngày hôm sau, ông ta bị giáng chức, điều đi tỉnh xa làm huyện lệnh. Mọi người đều biết đó là do ý kiến của Lý Lâm Phủ, nên sau đó không ai còn dám can ngăn Đường Huyền Tông nữa.

Lý Lâm Phủ có tiếng xấu trong các quan chức trong triều, nên tìm mọi cách để bài xích những ai giỏi hơn mình. Muốn bài xích ai, hần không bao giờ lộ ra nét mặt mà luôn luôn tươi cười, nhưng chơi trò bắn lén sau lưng.

Một lần, Đường Huyền Tông đứng trên lầu điện Cần Chính, hé rèm nhìn xuống thấy một võ tướng phóng ngựa đi qua phía dưới, nhận ra đó là Binh bộ thị lang Lư Huyền. Đường Huyền Tông thấy Lư Huyền có phong

* thời đó, trong cơ quan Môn hạ tỉnh, có đặt bốn viên Gián Nghị đại phu có trách nhiệm can gián hoàng đế.



độ hùng dũng, liền thuận miệng khen mấy câu. Hôm sau, Lý Lâm Phủ nghe biết chuyện, liền giáng chức Lư Huyền xuống làm Thứ sử Hoa Châu. Lư Huyền vừa nhận chức được ít lâu, lại bị gièm pha là không đủ sức khoẻ, không đảm đương nổi nhiệm vụ, bị giáng chức một lần nữa.

Một quan chức khác là Nghiêm Đình Chi, bị Lý Lâm Phủ gạt ra khỏi triều đình, xuống làm Thứ sử nơi xa. Sau đó, một hôm Đường Huyền Tông hỏi Lý Lâm Phủ: "Nghiêm Đình Chi bây giờ ở đâu nhỉ? Con người đó rất có tài, nên trọng dụng".

Lý Lâm Phủ nói: "Bệ hạ đã nhớ tới ông ấy, thì để thân đi hỏi xem sao".

Sau khi thoát triều, Lý Lâm Phủ vội cho gọi người em của Nghiêm Đình Chi tới hỏi: "Lệnh huynh rất muốn về kinh gặp hoàng thượng phải không? Ta có một biện pháp giúp thực hiện ý nguyện đó".

Người em của Nghiêm Đình Chi thấy Lý Lâm Phủ quan tâm đến anh mình như thế thì rất cảm động, vội hỏi xem nên làm như thế nào. Lý Lâm Phủ nói: "Ông nói với lệnh huynh gửi một sớ tấu về triều, nói là bị bệnh, xin về kinh chữa bệnh, ta sẽ tâu xin với hoàng thượng cho".

Nghiêm Đình Chi nhận được thư em, liền dâng sớ, xin về kinh chữa bệnh. Lý Lâm Phủ cầm sớ tấu vào gặp Đường Huyền Tông nói: "Thật là đáng tiếc.. Hiện nay Nghiêm Đình Chi đang lâm trọng bệnh, không thể đảm đương việc lớn được". Đường Huyền Tông than tiếc thở dài rồi cho qua.

Những người mắc lừa như Nghiêm Đình Chi có khá nhiều. Nhưng dù Lý Lâm Phủ có che dấu khéo thế nào, thì âm mưu quỷ kế của hắn cuối cùng cũng bị người ta phát hiện.

Mọi người đều gọi Lý Lâm Phủ là kẻ "bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao".

Lý Lâm Phủ làm tể tướng trong 19 năm, biết bao đại thần chính trực, có tài năng đã bị bài xích, biết bao kẻ tiểu nhân giỏi bợ đỡ, nịnh nọt đã được thăng quan tiến chức. Chính trong thời kỳ này, triều Đường đã trượt dài từ đỉnh cao hưng thịnh xuống bờ dốc suy vi. Cảnh tượng phồn vinh dưới thời Khai Nguyên không còn nữa*. Chỉ ít lâu sau, bắt đầu xuất hiện cảnh loạn lạc thời Thiên Bảo (Thiên Bảo Chi loạn).

* Từ năm 742, Đường Huyền Tông bỏ niên hiệu Khai Nguyên và đổi sang niên hiệu Thiên Bảo.

154- LÝ BẠCH COI THƯỜNG QUYÊN QUÝ

Năm 61 tuổi, Đường Huyền Tông say đắm một mỹ nhân trẻ tuổi là Dương Ngọc Hoàn, vốn là vợ của Thọ Vương Lý Mạo, hoàng tử thứ 18, rồi phong nàng làm quý phi. Theo nói lại, Dương Quý Phi là người đẹp hiếm có, lại rất thông minh lanh lợi, am hiểu âm nhạc, vũ đạo. Đường Huyền Tông phong quan cho hai người anh họ của nàng, và phong cho ba người chị làm phu nhân. Dương Quý Phi có người anh họ xa tên là Dương Chiêu (sau đổi tên là Dương Quốc Trung) sống ở đất Thục, nghèo tới mức không đủ cơm ăn. Hắn nghe nói cô em họ được phong quý phi, liền đem lễ vật tới Trường An xin gặp. Dương Quý Phi chỉ nói mấy lời khen ngợi với Đường Huyền Tông, hắn liền được phong làm tham quân trong Quân Cấm Vệ. Đường Huyền Tông từ lâu đã trao chính sự cho Lý Lâm Phủ, từ sau khi có Dương Quý Phi, ông ta liền ở lý trong cung cấm, ngày ngày vui chơi hưởng lạc, ngay việc triều kiến theo thường lệ hàng ngày cũng ngại không tiến hành nữa. Dương Quý Phi thích cái gì, Đường Huyền Tông đều tìm mọi cách thoả mãn. Đặc biệt Dương Quý Phi thích ăn vải là một thứ

quả chỉ ở phương Nam mới có. Để chiêu theo ý muốn của Dương Quý Phi, Đường Huyền Tông hạ lệnh cho các quan chức miền Lĩnh Nam dùng ngựa trạm đưa quả vải tươi về kinh thành Trường An. Thế là suốt dọc chiều dài đất nước mọc lên rất nhiều trạm ngựa chuyên dùng vào việc này. Biết bao tráng sĩ đổ mồ hôi, tham gia vào cuộc chạy tiếp sức hàng vạn dặm, đảm bảo cho quả vải tới tay Quý Phi vẫn tươi ngon như lúc mới hái.

Hàng ngày, khi hoàng đế và quý phi uống rượu, không thể thiếu người tấu nhạc giúp vui. Nhưng trong cung chỉ có những bản nhạc và lời ca cũ, nghe đã chán tai. Hoàng đế muốn tìm người soạn bài ca mới. Một quan chức là Hạ Tri Chương tâu với Đường Huyền Tông: "Một đại thi nhân mới đến Trường An tên là Lý Bạch, là một thiên tài về thơ phú và văn chương." Đường Huyền Tông từ lâu đã nghe tiếng tăm Lý Bạch, liền bảo Hạ Tri Chương nhanh chóng dẫn Lý Bạch vào cung.

Lý Bạch tự là Thái Bạch, một trong những thi nhân nổi tiếng nhất thời Đường. Ông sinh ở Toái Diệp, tổ tiên là người ở Thành Kỷ thuộc Mỹ Tây (nay ở phía Đông Thái An, Cam Túc). Từ nhỏ ông đã xem nhiều đọc rộng, tính cách phóng khoáng. Ngoài việc đọc sách ông còn là người giỏi kiếm thuật. Từ năm 20 tuổi, để tăng thêm kiến thức, ông đã đi thăm khắp nơi trong nước. Gót chân ông đã đặt trên các thành thị lớn như Trường An, Lạc Dương, Kim Lăng, Giang Đô và các nơi danh thắng như Động Đình, Lư Sơn, Cối Kê. Do có kiến thức sâu rộng cộng với tài năng thiên phú, nên thơ ca do ông viết ra đã đạt được thành tựu kiệt xuất.

Lý Bạch còn là người có hoài bão chính trị. Với bản lĩnh cao ngạo nên ông hết sức phẫn nộ và khinh ghét thói hủ bại trong quan trường lúc bấy giờ, hy vọng được

triều đình sử dụng để có dịp mang tài năng ra xoay chuyển cục diện. Lần này tới Trường An, nghe nói Đường Huyền Tông triệu kiến, ông cũng rất phấn khởi.

Đường Huyền Tông tiếp kiến Lý Bạch trong cung điện. Sau khi nói chuyện, thấy Lý Bạch đúng là người có tài, liền phấn khởi nói: "Khanh là một nhân sĩ bình thường mà tên tuổi ngay đến trăm cũng biết. Nếu không có chân tài thực học thì sao có thể nổi tiếng như thế được".

Sau cuộc tiếp kiến, Đường Huyền Tông phong Lý Bạch làm một chức quan trong Hàn lâm viện để chuyên khởi thảo chiếu thư cho hoàng đế.

Lý Bạch vốn ham uống rượu, đã uống là uống cho tới khi say khướt mới thôi. Sau khi đã làm quan trong Hàn lâm viện, ông vẫn không sửa được thói quen đó, thường cùng các bạn thơ tới các tửu điểm ở Trường An uống rượu.

Một hôm, Đường Huyền Tông nghe nhạc công trình bày một bản nhạc mới nhưng chưa có ca từ, liền hạ lệnh cho thái giám đi tìm Lý Bạch. Thái giám tìm khắp viện Hàn lâm và nhà riêng, vẫn không thấy Lý Bạch đâu. Sau có người mách là ông đang uống rượu ngoài phố.

Thái Giám đi tìm khắp phố phường Trường An, mãi mới thấy Lý Bạch trong một quán rượu. Thì ra Lý Bạch quá say, đang nằm ngủ ở đó. Thái giám lay gọi ông, nói hoàng thượng triệu kiến. Lý Bạch cố rửa mặt, hỏi có chuyện gì. Thái giám không kịp đôi hỏi, vội vục ngay ông lên kiệu khiêng vào trong cung.

Lý Bạch vào cung, ngẩng đầu nhìn thấy Đường Huyền Tông, muốn làm lễ triều bái, nhưng không thể

điều khiển nổi chân tay. Thái giám thấy ông quá say, liền mang một chậu nước lạnh vẩy lên mặt, ông mới dần dần tỉnh lại.

Đường Huyền Tông yêu tài Lý Bạch, không quá trách gì, chỉ yêu cầu ông mau viết lời cho bài nhạc mới soạn.

Các thái giám rồi rít bày bút, mực, giấy, lụa lên bàn. Lý Bạch ngồi bệt xuống đất, bỗng cảm thấy chân còn đi giày vướng víu quá. Ông nhìn thấy bên cạnh có một thái giám có tuổi, liền đuổi chân ra bảo người đó: "Làm ơn cởi giúp đôi giày ra".

Lão hoạn quan đó là Cao Lực Sĩ, người đứng đầu các hoạn quan, được Đường Huyền Tông rất yêu mến. Hàng ngày ông ta dựa thế hoàng đế, thường tác uy tác phúc với các quan trong triều. Thế mà bây giờ một viên quan nhỏ trong Hàn lâm viện dám sai cởi giày làm ông ta tức uất người. Nhưng Đường Huyền Tông đang đứng chờ bên cạnh, nếu cự lại Lý Bạch, làm hoàng thượng mất hứng, thì cũng rầy rà. Ông ta đành nén giận, làm ra vẻ không chấp gì chuyện đó, cười khanh khách nói: "Ồ, say quá rồi, giày cũng không cởi nổi!", rồi cởi bỏ giày cho ông.

Được cởi giày xong, Lý Bạch chẳng hề nhìn người vừa giúp đỡ mình, cầm ngay lấy bút, viết những dòng như rồng bay phượng múa. Chẳng mấy chốc đã viết xong ba đoạn lời theo "Thanh bình điệu" nộp cho Đường Huyền Tông.

Đường Huyền Tông ngâm đi ngâm lại, thấy lời văn đẹp dễ, tiết tấu nhịp nhàng, đúng là loại thơ hay, liền giao ngay cho nhạc công diễn xướng.



Đường Huyền Tông rất tán thưởng Lý Bạch, nhưng Cao Lục Sĩ, kẻ đã bị ông bắt cởi giày thì căm tức trong lòng.

Một hôm, trong khi đi theo Dương Quý Phi ngắm cảnh trong ngự viên, Dương Quý Phi cao hứng hát lên lời ca do Lý Bạch viết. Cao Lục Sĩ làm bộ kinh ngạc nói: "Ôi chao, tên Lý Bạch đó nhục mạ nương nương trong bài thơ đó, nương nương không biết sao?"

Dương Quý Phi lấy làm lạ, liền hỏi vì sao. Cao Lục Sĩ liền thêm thắt vào, nói câu thơ của Lý Bạch có ý so sánh Vương Quý Phi với Triệu Phi Yến, một hoàng hậu phóng đảng thời Hán. Đó là một sự châm biếm cố ý.

Dương Quý Phi tin theo lời Cao Lục Sĩ liền nổi giận và tìm cách nói xấu Lý Bạch với Đường Huyền Tông. Dần dần Đường Huyền Tông cũng cảm thấy không ưa Lý Bạch nữa.

Lý Bạch cũng nhận ra, xung quanh Đường Huyền Tông chỉ là một lũ tiểu nhân loại như Lý Lâm Phủ, Cao Lục Sĩ chuyên nghề xu phụ quyền thế. Ông ở bên cạnh Đường Huyền Tông, chẳng qua chỉ có tác dụng giúp vui cho vị hoàng đế ăn chơi này, chứ không thể nào thực hiện được hoài bão chính trị của mình. Vì vậy, tới mùa xuân năm sau, ông nộp sớ tâu xin từ quan về nhà. Đường Huyền Tông lập tức phê chuẩn thỉnh cầu của ông, nhưng để tỏ ra yêu quý tài năng, đã cho ông một số tiền làm lộ phí.

Sau khi rời Trường An, Lý Bạch tiếp tục sống cuộc đời tự do của một thi nhân, khi thì ẩn cư đọc sách, khi thì du lãm các nơi. Trong những năm tháng đó, ông đã

viết lên nhiều bài thơ xuất sắc, ca ngợi núi sông tươi đẹp.

Một lần, xuất phát từ Bạch Đế thành, ngồi thuyền xuôi qua Tam Hiệp của Trường Giang, đi tới Giang Lăng, ông nổi hứng vung bút viết bài thơ Tảo phát Bạch Đế thành.

*Triều từ Bạch Đế thái vân gian
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lương ngân viên thanh đề bất trú
Khinh du dĩ quá vạn trùng san.*

Dịch:

Sớm ra đi từ Bạch Đế thành .

*Sớm ra Bạch Đế thành mây
Giang Lăng nghìn dặm một ngày về luôn.
Hai bờ tiếng vượn véo von
Thuyền nan đã vượt núi non vạn trùng.*

(Bản dịch của Tản Đà)

Nhiều bài thơ của Lý Bạch đã biểu hiện khí phách hào hùng, trí tưởng tượng phong phú và tình cảm nồng cháy của ông, trở thành những danh tác bất hủ trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Chính trong lúc Lý Bạch nhiệt tình ngợi ca núi sông hùng vĩ của Tổ quốc, thì do sự hủ bại của vương triều Đường, một tai họa lớn đã giáng xuống vùng Trung Nguyên.

155- AN LỘC SƠN NỔI LOẠN

Trong thời trị vì của Đường Huyền Tông, để tăng cường phòng thủ biên giới, đã thiết lập mười quận trấn (còn gọi là phiên trấn - tức đạo quân phòng thủ biên giới), viên quan đứng đầu quân trấn gọi là Tiết độ sứ. Tiết độ sứ có quyền lực rất lớn, ngoài việc chỉ huy quân sự, còn kiêm nhiệm việc cai trị và tài chính, có địa vị vô cùng quan trọng. Theo lệ thường thời đó, tiết độ sứ nào lập công xuất sắc, có thể điều về triều đình làm tể tướng.

Sau khi Lý Lâm Phủ nắm quyền, hẳn không những bài xích văn quan trong triều mà còn nghi ngờ, e ngại các tiết độ sứ. Vương Trung Tự là Tiết độ sứ Sóc Phương và ba trấn khác, đã từng lập nhiều chiến công. Các tướng lĩnh dưới quyền ông như Kha Thu Hàn, Lý Quang Bật đều là những danh tướng anh dũng, thiện chiến. Lý Lâm Phủ thấy Vương Trung Tự có công lao to, uy tín lớn, sợ ông sẽ được Huyền Tông vời về kinh cho làm tể tướng, nên đã sai người tâu với Đường Huyền Tông, vu cáo ông liên hệ với thái tử để mưu phản, khiến

Vương Trung Tự suýt nguy hiểm tới tính mạng. Sau nhờ có Kha Tư Hàn thông thiết kêu oan cho, nên ông mới khỏi tội chết và bị giáng chức. Vương Trung Tự không chịu nổi nỗi oan đó, đã uất ức sinh bệnh mà chết.

Lúc đó, trong các tướng lĩnh ở biên cảnh có một số là người Hồ. Lý Lâm Phủ cho rằng người Hồ văn hoá thấp, không thể điều về triều làm tể tướng được, nên tìm mọi cách tâu với Đường Huyền Tông là nên trọng dụng người Hồ, với lý do người Hồ thiện chiến, lại chất phác, không cấu kết với quan chức trong triều, có thể tin cậy được. Đường Huyền Tông vốn rất sợ các tướng lĩnh cầm quân ở biên giới mưu phản, liền nghe theo lời Lý Lâm Phủ, phong một số người Hồ làm tiết độ sứ.

Trong số các tiết độ sứ người Hồ, Đường Huyền Tông và Lý Lâm Phủ đặc biệt tín nhiệm tiết độ sứ Bình Lư (trị sở nay ở Triều Dương, Liêu Ninh) là An Lộc Sơn.

Thời thanh niên, An Lộc Sơn từng làm tướng trong quân Trấn Bình Lư, vì không chấp hành nghiêm quân lệnh nên đã thua trận. Tướng chỉ huy quân trấn lúc đó bắt, giải hần về Trường An, xin triều đình xét xử. Lúc đó, tể tướng Trương Cửu Linh để giữ đúng lấy luật quân đội, đã ghép An Lộc Sơn vào tử tội. Nhưng Đường Huyền Tông nghe nói An Lộc Sơn tài giỏi, nên hạ lệnh tha cho hần.

Trương Cửu Linh tâu với Đường Huyền Tông: "An Lộc Sơn đã vi phạm quân lệnh, làm hao binh tổn tướng, theo quân pháp không thể không giết. Vả lại, theo thân quan sát, hần không phải là người lương thiện, không giết hần e rằng sẽ có hậu họa khôn lường."

Đường Huyền Tông không nghe theo lời can của Trương Cửu Linh, vẫn tha cho An Lộc Sơn. Sau đó, Trương Cửu Linh bị triệt chức, An Lộc Sơn nhờ thủ đoạn nịnh nọt, cứ thăng quan từng bước, lên tới chức tiết độ sứ Bình Lư. Không tới ba năm, hắn còn kiêm nhiệm cả chức tiết độ sứ Phạm Dương (trị sở tại Bắc Kinh ngày nay).

Sau khi giữ chức Tiết độ sứ, An Lộc Sơn cho tay chân đi sưu tầm mọi thứ chim lạ và các loại trân châu bảo ngọc, thường xuyên gởi về cung đình để lấy lòng Đường Huyền Tông. Hắn ta biết Đường Huyền Tông thích nhận được tin báo chiến công của các tướng lĩnh biên phòng, liền dùng âm mưu quỷ kế, lừa mời thủ lĩnh và tướng sĩ của các bộ tộc thiểu số gần Bình Lư đến dự tiệc, dùng rượu thuốc chuốc cho họ say rồi cắt lấy đầu, đưa về báo công với triều đình.

Đường Huyền Tông thường gọi An Lộc Sơn về Trường An triệu kiến. Lợi dụng những dịp đó, An Lộc Sơn dùng mọi thủ đoạn giả hoạt để giành sự sủng ái của hoàng đế. Hắn vốn người thấp lùn, lại có cái bụng rất to, chuyên làm bộ ngớ ngẩn khiến Đường Huyền Tông rất thích.

Một lần, Đường Huyền Tông chỉ vào bụng hắn, hỏi đùa: "Khanh có cái bụng to như thế, cất giữ cái gì trong đó?"

An Lộc Sơn đáp ngay không cần suy nghĩ: "Trong bụng thần không có cái gì khác, chỉ có một tấm lòng son sắt với bệ hạ."

Đường Huyền Tông cho rằng An Lộc Sơn thực lòng trung thành với mình, nên rất đẹp lòng. Sau đó, liền

phong An Lộc Sơn làm Quận Vương, xây cho hắn một tòa phủ đệ nguy nga ngay tại Trường An, như các vương công quý tộc khác. Sau khi An Lộc Sơn dọn tới ở trong vương phủ, hàng ngày Đường Huyền Tông đến cử người tới cùng hắn uống rượu vui chơi, lại cho Dương Quý Phi nhận hắn làm con nuôi, cho hắn tự do ra vào hoàng cung, thân thiết như người trong nhà.

Do lừa bịp mà được sự tín nhiệm của Đường Huyền Tông và Lý Lâm Phủ, nên sau đó, ngoài hai quân trấn Phạm Dương và Bình Lư, An Lộc Sơn còn được kiêm nhiệm cả chức tiết độ sứ Hà Đông (trị sở nay ở Thái Nguyên Sơn Tây), khống chế tuyệt đại bộ phận vùng biên cương phía Bắc. Hắn bí mật mở rộng binh lực, sử dụng một số mãnh tướng như Sử Tư Minh, Thái Hy Đức và dùng hai kẻ sĩ Hán tộc là Cao Thuợng, Nghiêm Trang giúp hắn mưu tính kế. Hắn chọn trong số hàng binh các bộ tộc ở biên giới, tổ chức một đội tinh binh gồm tám ngàn tráng sĩ, tích trữ lương thảo, sắm sửa vũ khí, chỉ đợi Đường Huyền Tông chết là nổi lên làm loạn.

Không bao lâu, Lý Lâm Phủ ốm chết, anh họ Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung, nhờ địa vị ngoại thích, được thay làm tể tướng. Dương Quốc Trung vốn là một tên lưu manh, bị An Lộc Sơn rất coi thường mà Trung cũng không ưa An Lộc Sơn. Giữa hai tên xảy ra mâu thuẫn. Dương Quốc Trung nhiều lần tâu với Đường Huyền Tông là An Lộc Sơn nhất định sẽ làm phản, nhưng Đường Huyền Tông đang rất tín nhiệm An Lộc Sơn, không tin là có chuyện đó.

Dần dà, những dấu hiệu mưu phản của An Lộc Sơn không thể không lộ ra. Hắn ta yêu cầu triều đình triệu hồi ba mươi hai viên tướng người Hán, để hắn cử người



khác thay thế. Đường Huyền Tông tự tay viết chiếu thư, vêu cầu hần về Trường An, nhưng hần thắc có bệnh, không về. Đường Huyền Tông bắt đầu ngờ An Lộc Sơn, nhưng cả ông ta và Dương Quốc Trung đều không nghĩ ra cách gì để phòng sự phản loạn của An Lộc Sơn.

Năm 755, sau một thời gian chuẩn bị đầy đủ, An Lộc Sơn quyết định nổi loạn vào tháng 10. Lúc đó, vừa dịp có một quan chức từ Trường An tới Phạm Dương. An Lộc Sơn liền làm giả một chiếu thư của Đường Huyền Tông, triệu tập tướng sĩ lại, tuyên bố: "Đã nhận được mệnh lệnh của hoàng thượng, yêu cầu ta đem binh về kinh để thảo phạt Dương Quốc Trung."

Các tướng sĩ đều thấy bất ngờ, ngờ ngác nhìn nhau. Nhưng không ai dám tỏ ý hoài nghi thánh chỉ.

Sớm hôm sau, An Lộc Sơn dẫn quân tiến xuống phía Nam. Mười lăm vạn bộ binh và kỵ binh dàn ra suốt bình nguyên Hà Bắc. Bụi cuốn mù mịt, chiêng trống vang lừng. Miền Trung Nguyên đã gần một trăm năm không có chiến tranh, dân chúng mấy đời không hề nhìn thấy cảnh trận mạc. Quan chức các địa phương dọc đường kẻ thì bỏ chạy, kẻ thì đầu hàng. Quân An Lộc Sơn tiến xuống phía Nam, hầu như không gặp phải sự đề kháng nào.

Tin về cuộc phản loạn ở Phạm Dương truyền tới Trường An, ban đầu Đường Huyền Tông còn cho là có kẻ phao đồn tin nhảm, không tin là sự thật. Nhưng rồi, tin cáo cấp tới tấp bay về, ông hoảng hốt, vội triệu tập các đại thần lại bàn bạc. Khắp triều thần chưa ai từng trải qua cuộc biến loạn lớn như vậy nên đều run sợ, ngây người nhìn ngó nhau. Chỉ có Dương Quốc Trung là dương dương đắc ý nói: "Thần đã nói từ lâu là An Lộc

Sơn sẽ làm phản, quả nhiên không sai. Nhưng dù sao, xin bệ hạ cứ yên tâm, các tướng sĩ của hần nhất định đều không dễ theo hần làm phản. Chỉ trong mười ngày, nhất định sẽ có người đem đầu hần dâng lên bệ hạ."

Đường Huyền Tông nghe nói, hơi có phần yên tâm. Nhưng ngờ đâu, chẳng bao lâu, quân phản loạn đã tiến sâu xuống phía Nam, vượt qua Hoàng Hà, đánh chiếm Lạc Dương.

156. NHAN QUẢ KHANH MẮNG GIẶC

Trong giờ phút nguy cấp đó, người đầu tiên đứng lên chống lại An Lộc Sơn là Nhan Quả Khanh thái thú quận Thường Sơn (nay là Chính Định, Hà Bắc).

Nhan Quả Khanh vốn là cấp dưới của An Lộc Sơn. Sau khi An Lộc Sơn nổi loạn, Nhan Quả Khanh liền chuẩn bị chống lại. Khi quân nổi loạn tiến đến Cảo Thành (thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay), Nhan Quả Khanh đã chiêu mộ được hơn một ngàn tráng sĩ. Ông biết rằng lực lượng của mình không đủ, không thể trực tiếp giao chiến với An Lộc Sơn, liền cùng một quan chức cấp dưới là Viên Lý Khiêm giả hàng. An Lộc Sơn vẫn cho ông giữ Thường Sơn, nhưng không yên tâm lắm, liền bắt Nhan Quả Khanh đưa con trai và cháu đến quân doanh làm con tin, một mặt cử một tướng đến giữ Tĩnh Hình Quan (nay là Tĩnh Hình, Hà Bắc).

An Lộc Sơn vượt qua Hoàng Hà, đánh chiếm Lạc Dương xong thì Nhan Quả Khanh quyết tâm khởi binh. Người em họ ông là Nhan Chân Khanh, thái thú quận Bình Nguyên (nay là Bình Nguyên, Sơn Đông) cũng

chiêu mộ được hơn một vạn người ngựa, phái người đến liên lạc với Nhan Quả Khanh, đề nghị ông đánh chiếm Tỉnh Hình Quan, cắt đứt hậu phương của An Lộc Sơn.

Nhan Quả Khanh dò biết tên tướng giữ Tỉnh Hình Quan là một con sâu rượu liễn giả truyền lệnh của An Lộc Sơn, phái người đem rượu ngon và thức nhắm tốt để khao quân. Đợi tới khi toàn bộ quân tướng của hắn đều say nghiêng ngả mới bắt giết hắn và chiếm Tỉnh Hình Quan.

Sau khi chiếm được Tỉnh Hình Quan, sĩ khí trong quân Nhan Quả Khanh lên cao. Ngay ngày hôm sau, lại bắt sống được hai viên tướng trong đội quân nổi loạn. Nhan Quả Khanh phái người đi nói với quan lại khắp các quận Hà Bắc: "Nay triều đình đã cử 30 vạn đại quân đi thảo phạt An Lộc Sơn, đã ra khỏi Tỉnh Hình Quan, sớm muộn sẽ tới các quận Hà Bắc. Những ai bị An Lộc Sơn buộc đi theo làm phản nếu sớm đầu hàng thì được trọng thưởng, nếu dám chống lại thì tội càng nặng".

Quan chức các quận Hà Bắc nghe nói An Lộc Sơn sắp nguy, đều đua nhau hưởng ứng Nhan Quả Khanh. Vùng Hà Bắc có 24 quận thì 17 quận đã đứng về phía triều đình.

An Lộc Sơn đang định tiến vào Đồng Quan nghe tin các quận Hà Bắc đã hưởng ứng lời kêu gọi của Nhan Quả Khanh, hậu phương không còn ổn định nữa. Hắn đành thay đổi ý định, quay trở lại Lạc Dương. Về tới Lạc Dương, hắn liền xưng là Hoàng Đế Đại Yên, phái đại tướng là Sử Tư Minh và Thái Hy Đức mỗi người dẫn một vạn quân, chia hai đường tiến đánh Thường Sơn.



Nhan Quả Khanh tuy thắng trận đầu, nhưng mới khởi binh được tám ngày, công sự phòng ngự ở Thường Sơn chưa chuẩn bị tốt, quân số lại ít nên chống không nổi hai cánh quân thiện chiến của An Lộc Sơn! Quân phản loạn tiến sát chân thành, Nhan Quả Khanh phái người tới Thái Nguyên xin cứu viện, nhưng tướng giữ Thái Nguyên là Vương Thừa Nghiệp không chịu xuất binh.

Sử Tư Minh vây chặt Thường Sơn. Nhan Quả Khanh chỉ huy quân dân Thường Sơn chống giữ hăng hái trong suốt bốn ngày đêm. Trong thành không còn lương thực, tên bắn cũng hết. Thường Sơn cuối cùng lọt vào tay giặc.

Sử Tư Minh cho quân giết hại hơn một vạn quân dân Thường Sơn rồi bắt giải Nhan Quả Khanh, Viên Lý Khiêm về Lạc Dương, trình lên An Lộc Sơn.

An Lộc Sơn sai lính giải Nhan Quả Khanh tới trước mặt, trách mắng: "Người vốn chỉ là một viên quan nhỏ ở Phạm Dương, ta đã phong cho làm thái thú, tại sao còn dám phản bội lại ta?"

Nhan Quả Khanh nổi giận dùm dùm nói: "Mày là một thằng chần dề, nhà nước cho mày làm tiết độ sứ ba trấn có bạc đãi gì mày mà mày khởi binh làm loạn? Ta vì nước trừ gian, chỉ giận không chém được đầu mày, sao nói được là phản bội?"

An Lộc Sơn thẹn quá nổi khùng, hét lính lôi Nhan Quả Khanh và Viên Lý Khiêm ra trời vào cột, đánh đập tàn nhẫn.

Nhan Quả Khanh vẫn đường hoàng lắm liệt, vừa cố chịu đòn đánh, vừa lớn tiếng chửi mắng An Lộc Sơn.

Lính của An Lộc Sơn dùng dao cắt đứt lưỡi Nhan Quả Khanh. Tuy máu chảy đầy mặt, ông vẫn nhìn thẳng vào An Lộc Sơn và ú ớ chửi mắng.

Viên Lý Khiêm nhìn thấy tình cảnh Nhan Quả Khanh chịu hình phạt thảm khốc như vậy thì rất giận, tự mình cầm đứt lưỡi rồi phun cả miếng lưỡi và máu vào mặt một tên tướng đứng gần.

Nhan Quả Khanh, Viên Lý Khiêm tiếp tục chửi bới giặc cho đến chết.

Từ lúc khởi binh cho đến khi thất bại, tuy chỉ có mười mấy ngày, nhưng sự đề kháng của Nhan Quả Khanh đã kìm giữ được binh lực của giặc, khiến triều đình có đủ thời gian điều binh khiển tướng. Tinh thần quả cảm cho tới chết của họ đã cổ vũ rất nhiều người đứng lên chống lại quân phản loạn.

Một tháng sau khi Nhan Quả Khanh bị giết, Tiết độ sứ Hà Đông là Lý Quang Bật chỉ huy hơn một vạn bộ binh và kỵ binh cùng hơn ba ngàn cung thủ ở Thái Nguyên tiến ra Tĩnh Hình Quan, đánh lui quân phản loạn, thu phục được Thường Sơn. Tiếp đó, Tiết độ sứ Sóc Phương là Quách Tử Nghi cũng cũng dẫn binh đến Thường Sơn hội hợp với Lý Quang Bật. Nhân dân vùng Hà Bắc đã chịu nhiều thống khổ do sự cướp bóc của quân phản loạn, nghe tin quân của Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật tới, liền tự động tập hợp lại, xây thành đắp lũy chuẩn bị chống lại quân phản loạn và nô nức tham gia vào quân triều Đường. Hai đội quân của Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật có sức chiến đấu mạnh mẽ, tinh thần hăng hái, liền tiếp đánh bại quân An Lộc Sơn. Mười mấy quận Hà Bắc lại về tay quân triều đình.

Chiến thắng ở Hà Bắc đã làm quân phiến loạn mất hậu phương, tinh thần bắt đầu hoang mang. An Lộc Sơn hoảng sợ, trách các mưu sĩ Cao Thượng, Nghiêm Trang: "Mấy năm nay các người vẫn khuyên ta khởi binh chống triều đình, cho đó là kế sách vẹn toàn. Mà nay thì ở phía Tây, đánh Đồng Quan mấy tháng không hạ được, ở phía Bắc thì bị cắt đứt đường về. Chúng ta cứ khốn khổ giữ ở đây, sao gọi được là vẹn toàn!" Hấn toan bỏ Lạc Dương, chạy về Phạm Dương. Chính trong lúc An Lộc Sơn tiến thoái lưỡng nan, thì những kẻ cầm quyền trong vương triều Đường lại mở toang cánh cửa Đồng Quan cho quân địch tiến vào Trường An.

157. BINH BIẾN Ở MÃ NGÔI

Đồng Quan là cánh cửa của kinh đô Trường An. Nơi đây có địa hình hiểm yếu, đường xá nhỏ hẹp. Đường Huyền Tông phái đại tướng Kha Thụ Hàn đem đại quân trấn giữ. Tướng phiến loạn là Thôi Càn Hựu đóng quân ngoài cửa thành đã nửa năm, mà không có cách gì đánh vào được. Mỗi đêm, quân lính giữ Đồng Quan đều đốt lửa để báo tin bình an, các trạm đốt lửa phía trong cũng nối nhau đốt lửa, truyền "tín hiệu bình an" về kinh thành, để triều đình và nhân dân yên tâm.

Quân phiến loạn không đánh nổi Đồng Quan, nhưng nội bộ vương triều Đường ở trong cửa quan lại phát sinh mâu thuẫn. Kha Thụ Hàn chủ trương giữ vững Đồng Quan để chờ thời cơ. Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật từ Hà Bắc cũng gửi sớ tấu về, xin mang quân lên bắc để đánh vào sào huyệt Phạm Dương của giặc và đề nghị quân lính giữ Đồng Quan phải hết sức thận trọng, không nên khinh suất mở cửa quan ra giao chiến với địch. Nhưng Tể tướng Dương Quốc Trung lại phản đối những ý kiến trên. Vì có kẻ nói với Dương Quốc Trung: "Hiện nay đại quân nằm trong tay Kha Thụ Hàn, nếu

Kha Thụ Hàn đánh thắng, trở về Trường An thì ngôi tể tướng của ngài khó mà giữ được" Bản thân Dương Quốc Trung cũng biết mình không được lòng người, nghe nói thế thì càng lo sợ, liền nói với Đường Huyền Tông rằng: hiện nay quân phiến loạn ở ngoài cửa quan đã yếu lắm rồi, mà Kha Thụ Hàn vẫn án binh bất động, bỏ lỡ mất thời cơ tiêu diệt địch. Đường Huyền Tông u mê, tin vào lời Dương Quốc Trung, liền tặc phái sứ giả đến Đồng Quan thúc giục Kha Thụ Hàn mở cửa quan, đem quân ra giao chiến.

Kha Thụ Hàn biết rõ rằng mở cửa quan ra đánh sẽ rất nguy hiểm, nhưng không có cách nào chống lại thánh chỉ của hoàng đế, đành khóc rống, rồi mang quân ra giao chiến.

Quân phiến loạn do Thôi Càn Hựu chỉ huy đã tập trung và dưỡng sức từ mấy tháng, bố trí sẵn trận địa phục kích trong một hẻm núi ở gần Linh Bảo (ở phía Tây tỉnh Hà Nam ngày nay), chờ quân Đường ra khỏi cửa quan. Hai mươi vạn quân của Kha Thụ Hàn từ Đồng Quan tiến ra, rơi vào trận địa mai phục sẵn, hầu như bị quân phiến loạn tiêu diệt hoàn toàn, 20 vạn người ngựa chỉ còn lại được 8 ngàn.

Kha Thụ Hàn toan cố gắng thu thập tàn binh, nhưng quân lính dưới quyền đã rối loạn, quân phiến loạn thừa cơ đánh vào Đồng Quan, Kha Thụ Hàn bị bắt.

Đồng Quan mất, không còn địa hình hiểm yếu nào có thể ngăn được giặc tiến vào Trường An. Các quan lại và binh lính dọc đường tới tấp đầu hàng địch.

Khi trận đánh diễn ra thất lợi, Kha Thụ Hàn đã phái người về Trường An cáo cấp, nhưng sau đó, việc liên lạc

bị gián đoạn. Đêm tối, kinh thành không còn nhìn thấy "tín hiệu bình an" nữa. Đường Huyền Tông lúc đó mới cảm thấy nguy hiểm, vội cuống quýt gọi Dương Quốc Trung tới bàn biện pháp đối phó.

Dương Quốc Trung mời bá quan văn võ tới bàn. Tất cả cuống cuống lo sợ, không ai đưa ra được ý kiến gì hay. Dương Quốc Trung biết nếu ở lại Trường An sẽ rất nguy hiểm, liền khuyên Đường Huyền Tông chạy vào đất Thục.

Ngày tối hôm đó, Đường Huyền Tông, Dương Quốc Trung dẫn theo Dương Quý Phi và một đám hoàng tử hoàng tôn, do tướng Trần Huyền Lễ và quân cấm vệ hộ tống, lên mở cửa hoàng cung, chạy khỏi Trường An. Hoàng đế phái hoạn quan đi trước, báo cho các địa phương dọc đường, để các quan lại chuẩn bị đón tiếp.

Nào ngờ mới tới Hàm Dương thì viên hoạn quan cùng huyện lệnh địa phương đều đã bỏ trốn. Hoàng đế và đoàn tùy tùng đi miệt, chẳng được ai tiếp tế cơm nước, đều đói mèm, mệt lả. Các thái giám tùy tùng vội xục tìm dân chúng địa phương, xin cái ăn. Mấy người dân đem một ít bánh bột cao lương dâng lên hoàng đế và đoàn tùy tùng. Các hoàng tử, hoàng tôn; phi tần, thái giám xưa nay quen ăn sơn hào hải vị, có bao giờ biết tới thứ bánh dân dã này, nhưng vì quá đói, chẳng còn nghĩ gì tới thể diện, chẳng cần tới bát đũa, xúm lại bốc ăn một loáng đã hết.

Đường Huyền Tông gắng gượng nuốt mấy miếng bánh, nghẹn ngào rơi nước mắt. Có một cụ già chen tới trước xa giá, nói với Đường Huyền Tông: "An Lộc Sơn muốn làm phản, không phải là chuyện ngày một ngày hai. Trong bao nhiêu năm đó, nhiều người đã cáo giác



với triều đình, nhưng lại bị bắt giam và giết hại. Tình hình ở bên ngoài, bệ hạ không hề hay biết. Những người dân thường chúng tôi sớm biết sẽ có ngày như hôm nay, nhưng cửa vào triều quá thâm nghiêm, bệ hạ không thể nghe thấy ý kiến của dân. Nếu không có cảnh như ngày nay, thì lão tiện dân này sao có thể đứng trước xe mà thưa chuyện cùng bệ hạ."

Đường Huyền Tông ủ rũ nói: "Tất cả đều do trẫm quá hồ đồ. Bây giờ hối lại thì không kịp nữa."

Đoàn chạy loạn lúc đi lúc nghỉ, tới ngày thứ ba, đến trạm Mã Ngôi (ở phía Tây huyện Hưng Bình, Thiểm Tây ngày nay. Thời Đường đây là nơi đặt trạm giao thông giữa kinh thành với đất Thục). Các tướng sĩ tùy tùng vừa đói vừa mệt. Họ càng nghỉ càng tức tối, oán trách những kẻ đã gây nên tình trạng khiến họ phải bỏ gia đình vợ con ở Trường An nay mai sẽ rơi vào tay giặc, và bản thân họ phải vất vả đói khát như hiện nay. Họ thấy tất cả là do gian tướng Dương Quốc Trung gây nên. Món nợ này, Dương Quốc Trung phải trả!

Vừa lúc, có mấy chục sứ giả Thổ Phồn chặn ngựa của Dương Quốc Trung lại, yêu cầu hắn phải cấp lương thực cho họ. Dương Quốc Trung chưa biết đáp thế nào, thì binh sĩ đã ùa tới vừa hô "Dương Quốc Trung làm phản!" vừa bắn tên tới tấp vào hắn.

Dương Quốc Trung hoảng sợ, nhảy xuống ngựa chạy vào trạm liền bị mấy binh sĩ đuổi theo, lôi ra ngoài, chém đầu, bêu trên ngọn giáo cắm trước dịch trạm.

Giết xong Dương Quốc Trung, binh sĩ vẫn bừa bừa phần nộ, bao vây chặt dịch trạm có Đường Huyền Tông và toàn thể đoàn tùy tùng trong đó. Đường Huyền Tông

thấy bên ngoài có tiếng ồn ào, liền hỏi có chuyện gì. Các thái giám nói cho ông ta biết các binh sĩ đã giết Dương Quốc Trung. Huyền Tông giạt nẩy mình, vội lật đặt chống gậy đi dép cỏ ra cửa dịch trạm, ủy lạo các binh sĩ và yêu cầu họ về trại nghỉ ngơi.

Binh sĩ không để ý đến lời hoàng đế vẫn ồn ào hỗn loạn. Huyền Tông cử Cao Lực Sĩ đi tìm Trần Huyền Lễ, hỏi tại sao binh sĩ vẫn không chịu giải tán. Trần Huyền Lễ trả lời: "Dương Quốc Trung mưu phản, thì không thể để Quý Phi sống được."

Yêu cầu đó đặt Đường Huyền Tông vào thế rất khó xử. Ông làm sao dứt bỏ được mỹ nhân muôn phần sủng ái đó? Đường Huyền Tông chống gậy cúi đầu đứng chết lặng hồi lâu, rồi nói: "Quý Phi xưa nay vẫn ở trong thâm cung, sao biết được chuyện Dương Quốc Trung mưu phản?"

Cao Lực Sĩ biết rằng không giết Dương Quý Phi không có cách nào làm nguôi cơn giận của binh sĩ, liền nói: "Quý Phi không có tội, nhưng binh sĩ đã giết Dương Quốc Trung, mà Quý Phi vẫn sống bên cạnh bệ hạ thì họ sao có thể yên tâm được. Kính mong bệ hạ thận trọng suy xét. Binh sĩ có yên tâm thì bệ hạ mới an toàn được".

Để bảo toàn tính mạng của mình, Đường Huyền Tông đành nghiền răng gạt nước mắt trao Dương Quý Phi cho Cao Lực Sĩ mang đi nơi khác thắt cổ chết rồi mang xác về cho binh sĩ kiểm tra.

Binh sĩ chứng kiến việc đó xong, mới nguôi giận, tháo vòng vây trở về trại.

Qua cuộc binh biến này, Đường Huyền Tông như con chim bị tên, vội vàng chạy vào Thành Đô. Thái Tử Lý Hanh muốn đi theo, nhưng bị địa phương giữ lại để chủ trì việc triều chính. Lý Hanh thu thập đội ngũ còn lại quay lên phía Bắc, tới Linh Vũ (nay ở Tây nam huyện Linh Vũ, Ninh Hà) thì lên ngôi hoàng đế. Đó là Đường Túc Tông.

158- TRƯƠNG TUẦN LÀM NGƯỜI CỎ MUỘN TÊN

Sau khi Đường Huyền Tông chạy khỏi Trường An, quân phản loạn của An Lộc Sơn liền vào chiếm Trường An. Quách Tử Nghi, Lý Quang Bát nghe tin Trường An thất thủ, buộc lòng phải bỏ miền Hà Bắc. Lý Quang Bát lui về giữ Thái Nguyên, Quách Tử Nghi về Linh Vũ. Những quận huyện đã thu phục được ở Hà Bắc lại rơi vào tay quân phản loạn.

Trước khi quân phản loạn vào Đồng Quan, An Lộc Sơn phái hàng tướng của triều đình là Lệnh Hồ Triều đem quân tiến đánh Ung Khâu (nay là huyện Kỳ, Hà Nam). Lệnh Hồ Triều vốn là huyện lệnh Ung Khâu. Khi An Lộc Sơn chiếm Lạc Dương, Lệnh Hồ Triều liền đầu hàng. Gần Ung Khâu có huyện Chân Nguyên, huyện lệnh là Trương Tuần không chịu đầu hàng, và chiêu mộ khoảng một ngàn tráng sĩ đến chiếm Ung Khâu. Lệnh Hồ Triều lần này mang bốn vạn quân phản loạn về đánh Ung Khâu. Trương Tuần và tướng sĩ ở Ung Khâu kiên quyết chống giữ hơn 60 ngày đêm. Các tướng sĩ mặc nguyên khôi giáp ăn cơm, ai bị thương thì băng bó rồi lại tiếp tục chiến đấu, đánh lui hơn ba trăm đợt tiến

công của quân phiến loạn, giết rất nhiều địch buộc Lệnh Hồ Triệu phải rút quân.

Lần thứ hai, Lệnh Hồ Triệu lại tập hợp người ngựa đánh thành. Lúc đó, tin thất thủ Trường An đã truyền tới Ung Khâu. Lệnh Hồ Triệu rất phấn khởi, liền gửi một bức thư khuyên Trương Tuân đầu hàng.

Tin thất thủ Trường An được lan truyền rộng rãi trong quân Đường. Trong thành Ung Khâu có sáu viên tướng, vốn là những người có uy tín cao, thấy tình hình đó thì dao động. Họ tìm đến nói với Trương Tuân: "Hiện nay lực lượng hai bên chênh lệch rất nhiều, vả lại không biết hoàng thượng còn sống hay đã chết, chi bằng ta đầu hàng đi là hơn".

Trương Tuân nghe nói, giận sôi lên, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bình thường, hẹn hôm sau sẽ bàn với mọi người. Hôm sau, ông triệu tập toàn thể tướng sĩ tại sảnh đường, quát gọi sáu viên tướng kia tới, tuyên bố chúng phạm tội phản bội quốc gia, làm dao động lòng quân, rồi đem chém đầu tại chỗ. Các tướng sĩ thấy vậy, đều rất kích động, nguyện sẽ kiên quyết chống cự đến cùng.

Quân phiến loạn liên tục đánh thành, Trương Tuân tổ chức binh sĩ đứng trên thành bắn tên xuống như mưa, buộc chúng phải lui. Nhưng lâu ngày, tên trong thành dùng hết, Trương Tuân lo đến cháy ruột gan.

Một đêm, khi đã khuya, trên thành Ung Khâu thấy lơ mơ hàng trăm hàng ngàn bóng đen đang di động rồi theo thang dây trèo xuống dưới thành. Quân lính của Lệnh Hồ Triệu phát hiện thấy liền vội báo cáo với chủ tướng. Lệnh Hồ Triệu phán đoán là quân trong thành

ra đánh lén, liền hạ lệnh tập trung cung thủ lại bắn tên tới tập về phía chân thành. Tên bắn như mưa suốt từ nửa đêm tới sáng. Quân phiến loạn nhìn kỹ, thì thấy đều là bù nhìn tết bằng cỏ, suốt thân cắm chi chít dây tên.

Quân trên thành phấn khởi, lôi những người cỏ đồ lên, rút tên ra đếm, thấy được mấy chục vạn, giải quyết được khó khăn trước mắt.

Qua mấy đêm, vẫn vào lúc trời không trăng sao, trên thành lại xuất hiện những bóng đen. Quân lính của Lệnh Hồ Triêu phát hiện thấy, bật cười, cho rằng Trương Tuấn lại giở bài bản cũ, không thêm chú ý gì.

Không ngờ lần này, những bóng đen từ trên thành tụt xuống, không phải là người cỏ, mà là năm trăm dũng sĩ. Các dũng sĩ thừa cơ quân phiến loạn không phòng bị, xông thẳng vào đại doanh của Lệnh Hồ Triêu. Lệnh Hồ Triêu không kịp tổ chức chống lại. Mấy vạn quân phiến loạn không nhận được lệnh chỉ huy, rối loạn tan chạy khắp các ngả, có toán chạy xa tới mười mấy dặm mới dám dừng lại thở.

Lệnh Hồ Triêu mắc mưu liền hai lần, rất căm tức, lại tăng thêm lực lượng đánh thành. Trương Tuấn phái bộ tướng Lôi Vạn Xuân chỉ huy quân lính trên thành. Quân phiến loạn thấy trên thành xuất hiện một viên tướng, liền nhắm vào bắn. Lôi Vạn Xuân không đề phòng, bị sáu phát tên cắm vào mặt. Để giữ vững lòng quân, ông nhin đau, đứng im không động cựa. Quân phiến loạn thấy thế, tưởng rằng Trương Tuấn giở quỷ kế mang người gỗ lên thành giả làm tướng để đánh lừa chúng.



Sau, Lệnh Hồ Triều được tin báo của gián điệp, được biết "người gỗ" bị tên bắn trúng mặt vẫn đứng im đó là tướng Lôi Vạn Xuân, thì giật mình kinh sợ. Lệnh Hồ Triều đến chân thành gọi to Trương Tuấn ra nói chuyện. Trương Tuấn đứng trên thành, Lệnh Hồ Triều nói với ông: "Ta đã thấy sự dũng cảm của Lôi tướng quân, biết được kỷ luật quân sự của các ngài rất nghiêm minh. Nhưng đáng tiếc là các ngài không biết mệnh trời".

Trương Tuấn cười nhạt: "Các người không biết cả tới đạo làm người, còn có tư cách gì nói tới mệnh trời!" Nói xong, liền hạ lệnh cho tướng sĩ mở cửa thành xông ra đánh mãnh liệt. Lệnh Hồ Triều hoảng sợ quay đầu ngựa chạy thực mạng. Mười bốn tì tướng đi theo hẳn đều bị quân của Trương Tuấn bắt sống.

Từ đó, Lệnh Hồ Triều đóng quân ở phía Bắc thành, không ngừng đánh chặn đường tiếp lương của Trương Tuấn. Quân phiến loạn có tới mấy vạn người, mà phía Trương Tuấn chỉ có hơn một nghìn, nhưng ông biết nắm đúng thời cơ xuất kích, nên đều thắng lợi.

Một năm sau, thái thú Tuy Dương (nay là Thương Khâu, Hà Nam) là Hứa Viễn cho người mang thư cáo cấp tới gặp Trương Tuấn, báo tin đại tướng Doãn Tử Kỳ của quân phiến loạn mang mười ba vạn quân sắp tiến đánh Tuy Dương.

Trương Tuấn nhận được tin cáo cấp, vội dẫn quân đến Tuy Dương.

159- NAM TẾ VÂN MƯƠN QUÂN

Hứa Viên, thái thú Tuy Dương có chức quan cao hơn Trương Tuần (huyện lệnh), nhưng biết Trương Tuần giỏi dùng binh, trí dũng song toàn, liền mời Trương Tuần làm người chỉ huy việc giữ thành, tướng phiên loạn Doãn Tử Kỳ đem mười ba vạn quân đánh thành, mà quân số của cả Hứa Viên, Trương Tuần gộp lại cũng chỉ có hơn sáu ngàn, chưa bằng một phần hai mươi số quân địch. Trương Tuần tổ chức cố thủ, kịch chiến với quân phiên loạn suốt mười sáu ngày, bắt sống hơn sáu mươi tướng, tiêu diệt hơn hai vạn phiên quân, buộc Doãn Tử Kỳ phải lui quân.

Hai tháng sau, Doãn Tử Kỳ có quân tăng viện, lại bao vây chặt Tuy Dương, dùng mọi biện pháp công phá thành lũy. Trương Tuần tuy đánh thắng liên tiếp mấy trận, nhưng quân phiên loạn tạm lui rồi lại tiến tới, tình hình ngày càng khẩn cấp.

Một đêm, Trương Tuần hạ lệnh cho quân lính gióng trống trận, chỉnh đốn đội ngũ. Quân phiên loạn ở ngoài

thành thấy trong thành giống trống, liền vội vàng bày trận, chuẩn bị giao phong. Nhưng chúng đợi tới sáng, vẫn không thấy quân Đường ra khỏi thành, Doãn Tử Kỳ cho người leo lên vọng lâu nhìn vào, vẫn thấy trong thành im phăng phắc, không hề có động tĩnh gì, liền hạ lệnh cho quân lính tháo bỏ khôi giáp, nghỉ ngơi. Tướng sĩ quân phiến loạn qua một đêm căng thẳng, mỗi một nên vừa nằm xuống là ngủ li bì.

Chính vào lúc đó, Trương Tuân cùng các tướng Lôi Vạn Xuân, Nam Tế Văn và hơn 10 tướng lĩnh khác, mỗi người dẫn 50 kỵ binh mở cửa thành ào ạt xông ra, tiến công mãnh liệt vào trại địch. Quân phiến loạn không đề phòng, lâm vào cảnh hỗn loạn, bị quân Đường giết hơn năm ngàn tên.

Trương Tuân muốn tìm cách bắt gục chủ tướng Doãn Tử Kỳ của quân phiến loạn khi hắn ra trước trận, nhưng Doãn Tử Kỳ cũng rất ranh ma, khi nào ra trận cũng cùng đi với mấy viên tướng khác, mặc chiến bào và cưỡi ngựa có màu sắc giống nhau, không sao phân biệt được. Trương Tuân liền nghĩ ra một biện pháp, sai quân lính dùng thân cây lau vót làm tên bắn vào trận địa địch. Lính địch nhặt được loại tên đó, cho rằng trong thành đã hết tên rồi nên vui mừng cầm mấy mũi tên đó, phóng ngựa đến đưa cho Doãn Tử Kỳ xem.

Doãn Tử Kỳ vừa đưa tay ra nhận mấy mũi tên đó thì Trương Tuân đã theo dõi sát, báo Nam Tế Văn đứng bên cạnh bắn thẳng vào hắn. Nam Tế Văn vốn là một cung thủ lợi hại, mũi tên bắn ra trúng ngay vào mắt trái Doãn Tử Kỳ. Hắn thét lên một tiếng, ôm mặt, ngã nhào xuống chân ngựa. Trương Tuân hạ lệnh xông ra đánh, lại thắng một trận lớn.

Doãn Tử Kỳ đã hỏng một mắt, lại thiệt quân, vô cùng cay cú. Sau khi điều trị khỏi vết thương, hắn liền dẫn mấy vạn quân vây chặt Tuy Dương như tường đồng vách sắt. Quân vây ngoài thành mỗi ngày một đông, quân giữ thành thì càng chiến đấu càng giảm. Về sau, trong thành Tuy Dương chỉ còn lại, một ngàn sáu trăm người. Lương thực cũng cạn dần, mỗi binh sĩ mỗi ngày chỉ được phân một hợp gạo* phải trộn thêm vỏ cây, lá cây và giấy vụn để nấu cơm ăn. Cuối cùng, không còn một hạt gạo nào nữa, quân lính trụ không nổi, lần lượt gục ngã vì đói.

Tình thế càng ngày càng nguy cấp. Trương Tuấn chỉ còn cách là cử Nam Tế Vân dẫn theo ba mươi kỵ binh mở đường máu vượt qua nhiều lớp bao vây, chạy tới Lâm Hoài (nay ở Tây bắc Vu Đài, Giang Tô) mượn quân về cứu viện.

Tướng giữ Vu Đài là Hạ Lan Tiến Minh sợ thế quân nổi loạn, không cho mượn quân về cứu Tuy Dương. Ông ta thấy Nam Tế Vân là một dũng tướng, muốn giữ lại làm bộ hạ cho mình, nên mở một bữa tiệc thết đãi, mời các tướng đến cùng tiếp Nam Tế Vân.

Nam Tế Vân lòng như lửa đốt, còn bụng dạ nào để uống rượu nữa. Ông chảy nước mắt, kích động nói: "Quân dân trong thành Tuy Dương đã hơn một tháng nay không có hạt cơm nào vào bụng, chúng tôi làm sao có thể ngồi đây ăn uống. Dù có đưa vào miệng chẳng nữa, cũng làm sao có thể nuốt nổi? Trong tay tướng quân có nhiều binh lính mà nhìn thành Tuy Dương sắp

* hợp - đơn vị dung lượng cổ = một phần mười thăng = 0,10355 lít.



ọi mất, không chịu đem quân đến cứu, lẽ nào đó là việc làm của bậc trung thần nghĩa sĩ hay sao?" Nói xong, đưa một ngón tay vào miệng cắn đứt, máu chảy ròng ròng, tức giận nói: "Tể Vn này không hoàn thành được nhiệm vụ chủ tướng giao cho, xin để lại một ngón tay này làm bằng để khi về có thể trình bày với chủ tướng".

Cử tọa trong bữa tiệc đều kinh hoàng. Nhiều người giờ ống tay áo lên che mặt, có người chịu không nổi, khóc rống lên thảm thiết.

Nam Tể Vn thấy Hạ Lan Tiến Minh cuối cùng vẫn không chịu xuất binh, đành rời khỏi Lâm Hoài, đến nơi khác mượn được ba ngàn quân đưa về Tuy Dương. Đến ngoài thành, quân phiến loạn huy động lực lượng vây chặt họ lại. Nam Tể Vn chỉ huy quân mã, tả xung hữu đột, triển khai một cuộc chiến đấu đẫm máu ngay dưới chân thành.

Trương Tuấn thấy tiếng la hét vang dội ngoài thành, biết Nam Tể Vn đã về tới, liền mở toang cửa thành, đánh lui địch, đón cánh quân của Nam Tể Vn vào thành. Số quân còn lại chỉ được một ngàn. Nam Tể Vn báo với Trương Tuấn, Hứa Viễn về tình hình xin quân cứu viện. Tướng sĩ trong thành thấy không còn hy vọng có được viện binh, đều ôm mặt khóc ròng.

Trương Tuấn và Hứa Viễn bàn đi bàn lại, thấy Tuy Dương là bình phong của miền Giang Hoài, muốn bảo vệ được Giang Hoài không cho quân phiến loạn tiến xuống phía Nam, thì phải quyết tâm tử thủ Tuy Dương. Trong thành đã hết lương thực, họ nấu vỏ cây làm thức ăn. Vỏ cây hết, thì giết thịt chiến mã, hết chiến mã, đành cử người đánh bắt chuột, sẽ để ăn đỡ đói.

Tướng sĩ và dân chúng trong thành đều xúc động trước quyết tâm tử chiến của Trương Tuấn. Dù họ biết rõ ràng thành không thể giữ được mãi, nhưng tuyệt nhiên không có ai trốn ra hàng giặc.

Cuối cùng, toàn thành chỉ còn lại bốn trăm người. Doãn Tử Kỳ dẫn quân dùng thang mây leo lên mặt thành. Quân lính giữ thành quá đói không còn giương nổi cung, không còn sức đâm giáo nữa.

Tháng 10, năm 757, thành Tuy Dương rơi vào tay quân phản loạn. Ba mươi sáu viên tướng gồm Trương Tuấn, Hứa Viễn, Lôi Vạn Xuân, Nam Tế Vân... đều bị địch bắt sống.

Tướng giặc trói từng người một, buộc họ đầu hàng. Chúng ướm dao vào cổ Trương Tuấn. Ông cười nhạt, chửi rửa giặc thậm tệ. Đến lượt Nam Tế Vân, ông không nói một lời nào.

Trương Tuấn ngoảnh mặt lại thét lên với Nam Tế Vân: "Tám Nam! (Nam Tế Vân là con thứ tám trong gia đình) Người hảo hán chỉ có chết, chứ không thể khuất phục trước quân phản tặc!"

Nam Tế Vân cười lớn: "Trương Công hãy yên tâm. Tôi đang nghĩ cách làm sao tiêu diệt chúng, chứ đâu có sợ chết!"

Tướng giặc biết họ không chịu khuất phục, liền đem giết hết.

Tiết độ sứ Hà Nam là Trương Cảo nghe tin Tuy Dương nguy cấp, liền mang quân, hành quân gấp đến Tuy Dương, đánh lui quân Doãn Tử Kỳ, thì thành Tuy

Dương đã mất ba ngày trước. Bảy ngày sau đó, Quách Tử Nghi chỉ huy quân Đường thu phục được Lạc Dương.

Do sự cố thủ của Trương Tuấn, nên khu vực Giang Hoài phía Nam Tuy Dương đã không bị quân phản loạn dày xéo.

160- LÝ TIẾT TRỞ VỀ NÚI

Khi Đường Túc Tông lên ngôi ở Linh Vũ, các quan văn võ bên mình chỉ có chưa tới ba mươi người. Trong triều đình vừa được thành lập đó, mọi việc đều ngổn ngang rối loạn. Các võ tướng cãi lộn, không chịu nghe theo lệnh chỉ huy. Muốn dẹp được loạn, Túc Tông thấy gấp rút cần có một người giỏi giúp điều hành mọi việc.

Lúc đó, ông nhớ tới người bạn cũ khi ông còn làm thái tử. Người đó là Lý Tiết, hiện ở Dĩnh Dương. Đường Túc Tông lập tức cho người đi mời Lý Tiết đến Linh Vũ.

Lý Tiết nguyên là người Trường An, từ nhỏ đã rất thông minh và đọc rộng. Trương Cửu Linh khi đó là Tể tướng, sau khi đọc một số thơ văn của ông đã đánh giá cao và khen ngợi ông là "thần đồng". Khi Túc Tông làm thái tử, Lý Tiết đã trưởng thành. Ông dâng lên Huyền Tông một số tấu, nêu ý kiến về các việc lớn quốc gia. Đường Huyền Tông xem xong rất tán thưởng, triệu kiến ông, muốn phong cho ông một chức quan. Ông từ chối, nói rằng mình còn trẻ, không muốn làm quan. Huyền Tông liền để ông làm bạn với thái tử. Từ đó, ông thường

xuyên lui tới Đông Cung. Thái tử cũng rất quý trọng ông, coi ông như bậc thầy.

Sau đó, Lý Tiết không ưa cảnh lộng quyền của Dương Quốc Trung, từng làm thơ châm biếm. Vì lý do đó, ông bị Dương Quốc Trung đuổi ra khỏi Trường An. Thấy chính cục hỗn loạn và không muốn bị làm nhục, ông dứt khoát về ẩn cư ở Dĩnh Dương (nay thuộc Hà Nam).

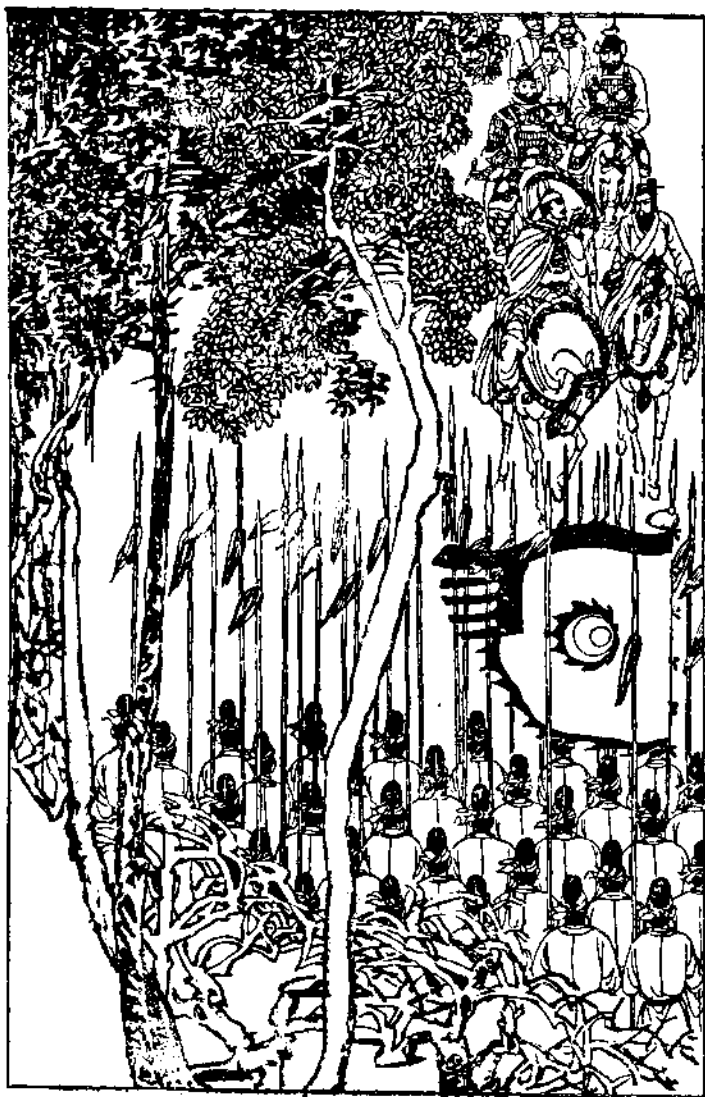
Lần này, Đường Túc Tông cho người đến mời, ông thấy triều đình có nhiều khó khăn, liền tới Linh Vũ. Đường Túc Tông gặp lại ông, mừng rỡ như được của báu. Trong triều đình lâm thời lúc đó, chưa chú ý nhiều tới lễ tiết vua tôi, Đường Túc Tông và Lý Tiết vẫn như đôi bạn thời thanh niên, cùng nhau ăn ở, bàn bạc mọi công việc lớn nhỏ. Lý Tiết đề xuất ý kiến nào cũng được Đường Túc Tông chấp nhận.

Túc Tông muốn phong Lý Tiết làm Tể tướng, nhưng Lý Tiết không nhận. Ông nói: "Bệ hạ đối đãi tôi như với người bạn tri kỷ, điều đó còn quý hơn là làm tể tướng, cần gì phải có chức tước?"

Túc Tông thấy không ép được ông, đành cho qua. Khi Lý Tiết ẩn cư trong vùng núi, thường mặc áo vải. Tới Linh Vũ, ông cũng vẫn cứ mặc áo vải như vậy.

Một lần, Lý Tiết đi cùng Đường Túc Tông duyệt một đơn vị quân đội. Quân lính ở phía sau, chỉ trỏ bảo nhau: "Người mặc hoàng bào kia là hoàng thượng, còn người mặc áo cánh ngắn kia là vị ẩn sĩ trên núi xuống".

Đường Túc Tông thấy binh sĩ bình luận như thế, cảm thấy bất tiện quá, liền đưa cho Lý Tiết một bộ quan phục màu tía, nhất định bắt ông mặc vào. Lý Tiết



không thể từ chối, phải mặc quan phục. Túc Tông cười nói: "Người đã mặc quan phục thì không thể không có quan hàm". Nói xong, rút luôn từ trong ống tay áo ra một chiếc thư, phong Lý Tiết làm Nguyên soái phủ hành quân trưởng sử (tương đương như quân sự).

Lý Tiết vẫn không chịu nhận. Đường Túc Tông nói: "Nay nước nhà đang có khó khăn, hãy tạm ép người như vậy. Tới khi đã dẹp loạn xong, sẽ để người tự do theo ý mình".

Lúc đó, Quách Tử Nghi cũng đã đến Linh Vũ. Triều đình phải chỉ huy cuộc chiến trên toàn quốc, việc quân rất bề bộn. Công văn giấy tờ từ khắp nơi trong nước gửi về, từ sớm đến tối không lúc nào dứt. Đường Túc Tông ra lệnh đưa tất cả công văn cho Lý Tiết xem trước, có công văn nào đặc biệt quan trọng, mới chuyển cho Túc Tông xem. Chìa khoá của cung đình cũng do thái tử Lý Thúc và Lý Tiết giữ. Lý Tiết bận rộn đến mức không còn thời giờ ăn uống nữa, ngay thời gian ngủ cũng rất ít.

Đường Túc Tông nôn nóng muốn trở về Trường An, liền hỏi Lý Tiết: "Kẻ địch mạnh như thế này, chúng ta làm thế nào?"

Lý Tiết nói: "An Lộc Sơn nổi loạn, chỉ có rất ít kẻ thực lòng giúp hấn, còn lại đều là bị buộc tham gia. Theo dự liệu của tôi, chỉ không quá hai năm, chúng ta có thể tiêu diệt được chúng". Sau đó, ông vạch ra cho Túc Tông một kế hoạch quân sự, tạm hoãn thu phục Trường An, mà phái Quách Tử Nghi, Lý Quang Bát chia quân hai đường đánh lên Hà Bắc, đánh vào sào huyệt cũ của địch ở Phạm Dương, khiến địch tiến thoái lưỡng nan rồi sẽ điều quân các lộ bao vây, tiêu diệt.

Mùa xuân năm sau (757) nội bộ quân phiến loạn có tranh chấp, con của An Lộc Sơn là An Khánh Tự giết An Lộc Sơn và tự mình xưng đế. Đây vốn là cơ hội tốt để tiêu diệt địch. Nhưng Túc Tông do nóng lòng trở về Trường An, không nghe theo kế hoạch của Lý Quang Bát, điều quân mã của Quách Tử Nghi từ Hà Đông trở về, gượng ép tiến đánh Trường An. Kết quả bị đại bại. Sau đó, Quách Tử Nghi mượn tinh binh của Hồi Hột (một trong những dân tộc thiểu số ở miền Bắc Trung Quốc thời đó), tập trung 15 vạn quân mã, mới chiếm lại được Trường An. Tiếp đó, lại thu phục được Lạc Dương, tên đầu sỏ phiến loạn An Khánh Tự chạy lên Hà Bắc, Sử Tư Minh buộc phải đầu hàng.

Sau khi quân Đường thu hồi được Trường An và Lạc Dương, Đường Túc Tông cảm thấy hết sức thoả mãn, liền phái tuần mã đón Lý Tiết về Trường An.

Sủng phi của Đường Túc Tông là Trương Lương Đề và hoạn quan Lý Phụ Quốc thấy Lý Tiết có quyền lớn, liền câu kết với nhau, muốn trừ bỏ Lý Tiết.

Thái tử Lý Thục phát hiện âm mưu đó, liền báo với Lý Tiết. Lý Tiết nói: "Không sao. Thân và hoàng thượng đã có giao ước với nhau. Khi nào kinh thành được thu hồi thân sẽ trở về núi, sẽ không có chuyện gì nữa".

Lúc này, Lý Tiết thấy triều Đường đã thu hồi được hai kinh*, coi như đã thoả lòng, liền quyết tâm rời khỏi triều đình.

Một buổi tối, Đường Túc Tông mời Lý Tiết uống rượu và lưu ông ở lại cùng ngủ. Nhân dịp đó, Lý Tiết nói với

* Tây kinh và Đông kinh, tức Trường An và Lạc Dương.

Túc Tông: "Thần đã báo đáp được bệ hạ rồi. Xin cho thần trở về làm một người dân an nhàn!"

Đường Túc Tông nói: "Sao lại thế! Ta và tiên sinh đã cùng nhau chung hoạn nạn trong mấy năm nay. Bây giờ chính là lúc muốn cùng tiên sinh chung hưởng yên vui, sao tiên sinh lại đòi đi?"

Lý Tiết khẩn khoản nói: "Thần và bệ hạ quen biết nhau từ nhỏ, nay lại được bệ hạ trọng dụng, tin yêu. Chính vì những lý do đó nên thần không thể không rời bỏ nơi đây".

Đường Túc Tông gạt đi: "Thôi, hôm nay ta ngủ đã, để sau này sẽ nói".

Lý Tiết nói: "Hôm nay thần và bệ hạ cùng ngồi trên giường nói chuyện, mà bệ hạ vẫn không chấp nhận đề nghị của thần. Ngày mai, trước triều đình, thần còn có thể nói gì được nữa. Nếu bệ hạ không cho thần đi, coi như bệ hạ buộc thần phải chết".

Đường Túc Tông không muốn rời xa Lý Tiết nhưng không thể bác bỏ yêu cầu khẩn thiết của ông, đành phải đồng ý để ông rời triều đình.

Lý Tiết tới Hành Sơn (tại tỉnh Hồ Nam ngày nay), làm một căn nhà trên núi, lại sống cuộc đời ẩn cư.

Sau khi Lý Tiết đi khỏi, bên cạnh Đường Túc Tông thiếu mất một đại thần chính trực. Quyền lực của Lý Phụ Quốc và một số hoạn quan khác dần dần tăng lên. Triều Đường đi vào giai đoạn suy thoái.

161- LÝ QUANG BẬT ĐẠI PHÁ SỬ TƯ MINH

Sau khi vương triều Đường thu phục được hai kinh An Khánh Tự chạy lên Hà Bắc, chiếm sáu mươi toà thành và tiếp tục kháng cự. Đường Túc Tông quyết định phái đại quân tiến đánh An Khánh Tự. Lần tiến công này, triều Đường huy động lực lượng quân đội dưới quyền chín tiết độ sứ, gồm sáu mươi vạn quân. Một lực lượng lớn như thế cần có người tổng chỉ huy giỏi. Xét tài năng và uy tín, thì chỉ có Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật là xứng đáng. Nhưng Đường Túc Tông lại có tâm lý nghi kỵ, sợ hai người có quyền lực quá lớn. Vì vậy, cố ý không đặt chức chủ soái, mà cử một hoạn quan không biết gì về chiến trận là Ngư Triều Ân làm quan quân dung sứ (chức quan đứng đầu về quân sự có quyền giám sát các tướng soái xuất chinh). Vì vậy, trên thực tế, chín tiết độ sứ đều phải chịu sự chi phối của y.

Khi quân Đường đánh Nghiệp Thành, Sử Tư Minh lại khởi binh đánh lại, đem quân từ Phạm Dương về cứu An Khánh Tự. Trong khi sáu mươi vạn quân Đường chưa kịp triển khai trận thế thì cuồng phong nổi lên,

bụi cát mù mịt, trời đất tối tăm. Chín đạo quân không có sự chỉ huy thống nhất, bị tan tác như đàn ong vỡ tổ.

Quân Đường thua trận. Ngự Triều Ân trút mọi trách nhiệm thất bại lên đầu Quách Tử Nghi. Đường Túc Tông tin theo lời Ngự Triều Ân, liền cách chức Tiết độ sứ Sóc Phương của Quách Tử Nghi, để Lý Quang Bát kiêm nhiệm.

Lúc đó, trong hàng ngũ quân phiến loạn lại có xung đột. Sử Tư Minh giết An Khánh Tự ở Nghiệp Thành, tự lập làm hoàng đế Đại Yên, rồi chinh đồn đội ngũ, tiến công về hướng Lạc Dương.

Lý Quang Bát tới Lạc Dương, các quan chức ở đây thấy thế quân Sử Tư Minh quá mạnh, có phần sợ hãi, có người chủ trương lui về Đồng Quan. Lý Quang Bát nói: "Hiện nay hai bên lực lượng ngang nhau. Nếu chúng ta lui, kẻ địch sẽ càng ngông cuồng. Chỉ bằng chúng ta nên di chuyển tới Hà Dương (nay là huyện Mãn, Hà Nam) để tiến lên có thể đánh, lui về có thể giữ".

Lý Quang Bát hạ lệnh cho quân đội và dân chúng rút toàn bộ khỏi Lạc Dương, rồi đưa quân tới Hà Dương. Sử Tư Minh tiến vào Lạc Dương, chỉ còn một toà thành trống rỗng, không có nguồn nhân lực, không có lương thực, lại sợ Lý Quang Bát tập kích. Hắn không dám đóng quân trong thành, mà kéo ra xây đắp trận địa phía Nam Hà Dương, tạo thế giằng co với Lý Quang Bát.

Lý Quang Bát là một lão tướng dày dạn chinh chiến. Ông biết rằng binh lực hiện nay không bằng quân phiến loạn, chỉ có thể dùng mưu để giữ vững, không thể dùng

lực để tiến công. Ông nghe tin Sử Tư Minh đem hơn một ngàn chiến mã từ Hà Bắc xuống, hàng ngày đem ra bãi sông cho ăn cỏ và tắm tấp, liền hạ lệnh cho tập trung toàn bộ ngựa cái lại và nhốt hết ngựa con trong chuồng. Chờ tới khi quân Sử Tư Minh thả chiến mã ra bãi, Lý Quang Bát cho thả đàn ngựa cái ra xen kẽ vào đoàn chiến mã (đều là ngựa đực) của địch. Một lát sau, ngựa cái nhốt con, liền quay về. Đàn ngựa chiến của địch liền đi theo, sang hết trận địa của quân Đường.

Trong chốc lát, Sử Tư Minh bị mất hàng ngàn ngựa chiến, thì tức lồng lộn, cho tập trung mấy trăm thuyền chiến, tấn công theo đường thủy. Hắn cho một hoả thuyền dẫn đầu, chuẩn bị đốt cầu phao của quân Đường.

Lý Quang Bát cho chuẩn bị mấy trăm cây tre dài và to, đầu bịt sắt. Khi hoả thuyền của địch tới, mấy trăm binh sĩ khoẻ mạnh đứng trên cầu phao phóng tre ra ghìm chặt hoả thuyền địch lại. Hoả thuyền không tiến lên được, bốc cháy tan nát rồi chìm xuống lòng sông. Quân Đường lại từ trên cầu phao, dùng máy bắn đá đánh cho chiến thuyền địch phía sau tan vỡ. Quân lính địch dứa thì toác đầu, dứa thì chìm ngìm theo thuyền, một số sống sót ngoi ngóp được lên bờ, ôm đầu tháo chạy.

Sử Tư Minh liên tiếp dùng mọi cách tiến đánh Hà Dương, đều bị Lý Quang Bát dùng mưu đánh lui.

Cuối cùng, Sử Tư Minh nổi khùng, tập trung hết lực lượng, sai tướng Chu Chí tiến công thành phía Bắc, còn tự mình dẫn tinh binh tiến công thành phía Nam của Hà Dương.



Sáng sớm, Lý Quang Bát dẫn bộ tướng trèo lên thành phía Bắc quan sát, thấy quân địch người người lớp lớp đen đặc, đang dẫn đầu tiến lại gần. Các tướng lĩnh Đường không nói ra, nhưng trong lòng đều thấy nao núng, hoang mang. Lý Quang Bát đoán biết thâm tâm của tướng sĩ, liền trấn an họ: "Đừng sợ. Quân địch tuy đông, nhưng đội ngũ không chỉnh tề, tỏ ra có phần kiêu ngạo. Các người yên tâm, chỉ trước trưa nay, bảo đảm có thể đánh tan được chúng!"

Sau đó, Lý Quang Bát hạ lệnh toàn thể tướng sĩ chia đường xuất kích. Các tướng sĩ tuy hết sức dũng mãnh, nhưng quân địch quá đông, lớp này bị đánh lui thì lớp khác lại xông lên. Mặt trời đã đứng bóng, hai bên vẫn chưa phân thắng bại.

Lý Quang Bát lại họp các tướng lại, hỏi: "Các người thấy trận thế địch, hướng nào là mạnh nhất?"

Các tướng đều nói: "Góc tây bắc và góc đông nam".

Lý Quang Bát gật đầu, lập tức rút ra năm trăm kỵ binh, cử hai danh tướng chỉ huy, chia đường đánh mãnh liệt vào góc tây bắc và góc đông nam trận địa địch.

Lý Quang Bát tập trung số quân còn lại, nghiêm khắc tuyên bố quân lệnh: "Tất cả phải hành động theo hiệu cờ của ta. Khi cờ hiệu phát thông thả, có thể hành động tự do, nếu thấy cờ hiệu vẫy gấp, là hiệu lệnh tổng công kích, phải dũng cảm xông lên, không cho phép chần chừ hoặc lùi lại". Nói tới đây, ông rút một con dao nhọn cắm vào ống giấy, nói: "Đánh trận là chuyện một sống một chết. Ta là đại thần của triều đình, quyết không chết trong tay quân địch. Nếu các người đều tử chiến trên chiến trường, ta sẽ dùng con dao này tự sát".

Các tướng sĩ nghe mệnh lệnh sắt đá của ông, đều kích động xông lên với sức mạnh được nhân lên hàng trăm lần. Lát sau bỗng thấy bộ tướng Hách Đình Ngọc chạy bộ từ phía trước trở về. Lý Quang Bật liền trao kiếm cho một binh sĩ xông ra chặn lại để chém Hách Đình Ngọc tại chỗ.

Hách Đình Ngọc thấy tên lính truyền lệnh toan chém mình, vội hô lớn: "Ngựa của tôi bị tên bắn ngã. Không phải tôi chạy trốn!"

Lý Quang Bật lập tức sai cấp cho Hách Đường Ngọc con ngựa khác để quay lại tiếp tục chỉ huy chiến đấu.

Thấy tinh thần tướng sĩ quân Đường đang hừng hực, Lý Quang Bật sai vẫy gấp cờ hiệu, hạ lệnh tổng công kích. Quân lính toàn mặt trận thấy hiệu cờ, đều ào ạt tranh nhau tràn lên, tiếng hô "giết" vang trời dậy đất. Quân phiến loạn bị tấn công mãnh liệt, không thể kháng cự nổi, hàng ngũ tan vỡ, rút chạy. Quân Đường ào lên đuổi theo chém giết, bắt sống hơn một ngàn tù binh. Ngoài ra, còn hơn một ngàn quân địch bị ép ra bờ sông, rơi xuống chết đuối. Tướng Chu Chí của phiến quân đang chỉ huy đánh thành phía Bắc, hoảng sợ bỏ chạy.

Sứ Tư Minh đang chỉ huy quân đánh thành phía Nam, thấy quân đánh thành phía Bắc chạy dạt tới bờ sông, biết Chu Chí đã hoàn toàn thất bại, không dám ham đánh, vội hạ lệnh lui quân về Lạc Dương.

Lý Quang Bật đã liên tục giao chiến với Sứ Tư Minh suốt hai năm ròng. Đường Túc Tông không hiểu gì về thực tế trên chiến trường, tin theo lời Ngự Triều Ân, hạ lệnh Lý Quang Bật tiến đánh ngay Lạc Dương. Lý

Quang Bật thấy binh lực quân phiến loạn còn rất mạnh, không nên khinh suất đánh thành. Đường Túc Tông liên tục phái hoạn quan đến giục giã. Lý Quang Bật đành mạo hiểm tiến công. Kết quả bị đánh thua và do đó bị cách chức chủ soái.

Sử Tư Minh bớt được một đối thủ lợi hại, liền thừa thắng tiến công Trường An. May sao, lúc đó trong hàng ngũ phiến loạn lại xảy ra xung đột nội bộ lần thứ ba: Sử Tư Minh bị con là Sử Triều Nghĩa giết chết. Nội bộ quân phiến loạn vì thế chia năm xẻ bảy. Năm 763, Sử Triều Nghĩa thua trận, tự sát.

Kể từ khi An Lộc Sơn nổi loạn cho tới khi Sử Triều Nghĩa thất bại, vùng Trung Nguyên trải qua tám năm binh lửa. Sinh mạng và tài sản bị tổn thất nghiêm trọng. Lịch sử gọi sự kiện đó là "Loạn An - Sử". Sau loạn An - Sử, cảnh thịnh trị của nhà Đường không còn nữa. Nhiều mầm mống biến loạn và chia rẽ chín muồi dần trong cơ thể đầy thương tích của một triều đại từng đạt tới đỉnh cao huy hoàng của chế độ phong kiến Trung Quốc.

162- ĐỖ PHỦ VIẾT "THI SỬ"

Loạn An Sử kết thúc. Đối với dân chúng từng điều linh khốn khổ vì chiến loạn, hết sức khát khao cuộc sống bình yên, thì đó là một việc hết sức đáng phấn khởi. Thi nhân Đỗ Phủ lúc đó đang sống cuộc sống lưu vong ở Tử Châu (nay là Tam Đài Tứ Xuyên), nghe được tin đó lại càng vui sướng trào rơi nước mắt.

Đỗ Phủ, tên tự là Tử Mỹ, cũng như Lý Bạch là một trong những đại thi nhân nổi tiếng thời bấy giờ. Văn học sử thường gọi gộp hai ông là "Lý Đỗ". Vốn là người huyện Củng, Hà Nam, Đỗ Phủ sinh ra trong một gia đình quan lại suy tàn, từ nhỏ đã khổ công đọc sách và đi khắp núi cao sông lớn, viết ra nhiều bài thơ nổi tiếng. Năm ba mươi chín tuổi, ông gặp Lý Bạch ở Lạc Dương. Đỗ Phủ kém Lý Bạch mười một tuổi. Tuy cá tính hai người khác nhau, nhưng chí hướng và lòng yêu thích văn chương đã khiến họ trở thành đôi bạn thân.

Sau đó, Đỗ Phủ đến Trường An dự kỳ thi tiến sĩ. Đúng vào lúc ấy, Lý Lâm Phủ đang nắm triều chính. Hắn rất ghét những người đọc sách, sợ số trí thức xuất

thân tầng lớp dưới này lên làm quan, sẽ góp ý kiến về triều chính, không lợi cho hần. Do đó, hần cầu kết với quan chấm thi, đánh trượt hết số người dự thi, rồi nói với Đường Huyền Tông rằng các bài thi khoa này đều rất kém, không có bài nào trúng cách. Đường Huyền Tông đang lấy làm lạ thì Lý Lâm Phủ dâng ngay một sớ tấu lên, nói rằng việc này chứng tỏ hoàng đế rất thánh minh, đã tuyển dụng hết người tài trong thiên hạ, trong dân gian không còn sót lại người hiền tài nào nữa.

Những nho sinh thời đó chỉ có một con đường tiến thân là đua tài trong hệ thống khoa cử của triều đình. Nay bị đòn đánh bại đó của Lý Lâm Phủ, Đỗ Phủ buồn rầu chán nản đến cực độ. Ông sống một cuộc đời nghèo nàn và buồn khổ ở Trường An, tận mắt chứng kiến quang cảnh trái ngược giữa một bên là bọn quyền quý ăn chơi xa xỉ với một bên là dân nghèo đói khát thảm thê. Không tìm được phần nộ, ông đã viết nên những câu thơ bất hủ:

"... Cửa son rượu thịt thừa, ôi

Dân nghèo đói rét, xương phơi dọc đường..."

Đỗ Phủ ở Trường An trong mười năm, vừa được Đường Huyền Tông phong một chức quan nhỏ thì loạn An Sử nổ ra. Dân chúng Trường An nhao nhác chạy loạn. Gia đình Đỗ Phủ cũng chen lẫn trong đám nạn dân đó. Trải qua trăm ngàn cay đắng, toàn gia đình vất vả lắm mới tìm tới được vùng nông thôn, tạm thời định cư. Đúng lúc đó, ông nghe tin Đường Túc Tông đã lên ngôi ở Linh Vũ, liền rời gia đình, tìm cách đến với Túc Tông. Ngờ đâu mới đi được nửa đường ông lại gặp phải quân phản loạn. Chúng bắt ông giải về Trường An.

Trường An đang nằm trong tay giặc. Quân phiến loạn đang tàn sát và cướp bóc. Cung điện và nhà dân chìm trong biển lửa. Các quan chức triều đình, kẻ thì đầu hàng, người thì bị bắt giải đi Lạc Dương. Sau khi Đỗ Phủ bị giải về Trường An, tên đầu sỏ quân phiến loạn thấy ông không có dáng quan to, liền thả ông ra.

Năm sau, Đỗ Phủ từ Trường An trốn ra ngoài, nghe tin Đường Túc Tông đang ở Phượng Tường (nay là huyện Phượng Tường, tỉnh Thiểm Tây), liền vội vàng tìm đến yết kiến. Lúc này, Đỗ Phủ nghèo khổ tới mức không có nổi một bộ quần áo lành lặn, chiếc áo mặc trên người rách lòi cả khuỷu tay, chân đi đôi giày cỏ mòn vẹt. Thấy Đỗ Phủ lặn lội đường xa tìm đến với triều đình, Đường Túc Tông rất mừng, phong cho ông làm chức Tả thập di.

Tả thập di là chức gián quan. Tuy Đường Túc Tông phong quan chức cho ông nhưng không có ý trọng dụng ông. Đỗ Phủ làm việc rất chăm chỉ và nghiêm túc. Ít lâu sau, tể tướng Phòng Quán bị Đường Túc Tông bãi chức. Đỗ Phủ thấy Phòng Quán rất có tài liền dâng lời khuyên can xin đừng bãi chức tể tướng của Phòng Quán. Điều này làm phật ý Túc Tông, may nhờ có người nói hộ, ông mới không bị liên lụy.

Sau khi quân Đường thu phục Trường An, ông theo các quan chức khác cùng về Trường An. Đường Túc Tông cử ông làm một chức quan nhỏ lo việc tế tự và mở trường học ở Hoa Châu (nay là huyện Hoa tỉnh Thiểm Tây) Đỗ Phủ đem theo nỗi lòng thất vọng đến nhận chức ở Hoa Châu. Lúc đó, tuy triều Đường đã thu phục được Trường An và Lạc Dương, nhưng quân phiến loạn An - Sử vẫn chưa bị tiêu diệt, chiến tranh vẫn rất dữ



dội. Quân Đường bắt trai tráng khắp nơi để bổ sung binh lực khiến dân chúng trăm bề điều đứng.

Một hôm, Đỗ Phủ đi qua thôn Thạch Hào (nay ở Đông nam huyện Thiểm, Hà Nam) thì trời đã rất khuya. Ông vào ngủ nhờ một gia đình nghèo, chỉ có hai vợ chồng già tiếp ông. Nửa đêm, khi ông đang trằn trọc không ngủ được, thì có tiếng đập cửa dồn dập. Đỗ Phủ nằm im trong phòng nghe ngóng, thấy ông già chủ nhà vội leo qua tường chạy trốn, còn bà già vừa lên tiếng trả lời, vừa chậm chạp ra mở cửa.

Một số tên sai dịch do quan phủ phái đi bắt lính xông vào nhà, lớn tiếng quát hỏi bà lão: "Đàn ông nhà này đi đâu cả?"

Bà lão vừa khóc vừa nói: "Ba đứa con trai tôi đều đi đánh trận ở Nghiệp Thành. Hai hôm trước một đứa viết thư về nói, hai anh nó đã chết ở chiến trường. Trong nhà chỉ có một cô con dâu và một cháu nhỏ còn đang bú. Các người còn muốn bắt người nào nữa?"

Bà lão vừa khóc vừa van vãn, nhưng bọn sai dịch vẫn không tha. Cuối cùng, chúng bắt luôn bà tới quân doanh để hầu hạ quân lính.

Trời sáng, khi Đỗ Phủ rời gia đình, chỉ có ông già trở về tiễn ông.

Đỗ Phủ tận mắt chứng kiến cảnh tượng thê thảm đó, lòng cuộn lên nỗi xúc động, viết nên bài thơ bất hủ: "Thạch Hào lại" (Bọn nha lại ở Thạch Hào). Trong thời gian ở Hoa Châu, trước sau ông đã sáng tác sáu bài thơ về đề tài đó, gộp lại, gọi là "Tam lại, tam biệt" (Gồm: Thạch Hào lại, Đồng Quan lại, Tân An lại, Tân hôn biệt, Thuý lão biệt, Vô gia biệt). Do thơ ca của Đỗ Phủ

đại đa số là viết về nỗi khổ của nhân dân trong thời kỳ loạn An - Sử, phản ánh quá trình trượt dài từ hưng thịnh đến suy vong của triều Đường, nên nhân dân gọi thơ của ông là "thi sử".

Năm sau, ông từ chức quan ở Hoa Châu. Tiếp đó, vùng Quan Trung gặp đại hạn. Đỗ Phủ quá nghèo túng, dẫn gia đình lưu lạc tới Thành Đô, sống nhờ vào bè bạn. Ông dựng một gian nhà cỏ bên khe suối Hoàn Hoa ở ngoại ô phía Tây Thành Đô, ẩn cư ở đây gần bốn năm. Sau đó, người bạn mất đi, không còn dựa được vào ai, ông lại dẫn gia đình lưu lạc. Năm 770, vì đói nghèo và tật bệnh, ông mất trên một con thuyền nhỏ trên Tương Giang.

Sau khi ông mất, nhân dân thương xót nhà thơ vĩ đại, đã giữ gìn ngôi nhà nhỏ nơi ông từng sống bên suối Hoàn Hoa làm kỷ niệm.

Đó là "gian nhà cỏ của Đỗ Phủ", hiện nay là một di tích nổi tiếng.

163- ĐOÀN TỬ THỰC KHÔNG SỢ CUỒNG BẠO

Quách Tử Nghi đã lập công lớn trong việc dẹp loạn An Sử, danh vọng rất cao. Sợ Đường Túc Tông đem lòng nghi kỵ, nên ông đã tự xin rời bỏ binh quyền và giải tán luôn cả đội thân binh bảo vệ.

Sau khi Đường Túc Tông mất, thái tử Lý Thúc (còn có tên là Lý Dự) lên nối ngôi. Đó là Đường Đại Tông. Quý tộc Thổ Phồn nhân cơ hội biên giới phía Tây của triều Đường bỏ trống, liền lôi kéo cả một số bộ lạc Thổ Cốc Hồn, tất cả có hơn hai mươi vạn người ngựa đánh vào lãnh thổ Đường. Dọc đường tiến quân của họ không có sự chống cự nào, nên lực lượng Thổ Phồn - Thổ Cốc Hồn đánh thẳng tới Trường An. Đường Đại Tông phải bỏ Trường An, chạy đến Thiểm Châu (nay là huyện Thiểm, Hà Nam).

Đường Đại Tông khẩn thiết mời Quách Tử Nghi ra cầm quân chống giặc Thổ Phồn. Lúc này, trong tay Quách Tử Nghi không còn quân đội. Ông vội vàng chiêu mộ hai chục kỵ binh đi gấp tới Hàm Dương thì Trường An đã rơi vào tay Thổ Phồn. Quách Tử Nghi cử người

hư trương thanh thế quanh vùng Trường An: ban ngày khuê chiêng gióng trống, ban đêm đốt lửa ở nhiều nơi, chọn hàng trăm thiếu niên Trường An đánh trống ngoài phố, reo to: Quách Lệnh Công (tiếng tôn xưng gọi Quách Tử Nghi) đem đại quân đến rồi! Quân đội đông đúc, cơ man là người, không thể nào đếm xuể! Tướng lĩnh Thổ Phồn nghe thấy, đến sợ hãi, vội cướp bóc và rút khỏi Trường An.

Quách Tử Nghi do đó đã có công lớn. Khi Đường Đại Tông trở lại Trường An, liền phong ông làm phó nguyên soái. Một năm sau, quân Thổ Phồn và Hồi Hột tiến sát Bân Châu (nay là huyện Bân Thiểm Tây). Quách Tử Nghi phái con là Quách Hy mang quân tới hiệp trợ với tiết độ sứ Bân Châu là Bạch Hiếu Đức, cùng nhau phòng thủ.

Quách Hy dựa vào thế lực của cha nên có thái độ kiêu ngạo, phóng túng. Binh sĩ dưới quyền Hy không có kỷ luật, thường hà hiếp dân thường ngoài phố, làm nhiều việc xấu xa, nhưng Quách Hy vẫn lơ đi, coi như không biết.

Tại Bân Châu có một số thổ phỉ, lưu manh, thấy vào làm lính của Quách Hy không bị gò bó gì, lại có chỗ dựa, liền rủ nhau tìm người quen biết, ghi tên làm lính của Quách Hy, mặc quân phục để dễ bề làm bậy. Bọn lưu manh này và một số binh lính vô kỷ luật đi từng đàn từng lũ, hoành hành trên đường phố, thấy ai không thuận mắt là gây sự ẩu đả, có trường hợp đánh người bị tàn phế. Các cửa hiệu ngoài phố thường bị chúng xông vào cướp bóc.

Tiết độ sứ Bạch Hiếu Đức rất khó xử trước chuyện này. Bản thân ông ta là một tướng dưới quyền Quách

Tử Nghi trước kia nên không dám can thiệp vào sự việc có liên quan đến quân lính của Quách Hy.

Ở sát cạnh Bân Châu là Kinh Châu (nay ở phía Bắc Kinh Châu, Cam Túc). Thứ sử Kinh Châu là Đoàn Tú Thực nghe thấy tình hình đó, liền viết thư cho Bạch Hiếu Đức, xin được tiếp kiến.

Bạch Hiếu Đức vội mời Đoàn Tú Thực tới. Đoàn Tú Thực nói: "Bạch công chịu sự uy thác của triều đình, cai trị địa phương này. Nay trong địa phương nảy sinh tình trạng hỗn loạn mà ngài vẫn coi như không có chuyện gì. Nếu cứ tiếp tục thế này, thì thiên hạ sẽ loạn to mất".

Bạch Hiếu Đức biết Đoàn Tú Thực là người có kiến thức, liền xin ông chỉ giáo.

Đoàn Tú Thực nói: "Tôi thấy địa phương của ngài quá hỗn loạn, trong lòng rất không yên, nên mới tìm tới đây, xin làm chức Đô Ngu Hầu (chức quan phụ trách duy trì pháp luật) dưới quyền ngài để lo việc trị an của địa phương. Không biết ý kiến của ngài thế nào?"

Bạch Hiếu Đức vỗ tay nói: "Thế thì tốt quá. Ngài chịu đến đây, thì tôi không mong gì hơn nữa".

Đoàn Tú Thực làm Đô Ngu Hầu ở Bân Châu. Việc đó không làm cho quân lính của Quách Hy chú ý. Chúng vẫn hoành hành bậy bạ như trước.

Một hôm, mười bảy tên lính trong trại của Quách Hy ra phố, vào quán uống rượu say rồi gây sự. Chủ quán đòi trả tiền, chúng liền rút dao đâm chủ quán bị thương rồi đập đổ tất cả các thùng rượu trong quán. Rượu đổ lênh láng khắp quán và tràn xuống cống rãnh.



Đoàn Tú Thực được tin báo, lập tức phái một đội quân tới bắt toàn bộ bọn lính đó, chém ngay tại chỗ.

Dân chúng thấy bọn lưu manh hại người đó bị trị tội, tất cả đều hò reo phấn khởi.

Tin tức truyền tới trại quân của Quách Hy, quân lính thấy nói có kẻ dám giết người của Quách Gia, liền ào lên đòi trả thù. Thoáng chốc tất cả đều mặc khôi giáp, chỉ đợi lệnh của Quách Hy là tới quyết sống mái với Bạch Hiếu Đức.

Bạch Hiếu Đức hoảng sợ trách Đoàn Tú Thực là chuốc lấy tai họa. Đoàn Tú Thực nói: "Bạch Công đừng sợ, tôi sẽ có cách đối phó". Nói xong, chuẩn bị đi tới trại quân của Quách Hy.

Bạch Hiếu Đức muốn phái mấy chục tráng sĩ hộ tống Tú Thực. Đoàn Tú Thực nói: "Không cần dùng đến lính". Rồi cởi bỏ bội đao, chọn một tên lính quê dốt ngựa cho mình, cùng đến trại quân Quách Hy.

Vệ sĩ của Quách Hy nài nịt khôi giáp, sát khí đằng đằng, ngăn Đoàn Tú Thực ngoài doanh môn.

Đoàn Tú Thực vẫn tươi cười vừa đi vào vừa nói: "Giết một lão già như ta, cần gì tới đội ngũ hùng dũng thế này! Ta mang đầu tới nộp đây. Mau mời chủ tướng của các người ra đây!"

Vệ binh thấy thái độ của Đoàn Tú Thực rất ung dung, đều đứng ngây người, một tên vội chạy vào báo cáo. Quách Hy lập tức ra mời Đoàn Tú Thực vào.

Đoàn Tú Thực vái chào Quách Hy rồi nói: "Quách Lệnh Công đã lập được công lao to lớn nhường ấy, mọi người đều rất kính trọng. Thế mà ngài lại dung túng

cho quân lính hoành hành phạm pháp. Nếu cứ tiếp tục thế này mãi thì sẽ có đại loạn. Đất nước lại lâm vào đại loạn thì công danh của họ Quách nhà ta đâu còn nữa."

Quách Hy nghe nói, bưng tỉnh ngộ nói: "Đoàn Công đã chỉ giáo, thực là xuất phát từ lòng yêu mến, giữ gìn cho họ Quách. Tôi xin nghe theo lời khuyên bảo của ngài." Nói xong Quách Hy quay đầu lại quát bảo tả hữu: "Mau truyền lệnh ta. Tất cả các binh sĩ mau cởi bỏ khôi giáp, trở về doanh trại. Kẻ nào còn làm ồn sẽ bị xử tử!"

Tối hôm đó, Quách Hy mời Đoàn Tú Thục ở lại uống rượu. Đoàn Tú Thục cho người lính đi theo trở về, và một mình ngủ lại trong dinh của Quách Hy. Quách Hy sợ có kẻ xấu, lên vào ám hại Đoàn Tú Thục nên không dám ngủ, lại phái một số binh sĩ thân tín tuần phòng, bảo vệ xung quanh. Sớm hôm sau, Quách Hy cùng đi với Đoàn Tú Thục tới xin lỗi Bạch Hiếu Đức.

Từ đó về sau, quân đội của Quách Hy giữ nghiêm kỷ luật, không binh sĩ nào còn dám gây rối. Trật tự trị an ở Bàn Châu được phục hồi.

Nhưng chưa tới một năm sau, Trường An lại lâm vào tình trạng nguy hiểm.

164. QUÁCH TỬ NGHI MỘT MÌNH MỘT NGỰA ĐUỐI QUÂN HỒI HỘT

Dưới quyền Quách Tử Nghi có một đại tướng tên là Bộc Cố Hoài Ân, đã từng lập chiến công trong việc dẹp loạn An - Sử. Hắn ta bất mãn vì không được triều Đường đãi ngộ thoả đáng, liền nổi loạn. Để có thêm lực lượng, Bộc Cố Hoài Ân phái người lôi kéo Hồi Hột và Thổ Phồn, nói dối họ là Quách Tử Nghi đã bị hoạn quan Ngưu Triều Ân sát hại, kêu gọi họ cùng liên hợp chống lại triều Đường.

Năm 765, Bộc Cố Hoài Ân phái người dẫn mấy chục vạn quân Thổ Phồn, Hồi Hột tiến công Trường An. Đi tới nửa đường, Bộc Cố Hoài Ân bị bệnh, chết đột ngột. Đại quân Thổ Phồn và Hồi Hột tiếp tục tiến công. Quân Đường chống cự không nổi liền quân Thổ Phồn, Hồi Hột đánh tới Kinh Dương (nay là Kinh Dương, Thiểm Tây) ở phía Bắc Trường An.

Đường Đại Tông và bá quan văn võ trong triều đều chấn động. Hoạn quan Ngưu Triều Ân khuyên Đại Tông rút khỏi Trường An một lần nữa. Nhưng các đại thần

đều phản đối việc đó, nên mới thôi. Mọi người đều cho rằng muốn đánh lui được liên quân Thổ Phồn, Hồi Hột, chỉ trông mong vào Quách Tử Nghi.

Lúc đó, Quách Tử Nghi đang giữ ở Kinh Dương, trong tay có rất ít quân. ông hạ lệnh cho các tướng sĩ xây đắp thành vững chắc, tránh giao chiến với địch, đồng thời phái thám tử đi trinh sát tình hình quân địch.

Qua trinh sát, được biết hai cách quân Hồi Hột và Thổ Phồn tuy liên hợp với nhau nhưng rất mất đoàn kết. Họ vốn do Bộc Cố Hoài Ân chỉ huy, nhưng khi Bộc Cố Hoài Ân chết, không đạo quân nào chịu để bên kia chỉ huy mình, vì thế không thể nào thống nhất hành động được.

Biết tình hình đó, Quách Tử Nghi quyết tìm cách phân hoá địch. Các tướng Hồi Hột trước kia đã cùng với Quách Tử Nghi đánh An Lộc Sơn, có quan hệ quen biết cũ. Vì vậy, ông quyết định trước hết lôi họ về phía mình.

Tối hôm đó, Quách Tử Nghi phái bộ tướng Lý Quang Toản lặng lẽ tìm đến doanh trại Hồi Hột, gặp đô đốc Dục Cát La.

Lý Quang Toản nói với Dục Cát La:

"Quách lệnh công phái tôi đến hỏi ngài xưa nay Hồi Hột vốn hữu hảo với triều Đường, nay tại sao lại ngài nghe lời bọn xấu, đem quân đến tiến công chúng tôi?"

Dục Cát La lấy làm lạ hỏi: "Quách lệnh công còn sống sao? Chúng tôi nghe nói Ngài bị giết lâu rồi. Người chớ có đánh lừa!"

Lý Quang Toản nói cho Dục Cát La biết Quách Tử Nghi hiện đang ở Kinh Dương, nhưng Dục Cát La và



các tướng Hối Hột nhất định không chịu tin. Họ đều nói: "Nếu Quách Tử Nghi còn sống xin mời tới đây để chúng tôi được thấy mặt."

Lý Quang Toản trở về, nói với Quách Tử Nghi về nỗi nghi ngờ của các tướng Hối Hột. Quách Tử Nghi nói: "Nếu như thế, thì để ta đi một chuyến, có thể khuyên Hối Hột lui binh."

Các tướng đều thấy như thế là phải, nhưng chỉ ngại là để nguyên soái đi một mình tới trại giặc thì quá nguy hiểm. Có người đề nghị cử 500 kỵ binh tinh nhuệ cùng đi với Quách Tử Nghi phòng khi Hối Hột có giở trò gì, đã có người bảo vệ.

Quách Tử Nghi nói: "Không được! Mang quân nhiều như thế, lại làm hỏng chuyện. Chỉ cần một vài người đi theo ta là được."

Nói xong, hạ lệnh dắt chiến mã đến.

Quách Hy đứng chặn trước ngựa, nói: "Hiện nay, cha là nguyên soái của nhà nước, sao có thể vào miệng cọp như vậy." Quách Tử Nghi nói: "Hiện nay, địch có nhiều quân, ta lại ít. Nếu đánh nhau với chúng, chẳng những tính mạng hai cha con ta khó giữ được mà đất nước ta cũng gặp tai họa. Ta đi chuyến này, nếu đàm phán thành công, thì là cái sự mừng cho nhà nước. Giả sử có mệnh hệ nào, thì còn có các người đó!"

Nói xong, ông nhảy lên mình ngựa, cầm roi vụt vào tay Quách Hy đang giữ ngựa, Quách Hy vừa rút tay lại, ông liền phóng ngựa lao đi.

Quách Tử Nghi cùng mấy người tùy tùng ra khỏi thành, tiến thẳng tới trại quân Hối Hột. Tuy tòng vừa

phi ngựa vừa la lớn: "Quách lệnh công đến đây! Quách lệnh công đến đây".

Quân Hồi Hột thấy mấy người phi ngựa từ xa tới lại nghe loáng thoáng có tiếng là hét, liền vội báo cáo với Dục Cát La. Dục Cát La và các tướng giật mình, vội vàng dàn trận và giương cung lắp tên, sẵn sàng nghinh chiến. Quách Tử Nghi và tùy tùng đến trước trận, cởi bỏ giáp trụ, vất giáo xuống đất rồi gò cương ngựa, đi thẳng vào gần doanh trại Hồi Hột.

Dục Cát La và các tướng nhìn chằm chằm vào mấy người đang đi tới rồi cùng kêu lên: "Ồ, Đúng là Quách lệnh công rồi!". Xong, tất cả nhảy xuống ngựa lạy chào.

Quách Tử Nghi xuống ngựa, đi tới nắm chặt tay Dục Cát La, nói rất hoà nhã: "Người Hồi Hột đã lập nhiều công lớn với triều Đường. Triều đình đối đãi với các ông cũng rất tốt. Tại sao các ông lại giúp Bộc Cổ Hoài Ân làm loạn. Hôm nay tôi đến đây để khuyên các ông nên dừng ngựa trước vực thẳm. Tôi đến đây chỉ có một mình, sẵn sàng để các ông giết, nhưng tướng sĩ của tôi sẽ cùng các ông quyết chiến".

Dục Cát La nhận lỗi, nói: "Xin lệnh công chớ nói như vậy. Chúng tôi bị Bộc Cổ Hoài Ân đánh lừa, tưởng rằng hoàng đế và lệnh Công đều đã chết, Trung Nguyên không ai làm chủ nên mới theo hắn tới đây. Nay biết được lệnh Công còn sống, đâu dám giao chiến với ngài!"

Quách Tử Nghi nói: "Thổ Phồn và triều Đường có quan hệ thân thiết. Thế mà nay họ cũng tới đây, cướp bóc tài sản của nhân dân, Thực là việc làm quá đáng. Chúng tôi quyết tâm đánh trả họ. Nếu các ngài có thể

giúp chúng tôi đánh Thổ Phồn, thì cũng rất tốt cho các ngài".

Được Cát La thấy Quách Tử Nghi nói vậy vội gật đầu lia lịa, nói: "Chúng tôi nhất định sẽ đem sức ra phục vụ Lệnh Công, lấy công chuộc lỗi".

Trong khi Được Cát La và Quách Tử Nghi nói chuyện, tướng sĩ Hồi Hột xúm lại nghe, dần dần quay tròn lại. Tuy tông của Quách Tử Nghi thấy vậy, sợ xảy ra chuyện gì, cũng ép sát vào, để bảo vệ ông.

Quách Tử Nghi xua tay, bảo họ lùi ra xa, rồi bảo Được Cát La mang rượu tới. Quách Tử Nghi cầm một cốc rượu tưới xuống đất, trình trọng thể: "Thiên tử Đại Đường muôn năm! Khả hữu Hồi Hột muôn năm! Tướng lĩnh hai quân đội muôn năm! Từ nay, ai mà làm trái mình ước, sẽ chết trên chiến trường!"

Được Cát La cũng thề trước Quách Tử Nghi và tưới rượu xuống đất. Hai bên đều định mình ước.

Tin tức về việc Quách Tử Nghi một người một ngựa đến thăm trại Hồi Hột, truyền tới quân doanh Thổ Phồn. Tướng lĩnh Thổ Phồn sợ quân Đường và Hồi Hột liên hợp lại để đánh họ, nên ngay trong đêm, dẫn đại quân rút chạy.

165- NHAN CHÂN KHANH KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT

Qua biến loạn An - Sử, triều Đường từ chỗ cường thịnh trượt dài xuống suy yếu. Tiết độ sứ các nơi thừa cơ chuyên quyền, mở rộng binh lực tạo nên tình hình phiên trấn cát cứ, ảnh hưởng của triều đình bị thu hẹp. Sau khi Đường Đại Tông chết, con là Lý Quát lên ngôi. Đó là Đường Đức Tông. Đường Đức Tông muốn thay đổi chế độ phiên trấn, kết quả dẫn tới việc nổi loạn của các phiên trấn. Đường Đức Tông phái binh thảo phạt, không những không dẹp được, mà còn làm cho việc phản loạn lan rộng thêm.

Năm 782, năm phiên trấn cùng nổi loạn trong đó lực lượng của tiết độ sứ Hoài Tây là Lý Hy Liệt hùng mạnh nhất hẳn tự xưng là thiên hạ đô nguyên soái, đem binh tấn công triều Đường.

Năm trấn cùng nổi loạn, khiến triều đình rung động. Đường Đại Tông tìm Tể tướng Lư Kỷ tới bàn. Lư Kỷ nói: "Không sao. Chỉ cần cử một người có đạo đức cao uy tín lớn đến khuyên bảo họ thì không cần dùng tới đao thương, cũng có thể dẹp yên phản loạn."

Đức Tông hỏi: "Khanh xem có thể cử ai đi?"

Lư Kỷ tiến cử Nhan Chân Khanh, một lão thần đang làm thái sư cho thái tử. Đức Tông đồng ý ngay.

Nhan Chân Khanh là một lão thần rất có danh vọng lúc đó. Trước loạn An - Sử, ông làm thái thú Bình Nguyên. Sau khi An Lộc Sơn nổi loạn, đại đa số các quận Hà Bắc đều bị quân phản loạn chiếm, chỉ có thành Bình Nguyên được Nhan Chân Khanh kiên quyết chỉ huy chống giữ, nên không lọt vào tay giặc. Sau đó, người anh em họ của ông là Nhan Quả Khanh khởi binh ở Cao Thành, được mười bảy quận ở Hà Bắc hưởng ứng. Mọi người tiến cử Nhan Chân Khanh làm minh chủ. Ông đã lập công lớn trong việc dẹp loạn An - Sử. Thời Đường Đại Tông, ông được phong là Lỗ Quận Công. Vì vậy, mọi người gọi ông là Nhan Lỗ Công.

Nhan Chân Khanh còn là nhà thư pháp nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Chữ viết của ông khoẻ khoắn, mạnh mẽ, biểu hiện tính cách kiên cường của ông. Người đời gọi lối chữ của ông là "Nhan thể".

Nhan Chân Khanh có nhân cách chính trực thường bị bọn gian nịnh vu cáo, phỉ báng nhưng vì có uy tín cao, nên những kẻ đó vẫn phải tỏ ra tôn kính ngoài mặt. Tể tướng Lư Kỷ là kẻ gian ngoan hiểm độc. Hắn vốn căm ghét Nhan Chân Khanh nhưng chưa tìm được cách hạ thủ. Lần này nhân có cuộc phản loạn của Phiên Trấn, hắn tiến cử Nhan Chân Khanh đi thuyết phục, chính là để hãm hại ông.

Lúc đó, Nhan Chân Khanh đã là một cụ già ngoại bảy mươi tuổi. Rất nhiều quan văn võ trong triều thấy triều đình cử ông đi tới chỗ quân phản loạn, đều lo lắng



cho sự an toàn của ông. Nhưng Nhan Chân Khanh vẫn điềm nhiên, mang theo mấy người tùy tùng đến Hoài Tây.

Lý Hy Liệt thấy Nhan Chân Khanh tới, muốn cho ông một đòn phủ đầu. Khi gặp mặt, hấn cho gọi các bộ tướng và con nuôi tất cả tới hơn một ngàn người tới tiền sảnh. Nhan Chân Khanh vừa cất lời khuyên Lý Hy Liệt đình chỉ phản loạn thì bọn bộ tướng và con nuôi xông tới, tên nào cũng cầm dao sáng loáng, vừa chửi rủa, vừa uy hiếp, làm ra vẻ muốn giết ông ngay. Nhan Chân Khanh không hề sợ hãi, mặt không biến sắc, chỉ cười nhạt nhìn chúng.

Lý Hy Liệt vờ vịt xông tới che cho Nhan Chân Khanh đuổi các bộ tướng và con nuôi lui ra. sau đó, hấn đưa Nhan Chân Khanh tới dịch quán, hòng bắt ông khuất phục dần dần.

Mấy ngày sau, bốn tên cầm đầu các phiên trấn nổi loạn khác cùng lúc cử người tới, liên lạc với Lý Hy Liệt, khuyên Lý Hy Liệt lên ngôi hoàng đế, Lý Hy Liệt mở tiệc lớn chiêu đãi chúng, mời Nhan Chân Khanh tham gia.

Các sứ giả thấy Nhan Chân Khanh tới, liền chúc mừng Lý Hy Liệt: "Từ lâu đã nghe danh Nhan Thái sư đức cao trọng vọng. Nay nhân dịp nguyên soái sắp lên ngôi hoàng đế, Nhan Thái sư đến đây, chẳng phải là có ngay một tể tướng sao? "

Nhan Chân Khanh trợn mắt, mắng bốn tên sứ giả: "Tể tướng cái gì! Ta năm nay đã sắp tám mươi tuổi, không sợ gì các người chặt đầu mổ bụng, lẽ nào lại để các người dụ dỗ, uy hiếp!"

Bốn tên sứ giả tiu ngưu, không nói năng gì được nữa.

Lý Hy Liệt không có biện pháp gì, đành đem giam ông lại, cử một số lính ở bên ngoài giám sát. Bọn lính đào một hố có kích thước một trượng (=3,33m - ND) ở ngoài sân, và nói là sẽ chôn sống ông ở đó. Hôm sau, Lý Hy Liệt đến thăm ông. Ông nói: "Việc sống chết của ta đã định rồi. Còn giả những trò dọa dẫm ra làm gì. Người cứ chém ta một đao, có phải là thoả thích hơn không!"

Một năm sau, Lý Hy Liệt tự xưng là Sở Đế, lại sai bộ tướng đến buộc Nhan Chân Khanh đầu hàng. Bọn chúng đốt một đồng củi lớn, tưới dầu, dọa Nhan Chân Khanh: "Nếu không đầu hàng, sẽ ném vào đồng lửa này!"

Nhan Chân Khanh không nói một lời, xông lên, nhảy thẳng vào đám lửa. Bọn tướng phản loạn vội vã ngăn ông lại, rồi báo cáo với Lý Huy Liệt.

Mặc dù đã sử dụng mọi biện pháp, nhưng Lý Hy Liệt không sao buộc được Nhan Chân Khanh khuất phục. Cuối cùng, chúng đã buộc ông tự sát.

166- HỒN CHÂM VÀ LÝ THẠNH

Sau khi Lý Hy Liệt phát động cuộc phản loạn, liền cử quân vây đánh Tương Thành (nay là Tương Thành, Hà Nam). Tương Thành lâm vào tình thế nguy cấp. Lạc Dương cũng bị đe dọa. Năm 783, Đường Đức Tông điều quân mã từ Kinh Nguyên (trị sở nay ở phía Bắc huyện Kinh Xuyên, Cam Túc) về tăng viện cho Tương Thành. Tiết độ sứ Kinh Nguyên là Diêu Lệnh Nguyên nhận được lệnh, liền đem năm ngàn người ngựa về Trường An.

Quân lính ở Kinh Nguyên nghe nói triều đình hạ lệnh điều động, tưởng rằng nhất định sẽ có khao thưởng. Tối Trường An, lại gặp trận mưa lớn, quân lính đều ướt đẫm, lạnh run người. Tối hôm sau, quan chức triều đình mới tiếp tế cơm nước. Binh lính nhìn thấy, chỉ là cơm gạo thô và thức ăn nguội lạnh, nên đều thất vọng, nổi giận đá đổ giỏ thức ăn, hầm hầm nói: "Chúng ta không nể nguy hiểm tới tính mạng, mang thân ra

chống địch, thế mà nay, đèn cốm cũng không đủ no, hỏi còn đánh chác nổi gì?"

Một tên lính đứng lên, nói: "Bọn làm quan không đem tới cho ta, thì tự chúng ta sẽ đi lấy. Trường An đây rẫy tiền bạc lụa là. Nghe nói hai bên hoàng cung có nhiều kho lớn, tiền bạc lụa là chật ních. Chúng ta hãy đến đó mà lấy!"

Bị kích động, binh lính càng nổi giận, không đếm xỉa gì đến sự ngăn cản của các tướng, ào ào kéo nhau xông vào thành.

Có người phi báo cho Đường Đức Tông. Đức Tông hoảng hốt, vội sai hoạn quan chở hai mươi xe tiền, lụa ra ứ lạo. Quân lính đang bùng bùng phần nộ, không thêm lấy, mà giết luôn hoạn quan rồi xông thẳng vào hoàng cung.

Thấy loạn binh sắp tới hoàng cung, Đức Tông liền gọi quân cấm vệ, nhưng quân cấm vệ quen sung sướng lâu ngày, trở nên bạc nhược và lười biếng, thấy quân Kinh Nguyên hung hãn, sợ hãi không dám thò mặt ra. Đức Tông không có cách gì, đành cuống cuống dẫn các phi tần, vương tử và công chúa chạy qua vườn hoa sau hoàng cung rồi theo cửa sau chạy lên Phụng Thiên (nay là huyện của Thiểm Tây) lánh nạn.

Quân lính tiến vào cung, nghe nói hoàng đế đã bỏ chạy, liền phá tan cửa kho, kẻ thì lấy tiền, kẻ thì khuân vải lụa, ồn ào hỗn loạn suốt một đêm. Cuối cùng chúng tìm Tiết độ sứ Diêu Lệnh Ngôn, yêu cầu ông ta hướng dẫn hành động tiếp theo. Diêu Lệnh Ngôn nói, chỉ bằng mời Thái úy Chu Thử, để ông ta cầm đầu.

Chu Thử vốn trước kia cũng là Tiết độ sứ Kinh Nguyên, vì có em là Chu Thạc chống lại triều Đường nên bị tước binh quyền, gọi về Trường An, giữ hư vị là Thái sư. Chu Thử vốn có nhiều dã tâm, nay được tướng sĩ Kinh Dương tôn làm thủ lĩnh, sao lại chẳng đồng ý?

Sau khi Chu Thử nắm giữ binh quyền ở Trường An, một số quan lại bất mãn và tướng lĩnh các phiên trấn đều ủng hộ ông. Chu Thử có lực lượng, liền lập nên ở Trường An một triều đình mới, tự xưng là Đại Tán hoàng đế và thân dẫn quân đi đánh Phụng Thiên.

Đường Đức Tông chạy đến Phụng Thiên, vừa kịp thở, thì quân của Chu Thử đã đánh tới. May nhờ lúc đó, Hồn Châm là tướng chỉ huy quân cấm vệ cũng tới. Hồn Châm, nguyên là đại tướng dưới quyền Quách Tử Nghi, có uy tín rất cao. Ông ta đứng ra chỉ huy lực lượng chống giữ nên nhân tâm mới dần ổn định.

Chu Thử don đốc quân lính tiến đánh Phụng Thiên rất dữ dội, Hồn Châm dẫn đầu tướng sĩ tiến hành huyết chiến suốt ngày đêm, nên suốt một tháng ròng, Chu Thử vẫn không hạ được thành. Chu Thử nôn nóng, cho người chế tạo thang mây rất dài để binh lính trèo lên đánh thành, Hồn Châm cho đào đường ngầm dưới chân thành, trong chứa đầy củi khô và chuẩn bị sẵn thuốc nhựa thông để trên mặt thành. Quân phiên loạn đua nhau trèo lên thang mây và bắn tên như mưa vào trong thành. Tình thế nguy ngập tưởng chừng chúng sắp xông được qua tường thành. Bỗng các thang mây lần lượt bị sụt xuống do quá nặng, củi dưới đường hầm liền bốc cháy, quân Đường trên thành phối hợp ném thuốc tới tấp vào thang mây. Lửa từ trên xuống, từ dưới lên dùng

đùng đốt cháy thang mây, khiến quân phiến loạn co quắp, rụng xuống như sung.

Hồn Châm dẫn quân mở cửa thành xông ra chém giết, đánh cho quân Chu Thử đại bại.

Lúc đó, lại có hai cánh viện quân từ nơi khác kéo tới, một cánh do Tiết độ sứ Sóc Phương là Lý Hoài Quang chỉ huy, một cánh do Lý Thanh, đại tướng của đội quân Thần Sách chỉ huy, Chu Thử thấy tình thế bất lợi, vội rút vòng vây quanh Phụng Thiên, lui về giữ Trường An.

Đường Đức Tông hạ lệnh cho Lý Hoài Quang và Lý Thanh thừa thắng tiến công để chiếm lại Trường An. Nào ngờ mới tới Hàm Dương thì Lý Hoài Quang đã ngầm câu kết với Chu Thử, cùng chống lại triều Đường. Lý Thanh tới bên ngoài thành Trường An thì lâm vào cảnh: Trong có quân Chu Thử, sau lưng có quân Lý Hoài Quang, lương thảo hết, cứu binh không có, tình thế cực kỳ nguy hiểm. Lý Thanh là người trí dũng song toàn. Với dũng khí và quyết tâm của mình, ông đã khích lệ tướng sĩ, giữ cho quân đội không hề nao núng, một số cánh quân lẻ tẻ gần Trường An đều tình nguyện chịu sự chỉ huy của Lý Thanh. Lý Hoài Quang hạ lệnh cho một số tướng dưới quyền tập kích vào quân Lý Thanh, nhưng họ không nghe. Lý Hoài Quang hoảng sợ, liền bỏ chạy đi Hà Trung.

Lý Hoài Quang rút, Chu Thử trở nên cô lập trong thành Trường An.

Hồn Châm từ Phụng Thiên cũng phối hợp với Lý Thanh, đem quân tiến sát Trường An. Thanh thế quân Đường lớn mạnh, khiến Chu Thử sợ hãi, chỉ co lại trong thành, không dám đem quân ra chống lại.



Lý Thạnh họp bàn với các tướng về kế hoạch đánh thành. Các tướng nói: "Tất nhiên trước hết phải chiếm hết các phố phường khu dân cư, sau đó mới đánh vào hoàng cung".

Lý Thạnh nói: "Phố xá nhỏ hẹp. Nếu chúng ta chiến đấu với địch ở đó thì sẽ gây tổn hại tới nhân dân. Nghe nói quân chủ lực tập trung ở vườn ngự uyển phía sau hoàng cung. Chỉ bằng chúng ta phá tường thành phía Bắc, tập trung binh lực tiến công địch trong vườn ngự uyển. Như vậy, cung thất không bị phá hoại, dân chúng cũng không bị sợ hãi".

Mọi người đều khâm phục sự tính toán chu đáo của Lý Thạnh. Lý Thạnh bắt đầu vạch kế hoạch: Trước hết tiêu diệt hết quân địch ngoài thành, sau đó phá tường thành phía Bắc cho kỵ binh, bộ binh ào ạt đánh vào ngự uyển. Chu Thử không chống nổi, phải tháo chạy khỏi Trường An.

Số quân lính không chạy kịp, đều nộp khí giới đầu hàng.

Lý Thạnh tiến vào Trường An, hạ lệnh cho toàn thể tướng sĩ: "Nhân dân Trường An đã chịu khổ nhiều vì quân phiến loạn, nên tuyệt đối không được quấy nhiễu họ". Quân Đường tiến vào, đều tuân lệnh, giữ nguyên kỷ luật, không xâm phạm may mảy.

Năm 784, Chu Thử bị giết. Đường Đức Tông trở về Trường An. Một năm sau, Hồn Châm tiến công Hà Trung, tiêu diệt Lý Hoài Quang. Đến lượt kẻ thù là Sở Đế Lý Hy Liệt và một số trận thất bại, cũng bị bộ tướng giết chết.

Lý Thanh, Hồn Châm đã lập được công lớn trong việc bảo vệ sự thống nhất của triều Đường. Quý tộc Thổ Phồn sợ họ nắm binh quyền thì sẽ bắt lợi cho họ, liền dùng kế ly gián. Đường Đức Tông vốn hay nghi kỵ công thần, lại trúng kế của quý tộc Thổ Phồn, nên đã tước binh quyền của Lý Thanh và giao cho hoạn quan chỉ huy quân Thần Sách. Từ đó, nạn phiến trấn cát cứ còn chưa giải quyết được, thì quyền lực của hoạn quan lại tăng lên, tạo nên mối đe dọa mới đối với quyền lực của hoàng đế.

167- NGƯỜI ĐÁNH CỜ GIỎI TRONG ĐÔNG CUNG

Đường Đức Tông tin dùng bọn hoạn quan. Bọn này tham lam vô độ, nghĩ ra đủ mọi cách để bóp nặn nhân dân, vơ vét thật nhiều của cải. Chúng lập ra một "cung thị" (chợ trong cung vua), cho một số thái giám ra ngoài phố mua mọi đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của thái giám và cung phi, về bán ở "cung thị". Chúng thấy có loại hàng hoá nào cần, đều giành lấy mua, chỉ trả giá bằng một phần mười giá chợ. Sau, thấy thế còn phiền phức, chúng dựng lên các chòi quan sát gọi là "Bạch vọng", thấy chỗ nào có hàng hoá ưng ý là đến cướp không.

Một số hoạn quan khác còn lập ra "ngũ phòng" là năm nơi chăn nuôi điều hâu, chim cu, chim ưng, hươu, chó dành cho hoàng đế giải trí. Bọn này dựa vào công việc đó, lòng sục hạch sách dân chúng bằng đủ thủ đoạn xấu xa. Muốn xoay tiền nhà ai, chúng mang lưới bắt chim tới chằng trước cửa nhà hoặc trên miệng giếng. Ai đi ra khỏi cửa hoặc tới giếng lấy nước, chạm phải lưới, liền bị chúng lu loa lên là đã đuổi mất chim của hoàng

để túm đến đánh đập cho đến khi phải bỏ tiền ra đến mới thôi.

Bọn làm việc ở "ngũ phòng" thường đến túu quán ăn uống no say rồi vác bụng chuồn thẳng. Chủ quán nào đòi tiền là bị chửi mắng hoặc đánh đập. Một lần, bọn này đến uống rượu ở một túu quán, nhưng không giả tiền mà gửi lại một túi vải đựng đầy rần, rồi nói với chủ quán: "Các quan không mang theo tiền, nên gửi cái này lại làm tin, mấy hôm nữa sẽ mang tiền tới chuộc. Nhưng trong túi là những con rần trong cung chuyên dùng để bắt chim sẻ. Ông phải nuôi chúng cho cẩn thận. Nếu để con nào bị chết đói thì mất đầu đấy".

Chủ quán hoảng hồn, cố van xin chúng mang túi rần đi. Còn tiền rượu, đương nhiên là không dám mở mồm ra đòi nữa.

Bọn hoạn quan ở "cung thị" và "ngũ phòng" hoành hành ngang ngược như vậy, khiến nhân dân Trường An căm giận thấu xương. Nhưng mọi quyền hành trong triều đang nằm trong tay hoạn quan, mọi nỗi oan uổng biết kêu với ai?

Lúc đó, ở Đông cung của thái tử Lý Tụng, có hai viên quan giúp thái tử đọc sách. Một người là Vương Thúc Văn, một kỳ thủ cao cường; người kia là Vương Phi, một người viết chữ rất đẹp. Ngoài việc đọc sách, thái tử Lý Tụng rất thích đánh cờ và viết chữ. Vương Thúc Văn và Vương Phi vì vậy thường ở trong Đông cung cùng thái tử.

Wương Thúc Văn xuất thân từ một chức quan thấp, ít nhiều hiểu được nỗi khổ của nhân dân. Ông thường lợi dụng lúc cùng thái tử đánh cờ, nói cho thái tử biết tình



hình bên ngoài. Thái tử nghe nói bọn hoạn quan mượn cớ mua hàng cho "cung thị" để ức hiếp nhân dân thì rất bức bối. Một lần, mấy viên quan thị đã cùng bàn luận việc đó trong cung thái tử. Thái tử phẫn nộ nói: "Khi gặp phụ hoàng, nhất định ta sẽ nói chuyện đó".

Mọi người nghe nói, đều tán dương là thái tử hiền minh, chỉ có Vương Thúc Văn ngồi bên cạnh không nói một lời nào. Đợi khi các viên quan khác đã ra về, thái tử hỏi Vương Thúc Văn: "Hàng ngày tiên sinh vẫn nói tới cái tệ của cung thị, mà vừa rồi khi mọi người đàm luận, sao tiên sinh không nói gì cả? "

Vương Thúc Văn nói: "Tôi thấy trước mắt Điện hạ không nên bận tâm về những việc đó. Nếu có kẻ xấu nào đó thêu dệt chuyện thị phi trước Hoàng thượng, nói Điện hạ đang thu phục lòng người, Hoàng thượng sẽ sinh nghi. Dù Điện hạ có phân trần, cũng khó mà cải chính được".

Thái tử chợt tỉnh ngộ, nói: "Nếu không có tiên sinh nhắc nhở, thì tôi không nghĩ được tới điều đó".

Từ đó về sau, Thái tử càng tín nhiệm Vương Thúc Văn hơn. Vương Thúc Văn thấy Đức Tông đã già, sớm muộn thái tử sẽ lên nối ngôi nên đã ngầm chọn các quan chức có tài trong triều đình và kết giao với họ. Ông nói riêng với thái tử: Người này sau này có thể làm tể tướng, người kia có thể làm tướng quân...

Không ngờ một năm sau, thái tử lại bị trúng phong, lưỡi cứng lại, không nói năng gì được. Đường Đức Tông đã già yếu, vì việc đó mà sinh bệnh rồi mất. Năm 805, thái tử Lý Tụng mang bệnh lên ngôi. Đó là Đường Thuần Tông.

Đường Thuận Tông không nói được, đành nhờ Vương Thúc Văn và Vương Phi giúp giải quyết việc triều chính. Vương Thúc Văn biết mình chưa đủ uy tín, không thể công khai nắm đại quyền, liền tìm một viên quan lâu năm là Vĩ Cháp Nghị đứng ra làm tể tướng, còn bản thân là hàn lâm học sĩ, giúp Thuận Tông viết chiếu thư. Vương Thúc Văn, Vương Phi phối hợp với Vĩ Cháp Nghị, đồng thời sử dụng một số người có tài như Lưu Vũ Tích, Liễu Tông Nguyên, nên công việc triều chính vẫn trôi chảy.

Sau khi Vương Thúc Văn nắm quyền, công việc đầu tiên là chỉnh đốn việc hoạn quan ức hiếp nhân dân. Ông thảo cho Thuận Tông một chiếu thư, bãi bỏ một số thuế má, quyền góp phiên hà, thủ tiêu "cung thị" và "ngũ phòng"

Biện pháp này được thực hiện, trăm họ Trường An đều vỗ tay reo mừng. Riêng bọn hoạn quan thì căm gan tím ruột.

Vương Thúc Văn còn nắm cả quyền tài chính vào tay mình. Ông tiến hành cải cách chế độ thuế má. Lịch sử gọi sự kiện này là "Vĩnh Trinh cách tân" (việc đổi mới thời Vĩnh Trinh - Vĩnh Trinh là niên hiệu của Thuận Tông: 805- 806).

Việc Vương Thúc Văn mạnh dạn tiến hành cải cách đã động chạm tới quyền lực của bọn hoạn quan. Tên đầu sỏ hoạn quan là Câu Văn Trân thấy quyền lực của Vương Thúc Văn quá lớn, liền lấy danh nghĩa Thuận Tông, giải trừ chức vụ Hàn lâm học sĩ của ông.

Vương Thúc Văn biết rằng muốn đấu tranh được với hoạn quan thì phải giành lại binh quyền từ tay chúng,

liên vận động cử lão tướng Phạm Hy Triều đi tiếp quản quyền chỉ huy Thần Sách quân đang do một hoạn quan nắm. Nhưng vì các tướng lĩnh trong Thần Sách quân đều là thân tín của hoạn quan. Khi Phạm Hy Triều đến nhận chức, không tên nào chịu hợp tác với ông, nên ông phải tay không trở về.

Không đầy một tháng sau, Câu Vãn Trân cầu kết với một số lão thần phụ họa với hắn, tuyên bố Thuận Tông có bệnh nặng không thể chấp chính, cử Thái tử Lý Thuần lên làm Giám quốc. Một tháng sau, thái tử chính thức lên ngôi. Đó là Đường Hiến Tông.

Thuận Tông vừa mất ngôi, bọn hoạn quan do Câu Vãn Trân đứng đầu lập tức cách chức Vương Thúc Văn và Vương Phi, điều họ đi làm quan ở nơi xa. Năm sau, chúng lại giết Vương Thúc Văn. Cuộc cách tân thời Vĩnh Trinh tiến hành chưa được một năm đã hoàn toàn thất bại. Những người ủng hộ cuộc cải cách của Vương Thúc Văn đều bị liên lụy và bức hại.

168- LƯU VŨ TÍCH THĂM HUYỀN ĐÔ QUÁN

Khi Vương Thúc Văn thực hành cải cách, không chỉ một số hoạn quan phản đối, mà một số không nhỏ đại thần thấy Vương Thúc Văn từ địa vị thấp lại dựa vào thế Thuận Tông, làm việc quá độc đoán, cũng tỏ ra bất mãn. Khi Đường Hiến Tông lên ngôi, mọi người xúm vào công kích Vương Thúc Văn. Tám quan chức từng ủng hộ việc cải cách của Vương Thúc Văn, đều bị gọi là đồng đảng của ông.

Vì vậy, Đường Hiến Tông hạ chiếu thư nhất loạt giáng chức tám người đó, chuyển họ đi nơi xa làm Tư mã*. Lịch sử gọi gộp Vương Thúc Văn, Vương Phi và tám người đó là "Nhị Vương, bát Tư mã"**.

* Tư mã- một chức quan, mỗi triều đại qui định quyền hạn khác nhau. Triều Tùy, Đường, Tư mã là chức quan giúp việc cho Thứ sử châu.

** Bát Tư mã gồm: Liễu Tông Nguyên, Lưu Vũ Tích, Hàn Thái, Hàn Hoa, Trần Giác, Trình Dĩ, Lăng Chuẩn, Vi Chấp Nghị.

Trong tám vị đại thần bị giáng làm Tư mã đó, có hai nhà văn nổi tiếng là Liễu Tông Nguyên* và Lưu Vũ Tích. Liễu Tông Nguyên sở trường về tản văn, còn Lưu Vũ Tích sở trường về thơ. Họ là đôi bạn rất thân thiết với nhau. Lần này, Liễu Tông Nguyên bị điều đi Vĩnh Châu (nay là Linh Lăng, Hồ Nam), Lưu Vũ Tích bị điều đi Lang Châu (nay là Thường Đức, Hồ Nam). Vĩnh Châu và Lang Châu đều ở miền Nam Trung Quốc, cách Trường An rất xa, lúc đó hai nơi này còn là vùng hoang vắng, lạc hậu. ở vào trường hợp này, những người khác hẳn sẽ buồn khổ, khó chịu đựng được. Nhưng hai ông đều là những người có bản lĩnh. Họ tin rằng việc làm của mình là đúng đắn, dù có thất bại cũng không nhụt chí. Đến nơi nhận chức mới, ngoài giờ làm việc công, họ đều đi du lãm núi sông, sáng tác thơ văn. Trong sáng tác của họ, thường thổ lộ hoài bão chính trị và phản ánh nỗi khổ của nhân dân. Bài đoản văn kiệt tác "Lời kể của người bắt rắn" của Liễu Tông Nguyên chính là được viết trong thời gian ông làm Tư mã ở Vĩnh Châu.

Lần biếm trích này của hai ông kéo dài tới mười năm. Lâu dần, một số đại thần trong triều nhớ tới hai ông, cảm thấy đay những người có tài như thế đi xa thì quá đáng tiếc. Họ liền tâu xin Hiến Tông, điều hai ông trở lại Trường An, làm quan tại triều đình.

Lưu Vũ Tích trở lại Trường An, thấy Trường An đã biến đổi khác xưa nhiều. Một số quan chức hiện đang giữ trọng trách đều là những người mà ông không ưa và không thể hợp tác được, nên tâm tình rất bức dọc.

* ông này là một trong tám tác gia lớn về văn xuôi thời Đường, Tống, lịch sử văn học Trung Quốc gọi họ là Đường, Tống bát đại gia

Trong kinh thành có một đạo quán (nơi thờ phụng của Đạo giáo) nổi tiếng, có tên Huyền Đô quán, do một đạo sĩ trụ trì. Trong đạo quán trồng rất nhiều cây đào. Lúc đó, đang vào mùa xuân, hoa đào trong Huyền Đô quán đang nở rộ, hấp dẫn nhiều du khách tới thăm. Một số bạn bè rủ Lưu Vũ Tích đến Huyền Đô quán ngắm hoa đào. Lưu Vũ Tích thấy đến đó giải trí cũng tốt, liền nhận lời đi cùng bạn.

Qua mười năm sống trong cảnh bị biếm trích ở phương xa, nay trở lại kinh thành, thấy những cây đào non ngạo nghễ phô sắc trong Huyền Đô quán, ông liền tưởng, viết một bài thơ ẩn dụ:

*Tử mạch hồng trần phát diện lai
Vô nhân bất đạo khán hoa hồi.
Huyền Đô quán lý đào thiên thụ
Tận thị Lưu lang khứ hậu tài*

Dịch:

*Đường đông, bụi tóc mặt người,
Không ai không nói: đi chơi ngắm đào.
Huyền Đô, đào mọc lắm sao!
Đều trông sau lúc chàng Lưu xa rồi.*

Thơ Lưu Vũ Tích vốn rất nổi tiếng. Bài thơ mới sáng tác được người ta truyền nhau chép rất nhanh. Một số đại thần, vốn là những kẻ hãnh tiến trong thời gian Lưu Vũ Tích bị biếm trích, đọc kỹ bài thơ, phát hiện thấy bài thơ tuy nói về hoa đào trong Huyền Đô quán, nhưng hàm ý châm biếm bọn quan chức mới thăng tiến.



Thế là Lưu Vũ Tích gặp nhiều phiền phức. Đường Hiến Tông cũng bức bối về chuyện này. Những người vốn có cảm tình với ông và muốn giữ ông lại Trường An cũng khó nói. Lưu Vũ Tích lại bị điều đi làm Thứ sử Phiên Châu (nay là Tuần Nghĩa, Quý Châu). Chức Thứ sử cao hơn chức Tư mã, việc điều động vội vàng này có vẻ như thăng chức, nhưng Phiên Châu càng xa xôi và hoang vắng hơn Lang Châu. Lúc bấy giờ, nơi đây dân cư rất thưa thớt.

Khi đó Lưu Vũ Tích còn có mẹ già hơn 80 tuổi, cần có người chăm sóc. Vì đường xá xa xôi, hiểm trở nên một cụ già như thế không thể theo Lưu Vũ Tích đến Phiên Châu. Điều này làm ông lâm vào hoàn cảnh rất khó xử.

Đồng thời với Lưu Vũ Tích, Liễu Tông Nguyên cũng bị đánh bật khỏi Trường An, được điều đi làm Thứ sử Liễu Châu. Được biết Lưu Vũ Tích đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, Liễu Tông Nguyên quyết tâm tìm cách giúp đỡ bạn. Ông thức suốt đêm viết một sớ tấu, xin triều đình đổi cho Lưu Vũ Tích đi Liễu Châu, và bản thân xin tình nguyện đi Phiên Châu.

Tình cảm hết lòng vì bạn của Liễu Tông Nguyên khiến rất nhiều người xúc động. Sau đó, đại thần Bùi Độ cũng trực tiếp cầu xin Đường Hiến Tông, nên Lưu Vũ Tích được đổi đi làm Thứ sử Liễu Châu (nay là huyện Liên, Quảng Đông). Về sau, Lưu Vũ Tích còn bị chuyển đi nhiều địa phương khác nữa. Mười bốn năm sau, Bùi Độ lên làm Tế tướng, mới điều Lưu Vũ Tích trở lại Trường An.

Khi Lưu Vũ Tích trở lại kinh thành, thời tiết đã là cuối xuân. Ông nhớ tới hoa đào ở Huyền Đô quán, liền

muốn đến thăm lại. Đến nơi mới biết vị đạo sĩ trông đào nay đã chết, đào trong đạo quán không có ai chăm sóc, cây thì bị chặt, cây thì chết khô, khắp nơi mọc đầy cỏ may và hướng dương dại, quang cảnh rất tiêu điều. Ông nhớ lại cảnh hoa đào rực rỡ ngày nào, liên tưởng tới lũ hoạn quan và quyền thần từng hãm hại ông, nay đã lần lượt thất thế trong cuộc tranh giành quyền lực. Còn bản thân ông, vẫn trước sau ngoan cường giữ vững quan điểm chính trị tiến bộ, và trải bao long đong lận đận, lại trở lại triều đình. Lòng đầy xúc cảm tự hào, ông viết một bài thơ mới:

*"Bách mẫu trung đình bán thị đài,
Đào hoa tịnh tận, thái hoa khai.
Chủng hoa đạo sĩ qui hà xứ?
Tiền độ Lưu lang kim hựu lai."*

Dịch thơ:

*Trăm mẫu vườn hoang rêu mọc đầy.
Hoa đào chẳng thấy, thấy hoa may
Trống hoa đạo sĩ đi đâu mất?
Chàng Lưu năm nọ lại về đây*

Một số quan chức thấy trong bài thơ mới của ông vẫn đầy giọng châm chích thì rất bức mình, đều đua nhau công kích ông trước hoàng đế. Ba năm sau, ông lại bị điều đi làm Thứ sử nơi xa.

169- BẠCH CƯ DỊ TỚI TRƯỜNG AN

Sau khi Đường Hiến Tông lên ngôi có tiến hành một vài cải cách chính trị, dùng mấy người chính trực như Lý Dịch làm Tể tướng. Nhưng mặt khác, ông vẫn rất tin cậy bọn hoạn quan. Để thảo phạt phiên trấn, Hiến Tông cử một hoạn quan làm nguyên soái. Việc này bị một số đại thần phản đối, trong đó người phản đối mạnh mẽ nhất là Tả thập di Bạch Cư Dị.

Bạch Cư Dị là một nhà thơ nổi tiếng thời Đường, quê ở Hạ Khê (nay ở đông bắc huyện Vị Nam, Thiểm Tây). Tiếng tăm về tài thơ của ông được lan truyền từ rất sớm. Từ nhỏ, Bạch Cư Dị đã rất thông minh, mới sáu, bảy tháng tuổi đã phân biệt được chữ "chi", chữ "vô". Từ năm sáu tuổi đã tập làm thơ. Khi ông khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, người cha là Bạch Lý Canh làm quan ở Từ Châu, cho Bạch Cư Dị đến kinh thành Trường An để kết giao với các danh nhân và hiểu biết việc đời.

Lúc đó, cuộc nổi loạn của Chu Thử vừa kết thúc, Trường An còn rất tiêu điều xơ xác. Đặc biệt là do chiến tranh kéo dài nhiều năm, nạn đói lan tràn, giá lương

thực ở Trường An rất cao, đời sống nhân dân rất khó khăn.

Lúc đó, Trường An có một nhà văn tên là Cố Huống, có chút tài năng và danh tiếng, nhưng tính cách rất cao ngạo, gặp lớp hậu sinh thường lên mặt cha chú, rất khó gần. Bạch Cư Dị nghe tiếng Cố Huống liền đem bản thảo tập thơ của mình đến gặp Cố Huống để thỉnh giáo.

Cố Huống nghe nói Bạch Cư Dị cũng là quan gia tử đệ, không thể không tiếp. Gặp Cố Huống, Bạch Cư Dị lễ phép đưa danh thiếp và bản thảo tập thơ cho ông.

Cố Huống ngắm cậu thiếu niên, lại nhìn danh thiếp thấy cái tên "Cư Dị" (Cư Dị có nghĩa là ở dễ - ND) thì chau mày nói đùa: "Gần đây ở Trường An, giá lương thực rất đắt, sợ rằng ở đây không dễ dàng đâu?"

Bạch Cư Dị bị ông ta trêu cợt, vẫn lặng im cung kính khép nép đứng một bên, chờ nghe lời chỉ giáo. Cố Huống cầm bản thảo tập thơ, thuận tay giở xem lướt từng trang. Bỗng ông dừng tay, mắt chăm chăm nhìn vào tập thơ, bất giác khẽ khàng ngâm lên:

*"Ly ly nguyên thượng thảo
Nhất tuế nhất khô vinh.
Dã hoả thiêu bất tận,
Xuân phong xuy hữu sinh..."*

Dịch thơ:

*Cỏ mọc tràn thảo nguyên
Mỗi năm khô rồi tốt
Lửa đồng thiêu không hết
Xuân tới lại trời lên*

Ngâm tới đó, Cố Huống lộ vẻ hào hứng, đứng bật dậy, kéo tay Bạch Cư Dị, nắm chặt và nồng nhiệt nói: "Ồi chào! Viết được những câu thơ như thế này thì trú tại Trường An không khó khăn gì. Vừa rồi ta nói đùa, cậu chớ để tâm".

Sau lần gặp gỡ đó, Cố Huống hết sức tán dương thi tài của Bạch Cư Dị, gặp ai, ông cũng khoe cậu con nhà họ Bạch giỏi giang. Một truyền mười, mười truyền trăm, khiến Bạch Cư Dị nổi tiếng khắp Trường An. Mấy năm sau, ông thi đậu tiến sĩ. Đường Hiến Tông biết tiếng ông, liền phong ông làm Hàn lâm học sĩ và sau đó, thăng ông lên chức Tả thập di (gián quan).

Bạch Cư Dị đâu phải hạng người mưu danh cầu lợi, chịu xu nịnh quan trên. Ông không ngừng sáng tác thơ văn, bóc trần mọi hiện tượng xấu xa trong xã hội, đồng thời nhiều lần can gián thẳng thắn Đường Hiến Tông, đặc biệt là việc trao cho hoạn quan nắm binh quyền.

Lần này, ông can gián việc Đường Hiến Tông phong hoạn quan làm nguyên soái khiến Đường Hiến Tông rất tức giận. Nhà vua nói với Tể tướng Lý Dịch: "Tên Bạch Cư Dị đó, do chính trăm đưa lên làm quan mà đối với trăm rất vô lễ. Trăm không chịu nổi hấn nữa!"

Lý Dịch nói: "Bạch Cư Dị dám thẳng thắn can ngăn bệ hạ, không sợ mất đầu, điều đó chứng tỏ ông ta rất trung thành với quốc gia. Nếu bệ hạ trị tội ông ta thì sợ rằng sau này sẽ không ai dám nói thẳng nữa".

Đường Hiến Tông miễn cưỡng nghe theo ý kiến của Lý Dịch, tạm thời chưa cách chức Bạch Cư Dị. Nhưng chẳng được bao lâu, ông ta không cho Bạch Cư Dị làm chức Tả thập di, mà điều sang làm chức quan khác.



Bạch Cư Dị làm rất nhiều thơ, trong đó không ít bài phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội, như bài "Tân trung ngâm" và bài "Tân Nhạc phủ". Trong thơ Bạch Cư Dị, bài thì vạch trần tội ác của bọn hoạn quan cậy thế hà hiếp nhân dân, bài thì châm biếm đời sống cực kỳ xa hoa lãng phí của giới quan liêu, quý tộc, có bài phản ánh số phận đau khổ của nhân dân lao động. Lời thơ của ông giản dị dễ hiểu, được quần chúng rộng rãi yêu thích. Khắp đầu đường cuối ngõ, đâu đâu cũng có người truyền nhau đọc thơ Bạch Cư Dị. Tương truyền, mỗi khi viết xong một bài thơ, bao giờ ông cũng đọc cho các cụ bà mù chữ nghe, chỗ nào các cụ không hiểu, ông liền sửa lại cho tới khi thật dễ hiểu mới thôi. Điều đó đương nhiên chỉ là truyền thuyết, nhưng cũng tỏ rằng thơ ông khá gần gũi quần chúng.

Chính vì thơ ông đã phản ánh hiện thực, xúc phạm tới bọn hoạn quan và quan liêu quý tộc lớn, nên một số kẻ căm giận và nguyên rửa ông. Những kẻ muốn vu hãm ông, chỉ chờ thời cơ là hành động.

Mấy năm sau, Bạch Cư Dị làm đại phu trong Đông cung của Thái tử. Lúc đó xảy ra sự kiện Tể tướng Vũ Nguyên Hành bị đối thủ cử thích khách ám sát. Việc này có nguyên nhân chính trị phức tạp, các quan trong triều đều im lặng không dám mở miệng. Chỉ riêng Bạch Cư Dị tỏ thái độ. Ông dâng sớ tấu lên Hiến Tông, xin ra lệnh truy nã hung thủ. Bọn hoạn quan và giới quan liêu quý tộc nắm ngay cơ hội đó, nói Bạch Cư Dị không phải là gián quan, sao được phép nói lung tung về đại sự triều đình, cần phải được nghiêm trị để giữ kỷ cương.

Hòa theo đó, một số quan chức vốn không ưa Bạch Cư Dị, ồn ào đặt chuyện vu cáo bôi nhọ ông. Có kẻ nói

bà mẹ Bạch Cư Dị nhân lúc đang ngắm hoa, sợ ý bị ngã xuống giếng mà chết, thế mà Bạch Cư Dị vẫn viết những bài thơ "Thuởng hoa" và "giếng mới", như thế rõ ràng là đại bất hiếu!

Qua mạng lưới tội danh được thêu dệt la liệt như thế, khó ai có thể biện hộ cho ông. Cuối cùng, ông bị giáng chức, đày đi làm Tư mã ở Giang Châu (nay là Cửu Giang, Giang Tây).

Bị biếm trích một cách vô lý, sau khi tới Giang Châu, tâm tình Bạch Cư Dị hết sức u uất. Một buổi tối, nhân đi tiễn khách ở Bồn Phố khẩu ở Giang Châu, ông nghe thấy tiếng đàn tỳ bà ai oán vọng trên mặt sông, vội sai người tìm hỏi. Được biết tiếng đàn đó là của một kỹ nữ già từng nhiều năm phiêu bạt giang hồ. Ông ghé thuyền đến gặp, sau khi nghe ngón đàn tuyệt kỹ của nàng và nghe nàng thuật lại thân thế chìm nổi bi thương thì hết sức xúc động. Lại liên tưởng đến cảnh ngộ của mình, ông thấy trào dâng niềm đồng cảm sâu sắc, liền viết nên bài trường thi tự sự nổi tiếng "Tỳ bà hành" có những câu:

*"Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức
Hựu văn thử ngữ trung tức tức
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tăng tương thức..."*

Dịch thơ:

*"Nghe đàn ta đã chạnh buồn
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời
Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp gỡ nhau lạ sẵn quen nhau..."*
(Trích thơ dịch Phan Huy Vịnh)

Sau này, Bạch Cư Dị còn trở về kinh thành mấy lần và làm đại quan trong triều. Nhưng triều chính lúc bấy giờ vô cùng hỗn loạn, người chính trực như Bạch Cư Dị khó lòng thực hiện hoài bão. Ông chỉ còn biết dồn hết tinh lực vào sáng tác thơ ca. Suốt cuộc đời, ông đã viết tất cả hơn hai ngàn tám trăm bài thơ. Đó là di sản hết sức quý báu trong kho tàng văn học của Trung Quốc nói riêng và thế giới nói chung.

170- LÝ SÓC HẠ THÁI CHÂU TRONG ĐÊM TUYẾT XUỐNG

Trong số các phiên trấn, Hoài Tây là một thế lực cát cứ ngoan cố nhất. Năm 814, Tiết độ sứ Hoài Tây là Ngô Thiếu Dương chết. Con là Ngô Nguyên Tế tự thay thế chức vị của cha. Đường Hiến Tông cử quân thảo phạt Hoài Tây. Nhưng các thống soái mà ông ta phong chức đều là quan chức thối nát hoặc có ý đồ riêng. Vì vậy, mất tới ba năm trời, hao tổn bao nhiêu tiền của và nhân mạng nhưng đều thất bại. Các quan trong triều đều cho rằng không nên tiếp tục đánh nữa, nhưng đại thần Bùi Độ lại cho rằng Hoài Tây giống như cái nhọt trên cơ thể, không thể không trừ bỏ đi. Đường Hiến Tông phong Bùi Độ làm tể tướng, quyết tâm tiếp tục thảo phạt Hoài Tây.

Năm 817, triều đình cử Lý Sóc làm Tiết độ sứ ba châu, trong đó có Đường Châu (nay là Đường Hà, Hà Nam) và trao cho ông nhiệm vụ đánh vào sào huyệt của Ngô Nguyên Tế ở Thái Châu (nay là Nhữ Nam, Hà Nam).

Các tướng sĩ Đường Châu đã tham gia chinh chiến mấy năm ròng, nay đều chán nản nên khi nghe Lý Sóc triệu đến, đều hết sức lo lắng. Lý Sóc tới Đường Châu, nói với các quan chức địa phương: "Tôi là một văn quan mềm yếu, không có tài năng gì. Triều đình cử tôi đến đây là để giữ an ninh trật tự địa phương. Còn việc đánh Ngô Nguyên Tế, không phải là nhiệm vụ của tôi".

Tin đó đến tai Ngô Nguyên Tế. Vì đã đánh thắng quân triều đình mấy lần, nên Ngô Nguyên Tế tỏ ra kiêu ngạo. Nay lại nghe nói Lý Sóc không hiểu việc chiến trận, nên hắn càng sao nhãng việc phòng bị.

Từ đó, Lý Sóc không hề đề cập tới việc đánh Hoài Tây. Trong thành Đường Châu có rất nhiều quân lính ốm và bị thương, Lý Sóc đến từng nhà thăm hỏi, không có một chút thái độ quan dạng nào. Tướng sĩ đều rất cảm động trước thái độ đó của ông.

Một lần, quân của Lý Sóc đi tuần tra biên giới, đụng độ với một toán lính nhỏ của Hoài Tây. Hai bên giao chiến, quân Đường đuổi được toán lính kia và bắt sống được một viên tướng nhỏ của Hoài Tây là Đinh Sĩ Lương.

Đinh Sĩ Lương là một dũng tướng, thủ hạ của Ngô Nguyên Tế, nhiều lần dẫn quân xâm phạm Đường Châu. Trong quân Đường đã nhiều người lao đao vì Đinh Sĩ Lương nên rất căm giận Lương. Lần này bắt được, mọi người đều xin Lý Sóc cho giết đi để báo thù cho quân Đường.

Quân lính giải Đinh Sĩ Lương đến trước Lý Sóc. Lý Sóc hạ lệnh nối lỏng dây trói rồi ôn tồn hỏi Lương tại sao lại theo Ngô Nguyên Tế chống lại triều đình. Đinh

Sĩ Lương vốn không phải là quân của Ngô Nguyên Tế mà chỉ là một tù binh bị Ngô Nguyên Tế bắt trước kia. Nay thấy Lý Sóc tỏ ra khoan dung nên xin đầu hàng để lập công chuộc tội.

Với sự giúp đỡ của Đinh Sĩ Lương, Lý Sóc đã chiếm được hai cứ điểm Văn Thành và Hưng Kiều ở Hoài Tây, thu phục được hai hàng tướng là Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa. Lý Sóc biết hai người đó gồm đủ trí dũng nên hết sức tín nhiệm họ, cùng họ bí mật bàn bạc kế hoạch đánh chiếm Thái Châu, có đêm cùng nhau bàn luận, tính toán suốt đêm. Các tướng lĩnh dưới quyền Lý Sóc rất bất mãn về điều đó, xì xào với nhau rằng Lý Hựu là do kẻ địch phái tới chui vào hàng ngũ quân ta để làm nội ứng. Có người còn dựng đứng lên câu chuyện bắt được thám tử địch và chính tên thám tử đó khai rằng Lý Hựu là gián điệp.

Lý Sóc sợ những tin đồn đại đó đến tai Đường Hiến Tông, khiến nhà vua tin đó là sự thật, thì khó mà bảo vệ được Lý Hựu. Ông liền họp mọi người lại tuyên bố: "Mọi người đều cho rằng Lý Hựu không đáng tin cậy, vậy thì ta sẽ cho giải hắn về Trường An để hoàng thượng xử lý."

Ông sai quân lính xích tay chân và đeo gông cho Lý Hựu, giải về Trường An, đồng thời dâng sớ tấu lên triều đình, nói rõ Lý Hựu đã giúp vạch kế hoạch đánh chiếm Thái Châu, nếu giết Lý Hựu thì kế hoạch chiếm Thái Châu không thể thực hiện được.

Đường Hiến Tông xem sớ tấu, liền hạ lệnh tha Lý Hựu và phái trở lại Đường Châu để giúp Lý Sóc.



Lý Hựu về tới Đường Châu, Lý Sóc mừng rỡ nắm tay nói: "Ông được an toàn trở lại, thật là phúc lớn cho nước nhà." Rồi lập tức phong làm tướng, được quyền mang vũ khí ra vào đại doanh. Lý Hựu được biết Lý Sóc dùng hết mọi cách để bảo vệ mình thì xúc động trào rơi nước mắt.

Ít lâu sau, tể tướng Bùi Độ thân tới Hoài Tây đốc chiến. Từ trước tới nay, các cánh quân triều đình đều do hoạn quan làm giám quân, các tướng không có quyền chủ động trong việc chỉ huy. Nếu thắng trận thì công lao thuộc về hoạn quan, thua trận thì các tướng lĩnh bị trị tội. Bùi Độ đến Hoài Tây, thấy tình đó, lập tức tâu lên Đường Huyền Tông triệt bỏ quyền làm giám quân của các hoạn quan. Các tướng lĩnh được biết quyết định đó đều hết sức phấn khởi.

Lý Hựu hiến kế với Lý Sóc: "Tinh binh của Ngô Nguyên Tế đều đóng ở Hồi Khúc (nay ở tây nam Thương Thủy, Hà Nam) và các vùng ven, còn tại Thái Châu chỉ có số ít quân lính già yếu, tàn tật. Chúng ta cần nhăm sơ hở đó, đánh thẳng vào Thái Châu thì sẽ dễ dàng bắt sống được Ngô Nguyên Tế".

Lý Sóc báo cáo kế hoạch đó cho Bùi Độ. Bùi Độ tỏ ý ủng hộ, nói: "Đánh trận cần phải bất ngờ để giành thắng lợi. Cứ theo thế mà làm".

Lý Sóc hạ lệnh cho Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa dẫn ba ngàn tinh binh đi tiên phong, còn tự mình dẫn trung quân và hậu vệ lần lượt xuất phát. Ngoài mấy tướng tiên phong không ai được biết đích tiến quân. Có người đến hỏi Lý Sóc,

Lý Sóc chỉ nói: "Hãy cứ biết tiến quân về phía đông,"

Hành quân sáu mươi dặm, tới thôn Trương Sài. Quân Hoài Tây đóng ở đây không hề phòng bị gì, bị quân tiên phong của Lý Hựu tiêu diệt toàn bộ. Lý Sóc chiếm được thôn Trương Sài, cho quân lính nghỉ một chút, lưu một ít quân lại giữ để cắt đứt đường tới Hồi Khúc. Sau đó, lại tiếp tục cuộc hành quân ngay trong đêm.

Các tướng lại hỏi Lý Sóc về mục tiêu sẽ tới. Lúc đó Lý Sóc mới nói: "Đến Thái Châu, bắt Ngô Nguyên Tế".

Một số tướng đã từng bị Ngô Nguyên Tế đánh bại, nghe thấy lệnh đó thì lo sợ tái mặt. Những hoạn quan đi theo vốn nhát gan, sợ phát khóc, lu loa: "Chúng ta mắc phải gian kế của Lý Hựu rồi".

Đúng lúc đó, gió mỗi lúc càng thổi mạnh, tuyết rơi mỗi lúc dày đặc hơn. Đường từ thôn Trương Sài tới Thái Châu rất nhỏ hẹp, quân Đường lại chưa từng biết, nên binh lính vừa đi vừa kêu ca phàn nàn. Nhưng vì xưa nay Lý Sóc chỉ huy rất nghiêm, nên không ai dám vi phạm mệnh lệnh.

Trong đêm đó, sau chặng hành quân suốt bảy mươi dặm trên đường phủ tuyết dày, đoàn quân tới ngoài thành Thái Châu. May nhờ trên hồ ngoài thành nuôi nhiều vịt và ngỗng, tiếng kêu rộn rã của chúng che lấp được tiếng người ngựa.

Quân Đường dưới sự chỉ huy của Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa khoét các lỗ nhỏ trên tường thành để trèo lên mặt thành. Lính Hoài Tây giữ thành không hề hay biết, vẫn ngủ yên trong các chòi gác, bị quân Đường ập vào giết hết, chỉ giữ lại một tên đánh trống cầm canh

như thường lệ. Sau đó, cửa thành được mở toang. Đại quân Lý Sốc ào ạt tiến vào.

Tới vòng thành phía trong, quân Đường cũng tiến vào theo cách đó, quân Hoài Tây trong đó vẫn không hề hay biết.

Tối lúc gà bắt đầu gáy, trời mờ mờ sáng, tuyết ngừng rơi, quân Đường vào tới phía ngoài dinh của Ngô Nguyên Tế mà Ngô Nguyên Tế vẫn say xưa trong giấc ngủ. Một tên lính hầu cận phát hiện thấy quân Đường đã ở bên ngoài dinh, vội chạy vào báo cáo gấp với Ngô Nguyên Tế.

Ngô Nguyên Tế vẫn nằm trong chăn, uể oải nói: "Dào! Chắc lại mấy tên phạm nhân gây rối. Đợi trời sáng, ta sẽ hạ lệnh hót chúng đi".

Lại một tên khác thở hồng hộc chạy vào lắp bắp: "Chủ tướng! Chủ tướng! Hai vòng thành đều mở toang cả rồi".

Ngô Nguyên Tế lấy làm lạ, nói: "Chắc hẳn quân lính ở hồi Khúc cử người về lĩnh quần áo ấm thôi!"

Nói chưa dứt, đã nghe ngoài tường có tiếng truyền lệnh: "Lệnh của Thường thị đây...! (Thường thị là chức quan của Lý Sốc) tiếp đó là tiếng dạ ran của rất đông quân lính. Ngô Nguyên Tế hoảng sợ vùng dậy, nói: "Thường thị nào thế nhỉ? Sao lại đến sát dinh ta để truyền lệnh?" Sau khi biết là quân Đường, Ngô Nguyên Tế liền vội sai lính cận vệ leo lên bờ tường chống cự.

Lý Sốc nói với tướng sĩ: "Ngô Nguyên Tế còn dám chống cự, vì hẳn còn hy vọng ở một vạn quân ở Hồi Khúc tới cứu viện."

Biết gia đình viên tướng Hoài Tây giữ Hôi Khúc là Đồng Trọng Chất trú tại Thái Châu, Lý Sóc liền tới thăm hỏi rồi phái con trai của Đồng Trọng Chất tới Hôi Khúc khuyên cha đầu hàng. Đồng Trọng Chất thấy cục diện đã ngã ngũ, liền tự tới Thái Châu đầu hàng Lý Sóc.

Lý Sóc hạ lệnh cho quân lính đánh vỡ tường bao quanh dinh, phá cổng ngoài, chiếm kho vũ khí. Ngô Nguyên Tế rút vào tường trong cố thủ. Hôm sau, ông cho đốt cháy cổng phía nam. Nhân dân Thái Châu từng khổ sở vì Ngô Nguyên Tế, đều tấp nập mang rơm củi đến góp. Đồng thời ở các hướng khác quân Đường bắc thang bắn vào sân trong, tên cắm dày đặc như lông nhím.

Suốt một ngày ác chiến, cuối cùng vòng tường trong bị phá vỡ, Ngô Nguyên Tế đành lay lục xin hàng.

Lý Sóc sai nhốt Ngô Nguyên Tế vào xe tù giải về Trường An, đồng thời báo tin thắng trận lên tể tướng Bùi Độ.

Tin Bùi Độ và Lý Sóc bình định Hoài Tây và bắt sống Ngô Nguyên Tế truyền tới Hà Bắc khiến các phiên trấn vùng này hoảng sợ, đều tới tấp tỏ ý xin phục tùng triều đình. Cục diện phản loạn của các phiên trấn thời Đường tạm thời được dẹp yên.

171- HÀN DŨ PHẢN ĐỐI VIỆC RUỐC XƯƠNG PHẬT

Đường Hiền Tông dựa vào Bùi Độ, Lý Sóc, dẹp được cuộc phản loạn ở Hoài Tây, cảm thấy vinh vang vì đã giành được võ công lớn. Ông quyết định dựng một tấm bia ghi công, để kỷ niệm chiến thắng to lớn ấy. Đang băn khoăn tìm chọn một người có văn tài xứng đáng làm công việc đó, thì được biết dưới quyền Bùi Độ có một viên quan Hành quân tư mã tên là Hàn Dũ, sở trường về viết văn, lại đã từng theo Bùi Độ tham gia cuộc chiến ở Hoài Tây. Đường Hiền Tông liền hạ chỉ sai Hàn Dũ khởi thảo "Bình Hoài Tây bi" (bài văn bia về việc đánh dẹp Hoài Tây).

Hàn Dũ là một văn học gia kiệt xuất thời Đường, vốn quê ở vùng Hà Dương (nay là huyện Mạnh, Hà Nam). Ông thấy từ thời Ngụy-Tấn-Nam Bắc triều về sau tập tục, thị hiếu xã hội ngày càng suy đồi, văn phong cũng nặng về hình thức hào nhoáng, các nhà văn chỉ chú trọng trau chuốt chữ nghĩa, gò bó vào biên ngẫu* mà

* thể văn có từng cặp đối nhau về nội dung và âm điệu.

thiếu hẳn tình cảm chân thực. Ông quyết tâm đề xướng việc cải cách văn phong đó, đã viết rất nhiều bài văn gây ảnh hưởng lớn trong văn giới. Chủ trương và thực tiễn sáng tác của ông trên thực tế là một hành động cải cách, nhưng vì ông cũng đồng thời chủ trương kế thừa một số truyền thống của văn thời cổ, nên cuộc vận động do ông đề xướng được gọi là "cổ văn vận động" (cuộc vận động cổ văn)*. Sau này, người ta coi ông và Liễu Tông Nguyên là những người mở đầu "Cuộc vận động cổ văn"**.

Không những giỏi văn chương, ông còn là một đại thần dám can ngăn thẳng thắn. Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ viết "Bình Hoài Tây bi", ông liền làm một việc "đắc tội" với Đường Hiến Tông, suýt chuốc lấy nguy hiểm đến tính mạng.

Nguyên do là vào những năm cuối đời, Đường Hiến Tông rất mê tín Phật giáo. Ông ta nghe nói trong chùa Pháp Môn ở Phượng Tường có một ngôi bảo tháp tên là Hộ quốc chân thân tháp. Trong tháp có thờ một đốt xương, tương truyền là đốt xương ngón tay của Thích Ca Mâu Ni, cứ ba mươi năm mới mở ra một lần cho mọi người vào chiêm ngưỡng, lễ bái. Làm việc đó thì có thể cầu được mưa hoà gió thuận, mọi người bình an.

* Có sách còn dùng chữ "phục cổ vận động" (cuộc vận động phục cổ), dễ gây liên tưởng coi ông là người thuộc phái thủ cựu. Đó là cách gọi không thật thoả đáng đối với Hàn Dũ.

** Ông cũng là người đứng đầu danh sách "Đường - Tống bát đại gia" gồm: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thúc (Đông Pha), Tô Triệt, Vương An Thạch, Tăng Cung.



Đường Hiến Tông tin vào lời đồn đó, liền cử một đoàn gồm ba mươi người đến chùa Pháp Môn, tổ chức một cuộc đón rước long trọng, đưa đốt xương đó về Trường An.

Trước hết, ông để đốt xương đó trong hoàng cung để thờ phụng, sau đó rước ra chùa cho mọi người chiêm ngưỡng. Tất cả vương công đại thần thấy hoàng đế cung kính thành tâm như thế thì dù bản thân tin hay không tin, cũng đều hùa theo. Rất nhiều người tìm mọi cách để tạo được cơ hội tới chiêm ngưỡng xương Phật. Kẻ có tiền thì quỳn góp tiền hương hoả, người không có tiền thì xin những nén hương trong chùa để châm thành vết bỏng trên đầu và cánh tay, coi như biểu lộ lòng thành kính với đức Phật.

Hàn Dũ xưa nay vốn không tin Phật nên càng không tin việc chiêm ngưỡng xương Phật. Ông rất không hài lòng trước việc phô trương lãng phí để rước xương Phật, nên liền dâng lên Đường Hiến Tông một sớ tấu, khuyên can Hiến Tông không nên tiến hành hoạt động mê tín đó. Trong sớ tấu, ông nói: Ở Trung Quốc thời xưa không có Phật, chỉ từ sau thời Hán Minh Đế, đạo Phật mới từ Tây Vực truyền vào. Ông còn nói, trong lịch sử, phàm những vương triều nào tin vào Phật đều có thọ mệnh ngắn, đủ thấy Phật là không đáng tin.

Đường Hiến Tông xem sớ tấu đó, nổi giận đùng đùng, lập tức gọi Tể tướng Bùi Độ tới, nói Hàn Dũ dám phỉ báng triều đình, không thể không xử tội chết.

Bùi Độ vội vàng cầu xin cho Hàn Dũ, Đường Hiến Tông hơi dịu cơn giận, nói: "Hàn Dũ nói trảm tin Phật quá mức, trảm còn có thể khoan thứ cho hắn, nhưng

hắn lại còn nói là hoàng đế nào tin vào Phật thì thọ mệnh đều ngắn. Như thế chẳng phải là hắn rửa trâm hay sao? Chỉ riêng điều đó thôi, trâm đã không thể tha cho hắn".

Sau đó, cũng có nhiều người kêu xin giúp Hàn Dũ, Đường Hiến Tông mới không giết ông, mà chỉ giáng chức, điều ông đi làm thứ sử Triều Châu.

Từ Trường An đi Triều Châu, Hàn Dũ một mình lủi trên đường xa dặm thẳng, xa rời kinh thành hoa lệ, tới nơi biên viễn xa xôi, nỗi lòng đắng cay uất ức, nói sao cho hết.

Đến Triều Châu, ông gặt nỗi buồn về cảnh ngộ bản thân sang một bên để dốc lòng lo toan cho đời sống dân địa phương. Ông triệu tập các quan chức cấp dưới tới, hỏi xem dân chúng địa phương có nỗi khổ gì.

Có người nói: "Nơi đây sản xuất được ít lúa gạo, đời sống nhân dân rất khổ. Ngoài ra, ở Ác Khê (nay là Hàn Giang, Quảng Đông) có một con cá sấu thường bò lên bờ giết hại người và súc vật, nhân dân khổ nhiều vì nó".

Hàn Dũ nói: "Nếu như vậy, ta phải tìm cách trừ khử nó".

Nói như vậy, nhưng Hàn Dũ rút cục là một văn nhân, không biết sử dụng đao cung, làm sao trừ được cá sấu hung dữ? Ông nảy ra một ý, viết một bài "Văn tế cá sấu", sai người đến bờ sông, đọc bài văn tế đó, lại giết một con lợn, một con dê, ném xuống sông cho cá sấu ăn. Trong bài văn tế đó, ông ra lệnh cho cá sấu trong thời hạn bảy ngày phải đi ra biển. Nếu không, sẽ dùng cung cứng tên độc giết chết!

Hàn Dũ vốn không tin Phật, sao lại tin rằng cá sấu có trí khôn để hiểu bài văn tế của ông? Điều đó đương nhiên chỉ là một thủ thuật của ông để làm yên lòng người mà thôi.

Nhưng sự việc diễn ra lại ngẫu nhiên may mắn làm sao, tương truyền sau khi đọc văn tế, con cá sấu không thấy xuất hiện nữa. Nhân dân địa phương cho rằng lệnh đuổi do đại thần được triều đình cử tới đúng là có uy lực mạnh mẽ, đều ca ngợi và yên tâm sản xuất.

Hàn Dũ làm quan ở đó một năm lại được gọi về Trường An, làm việc ở Quốc tử giám (trường học cao cấp nhất thời phong kiến). Cùng năm đó (năm 820), Đường Hiến Tông bị hoạn quan giết chết. Con ông ta là Lý Hằng nối ngôi. Đó là Đường Mục Tông.

172- SỰ KIẾN CAM LỘ

Từ đời Đường Mục Tông các hoàng đế đều do hoạn quan lập nên. Vì vậy, quyền lực hoạn quan càng ngày càng lớn. Ngay đến vận mạng của hoàng đế cũng nằm trong tay chúng thì ai còn dám đối địch với chúng nữa?

Đường Văn Tông Lý Ngang* lên ngôi tới năm thứ hai (828), có tổ chức điện thi tại triều đình. Các cử nhân từ khắp các địa phương trong nước đến dự thi. Có một cử nhân tên là Lưu Phần, đã công khai viết trong bài thi những lời phản đối việc hoạn quan nắm quyền, cho rằng muốn cho nước nhà an định thì phải tước bỏ quyền lực của hoạn quan, giao chính quyền cho Tể tướng, giao binh quyền cho tướng soái.

Quyển thi nộp lên cho quan chấm thi, người nọ truyền người kia xem, đều khen nức nở, thấy không những lời văn hay, mà lập luận lại chặt chẽ, thật là một

* con Mục Tông, làm hoàng đế từ 827 tới 841.

áng văn hiêm có. Nhưng tới lúc quyết định lấy đỗ, thì không ai dám tỏ thái độ, vì nếu lấy cho Lưu Phần đỗ tiến sĩ, sẽ đắc tội với hoạn quan, địa vị của các quan chấm thi sẽ khó lòng giữ được.

Kết quả, toàn bộ hai mươi hai cử nhân cùng thi với Lưu Phần đều đỗ, chỉ riêng Lưu Phần bị rớt. Lưu Phần được mọi người công nhận là nhân tài kiệt xuất. Lần này bị rớt, ai ai cũng thấy thật quá oan uổng. Những cử nhân được lấy đỗ, đều nói: "Lưu Phần bị rớt mà chúng tôi lại đỗ, thật là quá xấu hổ".

Đường Văn Tông sống trong sự thao túng của hoạn quan, cũng rất căm tức. Ông nung nấu ý định tìm cách trừ khử bọn này. Một lần, Đường Văn Tông bị bệnh, cần tìm gấp thầy thuốc. Lúc đó, dưới quyền Vương Thủ Trừng, tên đứng đầu hoạn quan, có một viên quan tên là Trịnh Chú, tinh thông nghề y. Vương Thủ Trừng liền cử Trịnh Chú trị bệnh cho Đường Văn Tông. Đường Văn Tông dùng thuốc của Trịnh Chú, chẳng bao lâu khỏi bệnh. Rất phấn khởi, ông gọi Trịnh Chú vào triều kiến, thấy Chú nói năng lanh lợi, tỏ ra có tài năng, liền phong làm Ngự sử đại phu.

Trịnh Chú có người bạn là Lý Huấn, vốn là một quan chức nhỏ bất đắc chí, nghe tin Trịnh Chú được triều đình trọng dụng, liền đem lễ vật tới xin gặp. Đúng lúc Trịnh Chú đang cần một trợ thủ, thấy Lý Huấn tới, liền xin Vương Thủ Trừng tiến cử Lý Huấn lên Đường Văn Tông. Lý Huấn cũng được Đường Văn Tông trọng dụng, sau này còn được thăng tới chức Tể tướng.

Lý Huấn và Trịnh Chú ngày càng được tin cậy. Do đó, Đường Văn Tông liền thổ lộ với họ ý định muốn trừ bỏ bọn hoạn quan. Hai người bí mật bàn bạc với Đường

Văn Tông, tìm cánh tước bớt quyền lực của Vương Thủ Trừng. Họ dò biết hoạn quan Cừ Sĩ Lương là thủ hạ của Vương Thủ Trừng, nhưng có mâu thuẫn với Vương Thủ Trừng, liền tâu xin Văn Tông phong Cừ Sĩ Lương làm Trung úy trong đội Tả Thân sách*.

Tiếp đó, Lý Huấn với cương vị Tể tướng, xin nhà vua tước bỏ binh quyền của Vương Thủ Trừng. Khi hấn đã không còn binh quyền, Đường Văn Tông liền ban cho một chén rượu độc: Vương Thủ Trừng bị giết.

Trừ được Vương Thủ Trừng rồi, lại phải trừ tiếp Cừ Sĩ Lương, vì chung qui hấn cũng là hoạn quan, lại đang có binh quyền. Sau một thời gian sắp đặt mưu kế, Lý Huấn bắt mối được với tướng Hàn Ước, chỉ huy quân cấm vệ, liền quyết định ra tay. Năm 835, một hôm khi Đường Văn Tông đang lâm triều, thì Hàn Ước lên điện tấu trình, rằng đêm qua, trong vườn phía sau đại sảnh của quân Cấm vệ có một cây thạch lựu xuất hiện cam lộ**.

Vương triều phong kiến vốn rất mê tín cho rằng trời giáng cam lộ là điềm báo điều lành. Lý Huấn lập tức dẫn đầu bá quan văn vũ tung hô "vạn tuế" để chúc mừng phúc lớn của hoàng đế, và mời hoàng đế ngự giá tới vườn sau để xem cam lộ.

Đường Văn Tông lệnh cho tể tướng Lý Huấn đến xem trước. Lý Huấn làm ra vẻ như đã đi xem, sau khi lượn

* Trung úy: chức quan chỉ huy quân cấm vệ, đời Đường do hoạn quan đảm nhiệm. Thân sách quân: Đời Đường là đội quân cấm vệ, phân làm Tả Thân sách và Hữu Thân sách.

** nước sương ngọt, ở Việt Nam, còn đọc thành nước Cam lồ.



một vòng sau vườn, trở lại tâu: "Hạ thần đã đi xem, những sợ rằng đó không phải là cam lộ thật, xin bệ hạ cử người đi kiểm tra lại."

Đường Văn Tông lại hạ lệnh cho Cừu Sĩ Lương dẫn hoạn quan đi xem. Cừu Sĩ Lương gọi Hàn Ước cùng đi. Đến cửa vườn, Hàn Ước quá hồi hộp, mắt mũi xanh xám. Cừu Sĩ Lương phát hiện thấy, lấy làm lạ, hỏi: "Hàn tướng quân, ngài làm sao thế?"

Vừa hỏi xong, thì một cơn gió thổi, làm lật tung tấm rèm vải che dọc lối vào vườn. Cừu Sĩ Lương thấy bên trong mai phục rất nhiều quân lính cầm gươm giáo sáng quắc.

Cừu Sĩ Lương giật mình, vội chạy trở về với Đường Văn Tông. Lý Huấn thấy hắn bỏ chạy, liền hô quân lính đuổi theo. Nhưng Cừu Sĩ Lương nhanh hơn, đã cùng lũ hoạn quan cướp lấy Đường Văn Tông, đưa lên kiệu, chạy vào nội cung.

Lý Huấn đuổi kịp kiệu, giữ chặt không chịu buông, một tên hoạn quan liền xông tới, đánh Lý Huấn ngã quay ra đất. Đường Văn Tông bị lũ hoạn quan nhốt chặt trong nội cung.

Kế hoạch thất bại, Lý Huấn vội mượn áo một tên tiểu lại, hoá trang trốn chạy. Cừu Sĩ Lương lập tức phái quân, tiến hành cuộc truy bắt đại quy mô với những người tham dự mưu mô và giết hại toàn bộ. Lý Huấn tìm mọi cách trốn tránh những không thoát, bị giết trên đường.

Kế hoạch diệt trừ hoạn quan do Hoàng đế, Tể tướng và Ngự sử đại phu Trịnh Chú khổ công vạch ra, do thực

hiện sơ xuất nên đã thất bại thảm hại. Số người có liên quan, bị hoạn quan giết hại lên tới trên một ngàn. Lịch sử gọi sự kiện này là: "Cam lộ chi biến" (sự biến sương ngọt).

Sau sự biến này, Đường Văn Tông hoàn toàn bị đặt dưới sự giám sát của các hoạn quan. Ông vua tù nhân này còn sống lay lắt được năm năm nữa rồi chết trong bệnh tật, đau buồn và uất ức. Cừu Sĩ Lương lập người anh em của Văn Tông là Lý Viên lên làm vua (năm 841). Đó là Đường Vũ Tông.

173- VỤ TRANH CHẤP BÈ PHÁI

Trong thời kỳ hoạn quan nắm quyền, trong triều đình, hễ viên quan nào chống lại chúng đều bị đả kích và loại trừ. Số còn lại đều phải dựa vào hoạn quan, những lại chia làm hai phe cánh, cãi vã tranh chấp nhau liên miên. Tình hình đó kéo dài suốt bốn mươi năm. Lịch sử gọi tình hình này là: "Bằng đảng chi tranh" (Sự tranh chấp bè phái).

Sự tranh chấp này bắt đầu ngay từ thời Đường Hiến Tông tại vị (806-821). Một năm, triều đình mở cuộc thi để tuyển chọn nhân tài dám can gián thẳng thắn. Trong số người tham gia dự thi, có hai quan chức cấp thấp, là Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhu. Trong quyển thi* hai người đều nêu ý kiến phê bình triều chính. Các quan chấm thi xem thấy nội dung bài thi phù hợp với yêu cầu tuyển chọn, liền tiến cử họ lên Đường Hiến Tông.

Tể tướng Lý Cát Phủ biết việc đó, hết sức bực bội. Ông ta vốn là dòng dõi sĩ tộc nhiều đời, xưa nay vốn coi thường những người thuộc giới bình dân, nhờ học hành

* Thời trước, bài viết được "cuộn, cuốn", nên gọi là quyển (quyển, nghĩa là cuốn lại).

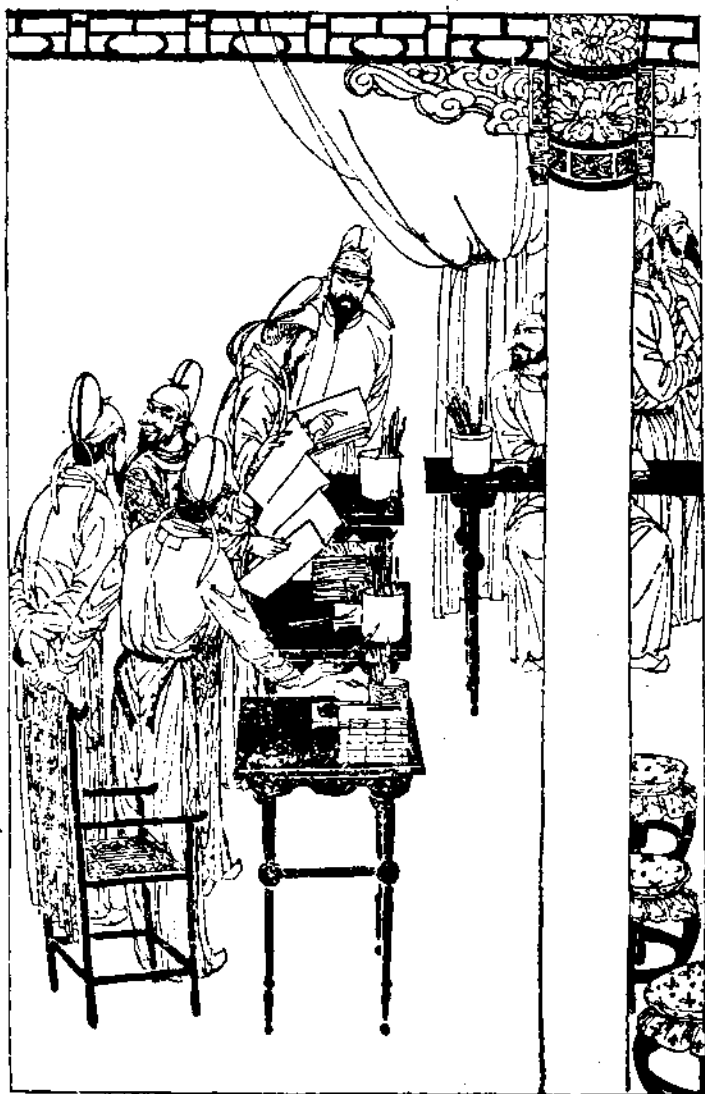
thi cử mà được làm quan. Nay thấy hai kẻ xuất thân hèn kém là Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhụ dám phê bình triều chính, vạch những điểm yếu kém của mình, thì cho là quá xác xược. Ông nói với Đường Hiến Tông, là hai kẻ được tiến cử, hoàn toàn là do có quan hệ tư túi với quan chấm thi. Đường Hiến Tông tin lời, giáng chức ngay các quan chấm thi và không bổ dụng Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhụ.

Sau khi Lý Cát Phủ chết, con là Lý Đức Dụ nhờ địa vị cũ của cha, được phong là Hàn lâm học sĩ. Lúc đó, Lý Tông Mẫn cũng được thăng làm quan trong triều. Lý Đức Dụ vẫn ghi nhớ mối hiềm thù cũ với Lý Tông Mẫn là người đã từng phê phán cha mình.

Khi Đường Mục Tông lên ngôi, lại mở khoa thi tiến sĩ. Có hai vị đại thần có người nhà dự thi, liền đến nói lút trước với quan chấm thi. Quan chấm thi là Tiêu Huy không chịu. Trong khoá đó, một người thân thích của Lý Tông Mẫn được lấy đỗ tiến sĩ. Hai đại thần trên tâu với Đường Mục Tông là Tiêu Huy đã thông đồng, tư túi trong chấm thi. Đường Hiến Tông hỏi Hàn lâm học sĩ. Lý Đức Dụ trả lời là quả có việc đó. Do đó, Tiêu Huy bị giáng chức,

Lý Tông Mẫn cũng bị liên quan, phải biếm trích đi xa.

Lý Tông Mẫn thấy Lý Đức Dụ cố tình dựng chuyện hại mình nên đem lòng căm hận từ đó. Ngưu Tăng Nhụ cũng cùng chung tình cảm với Lý Tông Mẫn. Sau đó, Lý Tông Mẫn, Ngưu Tăng Nhụ và các quan chức xuất thân khoa cử kết lại với nhau thành một phe phái. Lý Đức Dụ cũng cùng các quan chức xuất thân danh gia sĩ tộc kết thành một phe phái khác. Hai bên dùng mọi thủ



đoạn khi ngấm ngấm, lúc công khai bài xích đấu đá với nhau rất kịch liệt.

Đến đời Đường Văn Tông (827-841), Lý Tông Mẫn nhờ chạy chọt theo đường hoạn quan mà làm tới chức Tể tướng. Ông liền tiến cử Ngưu Tăng Nhụ lên Văn Tông và cũng được phong làm Tể tướng. Hai người nắm được quyền lực cao trong triều, liền hợp lực đả kích Lý Đức Dụ, điều Lý Đức Dụ khỏi kinh thành, đi làm Tiết độ sứ Tây Xuyên (trị sở ở Thành Đô, Tứ Xuyên ngày nay)

Lúc đó, vùng giáp Tây Xuyên có nước Thổ Phồn, một tướng Thổ Phồn sang hàng Lý Đức Dụ. Nhân cơ hội đó, Lý Đức Dụ thu phục được một thị trấn quan trọng là Duy Châu (trị sở tại huyện Lý, Tứ Xuyên ngày nay). Điều đó, đáng phải kể là một chiến công của Lý Đức Dụ. Nhưng tể tướng Ngưu Tăng Nhụ lại nói với Đường Văn Tông: "Thu phục được Duy Châu, không đáng kể gì, nhưng làm xấu quan hệ với Thổ Phồn, là một việc sai lầm". Ông xin Đường Văn Tông ra lệnh cho Lý Đức Dụ trả lại Duy Châu cho Thổ Phồn. Việc đó khiến Lý Đức Dụ tức uất người.

Sau đó, có người tâu với Đường Văn Tông rằng trả lại Duy Châu là thất sách, đồng thời nói thêm rằng sự việc đó là thủ đoạn đả kích Lý Đức Dụ của Ngưu Tăng Nhụ. Đường Văn Tông rất hối tiếc, từ đó lạnh nhạt với Ngưu Tăng Nhụ.

Bản thân Đường Văn Tông cũng nằm trong vòng khống chế của hoạn quan, không có chủ kiến trong bất kỳ việc gì, khi thì ngã theo phe Lý Đức Dụ, khi lại ngã theo phe Ngưu Tăng Nhụ. Phái này nắm được quyền thì phái kia khốn khổ. Thế lực hai phái cứ đổi thay như đèn

kéo quân, khiến triều chính rất hỗn loạn. Bản thân Đường Văn Tông không phân biệt được đúng sai, phải trái, nên thấy tình hình đó thì than thở: "Đẹp loạn vùng Hà Bắc còn dễ, chứ đẹp bỏ được bề phái trong triều đình, thật là khó khăn quá!"

Cả hai phái tranh quyền đoạt lợi với nhau đều phải dựa vào hoạn quan, ra sức lấy lòng bọn chúng. Khi Lý Đức Dụ làm Tiết độ sứ Hoài Nam, hoạn quan Giám quân là Dương Khâm Nghĩa được triệu về kinh thành, mọi người đều nói là lần này Dương Khâm Nghĩa về, nhất định sẽ nắm đại quyền. Vì vậy, khi Dương Khâm Nghĩa sắp lên đường, Lý Đức Dụ bày tiệc tiễn đưa long trọng, còn tặng nhiều lễ vật hậu hĩnh. Về tới triều đình, Dương Khâm Nghĩa hết lời tán dương, tiến cử Lý Đức Dụ với Đường Vũ Tông (tên là Lý Viên, làm vua từ 841-847).

Quả nhiên, ít lâu sau, Đường Vũ Tông triệu Lý Đức Dụ về triều, phong làm Tể tướng. Khi đã nắm được quyền lực, Lý Đức Dụ liền trị lại Ngưu Tảng Nhụ và Lý Tông Mẫn, biếm trích họ xuống miền Nam.

Được Vũ Tông tín nhiệm, Lý Đức Dụ làm Tể tướng được mấy năm. Nhưng do chuyên quyền độc đoán, ông ta bị nhiều đại thần oán hận. Năm 846, Đường Vũ Tông bị bệnh mất, các hoạn quan lập chú Vũ Tông là Lý Thâm lên làm vua. Đó là Đường Tuyên Tông. Đường Tuyên Tông loại hết những đại thần dưới thời Vũ Tông. Ngay ngày lên ngôi, ông đã hạ chiếu triệt chức Tể tướng của Lý Đức Dụ. Một năm sau, lại biếm trích Lý Đức Dụ tới Nhai Châu (nay là đảo Hải Nam).

Cuộc tranh chấp bè phái kéo dài bốn mươi năm tới đây kết thúc. Nhưng vương triều Đường trải qua biết bao hỗn loạn không còn bao nhiêu sức sống nữa.

174- XUNG THIÊN ĐẠI TƯỚNG QUÂN HOÀNG SÀO

Cuối triều Đường, qua hỗn chiến phiên trấn, hoạn quan chuyên quyền và các quan trong triều chia bè phái, đấu tranh kèn cựa nhau, nên triều chính hết sức hỗn loạn. Đường Tuyên Tông có thể được coi là một hoàng đế tương đối sáng suốt, những cũng không thể xoay chuyển được cục diện. Sau khi Đường Tuyên Tông mất, hai hoàng đế lần lượt kế vị là Đường Ý Tông Lý Thôi (làm vua từ 860-874) đều say mê hoan lạc, chìm đắm trong cuộc sống xa hoa thối nát tới cực cực. Hoàng thất, quan liêu, địa chủ tăng cường bóc lột nông dân, thuế má ngày càng nặng, lại thêm thiên tai liên tiếp, nông dân phá sản, lưu tán khắp nơi. Nhiều người không chịu nổi cảnh bị bóc lột tàn tệ, liền tổ chức nhau lại, vùng lên phản kháng.

Năm Đường Ý Tông lên ngôi (860), ở vùng Triết Đông, nổ ra cuộc khởi nghĩa từ một trăm người phát triển tới ba vạn, duy trì cuộc chiến đấu suốt tám tháng,

làm rung động cả Việt Châu (trị sở ở Thiệu Hưng, Triết Giang ngày nay).

Tám năm sau, tám trăm binh sĩ đồn trú tại Quế Lâm, vốn đại đa số có quê quán ở Từ Châu, vì đã hết hạn mà quan trên không cho về, liền giết luôn kẻ chỉ huy, cử Bằng Huân làm thủ lĩnh, phát động khởi nghĩa. Họ từ Quế Lâm tiến quân lên phía bắc, tiến về quê hương. Dọc đường tiến quân và vùng quanh Từ Châu, nông dân rầm rộ hưởng ứng. Khi tới Từ Châu, đội ngũ đã phát triển tới hai mươi vạn quân.

Hai cuộc khởi nghĩa trên đều bị quân triều đình đè bẹp, những tinh thần phản kháng của nông dân ngày càng cao, qui mô những cuộc khởi nghĩa sau cũng ngày càng lớn.

Cuối triều Đường, muối bị đánh thuế rất nặng, thương nhân lại đầu cơ nâng cao giá, nên nông dân không có muối ăn, nhiều người phải ăn nhạt. Nhiều nông dân nghèo bỏ việc canh tác vì thuế má nặng, đi làm nghề buôn bán muối để kiếm tiền. Nhưng làm nghề buôn bán muối cũng rất nguy hiểm, phải có nhiều người cùng làm để bênh vực nhau. Do đó, dần dần hình thành rất nhiều đoàn buôn bán muối. Trong số đó có một số thủ lĩnh, sau này sẽ trở thành thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân.

Năm 874, cũng tức là năm Đường Hy Tông lên ngôi, ở Bộc Châu (trị sở ở huyện Phạm, Hà Nam ngày nay) có một thủ lĩnh dân buôn muối là Vương Tiên Chi tụ tập mấy ngàn nông dân nổi lên khởi nghĩa ở Trường Đản (thuộc Hà Nam ngày nay). Vương Tiên Chi tự xưng là Thiên bổ bình quân Đại tướng quân, tuyên cáo, vạch trần tội ác của quan lại triều đình tạo nên cảnh chênh

lệnh giàu nghèo quá đáng. Lời tuyên cáo nhanh chóng được nông dân nghèo khổ hưởng ứng. Không lâu sau, ở Oan Cư (nay ở phía bắc huyện Tào, Sơn Đông), một người buôn muối tại địa phương là Hoàng Sào cũng khởi binh hưởng ứng.

Hoàng Sào từ nhỏ được học hành, lại biết cưỡi ngựa bắn cung. Ông từng đến Trường An thi tiến sĩ mấy lần, nhưng đều không đỗ. Ở Trường An, được tận mắt chứng kiến cảnh hủ bại và đen tối của triều đình, ông rất phẫn nộ. Tương truyền, trong thời gian đó ông đã viết bài thơ "vịnh hoa cúc", dùng hoa cúc để ẩn dụ, nói lên quyết tâm lật đổ và lên thay triều Đường.

Thơ viết:

*"Đài đặc thu lai cứu nguyệt bát
Ngã hoa khai thời bách hoa sát.
Xung thiên hương trận thấu Trường An
Mãn thành tận đài "hoàng kim giáp"*

Dịch:

*Đội đến mùa thu, tháng tám chín,
Hoa ta nở ra, mọi hoa chết.
Hương thơm ngút trời đắm Trường An,
Toàn thành đều khoác áo vàng rực.*

Sau khi hai đội quân khởi nghĩa của Vương Tiễn Chi và Hoàng Sào hội hợp với nhau, hoạt động suốt dải Sơn Đông, Hà Nam, liên tiếp đánh chiếm nhiều châu huyện, thanh thế mỗi ngày một lừng lẫy. Vương triều Đường vô cùng hoảng sợ, ra lệnh cho tướng lĩnh các địa phương trấn áp quân khởi nghĩa. Nhưng phiên trấn các nơi đều

sợ giao chiến với quân khởi nghĩa, nơi này trông chờ nơi kia, triều đình cũng không biết làm cách nào.

Không có sức đàn áp, triều Đường liền xoay sang biện pháp xoa dịu, mua chuộc. Trong lúc quân khởi nghĩa đánh chiếm Kỳ Châu (nay là Kỳ Xuân, Hồ Bắc) triều đình liền cử hoạn quan đến Kỳ Châu gặp Vương Tiên Chi, phong ông làm "Tả Thần sách quân Áp nha kiêm Giám Sát ngự sử". Vương Tiên Chi thấy được làm quan thì mê muội đầu óc, tỏ ý sẵn sàng nhận chức.

Hoàng Sào được tin, hết sức giận dữ, lập tức dẫn một số tướng sĩ đến gặp Vương Tiên Chi, mắng nhiếc thậm tệ, nói: "Khi bắt đầu khởi nghĩa, đã cùng nhau thề là sẽ đồng tâm hiệp lực để bình định thiên hạ. Nay người muốn ra làm quan, bỏ rơi anh em chúng ta sao?"

Vương Tiên Chi chưa kịp phân trần, Hoàng Sào đã vung nắm đấm xông vào đánh, khiến Vương Tiên Chi máu me đầy mặt. Các tướng sĩ nghĩa quân đứng xung quanh đều nhao nhao trách mắng Vương Tiên Chi. Thấy sai lầm, Vương Tiên Chi phải nhận lỗi trước nghĩa quân và đuổi viên hoạn quan đi.

Qua sự kiện đó, Hoàng Sào quyết định chia quân với Vương Tiên Chi, mỗi người tiến đánh một hướng: Vương Tiên Chi tiến về phía tây, Hoàng Sào tiến về phía đông. Không lâu sau, cánh quân của Vương Tiên Chi bị quân Đường đánh bại ở Hoàng Mai (thuộc địa phận Hồ Bắc ngày nay). Bản thân Vương Tiên Chi bị giết.

Sau thất bại đó, lực lượng nghĩa quân qui tụ xung quanh Hoàng Sào, mọi người tôn Hoàng Sào làm thủ lĩnh, xưng hiệu là Xung thiên đại tướng quân.

Lúc đó, lực lượng quân triều đình ở Trung Nguyên tương đối mạnh. Khi quân khởi nghĩa tiến công Hà Nam, quân triều đình tập trung binh lực lớn gần Lạc Dương, chuẩn bị bao vây tiêu diệt nghĩa quân. Hoàng Sào biết ý định đó liền chọn khu vực quân triều đình mỏng yếu nhất, dẫn quân xuống miền Nam. Họ nhanh chóng vượt Trường Giang, đánh tới Triết Đông. Thế quân khởi nghĩa như chẻ tre, liên tiếp đánh chiếm Việt Châu, Cù Châu (nay là huyện Cù, Triết Giang). Sau đó, lại đục xuyên bảy trăm dặm đường núi, mở thông đường từ Cù Châu đến Kiến Châu (nay là Kiến Âu, Phúc Kiến). Qua hơn một năm rong ruổi, nghĩa quân đánh tới Quảng Châu.

Sau khi nghỉ ngơi chỉnh đốn ở Quảng Châu, miền Lĩnh Nam xảy ra nạn dịch.

Hoàng Sào quyết định đem quân tiến lên phía bắc. Triều Đường lệnh cho Tiết độ sứ Kinh nam là Vương Đạc cùng Tiết độ sứ Hoài Nam là Cao Biền hợp quân lại chặn đường. Quân khởi nghĩa lần lượt đánh bại hai đạo quân đó rồi vượt Trường Giang, Cao Biền sợ hãi, lấy cớ bị trúng phong, ở tịt trong thành Dương Châu không dám ra ứng chiến.

Quân khởi nghĩa vượt qua Hoài Hà, truyền hịch cho các tướng triều đình: "Chúng ta tiến công kinh thành, chỉ hỏi tội hoàng đế, không động chạm tới người khác. Các người ai giữ địa giới người ấy, chớ có xúc phạm tới oai vũ quân ta!"

Tướng lĩnh các nơi nhận được hịch truyền đều sợ hãi, chỉ muốn giữ gìn thực lực, không muốn dốc sức vì triều

Đường. Tin tức truyền tới Trường An, Đường Hiến Tông sợ hãi khóc suốt suốt trước các triều thần.

Năm 880, Hoàng Sào dẫn 60 vạn đại quân, rầm rộ tới trước Đồng Quan. Khắp núi non đồng ruộng bên ngoài Đồng Quan đều phủ rợp cờ mầu trắng của quân khởi nghĩa. Quan quân giữ thành lúc đầu toan cố giữ, Hoàng Sào thân tới trước trận đốc chiến, tướng sĩ quân khởi nghĩa thấy Hoàng Sào, đều hoan hô vang dậy, tiếng hò reo vang dội khắp núi, nghe như trời rung đất chuyển. Quân triều đình kinh hồn mất vía, sợ hãi đốt bỏ doanh trại rồi ôm đầu chạy trốn.

Quân khởi nghĩa chiếm được Đồng Quan, khiến triều đình kinh hoàng hoảng loạn. Đường Huy Tông và đầu sỏ hoạn quan Điện Lệnh Tư dẫn các phi tần và hoàng thất chạy vào Thành Đô. Các quan triều đình không kịp chạy trốn, đều ra ngoài thành đầu hàng.

Chiều hôm đó, Hoàng Sào ngồi trên kiệu vàng, có các tướng hộ vệ, tiến vào thành Trường An. Trăm họ trong kinh thành, già trẻ lớn bé dắt díu nhau đứng chật đường đón chào. Đại tướng nghĩa quân Thượng Nhượng tuyên bố trước dân chúng: "Hoàng Vương khởi binh là vì trăm họ, chứ không ngược đãi dân chúng như họ Lý (họ của hoàng đế triều Đường). Trăm họ hãy an cư lạc nghiệp." Binh sĩ của nghĩa quân thấy dân chúng nghèo khổ quá, đều đem chia cho họ những tài sản lấy được.

Mấy hôm sau, Hoàng Sào lên ngôi hoàng đế ở Cung Đại Minh trong thành Trường An, đổi quốc hiệu là Đại Tề. Trải qua bảy năm chiến đấu, cuối cùng quân khởi nghĩa đã giành được thắng lợi.

Nhưng quân khởi nghĩa Hoàng Sào do tác chiến lưu động dài ngày, không để quân lại đóng giữ tại những vùng đã chiếm được. Sau khi mấy chục vạn quân khởi nghĩa tiến vào Trường An, khắp vùng xung quanh vẫn còn thế lực quân Đường. Chẳng bao lâu sau, triều Đường điều binh mã các nơi về bao vây Trường An. Việc cung cấp lương thực cho Trường An gặp khó khăn nghiêm trọng.

Hoàng Sào phái đại tướng Chu Ôn giữ Đồng Châu (nay là Đại Lệ, Thiểm Tây). Nhưng, trong lúc quân khởi nghĩa gặp khó khăn nhất, thì Chu Ôn đầu hàng triều Đường, trở thành tên phản bội nhục nhã. Triều Đường lại mời lực lượng dân tộc thiểu số Sa Đà (một dân tộc ở Tây bắc Trung Quốc thời cổ) hợp sức với Tiết độ sứ Nhận Môn Lý Khắc Dụng dẫn bốn vạn kỵ binh tiến công Trường An. Mười lăm vạn nghĩa quân nghênh chiến, nhưng bị đại bại, đành phải rút khỏi Trường An.

Hoàng Sào dẫn quân khởi nghĩa lui tới Hà Nam, lại bị Chu Ôn và Lý Khắc Dụng vây đánh. Năm 884, sau khi thất bại trong trận tiến đánh Trần Châu (nay là Hoài Dương, Hà nam), Hoàng Sào bị quan quân đuổi riết và cuối cùng đã hy sinh anh dũng ở Lang Hồ Cốc thuộc dãy Thái Sơn.

175- NGÀY TÀN CỦA TRIỀU ĐƯỜNG

Sau khi khởi nghĩa Hoàng Sào thất bại, Đường Hy Tông trở về Trường An. Lúc này, chính quyền trung ương của triều Đường chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Phiên trấn các vùng đều mở rộng thế lực trong quá trình trấn áp quân khởi nghĩa, giành giật địa bàn với nhau, hình thành rất nhiều thế lực cát cứ to nhỏ khác nhau. Trong số đó, có hai lực lượng lớn mạnh nhất là Tiết độ sứ Hà Đông Lý Khắc Dụng và Tiết độ sứ Tuyên Vũ (trị sở nay ở Khai Phong, Hà Nam) Chu Ôn.

Chu Ôn xuất thân trong một gia đình nghèo, từ nhỏ là kẻ du thủ du thực. Trong số ba anh em, hắn là kẻ hung ác và gian trá nhất. Sau khởi nghĩa Hoàng Sào, hắn tham gia nghĩa quân, được Hoàng Sào trọng dụng và được trao chỉ huy một đội quân lớn. Đến giờ phút nguy cấp nhất, hắn trở cò, dẫn đơn vị đầu hàng quân Đường và đóng vai trò đặc lực trong việc giúp triều Đường đàn áp nghĩa quân. Đường Hy Tông thưởng cho Chu Ôn quan cao lộc hậu và còn ban cho hắn một cái tên đẹp: "Toàn Trung" (hết lòng trung. Từ đó, Chu Ôn cũng được gọi là Chu Toàn Trung) rồi cử hắn dẫn quân đàn áp quân khởi nghĩa.



Khi Hoàng Sào lui từ Trường An đến Hà Nam, binh lực còn rất mạnh. Quân khởi nghĩa tiến đánh Biện Châu (Khai Phong ngày nay), trị sở của Tuyên Vũ, thuộc quyền Tiết độ sứ Chu Ôn. Núng thế, Chu Ôn liền cầu cứu Lý Khắc Dụng. Lý Khắc Dụng đem quân tới, đánh bại quân khởi nghĩa, rồi vào thành Biện Châu. Chu Ôn nảy ra mưu độc, vỡ bày tiệc chiêu đãi ân nhân, chuốc rượu cho Lý Khắc Dụng say tuý lúy rồi đem quân vây chặt nhà khách, toan giết Lý Khắc Dụng. Dụng được mấy thân binh liều mình cứu thoát, phá vây chạy ra được. Từ đó, Lý Khắc Dụng thâm thù Chu Ôn. Hai lực lượng cát cứ đó đánh nhau kịch liệt. Về sau, lực lượng Chu Ôn ngày càng mạnh, Lý Khắc Dụng phải lui về thế thủ, cố sao giữ vững được vùng Hà Đông.

Sau khi Đường Hy Tông chết, em ông ta là Đường Chiêu Tông Lý Diệp muốn dựa vào triều thần để chống lại hoạn quan, nhưng nhiều lần không thành công. Sau đó, bọn hoạn quan giam lỏng Đường Chiêu Tông lại và lập hoàng đế khác.

Sự kiện đó đã tạo cơ hội tốt cho kẻ luôn ấp ủ dã tâm như Chu Ôn. Hắn liền cử thân tín lên về Trường An, bí mật bàn kế hoạch với Tể tướng Thôi Dậu. Thôi Dậu có chỗ dựa là lực lượng vũ trang của Chu Ôn, liền đem quân giết tên đứng đầu hoạn quan là Lưu Quý Thuật, đón Đường Chiêu Tông về lại ngôi hoàng đế.

Đường Chiêu Tông và Thôi Dậu còn muốn giết hết hoạn quan. Bọn này liền dựa vào lực lượng của Lý Mậu Trinh, Tiết độ sứ Phụng Tường, cướp lấy Đường Chiêu Tông đem đi Phụng Tường.

Thôi Dậu cầu cứu Chu Ôn. Chu Ôn liền đem quân tiến công Phụng Tường, yêu cầu Lý Mậu Trinh trao

trả Đường Chiêu Tông. Binh lực của Lý Mậu Trinh yếu hơn Chu Ôn nên liên tiếp thua trận. Quân Chu Ôn vây chặt Phượng Tường. Trong thành hết lương thực, lại gặp mùa đông, tuyết xuống nhiều, quân lính và dân trong thành chết đói và chết rét nhiều không kể xiết. Lý Mậu Trinh kế cùng, lực kiệt, đành phải đầu hàng.

Chu Ôn chiếm được Phượng Tường, cướp lại được Đường Chiêu Tông, đem về Trường An. Từ đó, quyền lực trong triều từ tay hoạn quan chuyển sang tay Chu Ôn, số phận Đường Chiêu Tông càng thảm hại hơn trước.

Sau khi nắm được đại quyền, Chu Ôn liền giết sạch hoạn quan rồi ép Đường Chiêu Tông dời đô đi Lạc Dương. Khi rời khỏi Trường An, hấn hạ lệnh dỡ hết cung điện, dinh quan và nhà dân, chuyên chở vật liệu đi Lạc Dương, đồng thời buộc toàn thể quan lại và dân chúng đều phải tới Lạc Dương. Nhân dân Trường An dắt díu người già, trẻ nhỏ buộc phải lên đường dưới sự đốc thúc của quân lính. Suốt đường dài vang dậy tiếng kêu khóc và nguyên rủa của dân chúng.

Đường Chiêu Tông đến Lạc Dương, muốn bí mật triệu phiên trấn các địa phương đến cứu, nhưng chưa chờ được tới lúc đó thì đã bị Chu Ôn giết chết. Sau đó, Chu Ôn lập một thằng bé mới 13 tuổi lên làm hoàng đế bù nhìn. Đó là Đường Chiêu Tuyên Đế, sau cũng còn gọi là Ai Đế.

Hoạn quan đã hết, hoàng đế thực sự cũng đã hết, nhưng còn lại quý tộc và đại thần cũ của triều Đường. Mutu sĩ của Chu Ôn nói với hấn: "Bọn này rất khó đối phó. Muốn tính chuyện lớn, thì phải tổng cổ hết chúng đi".

Một mưu sĩ khác tên là Lý Chấn, có biệt hiệu "Chim ung đầu mèo", vì không thi đỗ tiến sĩ nên thâm thù các đại thần. Hắn nói với Chu Ôn: "Bọn này thường ngày tự cho là thanh cao, tự gọi mình là "thanh lưu" (dòng nước trong), nên ném tất cả chúng xuống "trọc lưu" (dòng nước đục - ý nói dòng Hoàng Hà) cho rảnh!" Chu Ôn liền làm theo lời hắn, trong một đêm tối trời, tập trung tất cả 39 đại thần lại, giết hết rồi vất xác xuống Hoàng Hà.

Năm 907, Chu Ôn phế Đường Chiêu Tuyên Đế, tự lập làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là Lương, đóng đô ở Biện Kinh (tức Biện Châu, tức Khai Phong, Hà Nam ngày nay). Tên phản bội Chu Ôn trở thành Lương Thái Tổ. Triều Đường từng thống trị Trung Quốc gần ba trăm năm, tới đây chấm dứt.

NIÊN BIỂU CÁC SỰ KIỆN LỚN

TẬP 2

Năm nguyên	208	Công	- Trần Xích Bích, liên quân Lưu Bị - Tôn Quyền đại phá Quân Tào
Năm nguyên	214	Công	- Lưu Bị đánh chiếm Ích Châu
Năm nguyên	220	Công	- Tào Tháo chết, Tào Phi xưng đế, lấy quốc hiệu là Ngụy, Đông Hán diệt vong.
Năm nguyên	221	Công	- Lưu Bị xưng đế, lấy quốc hiệu là Hán, sử gọi là Thục Hán
Năm nguyên	222	Công	- Trần Di Lăng (Hào Đình) Lưu Bị thua Lục Tốn
Năm nguyên	225	Công	- Gia Cát Lượng bình định Nam Trung, Bảy lần bắt Mạnh Hoạch
Năm nguyên	229	Công	- Tôn Quyền xưng đế lấy quốc hiệu là Ngô
Năm nguyên	234	Công	- Gia Cát Lượng đóng quân Ngũ Trượng Nguyên, sau đó ốm rồi chết
Năm nguyên	249	Công	- Tư Mã giết Tào Sảng

Năm 263	Công nguyên	- Chung Hội, Đặng Ngải đánh Thục. Thục diệt vong
Năm 265	Công nguyên	- Tư Mã Viêm phế truất Ngụy đế, Kiến lập Tây Tấn, Ngụy diệt vong
Năm 280	Công nguyên	- Đỗ Dự, Vương Tuấn dẹp Ngô. Ngô diệt vong
Năm 291 - 306	Công nguyên	- Loạn Bát Vương
Năm 301	Công nguyên	- Người tộc Đế Lý Dặc thống lĩnh lưu binh khởi nghĩa
Năm 308	Công nguyên	- Người Hung Nô Lưu Uyên xưng đế
Năm 316	Công nguyên	- Hung Nô Lưu Diêu đánh chiếm Trường An, Tây Tấn diệt vong
Năm 317	Công nguyên	- Tư Mã Ý lên ngôi ở Kiến Khang. Mở đầu nhà Đông Tấn
Năm 319	Công nguyên	- Người tộc Kiệt, Thanh Lặc xưng Triệu vương
Năm 354	Công nguyên	- Hoàn Ôn bắt phạt đến Bái Thượng
Năm 376	Công nguyên	- Tiền Tần, Phù Kiên thống nhất phương Bắc

Năm 383 nguyên	Công	- Trần Phì Thủy, Phù Kiên mở cuộc đại tấn công Đông Tấn, bị đại bại
Năm 399 nguyên	Công	- Tôn Ân khởi nghĩa
Năm 420 nguyên	Công	- Lưu Du kiến lập triều Tống (Lưu Tống), Đông Tấn diệt vong. Bắt đầu Nam Bắc triều
Năm 439 nguyên	Công	- Bắc Ngụy thống nhất phương Bắc
Năm 462 nguyên	Công	- Tổ Xung Chi làm ra lịch Đại Minh
Năm 479 nguyên	Công	- Tiêu Đạo Thành xưng đế, kiến lập Nam Tề; Tống diệt vong
Năm 493 nguyên	Công	- Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế dời đô về Lạc Dương
Năm 502 nguyên	Công	- Tiêu Diễn xưng đế, kiến lập triều Lương. Nam Tề diệt vong
Năm 523 nguyên	Công	- Lục Trán khởi nghĩa
Năm 534 nguyên	Công	- Bắc Ngụy phân liệt thành Tây Ngụy và Đông Ngụy
Năm 548 - 552 nguyên	Công	- Loạn Hầu Cảnh

Năm nguyên	550	Công	- Cao Dương kiến lập Bắc Tề Đông Ngụy diệt vong
Năm nguyên	557	Công	- Trần Bá Tiên xưng đế, kiến lập triều Trần. Nhà Lương diệt vong. Vũ Văn Giáp kiến lập Bắc Chu. Tây Ngụy diệt vong
Năm nguyên	581	Công	- Dương Kiên xưng đế, kiến lập triều Tùy. Bắc Chu diệt vong
Năm nguyên	589	Công	- Tùy diệt Trần, thống nhất Trung Quốc
Năm nguyên	605	Công	- Tùy lập Đông Đô, khai thông Đại Vận Hà
Năm nguyên	611	Công	- Cuối đời Tùy, các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân bắt đầu
Năm nguyên	613	Công	- Tùy Dạng Đế hai lần tiến đánh Cao Ly bị thất bại. Dương Huyền Cầm chống Tùy
Năm nguyên	617	Công	- Quân Ngột Oa Cương chiếm Lạc Thuận. Lý Uyên khởi binh ở Thái Nguyên
Năm nguyên	618	Công	- Lý Uyên xưng đế, kiến lập triều Đường. Tùy Dạng Đế bị giết. Nhà Tùy diệt vong
Năm nguyên	621	Công	- Lý Thế Dân bình định Đông Đô

Năm nguyên	626	Công	- Cuộc biến ở Huyền Vũ môn, Đường Thái Tông lên ngôi
Năm nguyên	629	Công	- Huyền Trang đi Thiên Trúc lấy kinh
Năm nguyên	630	Công	- Đường diệt đông Đột Quyết. Các vị chúa các tộc tôn xưng Đường Thái Tông là "Thiên Khả Hãn".
Năm nguyên	641	Công	- Công chúa Đường Văn Thành kết hôn với Tùng Tân Can Bố
Năm nguyên	683	Công	- Đường Cao Tông chết, Võ Tắc Thiên lâm triều
Năm nguyên	690	Công	- Võ Tắc Thiên xưng đế, đổi quốc hiệu là Chu
Năm nguyên	712	Công	- Đường Huyền Tông lên ngôi, năm sau phong cho Diêu Sùng làm tể tướng
Năm nguyên	755	Công	- An Lộc Sơn làm loạn, Nhan Quả Khanh, Nhan Chân Khanh phát binh chống lại
Năm nguyên	757	Công	- Trương Tuần, Hứa Viễn giữ Tuy Dương. Quách Tử Nghi lấy lại Trường An, Lạc Dương
Năm nguyên	762	Công	- Thi nhân Lý Bạch chết

Năm nguyên	763	Công	- Loạn An Sử kết thúc
Năm nguyên	770	Công	- Thi nhân Đỗ Phủ chết
Năm nguyên	783	Công	- Loạn Chu Thù
Năm nguyên	805	Công	- Vương Thúc Văn cải cách (Vĩnh Trình cách tân)
Năm nguyên	817	Công	- Bùi Độ, Lý Sóc bình định Hoài Tây (tây An Huy)
Năm nguyên	824	Công	- Văn học gia Hàn Dũ chết
Năm nguyên	835	Công	- Sự biến Cam Lộ
Năm nguyên	846	Công	- Thi nhân Bạch Cư Dị chết
Năm nguyên	874	Công	- Vương Tiên Chi khởi nghĩa
Năm nguyên	880	Công	- Hoàng Sào tiến vào Trường An, kiến lập chính quyền Đại Tề
Năm nguyên	907	Công	- Chu Ôn xưng đế, kiến lập nhà Hậu Lương - Triều Đường diệt vong, bắt đầu thời kỳ Ngũ đại

THỜI KỲ TÂY SƠN
(Năm 262)

The map illustrates the territorial divisions and military movements during the 26th year of the Tay Son dynasty. Key locations and regions labeled include:

- Regions and Provinces:** Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Hòa, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh.
- Major Cities and Towns:** Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh.
- Geographical Features:** The map shows the coastline of Vietnam, the Gulf of Tonkin, and the borders with China to the north and Laos to the west.

CHÚ THÍCH

- Thủ lĩnh các nước Thái, Tạng quốc
- x — Biên giới các nước Thái, Tạng quốc
- — — — — Ranh giới các châu
- — — — — Biên giới Trung quốc hiện nay

Thủ đô các nước thế giới

Biên giới các nước thế giới

Ranh giới các châu

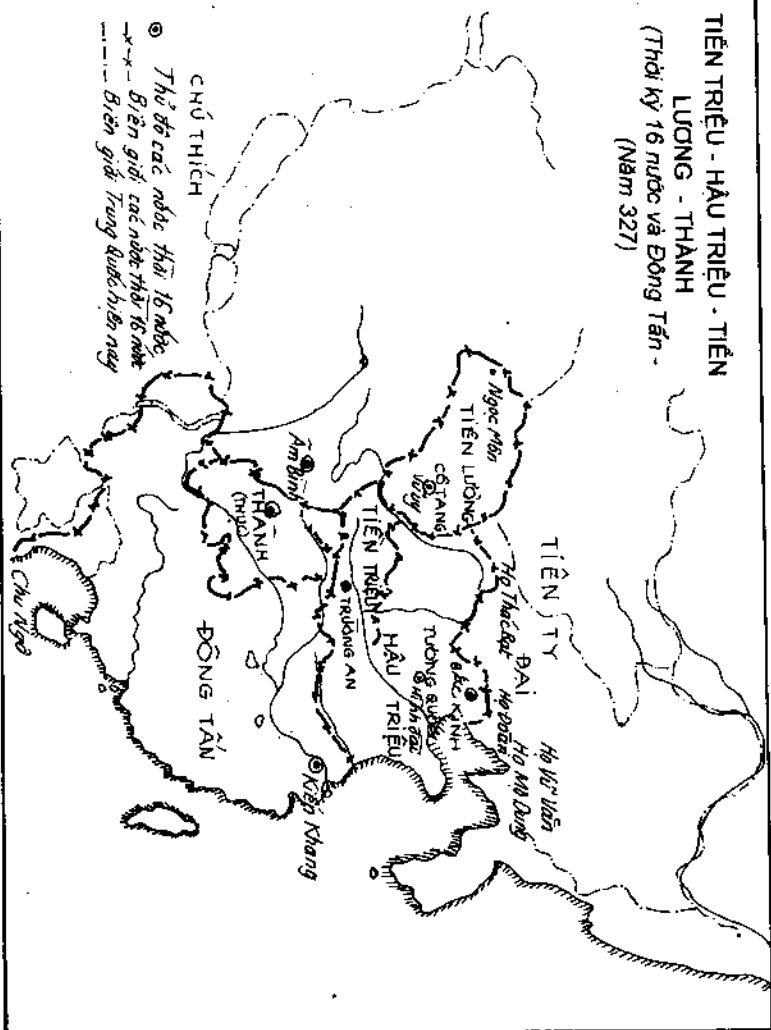
Biên giới Trung quốc hiện nay

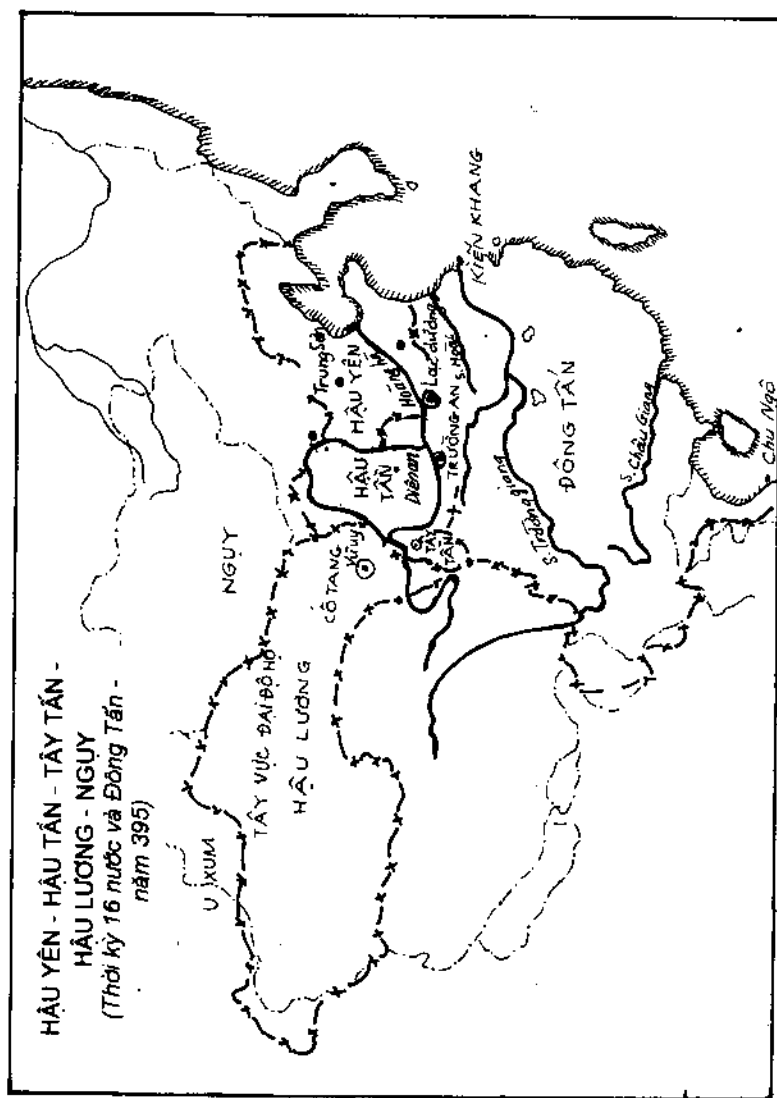
20. Thủ đô các nước thế kỉ quốc

---x---x--- *Biếng nhác có nhà thờ*
 ---x---x--- *Đầu tiên có nhà thờ*

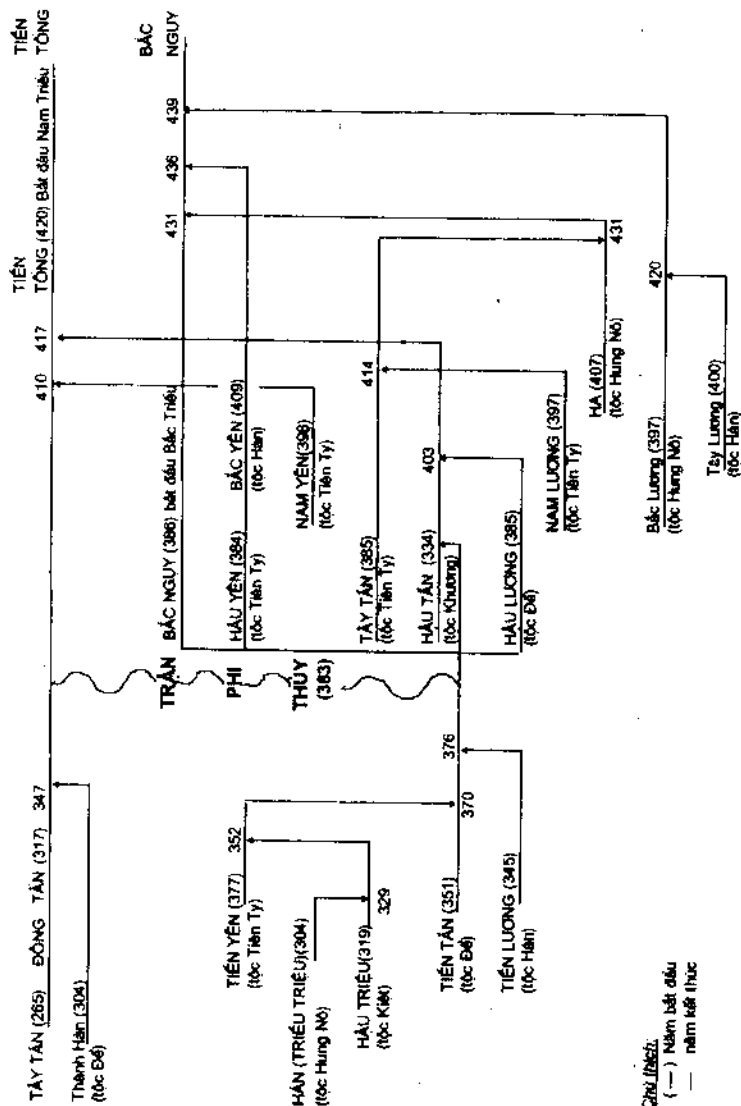
----- Biển đỏ Trung quốc hiện nay.

**TIỀN TRIỀU - HẬU TRIỀU - TIỀN
LƯƠNG - THÀNH**
(Thời kỳ 16 nước và Đông Tấn -
(Năm 327)





DIỄN BIẾN NGŨ HỒ THẬP LỤC QUỐC



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
93- Chu Du đánh hoả công ở Xích Bích	3
94- Hoa Đà trị bệnh	9
95- Lưu Bị vào Ích Châu	15
96- Thái Văn Cơ về Hán	21
97- Quan Vũ dim bảy đạo quân	26
98- Lã Mông áo trắng qua sông	32
99- Tào Thực bảy bước thành thơ	39
100- Lục Tốn thiêu cháy trại quân Lưu Bị	46
101- Bảy lần bắt Mạnh Hoạch	53
102- Mã Tốc để mất Nhai Đình	60
103- Khổng Minh mất ở gò Ngũ Trượng	67
104- Tư Mã Ý giả ốm	75
105- Dã tâm của Tư Mã Chiêu	82
106- Đặng Ngải ngầm vượt Kiếm Các	87
107- A Đẩu đón hèn	93
108- Vương Tuấn dùng lâu thuyền đánh Ngô	97
109- Thạch Sùng, Vương Khải thi giấu có	103
110- Chu Xứ trừ "tam hại"	108
111- Một hoàng Đế ngây ngô	114
112- Tám vương hỗn chiến	119
113- Lý Đặc lập trại cho dân lưu tán	128

114- Người Hung Nô xưng làm Hán Đế	134
115- Lưu Côn lập chí cứu nước	140
116- Họ Vương giúp họ Tư Mã	145
117- Thạch Lặc đọc Hán Thư	150
118- Tổ Dịch vượt sông bắc phạt	155
119- Đào Khản tập khuân gạch	161
120- Nhà thư pháp Vương Hy Chi	166
121- Hoàn Ôn bắc phạt	171
122- Vương Mãnh nghèo khó, tài cao	176
123- Phù Kiên không nghe lời can gián	182
124- Tạ An lại ra làm quan	188
125- Trần Phì Thuỷ	194
126- Đào Uyên Minh không chịu khom lưng	202
127- Lưu Dụ bày trận	208
128- Đàn Đạo Tế đóng cát giả làm lương	213
129- Cao Doãn trung thực	219
130- Đại phát mệnh gia Tổ Xung Chi	225
131- Phạm Chấn chống mê tín	230
132- Ngụy Hiến Văn Đế cải cách phong tục	235
133- Bắc Ngụy phân liệt	241
134- Lương Vũ Đế làm hoà thượng	247
135- Hầu Cảnh, kẻ phản phúc	252
136- Trần Hậu Chủ hưởng lạc mất nước	258
137- Triệu Xước làm việc theo pháp luật	264
138- Tùy Dạng Đế chơi Giang Đô	271
139- Lý Mật đọc sách trên lưng trâu	278

140- Quân Ngô Cương phá kho, chia lương thực	284
141- Lý Uyên khởi binh ở Thái Nguyên	290
142- Lý Thế Dân chiếm Đông Đô	297
143- Sự biến của Huyền Vũ	305
144- Ngụy Trưng can ngăn thẳng thắn	311
145- Lý Tịch tập kích Âm Sơn	318
146- Hoà thượng Huyền Trang đi lấy kinh	324
147- Công chúa Văn Thành vào Thổ Phồn	332
148- Nữ hoàng đế Võ Tắc Thiên	338
149- Mời ngài vào trong chum	343
150- Địch Nhân Kiệt phát hiện nhân tài	349
151- Trương Duyệt không làm chứng gian	355
152- Diêu Sùng diệt châu châu	360
153- Lý Lâm Phủ gian ngoan, hiểm độc	366
154- Lý Bạch coi thường quyền quý	372
155- An Lộc Sơn nổi loạn	379
156- Nhan Quà Khanh mắng giặc	386
157- Binh biến ở Mã Ngôi	392
158- Trương Tuấn làm người cò mượn tên	399
159- Nam Tề Văn mượn quân	404
160- Lý Tiết trở về núi	411
161- Lý Quang Bát đại phá Sử Tư Minh	417
162- Đỗ Phủ viết "thi sử"	424
163- Đoàn Tú Thực không sợ cường bạo	430

164- Quách Tử Nghi một mình một ngựa đuổi quân Hồi Hột	436
165- Nhan Chân Khanh kiên cường bất khuyết	442
166- Hồn Châm và Lý Thanh	447
167- Người đánh cờ giỏi trong Đông Cung	454
168- Lưu Vũ Tích thăm Huyền Đô quán	460
169- Bạch Cư Dị tới Trường An	466
170- Lý Sóc hạ Thái Châu trong đêm tuyết xuống	473
171- Hàn Dũ phản đối việc rước xương Phật	481
172- Sự kiện Cam Lộ	487
173- Vụ tranh chấp bè phái	493
174- Xung thiên Đại tướng quân Hoàng Sào	499
175- Ngày tàn của triều Đường	506

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

5.000 NĂM

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:
QUANG HUY

Biên tập: NGUYỄN QUỐC

Sửa bản in: NGÂN THANH

Vẽ bìa: VĂN SÁNG

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm. Tại Xưởng in Báo Người
Hà Nội. Giấy phép 28/CXB - 30 - VH TT, cấp ngày
30/3/1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 - 1997.

LỊCH SỬ
TRUNG QUỐC
5000 NĂM